



Dấu xưa, vui Lành

Có một loại phong nhã
suốt tuổi hoa

Bạch
Lạc
Mai

Tản văn
Lục Bích dịch

NHÀ XUẤT BẢN
HÀ NỘI



CAMPHONG

《陈迹•清欢》by 白落梅

Bản quyền tiếng Việt © 2018 zGroup.

Cuốn sách xuất bản theo hợp đồng chuyển nhượng bản quyền giữa China South Booky Culture Media Co., LTD và Công ty Cổ phần zGroup, Việt Nam.

e-Book này được thực hiện trên tinh thần thiện nguyện, phi lợi nhuận và phục vụ cộng đồng người đọc chưa có điều kiện mua sách giấy.

Thông tin eBook

Tên sách:
Dấu Xưa, Vui Lành

Nguyên tác:
陈迹 • 清欢

Tác giả:
Bạch Lạc Mai

Dịch giả:
Lục Bích

Phát hành:
Cẩm Phong

Xuất bản:
NXB Hà Nội

ISBN:
978-604-555-868-3

Số trang / Khổ giấy:
376 / 12 x 19 cm

Giá bìa:
118.000đ

Ngày phát hành:
2020

Tạo eBook:
@huyetleid0907, 03/2024

Bạch Lạc Mai tên thật là Tư Trí Tuệ, sống ở Giang Nam, đơn giản tự chủ, tâm như lan thảo, văn chương thanh đậm.

Cẩm Phong đã xuất bản:

- *Năm tháng tĩnh lặng, kiếp này bình yên* (tái bản 2018)
- *Gặp lại chốn hồng trần sâu nhất* (tái bản 2018)
- *Duyên* (tái bản 2018)
- *Nếu em an lành, đó là ngày nắng* (xuất bản 2018)
- *Ngoảnh lại đã một đời* (xuất bản 2019)
- *Bởi vì thấu hiểu cho nên từ bi* (xuất bản 2020)

Cẩm Phong sắp xuất bản:

- *Anh đi ngang qua thời khắc khuynh thành của em* (tạm dịch)
- *Tôi dùng cả thanh xuân để tìm em* (tạm dịch)
- *Vị thời gian* (tạm dịch)

Tôi cho rằng những ngày tháng đẹp nhất, là ngày nắng cày cấy ngày mưa đọc sách, ngắm cá bơi nghe chim hót, mặc cho bên ngoài cửa sổ hoa nở hoa tàn, mây đến mây đi.

“Non nước cỏ cây, trà trong rượu nhạt, đình đài lầu gác, vàng ngọc châu báu, đều có tình ý, chi tiết, có cơ duyên diệu kỳ khó mà diễn tả nổi. Biết làm sao khi sự vật sự việc có đẹp hơn đi chăng nữa, cũng cần người có lòng thưởng thức, thương tiếc nó. Nếu không chỉ là một sự tồn tại giản đơn, ngàn năm cũng như một ngày mà thôi.

Phồn hoa trên đời khiến người ta say đắm ưa thích, yêu đến nỗi chẳng muốn rời tay, nhưng lại nhỏ bé tựa như hạt bụi, không thể trường tồn. Nhưng một kiếp một đời mệnh mông này, rốt cuộc vẫn có điều mong cầu, hoặc là công danh lẫy lừng, hoặc là hoa mai cắm bình cùng gió mát. Nhân lúc tuổi hoa, bẻ vài cành hoa dại, thưởng mấy chén rượu thơ, điền vài câu tiểu lệnh, giải bày dăm ba tâm sự, như thế, chẳng phụ nhân gian như gấm thêu.”

*Dầu Xưa,
Vui Lành*

Lời tựa chung

Viết văn gửi tâm sự, pha trà đãi khách tới

Cầm khúc theo phong cách thời Ngụy Tấn, vừa linh hoạt kỳ ảo, vừa tươi sáng, lại có vài phần ai oán, giống như mưa nhỏ bên ngoài khung cửa sổ mùa đông, trong vắt mà giá lạnh, bay thẳng đến trước cửa sổ, rơi xuống trái tim mềm mại.

Ngày mưa như thế, nên tránh xa hành khách, đóng cửa thanh tu, cũng không cần có người thấu tỏ tâm sự. Một mình ngồi trong căn phòng yên tĩnh, đốt lò hương, pha ấm trà, xóa bớt tạp niệm.

Kinh Duy Ma Cật viết rằng: "Hết thấy các pháp đều sinh diệt không ngừng, như huyền như điện, các pháp chẳng chờ nhau, cũng không ngừng nghỉ dù chỉ một ý niệm; các pháp đều là vọng thấy, như chiêm bao, như ánh lửa, như trăng dưới nước, như bóng trong gương, do vọng tưởng mà sinh ra."

Đức Phật chỉ dạy con người ta buông bỏ, không nẩy sinh vọng tưởng và chấp niệm. Mà ngài không biết, phiền não trên thế gian vừa khéo lại giống như màn mưa dày đặc của Giang Nam, tí tách rơi không ngớt. Phải có bao nhiêu tu vi, mới có thể không quan trọng thành bại, kiếp số, hủy diệt, coi nhẹ vinh nhục buồn vui. Những lời lẽ phóng khoáng ấy, những ngôn từ trống rỗng ấy, chẳng qua là đã kinh qua dâu bể, mới chuyển thành tâm ý nguội lạnh, cũng chẳng cần phải ngưỡng mộ.

Tôi đọc Đường thi cảm thấy khoáng đạt, nhân nhã, đọc Tống từ cảm thấy thanh tân bay bổng, thấy chúng sinh trên đời mỗi người một phong thái riêng. Sự tuyệt diệu của thơ từ giống như âm thanh của ti trúc¹, lại giống như núi cao sông dài, ôn nhuận trôi chảy, có cái tư thế hào sảng, khiến cho con người và cõi đời lãng quên nhau. Cỏ cây gạch ngói cũng là ngôn từ, đình gác mái hiên cũng thấy văn điệu.

Ngẫm ra hết thấy những thứ này đều vì có tình, giống như xem một vở kịch, vốn là chuyện tiêu khiển lúc trà dư tửu hậu, nhưng người dưới sân khấu xem quá nhập

¹ Chỉ đàn và sáo. (Tất cả chú thích đều của dịch giả.)

tâm, nên ai nấy đều rơi lệ. Song chuyện đời tình người lại bạc bẽo, mỏng mảnh như hạt bụi, lướt qua nhau rồi là không để lại dấu vết. Họ thà thực sự cảm động trong câu chuyện của người khác, còn hơn là sống một cách đầy hư ảo trong năm tháng của chính mình.

Trong kinh Phật có nói duyên khởi duyên diệt, làm hoang phế cả tình ý, khiến con người không tranh không cầu. Trong thơ từ nói bạc đầu chẳng rời xa, thay đổi tâm tính, khiến con người có thể sống mà cũng có thể chết. Rất nhiều câu từ như thế, tuy viết sơ lược, nhưng rốt cuộc qua trăm ngàn trắc trở, thì lại như sương mù dày đặc, mãi chẳng tan đi.

Đọc lại văn viết năm nào, giống như mầm lan còn chưa hé nơi góc tường, tựa như nhụy mai muốn bung bên cửa sài². Thanh sơ như thế, chưa từng nếm vị đời gió bụi nhưng trước sau luôn giữ một nét mới mẻ. Nhìn từ xa rất đẹp, lại gần ngắm thì thấy có dấu vết đẻo gọt, không đủ trong vắt đơn thuần tinh khiết.

Sau này, tôi mới học được cách lược bỏ phức tạp giữ lại giản đơn, bỏ đậm giữ nhạt. Biết sự đời sông núi, chẳng cần vật nào cũng phải nghiêm chỉnh, cũng khó mà có được chân thiện mỹ. Hoa nở chẳng thể nào ngấm hết, văn chương không thể giải bày hết, mà tình ý cũng chẳng thể nào dùng cạn. Ngày tháng sông xa núi dài, nắng mưa đan xen, sướng khổ cùng nhau. Nếu như gặp người có duyên, tiểu phu cũng có thể làm bạn, thôn phụ cũng có thể kết giao, không cần cố ý sắp đặt nhưng lại được tự nhiên, thanh nhàn vui thú.

Tiếng đàn réo rắt, từng tiếng tựa như đang rung lên những tiếng lòng. Mấy ngàn năm trước, Bá Nha gảy đàn, khúc đàn đó hẳn là đã chạm tới cõi lòng của Chung Tử Kỳ, vì thế mới có tích Cao sơn lưu thủy tìm tri âm đáng quý. Còn sự tuyệt diệu của văn chương, cũng giống như tiếng đàn, đều là một đoạn tâm sự mấy quăng phong cảnh, đôi khi tương phù hợp đối đãi như thế đã quen nhau.

Liễu Vĩnh có từ rằng: "Sống phong lưu, sướng nhất đời. Thanh xuân trong khoảnh khắc. Thà đổi công danh, (lấy) rượu nhạt hát ca."³ Từ của ông quý ở tình cảm chân thật, diệu ở sự phóng khoáng đằng sau nỗi chán nản. Công danh phú quý trên đời cho dù có tốt đến đâu, cũng chỉ là làn khói trôi, bạn cố giữ nó tức là đã thất bại rồi. Có lẽ, đời người phải bước ra từ nơi chìm nổi thăng trầm, mới có thể thực sự tĩnh ngộ, ung dung buông bỏ.

² Cửa làm bằng cành củi, chỉ nhà nghèo.

³ Trích bài từ *Hạc xung thiên*, tác giả Liễu Vĩnh.

Người ta đều nói người viết có tình, độc giả có tâm. Những người khác nhau, sẽ có sự từng trải khác nhau, cho dù đọc văn chương giống nhau, cũng có cảm xúc khác nhau. Có những người, một hai câu là có thể đọc thấm vào tận đáy lòng; có những người, ngàn vạn câu từ cũng không làm trái tim rung động nổi.

Có thể, tôi của khi ấy vừa khéo lại tâm ý tương thông với bạn của lúc này. Có thể, bạn của lúc này lại thật trùng hợp tâm hồn thấu hiểu lẫn nhau với tôi của khi ấy. Có thể, tôi và bạn duyên sâu, được cùng ngắm hoa nở hoa tàn. Có thể, tôi và bạn duyên mỏng, một đời này chẳng có bất kỳ điểm chung nào.

Mọi chuyện trên nhân gian đều có cơ duyên. Tôi nguyện một đời thanh nhàn an ổn, dưới bóng gió rèm châu viết vài hàng văn chương gửi gắm tâm sự, trước sảnh nhà nơi hành lang đun một bình nhàn trà đợi khách đến, không làm tổn thương sinh linh, cũng không vấn vương tình cảm, bất luận trời nắng hay mưa, đều có chung một tâm cảnh, trong buồn vẫn có vui, lúc ly tan vẫn còn có tụ hội.

Hiện giờ thứ tôi đang có chính là cuộc sống thanh nhàn, vẫn còn có âu lo nhưng tôi không bận tâm, chẳng qua là những ngày tháng bình thường, chân thực tức là an lành. Đời này, điều tôi sợ nhất là phiêu dạt giống như chim én xuân đến thu đi, hành tung khó định. Chỉ mong cõi đời an ổn, ngày tháng nhàn tĩnh, mặc kệ thế giới bên ngoài gió mây biến ảo, cuối cùng sẽ già đi cùng trời đất.

Sống nên mơ hồ, như thế mới không có đau buồn và tiếc nuối. Việc lớn trong thiên hạ, nhân vật phong lưu, và cả sự đổi thay của vương triều, có cái nào không trôi qua một cách mơ hồ đâu? Đến cả thời tiết ngày tháng, sông núi cỏ cây, cũng chẳng cần ân oán phân minh. Mơ hồ khiến người ta lại có một loại sáng tỏ khoáng đạt, phàm chuyện gì cũng không muốn tranh giành nữa, mặc năm tháng trôi chảy vẫn yên tĩnh, an định chẳng kinh sợ.

Năm tháng như nước chảy, làm sao có thể luôn là tháng Ba hoa đào nở, thiếu quang tốt cùng? Mấy phen trèo đèo lội suối, tôi của hiện giờ đã là hoa sen chớm nở đầu mùa hạ, hoặc là cỏ lan buổi thu trong, tâm sự đương nhiên khác với trước kia. May mắn thay, từ đầu tới cuối tôi chưa từng có những năm tháng phong hoa tuyết đại, mà vẫn chỉ là một người bình đạm khiêm nhường.

Một người phụ nữ đoan trang, dịu dàng, thông đạt, xinh đẹp và thanh khiết, lại càng khiến người ta vừa kính trọng vừa yêu mến. Tôi mong văn chương của mình giữa chốn phàm trần cũng có được sự giác ngộ đơn giản, không hoài cảm quá nhiều nóng lạnh của thế thái nhân tình. Nguyện cho người như hoa cỏ, bất luận thân ở hoàn cảnh

nào, đều không sâu đau ai oán. Cõi đời không phải kinh qua mấy lần sóng gió, ngày tháng tầm thường, sau cùng sẽ chất phác, thanh đạm, không chướng ngại, chẳng sầu lo.

Nhân sinh đặc ý, lúc đỉnh cao thứ mong đợi nhất vẫn là cuộc đời được thanh tĩnh an ổn. Nhớ năm xưa, mẹ tôi cũng là một giai nhân, non xanh nước biếc giữa làng quê đều chẳng xinh đẹp thanh tao bằng mẹ; đến nay lại úa tàn khô héo giống như một cây cỏ, lại chẳng ngăn nổi sự hao gầy giống như tia nắng chiều dưới gió Tây.

Ngắm hết phong cảnh nhân gian, chẳng biết quang âm đáng giá bao nhiêu, đến giờ lại hiểu được phải trân trọng. Công danh phú quý trên cõi đời, cho dù có được rồi cũng có một ngày sẽ phải trả lại hết, chẳng thà bớt hao phí một chút tâm sức thì hơn. Bất kể trải qua bao nhiêu biến động loạn lạc thì văn chương dưới ngòi bút tôi, cùng với sông núi thế sự, trước sau vẫn như ánh xuân sau tuyết, giản dị tinh khôi an lành, tịch mịch tĩnh lặng.

Bóng nắng rải rác, khói trà vương vấn, chính là nét sinh động cuốn hút của núi sông cỏ cây. Tôi ngồi dưới song nhàn, đọc văn chương thơ từ xưa, cúi đầu mỉm cười, vài phần thanh tâm đẹp đẽ, vô cùng yên lành.

Bạch Lạc Mai

Lời nói đầu

Có một loại phong nhã đi qua suốt tuổi hoa

Tôi không yêu đào nguyên thế ngoại, chỉ yêu hồng trần khói lửa. Tôi chẳng muốn phù danh hư lợi, chỉ cần thơ rượu đàn trà.

Chuyện sinh diệt của vạn vật, khởi ở tự nhiên; mới lại qua chốn hồng trần, chờ hỏi nguyên cớ. Phàm là phong cảnh, tự có linh tính, thân thiết với con người, lại lướt qua với năm tháng. Phàm là cổ vật, tự có khí chất và phong vận, được năm tháng nâng niu cất giữ, nên chưa từng bị lãng quên.

Lúc tĩnh tọa, nhớ đến hồng trần mình từng đi qua, những khoảnh khắc từng có, những phong cảnh đã ngắm, trong lòng trào dâng nỗi dịu dàng, mà cũng quạnh quẽ cô độc. Hết thấy đã đi xa, không quay trở lại. Thời gian vẫn còn đó, chúng ta hoặc là người xa lạ, hoặc vẫn nắm tay nhau, nhưng cuối cùng đều trở thành quá vãng.

Đường mòn trên núi mùa thu, giữa đường gặp hoa trà nở, nghiêm trang như Đường thi, thanh lệ như Tống từ, lại trôi chảy như Nguyên khúc. Lúc này, sự trang nhã của nội tâm đủ để chống đỡ với sự mênh mông của thế giới bên ngoài. Đến hơi lạnh mỏng manh trong cơn gió cũng là ân huệ của thời tiết, bộc lộ sự mềm mại và tử bi của thời gian.

Non nước cỏ cây, trà trong rượu nhạt, đình đài lầu gác, vàng ngọc châu báu, đều có tình ý, chi tiết, có cơ duyên diệu kỳ khó mà diễn tả nổi. Biết làm sao khi sự vật sự việc có đẹp hơn đi chẳng nữa, cũng cần người có lòng thương thức, thương tiếc nó. Nếu không chỉ là một sự tồn tại giản đơn, ngàn năm cũng như một ngày mà thôi.

Phồn hoa trên đời khiến người ta say đắm ưa thích, yêu đến nỗi chẳng muốn rời tay, nhưng lại nhỏ bé tựa như hạt bụi, không thể trường tồn. Nhưng một kiếp một đời mênh mông này, rốt cuộc vẫn có điều mong cầu, hoặc là công danh lẫy lừng, hoặc là hoa mai cắm bình cùng gió mát. Nhân lúc tuổi hoa, bẻ vài cành hoa dại, thưởng mấy

chén rượu thơ, điền vài câu tiểu lệnh¹, giải bày dăm ba tâm sự, như thế, chẳng phụ nhân gian như gấm thêu.

Mà sau này, lại xây căn nhà đơn sơ giữa núi sâu, dựng thư trai bằng cỏ tranh, sửa trà thất, dưỡng tính tình, đợi người quay về, giữ chân khách mệt mỏi. Nơi đó có mây soi bóng suối, thông reo rì rào, không có người xe huyên náo; có hoa đỗ nhuộc, u lan, không có những loài hoa cỏ phàm tục. Nơi đó gió nhàn ngày tĩnh, ngày dài như một năm, quang âm che phủ rêu xanh, thế sự lấp đầy bụi bặm.

Dương Giáng tiên sinh nói: "Thế thái nhân tình, so với gió mát trăng thanh càng có nhiều tư vị hơn; có thể viết thành sách đọc, cũng có thể dựng thành kịch để xem." Nhân sinh chính là một cuốn sách, có thể phức tạp cũng có thể giản đơn, thời gian lâu dần đều trở nên ý vị sâu xa. Cũng giống như một vở kịch, khai thừa chuyển hợp², sinh tử buồn vui rồi cuộc đều tùy duyên.

Mai thừa trúc biếc, kinh Phật thói Nho, từ niên đại *Thi kinh*, *Sở từ* đã có thú vui thanh tâm. Sân nhà song cửa sổ khóa, cầu đá ngõ nhỏ, trong khói trong gió thời Hán Đường đã có câu chuyện. Một miếng gốm cổ, một món sứ xanh, một miếng ngọc cũ, ghi nhớ sự đổi thay dịch chuyển của mỗi triều đại, nhưng lại chẳng nhớ nổi ai đã từng đi tới và ai đã quay lưng rời khỏi.

Cảm ơn tất cả mọi điều thời gian ban tặng, khiến cho tuổi xuân già đi mà vẫn mộc mạc thâm tình như xưa. Cũng cảm ơn bạn đã cùng tôi đi qua núi cao sông xa, nguyện cho phần đời về sau chúng ta tùy hỉ tự tại.

Người ta đều nói vận mệnh đã sớm an bài, không cần phí tâm giở tiểu xảo, vạn sự cuối cùng sẽ có kết quả. Hãy đối đãi với nhân gian này bằng sự dịu dàng, nắm tay nhau vui vậy.

Những năm tháng về sau, chọn nơi non nước hữu tình mà ở, trời cao mây nhạt, vật tĩnh tâm an. Hoặc chăm hoa chăm cỏ, hoặc ủ rượu pha trà, hoặc đọc sách nghe kịch, hoặc chẳng làm gì cả, chỉ trông một cây hoa mai, đợi một khung cửa sổ đầy gió tuyết.

Bây giờ, ánh thu như thiên, ngày tháng còn dài.

¹ Tiểu lệnh: Điệu từ ngắn hoặc khúc hát nhỏ.

² Khai thừa chuyển hợp: Cấu trúc bố cục của một bài thơ, một tác phẩm văn học, có thể hiểu như các phần mở bài, thân bài và kết bài.

Bạch Lạc Mai
Năm Mậu Tuất, tại sơn trang Lạc Mai

Lời tựa

Cổ vật, là thứ đáng nghiền ngẫm nhất

Hôm nay là ngày Hạ chí, tâm trạng tôi thật thanh mát. Đời người vội vã ba chục năm, một đóa hoa sen giữa mưa cũng chẳng chống đỡ nổi tháng năm dễ dàng già đi. Mấy năm nay tôi giống như một gốc cây cỏ, bất luận buồn vui, đều sống một cách vinh nhục chẳng kinh sợ. Không xinh đẹp, không cao quý nhưng lại giản dị, yên tĩnh.

Nhân sinh như sống gửi, nhỏ nhoi như hạt bụi. Vị đời có nồng đượm hơn nữa, cũng sẽ có một ngày nhạt như nước lọc. Những người, những việc đã từng có muôn vàn ân sủng, cuối cùng cũng sẽ cáo biệt, mà nắm tay bên bạn duy chỉ có trăng sáng gió mát, mây trắng xuôi trong.

Thứ đáng để người ta nghiền ngẫm nhất, vẫn là những món cổ vật già cả, cũ kỹ kia. Một cuốn sách, một cây đàn, một bức tranh cuộn, một món sứ hoa xanh, một miếng ngọc cổ, một cây trầm bạc. Lịch sử lâu đời, quang âm dài lâu, bạn chưa từng sống chết, thể nguyện cùng chúng, nhưng tương phùng cũng chỉ cần trong khoảnh khắc.

Trong trái tim mỗi người đều cất giữ một mối tình cảm đau thương như nước, gắn liền với một mối duyên phận chẳng thể lãng quên, chỉ là thời gian lâu dần, sẽ có chút mơ hồ không rõ. Lúc cô đơn rửa hết bụi trần, lau sạch tang thương, gập gở lại phong cảnh năm xưa, tâm tình ngày cũ. Luồng gió ngọn khói lãng đãng, cứ thế nhạt dần đi giữa năm tháng non sông, để lại vật cũ an tĩnh, tình sâu tựa ngày hôm qua.

Chúng ta chỉ có thể mượn một vài vật cũ, đi mở cánh cửa ngày hôm qua, tìm kiếm những câu chuyện cất giữ đã lâu. Chúng cũng từng có những năm tháng thanh xuân tươi đẹp, phô bày hết diễm lệ trong triều đại thuộc về riêng mình. Sau này chúng bị thời gian phụ bạc, hoang phế tâm tình, thua trước những đồ vật yêu thích mới. Nhưng chúng vẫn cam tâm tình nguyện tồn tại, trước sau luôn tin rằng sẽ có một ngày có thể quay lại sân khấu, làm nhân vật chính như ban đầu.

Vạn vật khi đã khai thông được linh tính thì sẽ nảy sinh tình cảm. Rốt cuộc thì tôi cũng may mắn vì đã kết duyên với chúng, lại hẹn nhau sẽ kể lại đời này kiếp trước trong văn chương. Chúng vốn dĩ vô tâm, phong thái an nhiên, chẳng tránh né hồng trần, tụ tan đều vô ý. Sự ung dung này đã làm kinh động đến tôi, thế là tôi trân trọng từng sinh mệnh, âm thầm buông lời thề, đợi chờ trời đất hoang vu.

Hết thấy sự an bài trên thế gian đều có nhân duyên từ kiếp trước. Cuốn sách này là tâm nguyện trong nhiều năm của tôi, đến nay cũng coi như là đã giải được mối vướng mắc tình cảm trong lòng. Thật ra tôi chỉ dùng những câu chữ đơn giản, sửa sang thàng năm thâm trầm ngày xưa. Tự ngàn xưa phồn hoa chẳng qua cũng chỉ là một làn gió mỏng manh trong bước ngoặt của hành lang lịch sử, còn tôi lại tìm thấy một quãng đời trang nhã của Đường thi Tống từ giữa mực nước.

Nếu như có thể, mong bạn gối đầu lên sách đi vào giấc mộng, dễ dàng trốn được hồng trần phồn tạp, đi khắp Tái Bắc Giang Nam và bầu bạn cùng một món đồ cũ, một phong cảnh bên rèm. Tình cảm sâu đậm của vạn vật còn hơn cả hết thấy mọi lời thề hẹn sáo rỗng, cho dù gió mây đổi chủ, chúng vẫn không xa rời mà sẽ bên bạn đến khi bạc đầu.

Thời gian này, song cửa nhỏ nhìn mặt trời lặn, liễu lơ thơ ngấm buổi trăng nhạt. Bạn và tôi tẩy trôi hết phù hoa, nấu một bình ánh trăng, hóng gió mát thoảng hương sen, kể những câu chuyện cũ. Mặc cho bốn mùa luân chuyển như nước chảy, đến đi tựa thoi đưa. Một giấc mộng hồng trần, uống hết cả ngàn năm.

Quyển thứ nhất

Một tác quang âm

một bình rượu



Huyền cầm

Cây đàn đó đặt trên kệ đàn, bị năm tháng xa lánh nhiều năm. Năm tháng không đem đến quá nhiều gió bụi cho nó, khi ở nơi tĩnh lặng, nó có một vẻ đẹp lạnh lẽo và tao nhã còn rơi rớt lại. Cây đàn được khơi thông linh tính, có khí chất, có phẩm chất, hiểu biết đời này kiếp trước vì thế biết được ai là chủ nhân chân chính của nó. Tôi và đàn, chưa từng có tình cảm sâu nặng, nhưng lại có thể nhận định rằng mình và nó đã có một mối duyên.

Tôi cũng đã từng nghĩ, có một tòa nhà như thế, cổ kính thâm trầm, lược bỏ phần hoa. Phòng sách giản dị sạch sẽ, một lò hương, một cây đàn, một bàn cờ. Bên ngoài cửa sổ, dăm cây mai liễu, một vùng ánh trăng. Ngẫm ra, khiến lòng người rung động, hẳn là có một tri kỷ hiểu tiếng đàn, biết nhã nhạc. Có một ngày tôi sẽ già đi, còn đàn chắc chắn có thể tìm được một người chủ mới, có một câu chuyện mới.

Đàn là âm thanh của trời đất, yên tĩnh nhàn nhã, khoáng đạt sâu xa, bay bổng đa tình. Trong sách *Cầm sử* thời Tống có viết: "Thời xưa thánh nhân làm ra đàn, tiếng của vạn vật trời đất đều nằm trong nó vậy." Đàn tương thông với vạn vật, núi cao nước chảy, vạn khe gió từng, ánh sáng bóng mây, tiếng chim tiếng trùng đều hàm chứa bên trong, ký gửi trên dây đàn.

Người gảy đàn đem muôn vàn tâm sự đưa vào trong đàn, trong tiếng đàn bình hòa ung dung, lại thể nghiệm và lĩnh hội được cái an tĩnh đến cực độ. Người nghe đàn tẩy rửa tâm hồn trong tiếng đàn trong lành tinh khiết, giống như nhạc trời. Nhạc Phi có viết từ rằng: "Muốn đem tâm sự gửi khúc đàn. Tri âm vắng, đàn đứt có ai nghe?"¹ Dường như một người gảy đàn, cuộc đời ắt phải có một người tri âm. Nếu không, cho dù là tấu lên khúc nhạc tuyệt diệu như thiên nhiên, vẫn có những thiếu sót và nuối tiếc không thể diễn tả nổi. Vạn vật có tình, đều có thể coi là tri kỷ, chỉ xem bạn có muốn trao đi tấm lòng chân thành hay không.

Vào thời đại Xuân Thu xa xưa, có một câu chuyện "Cao sơn lưu thủy" tìm tri âm, được truyền tụng là giai thoại mỹ đàm. Cầm sư Bá Nha phụng lệnh Tấn vương đi sứ

¹ Trích bài từ *Tiểu trùng sơn* của Nhạc Phi.

nước Sở, ngày Trung thu, ông ngồi thuyền đến bến sông Hán Dương, thuyền dừng lại nghỉ. Ban đêm sóng lặng gió im, mây vén trăng nhô, Bá Nha gảy đàn độc tấu. Người tiểu phu kiếm củi về muộn Chung Tử Kỳ bị tiếng đàn của Bá Nha thu hút, không nỡ ra về. Tử Kỳ nghe hiểu khí thế như núi cao, nhu tình như nước chảy trong tiếng đàn của Bá Nha, hai người kết thành tri kỷ. Lúc trăng tròn, đôi bên nâng chén chuyện trò, hẹn ngày Trung thu năm sau sẽ trùng phùng ở bến sông.

Năm sau, Bá Nha gảy đàn ở bến sông chờ tri âm, nhưng nào thấy Tử Kỳ đến hẹn. Sau mới biết Tử Kỳ không may mắc bệnh qua đời rồi và có để lại di ngôn, phải xây mộ ở bên sông, chỉ để tiếp tục được nghe tiếng đàn của Bá Nha. Bá Nha vô cùng đau buồn, đến trước mộ Tử Kỳ, gảy một khúc đàn. Rồi sau đó cắt đứt dây đàn, đập vỡ cây đàn. Tri âm đã khuất, đàn chẳng còn ai nghe. Thế giới của ông an tĩnh từ đây.

Cổ cầm với lịch sử lâu đời của nó, chứng kiến đủ mọi thịnh suy vinh nhục, yêu hận sầu bi của thế gian. Trong *Thi kinh* có viết rằng: "Thực nữ yếu điệu, cầm sắt vui vầy". Một khúc *Phượng cầu hoàng* của Tư Mã Tương Như khiến Trác Văn Quân bỏ nhà trong đêm, viết nên câu thơ tình "Nguyện có người trong lòng, bạc đầu chẳng rời xa". Thời Tấn, Kê Khang viết *Cầm phú*: "Trong mọi nhạc cụ, đàn có phẩm đức tốt nhất." Trước khi bị hành hình, Kê Khang ung dung thông thả gảy một khúc *Quảng Lăng tán*, đến nay vẫn là tuyệt xướng thiên cổ.

Gia Cát Lượng bày kế thành không, dùng tiếng đàn trầm lắng an nhàn, đẩy lùi mười vạn hùng binh của Tư Mã Ý. Đào Uyên Minh thời Tấn có thơ rằng: "Đã thức cầm trung thú, hà lao huyền thượng thanh" (Chỉ cần lĩnh hội lạc thú trong cây đàn, đâu cần thiết phải tấu lên khúc nhạc tuyệt diệu trên dây đàn?) Đào Tiềm quý ẩn ở núi Nam, hái cúc giậu Đông, hằng ngày uống rượu làm thơ phú. Vị ẩn sĩ trong núi này là cao nhân đứng ngoài cõi đời, hiểu được nhã thú của đàn, lại gảy cây đàn không dây đến một cảnh giới vô ngã, thậm chí cỏ cây phải thuận theo, vạn vật phải cúi đầu trước đàn.

"Cầm, tức là cầm² vậy. Do Thần Nông làm ra. Đục lỗ rỗng ở phần cuối đàn. Ban đầu căng năm dây, sau thêm hai dây nữa. Thế là thành hình.³" Đàn có phẩm cách thanh (thanh cao), hòa (hài hòa), đạm (đạm bạc), nhã (trang nhã), xưa nay đều là nhạc cụ không thể thiếu để các tao nhân mặc khách tu dưỡng tính tình. Cùng một khúc nhạc, vì tu dưỡng, tính tình của người gảy đàn khác nhau, nên sẽ đàn ra ý cảnh và chỗ tuyệt diệu khác nhau. Lúc thì phiêu dật như trăng thanh gió mát, lúc thì trong trẻo như suối

² Sách *Bạch hồ thông nghĩa* nói: "Cầm tức là cầm, cầm người theo tà ác, đi về với chính đạo, vì vậy gọi là cầm."

³ Trích *Thuyết văn giải tự* của Hứa Thận thời Đông Hán.

ngọc róc rách, lúc thì mạnh mẽ như muôn ngựa tung vó, lúc thì tinh khiết như nước thu in bóng trời.

Bất luận là đàn ở nơi huyền ảo hay vắng vẻ, đàn trong vui vẻ hay sầu bi, đàn lưu chuyển hay tĩnh tại, thì cuối cùng đều thăng hoa đến ý cảnh trời và người thấu hiểu lẫn nhau. Những ân oán của quá khứ, sự nóng lạnh của cõi đời đều ký gửi trên dây đàn. Còn người gảy đàn có tổ dưỡng cao siêu sẽ có thể vượt ra ngoài âm thanh của dây đàn, đạt đến cảnh giới không buồn không vui, vật và người cùng quên lãng nhau.

Bàn luận về đàn, Đồ Long thời Minh viết rằng: "Đàn là nhã nhạc trong phòng sách, không thể một ngày không đối mặt với nó." Đàn là một nhạc cụ không thể để không, cho nên bất luận là có thính giả, tri âm hay không thì người chơi đàn đều nên đối diện sớm chiều với âm thanh réo rắt. Nếu không thời gian lâu dần, những đoạn nhạc vốn dĩ quen thuộc, những chương tiết đẹp đẽ sẽ bị năm tháng làm mờ hồ, không tìm thấy được bóng dáng trước kia.

Thi nhân thời Đường Lưu Trường Khanh từng buông lời cảm thán: "Bảy dây đàn thánh thót, lắng nghe gió thông hàn. Điệu xưa tuy vẫn chuộng, người nay ít thấy đàn."⁴ Nhà thơ cao ngạo cô độc, tự thưởng thức này cũng cảm thấy trên cõi đời ít tri âm, nhưng vẫn gửi gắm tình cảm vào những giai điệu cổ, để an ủi nỗi tịch liêu.

Vương Duy lại viết những câu thơ "Một mình trong khóm trúc, gảy đàn rồi hát chơi. Rừng sâu không kẻ biết, trăng sáng chiếu lên người."⁵ Dường như ông muốn nói cho người đời biết, đàn của ông xưa nay chưa bao giờ cô đơn. Cho dù chưa từng có tri kỷ, vẫn còn có trúc xanh và trăng sáng có thể nghe hiểu tiếng đàn, giải bày tâm sự.

Bạch Cư Dị có thơ rằng: "Tiếng đàn thoang thoảng lọt tai, vui lòng thích ý tình hoài vấn vương. Gảy đàn rồi lại tự buông, đâu cần ai đến nghe chung cùng mình."⁶ Đàn giúp họ tìm được bản thân chân thực giữa biển đời mênh mông, học được cách chung sống hòa bình với thế giới này. Đàn có thể xa rời thói tục, rèn luyện tâm tính, nuôi dưỡng tình cảm. Khi chúng ta hối hả đi lại giữa hồng trần, khi không có nơi an thân, tin rằng vẫn có một khúc đàn nguyện kết giao với bạn, bắt đầu một mối duyên phận một lần nữa.

Trong *Hồng lâu mộng*, Tào Tuyết Cần phó thác cây thất huyền cầm cho Lâm Đại Ngọc. Tôi vẫn luôn cho rằng, trong Thập nhị thoa, người thích hợp gảy đàn nhất không ai ngoài Diêu Ngọc và Đại Ngọc. Ni cô để tóc Diêu Ngọc, trong sự tĩnh mịch hư ảo của

⁴ Bài *Đàn cầm* (Gảy đàn).

⁵ Bài *Trúc Lý quán* (Quán Trúc Lý), bản dịch thơ của Trần Trọng San.

⁶ Bài *Dạ cầm* (Gảy đàn đêm khuya).

chùa miếu, có thể gảy đàn đến cảnh giới hư vô. Nhưng Tào Tuyết Cần lại trao "cờ" cho nàng, mà để dành "đàn" lại cho Tiêu Tương phi tử Lâm Đại Ngọc, còn Diêu Ngọc lại làm một tri âm nghe hiểu tiếng đàn, Lâm Đại Ngọc mang tâm tình buồn bã, mưa xuân gió thu gửi cả vào trong hồn đàn phách thơ. Đàn của nàng không chỉ làm cảm động chính mình, mà còn khiến cả vườn hoa cỏ phải rung động.

Cổ cầm tạo hình đẹp đẽ, điển nhã thanh lệ. Người gảy đàn tự có một vẻ phong nhã và xinh đẹp không thể gọi tên. Họ đến từ những trường phái khác nhau, diễn tấu những phong cách khác nhau, chỉ vì đưa muôn vàn cảm xúc vào đàn Băng Huyền⁷, bày tỏ tâm sự. Kiểu tri giao như vậy, giống như đến một cuộc hẹn đã hứa từ lâu, lại tựa như bên nhau một cách bình đạm giữa năm tháng.

Trong *Cẩm quyết*, Tiết Dịch Giản thời Đường bàn rằng: "Nhạc của đàn, có thể xem phong tục giáo hóa, có thể thu hút tâm hồn, có thể phân biệt vui giận, có thể làm vui tâm tư, có thể làm an tĩnh thần trí, có thể khích lệ can đảm, có thể cách biệt thói tục, có thể ngăn cản quỷ thần, đây chính là điểm tốt đẹp của đàn."

Từ lúc nào tôi làm một người đốt đàn nấu hạc⁸, khiến phong cảnh nhân sinh vội vã lướt qua? Cũng đã từng phong nhã vô biên, nhưng không biết từ bao giờ tâm ý trở nên tàn lụi. Giống như bụi trần lắng đọng, không vì quên ai, cũng không vì khắc ghi ai. Chỉ là dây đàn trong lòng đó đã bị năm tháng mài mòn, sớm đã không còn đàn lên nổi thứ âm thanh trong trẻo tuyệt diệu nữa. Có lẽ buông bỏ được chấp nhất, cây đàn đó, dây đàn đó có thể quay về lại sự an tĩnh và thông thả ngày xưa.

Quang âm, rốt cuộc là gì vậy? Nó tựa như dây đàn, lúc thì sắc nhọn như đao kiếm, lúc lại mềm dịu như nước chảy. Có thể chúng ta nên làm người gảy đàn lãnh đạm ấy, không phân biệt mùa nào, không hỏi buồn vui, giữa non nước mệnh mang, đàn mấy điệu cổ, tu dưỡng tính tình, thanh lọc tâm hồn.

Trước sau tôi luôn tin rằng mình không phải là chủ nhân của đàn. Không phải gặp gỡ quá sớm, cũng không phải duyên phận quá mỏng manh. Thời khắc đẹp nhất của đời người chỉ có ngần ấy, từng ở bên nhau là đủ rồi. Bạn hãy lắng nghe xem, tiếng đàn ấy rõ ràng hàm súc đa tình, còn tôi, lòng phẳng lặng như gương.

⁷ Cây đàn nổi tiếng thời cổ đại, lấy tơ của Băng Tầm làm dây đàn.

⁸ Đốt đàn nấu hạc: Thành ngữ, chỉ những người phá hủy những thứ tốt đẹp.

Cờ vây

Người ta hay nói, cuộc đời giống như một ván cờ, bởi vì đặt cờ xuống là không hối hận, cho nên từng bước từng bước đều kinh động tâm phách. Có người xuống cờ như bay, có người cầm cờ chần chừ mãi không quyết, chỉ vì một kết cục mà thôi. Kẻ thắng, ngồi đó sở hữu giang sơn, vạn vật trong nhân gian đều cúi đầu xưng thần. Người thua, trở về làm ẩn sĩ, nhàn nhã câu trăng sáng gió mát, thông dong tự tại.

Tuế nguyệt như bàn cờ, quang âm là quân cờ, cờ càng chơi càng ít, ngày tháng càng sống càng mỏng manh. Ngày mai giống như mưa khói giữa núi vắng, không thể nào dự đoán nổi, kết quả cuối cùng phải trải qua muôn vàn mùa trăng soi bóng trên sông mới có thể đạt được. Chúng ta chỉ là một kỳ thủ cô đơn, cho rằng giữ chặt quân cờ là có thể nhìn rõ trắng đen của nhân gian, có thể nắm chắc được vận mệnh thế sự. Mà không biết núi cao sông dài, mỗi con đường đã đi qua, đều gọi là "chẳng về".

Mỗi một quân cờ, đều nên trân trọng bội phần; mỗi một nước đi, đều phải hao tâm tổn tứ. Nhìn tưởng như muôn tia ngàn hồng oanh bay cỏ mọc, có lẽ trong sát na đã gió mây biến ảo, trời đất đổi màu. Nhìn tưởng như sơn cùng thủy tận, tường đổ vách xiêu, có lẽ trong nháy mắt lại có chuyển biến tốt, liễu thắm hoa tươi. Đối diện với lựa chọn, nên ung dung đối đãi, có lúc một quân cờ nhỏ nhoi có thể thay đổi cả giang sơn.

Đời người chật hẹp, được mất chỉ trong gang tấc; đời người rộng lớn, thành bại nằm ngoài ngàn dặm. Chơi cờ cần tu luyện tâm tính, phẩm chất đoan chính, ý chí cao xa thì không sợ thắng thua. Trên con đường đời, bạn sẽ gặp gỡ rất nhiều người khác nhau. Có những người đã được định sẵn là chỉ có thể cùng bạn ngắm một quang cảnh, rồi sẽ không tìm ra tầm hơi nữa. Thật sự có thể cùng bạn đi đến cuối cùng, không rời xa vồn vẹn chỉ có mấy người.

Thời xưa, cầm kỳ thi họa không chỉ là nhã hứng của văn nhân mặc khách, mà cũng được vương hầu khanh tướng, nông phu thôn dã, thậm chí là cả những khuê nữ yêu chuộng. Cầm kỳ thi họa có thể nuôi dưỡng tài hoa và tu dưỡng của một con người, cũng có thể tăng thêm thú vui và sự phong nhã cho cuộc sống bình đạm vô vị. Sắp xếp xong những chuyện đời phức tạp, bận rộn, an tĩnh lại hẹn một người tri kỷ, đối ẩm một

bình nhàn trà, chơi vài ván cờ, ánh trăng rải khắp nơi, chẳng kinh động chẳng quấy rầy.

Cờ vây bắt nguồn từ Trung Quốc, xưa gọi là "dịch". Sách *Thế bản* viết, cờ vây là do đế Nghiêu tạo ra. Trương Hoa thời Tấn viết trong *Bác vật chí*: "Vua Thuấn thấy con là Thương không được thông minh, cho nên làm ra cờ vây để dạy." Cờ vây có lịch sử lâu đời giống như một cơn gió dài mệnh mang sáng tỏ, thịnh hành trong cuộc sống thanh đạm của thế nhân.

Từ thời Hoàng Đế xa xôi, trải qua các triều đại Hạ Thương Chu, Xuân Thu Chiến Quốc, Tần Hán Tam Quốc, Ngụy Tấn Nam Bắc Triều, Đường Tống Nguyên Minh Thanh. Cũng từng có thăng trầm, lại luôn hòa nhập vào cuộc sống bình thường với tư thái thanh nhã, nhàn dật, tôi luyện tính tình, cùng vui buồn với con người.

Bàn cờ nho nhỏ có thể nhìn thấy trăm tướng của nhân gian, thế thái rối ren. Trong bàn cờ, đế vương nhìn thấy giang sơn thiên hạ; nhà quân sự nhìn thấy giáo vàng ngựa sắt; thi khách nhìn thấy câu từ gấm thêu; tiểu phu nhìn thấy cỏ cây núi đá; nông phụ nhìn thấy củi dầu mắm muối. Trời đất chật hẹp, một trắng một đen, ẩn giấu huyền cơ của nhân sinh. Hết thấy câu đố, chỉ có đi đến cuối cùng, mới có thể giải đáp được.

Người đã từng nghe đàn bên bờ suối, chơi cờ dưới bóng thông, in trong sách, treo trong tranh. Cổ nhân đánh cờ, chọn ngày gió mát mây lành, hoặc là chèo thuyền trên sóng biếc, hoặc là đối ẩm bên suối, hoặc là tựa song ngắm trăng, hoặc là nghe tuyết mái hiên. Có câu "Người việc ba chén rượu, năm tháng một cuộc cờ". Cờ là tri kỷ, không cần nói năng đã có thể nói hết cõi lòng, tiêu ma năm tháng. Người có tài mà không được thi triển tìm được sự an ủi giữa cuộc cờ; người lầm đường lạc lối tìm lại được bản thân trong ván cờ.

Những điển cố và truyền thuyết liên quan đến cờ vây nhiều không đếm xuể. Được nhiều người thích nhất chính là sự tích về núi Lạn Kha. Thời Tấn có một người tên là Vương Chất, một ngày nọ anh ta đến núi Thạch Thất của quận Tín An kiếm củi. Nhìn thấy mấy đứa trẻ chơi cờ dưới bóng thông, thật là diệu thú thiên nhiên, anh ta đứng xem say sưa, mãi mê đến nỗi quên cả ngày giờ. Được một lúc, đứa trẻ hỏi: "Tại sao anh còn chưa về?" Vương Chất nhấc rìu lên, nhìn thấy cán rìu bằng gỗ đã hoàn toàn mục nát, chợt cảm thấy kinh ngạc bàng hoàng. Đến khi quay về làng thì cảnh vật, con người đã hoàn toàn đổi khác. Một ngày trong núi trôi qua trong nháy mắt, ở trần thế phần hoa đã là ngàn năm. Một ván cờ đủ để thay đổi càn khôn tuế nguyệt.

Còn có câu chuyện tiên chơi cờ trong quả quất, kể về mấy vị cao nhân đắc đạo, ngồi ẩn mình trong quả quất của nhà nông đánh cờ. Sau này người nông dân tách quả

quất ra, để lộ tiên cơ, bốn ông lão cảm thấy vùng đất phong nhã bị hủy hoại, cơ duyên đã tận, bèn theo gió bay đi xa.

Vương Tích Tân được tiên truyền nghề, Tạ An đánh cờ ổn định lòng quân, Lý Thế Dân một quân cờ định càn khôn, rất nhiều câu chuyện đã nhuộm sắc màu thần bí và ý vị vô cùng cho bàn cờ vây vốn chỉ có hai màu sắc đen trắng đơn điệu. Cho dù trong ván cờ ẩn giấu cạm bẫy và động cơ giết chóc, có phỏng đoán và nghi ngờ, lo lắng và đau buồn, nhưng thị phi thành bại, quay đầu đã hóa hư không, mục đích của họ chỉ là tìm được niềm vui khi đánh cờ. Buông bỏ chấp niệm, bình tĩnh tâm tình, mỗi một nước đi đều có thể trời cao biển rộng.

Bạch Cư Dị có ngâm trong thơ rằng: "Sơn tăng ngồi chơi cờ, trúc xanh rợp che phủ. Nhìn trúc chẳng thấy người, chỉ nghe tiếng nho nhỏ."¹ Nhà thơ tài hoa này một đời đa tình, phóng khoáng phong lưu. Thuở còn trẻ thích phong hoa tuyết nguyệt với ca kỹ, ngâm thơ làm phú. Đến khi về già thường đối ẩm chơi cờ, tham thiền ngộ đạo với bạn thơ, sư trên núi. Cho dù cờ vây không phải là chủ đề trong sinh mệnh, nhưng cuối cùng nó vẫn là một phong cảnh không thể thiếu trong cuộc đời nhàn dật của ông. Nghe chán tiếng đàn tiếng sáo, tiệc tùng đủ sơn hào mỹ tửu thì ở sân của ngôi chùa trên núi ấy, giữa những trúc biếc xanh um, vẫn còn có một bàn cờ thông dong tự tại, đợi ông đến chơi cho hết ván.

Bài thơ Kỳ (Cờ) của chính trị gia, tác gia văn học thời Tống Vương An Thạch tưởng chừng như tùy ý, đàm bạc, hồ hững nhưng lại bộc lộ sự quật cường và tự phụ của ông. "Chớ lấy trò chơi loạn chân tình, tùy ý coi x như thua thành thắng. Trận tàn hai bên thu đen trắng, trên bàn đâu có bại với thành?" Ông cho rằng cờ vây là một trò chơi và thú tiêu khiển, phải thuận theo tâm tình mà quên đi lo âu, không nên hao tổn tâm tư suy tính. Sở dĩ Vương An Thạch vượt lên khỏi thắng bại, là vì thế giới trong cờ đã khiến ông tiêu dao tự tại. Cuộc tranh giành đen trắng ở đây, so với tranh đấu so tâm ở chốn triều chính thật chẳng bõ bèn gì. Có thể, thái độ đối với cờ vây của Vương An Thạch không đủ chân thành, nhưng tấm lòng rộng mở của ông đủ để vượt qua khoảng không gang tấc này.

"Dưới liễu rủ, bên hồ sen, bày cờ đi quân ý thanh nhàn. Huyền cơ ngộ thấu cúi mày cười, mưa bụi gió thoảng hờn tay nói."² Chơi cờ là một loại thú vui phóng khoáng nhẹ nhàng, say đắm trong đó, tuyệt diệu không thể diễn tả thành lời. "Ao hồ tiếng ếch gần xa, mai vàng tiết lạnh nhà nhà mưa rơi. Nửa đêm cái hẹn qua rồi, quân cờ gõ nhảm

¹ Trích bài *Trì thượng - nhị tuyệt* của Bạch Cư Dị.

² Bài từ *Kỳ thú* (Thú chơi cờ) theo điệu Quế điện thu.

làm rơi hoa đèn."³ Đây là một ý cảnh điểm tĩnh, đậm bạc, lúc nhàn nhã, thật khiến người ta ngưỡng mộ.

Người ta đều nói viết thơ điền từ, sáng tác nhạc gảy đàn phải đạt đến một cảnh giới siêu phàm quên đi bản thân, mới có thể thoát tục. Chơi cờ cũng như vậy, chơi một ván cờ đến mức nước chảy mây trôi, không còn bận tâm thắng thua nữa. Nhân sinh dài đằng đẵng, không biết phải trải qua bao nhiêu tang thương mưa gió, lúc mệt mỏi chẳng gì bằng hên bạn bè, tìm kiếm thú vui thanh cảnh trong ván cờ, trộm lấy một ngày nhàn nhã giữa cõi phù sinh.

Thế giới của cờ chẳng phân sang hèn, không luận giàu nghèo, không tính tháng năm. Trong tiểu thuyết *Thiên long bát bộ* của Kim Dung, chương môn phái Tiêu Dao - Vô Nhai Tử bày một thế cờ Trân Lung là để tìm kiếm một đệ tử thiên tư thông minh, anh tuấn tiêu sái. Nhưng mấy chục năm qua, cao thủ khắp nơi đổ về, vắt óc tính toán đều không có cách nào phá giải. Chỉ có Hư Trúc chẳng hiểu gì về cờ, đánh bừa một nước, trong chớp mắt đã phá được thế cờ. Trân Lung kỳ trận vốn dĩ không quan trọng, sự tồn tại của nó chỉ là để gắn kết duyên phận giữa Hư Trúc và Vô Nhai Tử, vì cuộc tương phùng ngăn ngủi mà sâu sắc ở kiếp này của họ.

Trong *Hồng lâu mộng*, Diệu Ngọc thích cờ, thường đến am Lũng Thúy chơi cờ nói chuyện thiên với nàng lại là Tích Xuân không hiểu thơ từ. Mà lời phán về số mệnh của Tích Xuân, vừa khéo lại là "Thương thay con gái nhà khuê các, một mảnh đèn xanh cạnh Phật bà"⁴. Trong vườn Đại Quan hoa gấm như tranh, chỉ có hai nàng kết duyên với Phật. Diệu Ngọc lòng như gương sáng, nàng biết Lâm Đại Ngọc và Tiết Bảo Thoa chính là hai cô gái thoát tục nhất trong vườn, nàng dùng tuyết trên hoa mai để pha trà, mời họ thưởng thức. Vì thanh cao, nàng với Đại, Thoa trước sau vừa gần lại vừa xa. Nhưng với Tích Xuân, một ván cờ là biết hết tiền duyên quả báo.

Cờ không thể nắm giữ được vận mệnh của một cá nhân, chỉ có thể khiến người chơi trong quá trình đi cờ, từng bước từng bước mở rộng khoảng trời đất chật hẹp trong lòng, nhìn thấy núi sông mệnh mang, trời xanh nước biếc. Những năm tháng đã đi qua không thể nào quay trở lại được, giống như một ván cờ đã chơi không thể nào phục chế lại. Nhưng núi cao sông xa, cuối cùng sẽ có một ngày gặp lại nhau, khi ấy trên bàn cờ quen thuộc, tìm được giọng nói và dung mạo đã cách biệt nhiều năm.

Bạn hãy nhìn xem, người đã tan rồi, bàn cờ đó vẫn còn chưa kết thúc.

³ Bài *Ước khách* (Hẹn khách) của Triệu Sư Tú, bản dịch của Nguyễn Bính.

⁴ Bản dịch của nhóm dịch Vũ Bội Hoàng.

Thư vận

Đây là một hành trình văn hóa dài đằng đẵng, đi qua vô số năm tháng hỏi thăm, quang âm lắng đọng, mùi mực thanh nhã đó vẫn luẩn quẩn trong mơ. Mực nước chảy qua ngàn năm, giống như một hồn phách sinh sôi bất tận, chưa từng cạn kiệt và ngừng nghỉ. Mây trắng soi nước suối, trắng trên rừng trúc, gió lướt đầm sen, trong giang hồ vô biên của bút mực, ai là hòn đá bắc ngang sông đó, ai lại là con thuyền cập bờ kia.

Những người làm bạn với bút, cả đời bị mực nước nhuộm dần, có người chìm nghỉm trong Ngân Hà bao la, không rõ danh tính; có người được in dấu trong sử sách mênh mông, tương phùng trong sách. Nhìn lại lịch sử ngàn năm của thư pháp, một buổi tụ hội mây gió huyền ảo hừng hực, không biết bắt đầu từ lúc nào, cũng không biết khi nào mới kết thúc.

Từ giáp cốt văn, kim văn diễn biến thành đại triện, tiểu triện, lệ thư, rồi có thảo thư, hành thư, khải thư thời Ngụy Tấn. Những vết mực tùy ý, phóng khoáng ấy, bằng phong cốt khác nhau của chúng, in dấu trong đáy lòng của những khách qua đường, cổ kính mộc mạc cũ xưa nhưng không hề nhạt màu. Đây là món quà đẹp đẽ của thời gian, không ai có thể nhẫn tâm phụ bạc nó.

Chữ tượng hình, giáp cốt văn, bút tích mực đỏ thẻ tre và sách lụa thời Thương Chu, Xuân Thu và thời Hán, phép tắc của khải thư thời Đường, quan niệm chuộng nội hàm thời Tống, chuộng hình thái thời Nguyên Minh, cuộc tranh đấu giữa hai phe bìa và thiếp thời Thanh. Những nhà thư pháp thuộc các thời đại khác nhau dùng mực nước để miêu tả văn hóa của triều đại và khí độ của bản thân. Họ tùy ý thay đổi trong quá trình trưởng thành, phóng khoáng tự tại trong biển mực.

Có người nói thư pháp chữ Hán là bài thơ không lời, là điệu múa không hàng lối, là bức tranh không hình vẽ, là khúc nhạc không tiếng. Đúng thế, sức hút của nghệ thuật thư pháp mang đến sự tuyệt diệu và ý vị không thể tả xiết. Một bức chữ đẹp bất luận là hình thể kiểu nào, một khi gặp gỡ là như thấy non nước, như tắm gió trắng, như gặp tri âm. Thư pháp đẹp chẳng liên quan đến Thương Chu Xuân Thu, chẳng liên quan đến Tần Hán Ngụy Tấn, chẳng liên quan đến Đường Tống Minh Thanh. Chỉ là thời điểm

vừa vặn, tâm tình vừa khéo, mới có được bút pháp như thần, viết ra tác phẩm ngàn thu.

Hết thầy gặp gỡ đều vì duyên khởi. Bao nhiêu văn nhân nhả khách tự hình thành một thể phái, dạo chơi trong thế giới thủy mặc, nhưng người có thể lưu danh muôn đời thưa thớt như sao buổi sớm. Lại càng có nhiều thư sinh chán chương ủ rũ, khom lưng uốn gối vì năm đầu gạo, bán chữ mưu sinh. Ngựa thiên lý cần gặp được Bá Nhạc, không phải mọi thiên tài đều được coi trọng, không phải mọi tấm lòng đều được trân quý.

Có những chữ nhìn tưởng chừng đơn giản không có gì mới mẻ, nhưng lại hàm chứa linh hồn bên trong. Có những chữ nhìn tưởng hoa lệ sâu sắc, nhưng thưởng thức rồi lại thấy nhạt nhẽo vô vị. Có mấy người thực sự hiểu được đây? Viết chữ cần luyện tâm dưỡng tính, mười năm mài một lưỡi kiếm, không chỉ là mỗi ngày cần chăm chỉ khổ luyện mà càng cần sự tham ngộ của tâm hồn. Đưa phẩm cách văn hóa vào chữ, rồi hòa vào non nước là có thể tự nhiên hoàn mỹ, không cần trau chuốt.

Thuở thiếu thời tôi cũng từng tập viết chữ, tin rằng một ngày có thể treo tác phẩm của mình trong phòng, tô điểm nhân sinh. Quang âm vội vã, rất nhiều ước nguyện đã bị bỏ bê, năm tháng mang lại quá nhiều tang thương, duy chỉ có nét chữ vẫn còn non nớt như xưa, không thể như ý. Từ trước tới nay, có muôn vàn bức chân tích thư họa lưu truyền trên đời, nhưng có bao nhiêu bức có thể làm lay động lòng người giống như trăng trong nước thu?

Lan đình tập tự của Vương Hi Chi có thể nói là ngọc sáng giữa biển xanh, vì thế nổi danh thiên hạ, ngạo nghễ nhìn xuống quần hùng. Vương Hi Chi được người đời xưng tụng là Thư thánh, tự là Dật Thiệu, hiệu là Đạm Trai, nguyên quán Lang Nha, sau chuyển đến ở Sơn Âm, nay là Thiệu Hưng, Chiết Giang. Một quyển *Lan đình tập tự* của ông khiến cho Thiệu Hưng trở thành thánh địa thư pháp, cũng khắc tên tuổi của ông vào thánh đường thư pháp, không gì sánh kịp.

Mực nước thanh nhã, rơi xuống trang giấy Tuyên, hội tụ thành một dòng suối lan thơm ngát xinh đẹp. Trong Lan đình thời Ngụy Tấn, từng có một cuộc tụ hội phong vân vô tiền khoáng hậu. Vào một ngày nắng đẹp gió nhẹ, danh sĩ phong lưu thời Ngụy Tấn ngồi trước non nước, uống rượu làm thơ, cảm khái nhân thế vô thường và năm tháng đổi dời. Bức tranh khoáng đạt tinh khiết này được Vương Hi Chi viết bằng bút phong như nước chảy mây trôi. Thư pháp gia các đời đều tiến cử và tôn sùng *Lan đình tập tự* là thiên hạ đệ nhất hành thư.

Chữ hành thảo của Vương Hi Chi giống như gió nhẹ bay ra từ tay áo, trắng sáng rớt vào lòng người. Người đời từng dùng danh cú trong bài *Lạc Thần phú* của Tào Thực để ngợi khen thư pháp của ông: "Nhẹ nhàng như chim hồng bay, uyển chuyển như rồng lượn, rục rờ tựa cúc thu, tươi tốt như tùng xuân. Phảng phất như trăng bị mây che, bông bênh như tuyết bị gió cuốn." Có thể thấy chữ của Vương Hi Chi uyển chuyển tú lệ, thần vận tự nhiên đến nhường nào. Một cuốn *Lan đình tập tự* giống như gập hoa nở, soi tỏ tâm nhìn thấy bản tính.

Sau này, trên đời có rất nhiều ao rửa nghiên. Nhưng cái ao thực sự là nơi vị Thư thánh rửa bút nghiên đã bị năm tháng dâu bể lấp đầy, không còn dấu tích nữa rồi. Lại sau này nữa, có "Nhan cân Liễu cốt" tức là Nhan Chân Khanh và Liễu Công Quyền, khảo thư của hai người thống trị cả bầu trời đầy sao thời Thịnh Đường. Thư pháp của Nhan Chân Khanh mạnh mẽ tròn đầy, khí phái ung dung đoan chính; thư pháp của Liễu Công Quyền rắn rỏi khỏe khoắn, tiêu sái bức người.

Họ đem học thức tu dưỡng, trải nghiệm nhân sinh, Phật pháp đạo cốt ngưng tụ lại dưới ngòi bút, khiến cho thư nghệ của mình trở nên phong thái thướt tha, muôn vàn dáng điệu. Bìa chữ của Nhan Chân Khanh đủ để dựng thành rừng, Liễu Công Quyền cũng như vậy. Nhưng chữ của Nhan thì cả đời biến đổi vạn kiểu, còn chữ của Liễu thì sau khi thể chữ thành thực lại thống nhất, ít có thay đổi. Vì thế có người nói, chữ của Nhan thì giống như thác lớn chảy tràn như muôn ngựa tung vó; còn chữ của Liễu thì tựa nước chảy ra từ hang sâu trong rừng già núi vắng. Họ dùng thư pháp để biểu đạt tình cảm sinh mệnh khác nhau, tài hoa, phong cách mỗi người một vẻ.

Trương diên Tố say, chính là nói Trương Húc tiêu sái không chịu gò bó, phong lưu khoáng đạt, còn có Hoài Tố tính tình phóng túng, không chịu thói đời trói buộc. Hai người này uống rượu để dưỡng tính, viết thảo thư để bộc lộ ý chí. Mỗi lần sau khi uống đã đời, liền cầm bút chấm mực viết như diên như đại, tựa hoa rơi vờn bay, như mây trôi vạn trạng, giống nước chảy ngàn hàng. Lối cuồng thảo tự do tự tại, không để lại dấu vết đó, cho dù là người hoàn toàn không hiểu thư pháp cũng có thể say mê, cảm động mãi không thôi.

Trương Húc là một nghệ thuật gia, thư pháp gia thuần túy, ông trút tất cả tình cảm vào bút mực, như si như say. Hoài Tố càng là một nhà sư diên, vì không có tiền mua giấy, ông trồng cả vạn cây chuối ở mảnh đất hoang sau sơn tự, hằng ngày lấy lá chuối vung bút trước gió, coi như bên cạnh không có một ai. Nơi ở của ông là một rừng chuối, vì thế được gọi là am Lục Thiên. Bút ông viết hồng được chôn ở cái sân bỏ không, sau gọi là mồ bút.

Thư pháp thời Tống chuộng nội hàm, xuất sắc nhất là "Bắc Tống tứ đại gia" gồm Thái Tương, Tô Đông Pha, Hoàng Đình Kiên và Mễ Phất. Giữa những hàng chữ, họ ra sức thể hiện tài hoa và cá tính của bản thân, cũng theo đuổi một loại tư thái thanh tân, khác xa với cổ nhân. Họ ngưng tụ khí độ phong nhã, thư hương từ vận thời Tống vào trong thư pháp, mang đến một loại ý cảnh hoàn toàn mới cho thư pháp, uyển chuyển đa tình, phong lưu bay bổng.

Triệu Mạnh Phủ thời Nguyên sáng lập ra Khái thư Triệu thể. Thời Minh thư pháp thiếp học cũng thịnh hành, Nhị Thẩm¹ thư pháp được suy tôn là chuẩn mực khái thư trong khoa cử, Chúc Doãn Minh, Văn Trưng Minh, Đường Dân, Vương Sùng bốn người noi theo Triệu Mạnh Phủ mà kế thừa thư pháp Tấn Đường, hiệu quả càng cao, lối bút tuyệt đỉnh. Cuối thời Minh, thư đàn nổi lên phong trào phê phán, họ phóng túng bút mực, không câu nệ chương pháp, một bầu tâm tình, tràn đầy mây khói trên trang giấy. Loại phong khí này kéo dài đến triều Thanh, sự hào phóng tự do, siêu việt xuất chúng của Dương Châu bát quái đã được giải phóng trong thư trong họa.

Sáu Kim thể của Triệu Cát, thể "lục phân bán thư" của Trịnh Bản Kiều, và nghệ thuật thư pháp do rất nhiều người tự sáng tạo ra đều có phong cách riêng biệt, xuất chúng độc đáo. Thư pháp gia các đời có người như u lan nơi khe vắng, tự thưởng thức hương thơm; có người lại như hoa mai bên cầu gãy, tịch mịch vô chủ; có người thì như sen xanh trong đầm lạnh, không nhuộm hồng trần; lại có người giống như thông tuyết trên núi cao, lạnh lùng cao ngạo gây guộc. Kẻ được người đời thưởng thức thì cả đời cao quý, hết sức phong lưu. Người không được công nhận thì lạc giữa hồng trần, tự mình vui vẻ.

Một tác phẩm thư pháp đẹp, cầm bút, vận bút, điểm họa, kết cấu, bố cục, đều có thể nhìn ra sự ung dung thông thả, thu phóng tùy ý của bút mực. Những con chữ trôi chảy trên thẻ tre, lụa sa, giấy Tuyên, thâm trầm vững chãi, cũng linh hoạt cô độc. Bao nhiêu người và chuyện tang thương bị thời gian vùi lấp, không thể tìm thấy, nhưng những bức tranh chữ văn hóa lưu truyền các đời vẫn mộc mạc tự nhiên như xưa, tỏa hương dài lâu.

Lúc ban đầu, văn phòng tứ bảo không thể thiếu một món, đến bây giờ, bút nghiên giấy mực đã trở thành đồ trang trí theo xu hướng hoài cổ trong thư phòng của rất nhiều người. Có thể cuộc sống tình thơ ý họa đã dần đi xa. Nhưng chúng ta vẫn có thể tìm thấy tri âm trong biển người mệnh mông, ngửi thấy vài làn hương mực, tìm thấy mấy phần nhân thú giữa phố chợ bình thường.

¹ Nhị Thẩm chỉ hai anh em thư pháp gia thời Minh Thành Tổ là Thẩm Độ và Thẩm Sán.

Có lẽ, cuộc đời thật sự khoáng đạt không cần mực đậm màu tươi, mấy nét bút nhẹ tả nhặt, thì có thể biết đủ thường vui. Mỗi khi bị những việc trần thế quẩn lầy, tôi thường nhớ đến thơ của Vương Duy: "Đi theo nguồn nước đổ, ngồi ngắm đám mây bay"². Sự tu hành của đời người cũng chỉ là vì đạt được một loại ý cảnh không thể diễn đạt bằng lời, để cầu được tâm an. Những nơi đã đến, những người đã gặp, những việc đã ngộ, duy chỉ có đích thân nếm trải, mới có thể tận thiện tận mỹ.

Năm tháng trong sách, cần khôn trong chữ. Cuộc sống sau này, nếu như không có ai bầu bạn, cũng không cô đơn. Trải một trang giấy, nhúng mấy chấm mực, kể mấy câu chuyện mây khói, viết một đoạn tháng năm như nước. Những ngày tháng tưởng rằng khó mà chịu đựng nổi, lại đi thật xa như thế.

² Bài thơ *Chung Nam biệt nghiệp* của Vương Duy, bản dịch của Lê Nguyễn Lưu.

Cổ họa

Mấy ngày trước, tôi đã có được bức *Khê sơn tiên cảnh đồ* trong một buổi mở bán tranh chữ ở Nam Thiên cổ tự. Người vẽ tranh là họa sĩ đương đại, không nổi tiếng, nhưng tôi cũng không có kiến thức quá sâu sắc về tranh, chỉ bằng cảm giác nông cạn mà cho rằng nó tinh diệu và mộc mạc. Bức tranh sơn thủy theo lối tả này, nét bút đơn giản ý tứ sâu xa, mực nước thanh đậm, sắc màu sáng rõ, ý cổ tỏ tường. Khoảnh khắc gặp gỡ tôi bỗng nhiên rung động, tựa như những gì mong muốn trong lòng đều hòa vào cảnh trong tranh.

Giữa đêm đốt hương, nghe cổ cầm, pha trà thưởng tranh, rõ ràng sống giữa phố thị hồng trần nhưng chỉ cảm thấy đi vào trong tranh, làm bạn tri giao với nhà sĩ ẩn cử chốn núi rừng. Người vẽ bố cục khéo léo, thừa dày đan xen, bút pháp trầm ổn tú mỹ, mùi mực cổ kính. Sắc núi phía xa mờ lung, điểm tuyết khói nhuốm đỉnh núi, tựa như mới mưa, cây cối đậm nhạt có thú tự, xa gần rõ ràng.

Dưới cây thông xanh, có một nhà sĩ gầy đàn, nghe tiếng thông reo. Trước mái hiên nhà gianh, một đứa trẻ con đốt lò nấu trà. Một con đường đá dài dẫn vào núi rừng, mấy chiếc lá rụng, loang lổ dấu rêu. Một người tiểu phu kiếm củi quay về, dường như bị tiếng đàn cổ nhà này thu hút nên chậm dần bước chân. Trên núi xa, bên vách mây, có mấy gian nhà cỏ như ẩn như hiện. Mấy nét bút đơn giản sơ lược, cũng cảm thấy ý cảnh xa xôi thanh tịnh phóng khoáng. Vách núi trang nghiêm, buồn bã mà đầy khí chất. Tổng thể bức họa có ý tứ sâu xa, linh hoạt đẹp đẽ, thủy mặc dung hòa, mệnh mang sáng khoái.

Đó không phải là Bá Nha, Tử Kỳ cao sơn lưu thủy gặp tri âm mà lại có sự tuyệt diệu của ý nghĩa tương đồng. Còn nhớ mấy năm trước, tôi đã từng xem một bức *Trúc lâm thất hiền* trong một triển lãm, bút mực thanh đậm, ý cảnh dạt dào phóng khoáng, mang nét phong lưu thời Ngụy Tấn. Rừng trúc gió mát, nước chảy quanh co, thất hiền¹ tụ hội dưới trúc xanh, uống rượu chơi cờ, gảy đàn bàn luận huyền cơ, áo xống pháp phới, phong thái tuấn mỹ, an nhàn. Từ trong ý cảnh của bức tranh, có thể nhìn ra sự

¹ Bảy vị học giả, nhà văn, nhạc sĩ theo tư tưởng Đạo giáo, sống trong rừng trúc vào đầu thời Tấn, bao gồm: Nguyễn Tịch, Kê Khang, Lữ Linh, Sơn Đào, Hướng Tú, Vương Nhung và Nguyễn Hàm.

khoáng đạt của thời đại đó, họ vượt qua danh phận, lễ giáo mà thuận theo tự nhiên, phong thái huyền diệu của họ lan tỏa cả rừng trúc.

Tôi từng đọc cuốn *Cổ họa phẩm lục* của Tạ Hách triều Nam Tề: "Phê bình tranh là đánh giá ưu khuyết của các bức tranh. Vẽ tranh không gì khác là để giáo hóa dân chúng, viết lại thăng trầm của lịch sử, ngàn năm trôi qua trong tích tịch, nhưng đều có thể thấy được trong tranh. Tuy tranh có sáu cách vẽ, nhưng người có thể nắm vững toàn bộ rất ít, mà từ xưa tới nay, mỗi người đều sở trường riêng một phép. Sáu cách vẽ này là gì? Một là khí vận sinh động; hai là cốt pháp dụng bút²; ba là ứng vật tượng hình³; bốn là tùy loại phú thái⁴; năm là vị trí bố cục; sáu là sao chép tác phẩm." Sáu phép vẽ tranh hoàn chỉnh này, xưa nay có mấy ai có thể lĩnh hội sâu sắc tinh túy trong đó? Điều chỉ là mỗi người một kiểu lĩnh hội được hình thái và thần vận của nó mà thôi.

Sơn thủy, đồ vật, hoa chim, nhân vật, tôi thích tranh sơn thủy và nhân vật hơn. Công bút và tả ý⁵, tôi lại thích tả ý hơn. Tranh công bút cách đi nét nắn nót tỉ mỉ, chú trọng tả thực. Tô màu tầng tầng lớp lớp, chi tiết rõ ràng sắc nét, dùng nét bút cực kỳ tinh tế và ngay ngắn để miêu tả muôn ngàn vật tượng. Bức *Trâm hoa sĩ nữ đồ*, *Huy phiến sĩ nữ đồ* của Chu Phưởng, *Đảo luyện đồ*, *Quốc Quốc phu nhân du xuân đồ* của Trương Huyền thời Đường đều miêu tả cuộc sống chân thực, đường nét trong sáng trôi chảy, thơ mộng trữ tình.

Còn tranh tả ý dùng bút súc tích, phóng khoáng, miêu tả hình tượng, tinh thần của vật tượng, truyền đạt tình cảm của nội tâm. Cách dùng bút tuy đơn giản đạm bạc, nhưng ý cảnh sâu xa, hàm súc lắng đọng, ý tứ tuôn trào theo đầu bút. Đồng Kỳ Xương thời Minh có bàn rằng: "Vẽ sơn thủy duy chỉ có tranh thủy mặc tả ý là tuyệt diệu nhất. Vì sao? Hình thái và thần tình đều giống nhau, tức là không có phong vị, màu sắc riêng biệt, tức là không có bút pháp." Nội hàm hội tranh tả ý chú trọng truyền tải đạo lý, bỏ qua hình tượng, đặc tả tinh thần. Tranh tả ý của Vương Duy, Thẩm Chu, Bát Đại Sơn Nhân, Thạch Đào, Ngô Xương Thạc, Tề Bạch Thạch có ý cảnh thuần khiết, sâu xa, lưu truyền rộng rãi, được người đời tôn sùng.

² Có nhiều cách hiểu về cốt pháp, nhưng đa phần được hiểu là súc bút mạnh mẽ, diễn tả được nội dung và ý tưởng của người vẽ.

³ Ứng vật tượng hình: hình vẽ ra giống với đối tượng miêu tả.

⁴ Tùy loại phú thái: tô màu phù hợp với từng loại đối tượng.

⁵ Hai trường phái vẽ tranh, công bút là vẽ tỉ mỉ từng chi tiết, còn tả ý thì chú trọng diễn đạt tư tưởng của người vẽ hơn.

Có những bức tranh nằm giữa công bút và tả ý, non nước từng mây dùng tả ý, lầu gác đền đài dùng công bút, hai trường phái dung hòa, màu mực trong trẻo sáng nhả, phong thái bay bổng tươi đẹp, tuyệt diệu không tả xiết. Tranh *Thanh Minh thượng hạ đồ* của Trương Trạch Đoan thời Bắc Tống dùng công bút kiêm tả ý, màu sắc trang nhã, cảnh vẽ rộng lớn, khiến người ta khen ngợi khôn xiết.

Họa sĩ dùng hình thức tranh cuộn dài, miêu tả phong cảnh tự nhiên và quang cảnh phần hoa hai bên bờ sông Biện và thành Biện Kinh. Ánh hoàng hôn mỏng manh và rừng cây thưa thớt bao trùm mấy gian nhà tranh, cây cầu nhỏ, dòng nước và thuyền con. Tiết xuân se lạnh, mầm liễu mới nhú, có người cưỡi ngựa, người gồng gánh, người ngồi kiệu... tảo mộ đạp thanh ở ngoại ô trở về, đi đến bên bờ sông Biện. Bến cảng sông Biện phần hoa tấp nập, thuyền buôn tụ tập như mây, giữa dòng thuyền qua lại, có thuyền neo sát bờ, có cái trôi xuôi dòng. Trong thành Biện Kinh người qua lại như mắc cửi, có phường trà, quán rượu, tiệm thịt, y quán, khách sạn, chùa miếu, nha môn...

Trên phố, người đi đường chen vai thích cánh lũ lượt xuất hiện, có người buôn bán nhỏ đang rao hàng, có nghệ nhân kể chuyện, có thân sĩ ngắm cảnh, có quan lại cưỡi ngựa, có công tử tụ tập, tăng nhân vân du, thuật sĩ giang hồ, trăm ngàn tư thái chúng sinh, cùng tắm trong ánh sáng ấm áp của thời thịnh thế. Bức tranh dài mà không nặng, phức tạp mà không rối rắm, hơn một ngàn nhân vật, hơn ba mươi ngôi nhà lầu gác, hơn hai mươi chiếc thuyền gỗ, hơn hai mươi chiếc xe đẩy và kiệu... Toàn bộ bức tranh nghiêm mật chặt chẽ, phân đoạn rõ ràng, động tĩnh hài hòa, tụ tán hợp lý, hình thái nhân vật sinh động như thật, ngắm xong còn để lại ý vị vô cùng.

Vì thích tranh cổ, tôi đã từng sưu tập các bộ tem tranh cổ. *Lạc Thần phú đồ* của Cố Khải Chi thời Đông Tấn, *Bộ liễn đồ* của Diêm Lập Bản thời Đường, *Hàn Hi Tái dạ yến đồ* của Cố Hoằng Trung thời Ngũ Đại, *Thanh Minh thượng hạ đồ* của Trương Trạch Đoan thời Bắc Tống, *Phú Xuân sơn cư đồ* của Hoàng Công Vọng thời Nguyên, những bức danh họa truyền đời này đã trải hết tang thương cùng với sự thay đổi triều đại, có những bức được nâng niu cất giữ trong kho báu, không được đưa ra ngoài đời; cũng có những bức lại lưu lạc phong trần, lai lịch không rõ.

Về kỹ thuật vẽ tranh, đặc tính của mực, vận dụng nước, lập ý của tranh, bút thế và tạo nét, hình thái và thần vận, tôi đều không hiểu. Chỉ cảm thấy một bức tranh tốt nên coi trọng chân thật, bộc lộ tình cảm, tùy ý vung bút. Bút pháp vị tất phải nghiêm cẩn thuần thực, chỉ cần tranh vẽ có mỹ cảm và ý cảnh, có linh hồn và thần vận, ấy là tác phẩm đẹp rồi. Mấy nét mực nhạt, giản đơn tinh khiết như nước, mộc mạc như lời nói, đường nét đơn sơ, nhìn tưởng chừng tản mạn lại thấy được khí phách.

"Xa ngắm núi xanh màu, gần nghe suối lặng im. Xuân đi hoa còn đó, người tới chim đứng yên."⁶ Tranh thơ sơn thủy của Vương Duy thời Đường là giàu linh tính nhất. Thanh u tự nhiên, giản dị mộc mạc, hàm chứa ý thiên sâu sắc. Bạn không cần hiểu thiên lý cao thâm, chỉ cần ở giữa mực nước đậm nhạt là có thể ngộ thiên. Họa cảnh của ông thanh tân bình đạm, an tĩnh nhàn nhã, không tranh giành với đời.

Tác phẩm bàn về lý luận hội họa của Vương Duy - *Sơn thủy luận* có nói: "Phàm vẽ sơn thủy, ý tứ phải có trước khi đưa bút. Núi phải vẽ thành một trượng, cây phải vẽ thành một thước, ngựa phải vẽ thành một tấc, người phải vẽ thành một phân. Người ở phía xa thì không có mắt, cây ở phía xa thì không vẽ cành. Núi phía xa không có đá, lơ mờ như hàng lông mày; nước phía xa không có sóng, cao ngang với mây. Đó chính là bí quyết. Lưng chừng núi phải có mây che, vách đá phải có suối chảy, giữa lầu đài phải có cây mọc, trên đường phải có người đi. Vẽ đá phải thấy ba mặt, vẽ đường phải thấy hai đầu, vẽ cây phải thấy ngọn, vẽ nước phải thấy gợn sóng. Đó chính là phép tắc vậy. Phàm vẽ tranh sơn thủy, thế núi bằng phẳng mà có đỉnh thì gọi là 'điên', thế núi cheo leo mà liên miên không dứt thì gọi là 'lĩnh', vách núi có hang động thì gọi là 'tụ', vách núi dựng đứng gọi là 'nhai', trên vách núi có đá treo lơ lửng thì gọi là 'nham', hình núi tròn trịa thì gọi là 'loan', sông chảy khơi thông dưới chân núi thì gọi là 'xuyên'. Con đường hẹp giữa hai vách núi gọi là 'hác', dòng suối hẹp giữa hai vách núi thì gọi là 'giản', giống như 'lĩnh' mà lại cao thì gọi là 'lãng', phóng tầm mắt nhìn ra xa mà thấy bằng phẳng thì gọi là 'bản'. Nếu biết được những bộ phận cấu thành nên sơn thủy, thì cũng biết được đại khái cách vẽ tranh sơn thủy vậy."

Vương Duy đã vẽ núi non sông suối cỏ cây, xuân hạ thu đông vào trong họa cảnh, ghi lại những câu chuyện đời người, ngày tháng êm đềm. Cỏ cây có tình, núi sông có linh hồn, tranh thơ của Vương Duy giống như một ngọn gió mát tao nhã sau cơn mưa, treo giữa thời Thịnh Đường cao quý với phong thái linh hoạt, mới mẻ. Phong cảnh đời người trải qua vô số lần thay đổi, chuyển dời, duy chỉ có non xanh nước biếc là không thay đổi dung nhan ban đầu.

Trong *U mộng ảnh*, Trương Trào thời Thanh nói: "Vì thế vạn vật trong thiên hạ đều có thể vẽ lại, chỉ có mây là không thể vẽ. Những bức tranh vẽ mây trên đời, cũng chỉ là miễn cưỡng gọi vậy mà thôi."⁷ Cao Thiêm thời Đường có thơ rằng: "Thế gian vô số người vẽ tranh, một tấc lòng đau vẽ chẳng thành." Có thể vẽ dung nhan niên thiếu,

⁶ Bài thơ *Họa* của Vương Duy.

⁷ Trích bài *Kim Lăng văn vọng* của Cao Thiêm.

phong cảnh tuyệt mỹ, một thoáng kinh hồng, nhưng lại chẳng thể vẽ được ký ức đau lòng và những câu chuyện xưa trầm lắng.

Vạn vật có linh hồn, chúng sinh bình đẳng. Đời người như sống gửi, có quá nhiều mong ước nhỏ nhoi, trong thời thịnh thế phồn vinh này, tôi vẫn là một khách qua đường đeo tay nải vị đời, đi tìm một vùng núi sông thanh tịnh, sáng trong không nhuộm bụi trần. Vòng tròn năm tháng, tư thái phù sinh, trôi chảy trong chính khói thưa mực nhạt này. Có một ngày cũng trở thành cuốn tranh cổ đi ngang qua cõi đời, làm nhạt tan hợp, hun đúc tháng ngày.

Rượu nhạt

Giang Nam tuyết chớm rơi, gió muộn chiều bàng bạc, chốn thành thị đen đuốc chập chờn. Tựa như mỗi trận tuyết đều là một lần gột sạch tâm hồn. Vạn vật ngủ đông trong tĩnh lặng, đợi khi xuân ấm có thể nuôi dưỡng một chút huệ căn. Tiện tay lật cuốn sách thẻ tre lịch sử, dường như đã mở ra một vò rượu đóng kín suốt năm ngàn năm, mùi thơm của rượu ngọt ngào ngát hương, thấm vào tận tâm cốt người ta, chưa uống mà đã say. Hãy thử nghĩ xem đêm tuyết như thế này, có bao nhiêu người chén tạc chén thù, lại có bao nhiêu người một mình nâng chén dưới song?

Bạch Cư Dị có thơ ngâm rằng: "Rượu lục nghị vừa mới nấu xong, đất đỏ khéo nặn thành lò nung. Trời tối lại còn thêm đồ tuyết, một chén anh có muốn cạn cùng?"¹ Chén rượu trong thơ của ông không chỉ sưởi ấm người đi về trong đêm gió tuyết, mà còn gieo thứ tình cảm lãng mạn trong lòng vô số người. Niềm yêu thích rượu của tôi, đại để bắt nguồn từ bài thơ này. Từ không dính một giọt rượu, đến có hứng thú ủ mớ nấu rượu, sau này lại càng có nhàn thú rót rượu trông trăng. Quá trình này giống như ủ một bầu rượu ánh trăng, dư vị vô cùng đượm hương trong bờ môi kẻ rãng.

Có một vò rượu chôn giấu mấy ngàn năm, lưu giữ quá nhiều văn hóa và câu chuyện. Dường như mỗi một cuốn sách cổ đều bị thơ rượu tình thấm nhuần, tỏa ra mùi thơm mát giữa những ký ức dằng dặc của tháng năm. Vào những niên đại còn chưa rõ, có vô số linh hồn không rõ tên đã từng tương phùng ấm áp với chúng ta. Chỉ là thời gian thâm trầm như biển, đôi bên đã nhạt dần dấu vết giữa những đến đi của đời người.

Tương truyền, thời vua Vũ nhà Hạ, Nghi Địch đã phát minh ra rượu, sau đó lại có truyền thuyết Đỗ Khang chế ra rượu. Trong *Đoản ca hành* Tào Tháo viết rằng: "Uống rượu nên hát ca, đời người là bao lâu? Ví như sương ban sớm, ngày qua lắm khổ đau. Khảng khái mà phần chấn, nhưng chẳng hết ưu sầu. Lấy gì để khuây khỏa? Duy chỉ có Đỗ Khang."² Từ đây rượu nhiều lần xuất hiện trong thơ văn, có thể tăng thêm nhả hứng, có thể tiêu sầu giải ưu, có thể đi dưỡng tính tình, có thể chuốc say bốn mùa.

¹ Bài thơ *Vấn Lưu thập cữu* (Hỏi Lưu thập cữu) của Bạch Cư Dị.

² Bài *Đoản ca hành*, kỳ nhị.

"Bách Lý Hề³, năm tám da dê, nhớ khi xưa ly biệt, mổ con gà mái ấp, lấy then cửa để đun; nay giàu sang, quên thiếp rồi sao?" Người phụ nữ giặt lụa năm xưa giết một con gà, trao cho Bách Lý Hề một chén rượu cầu công danh, mới có một khúc *Cầm ca* ai oán cảm động này. Còn Trác Văn Quân vì sống cùng Tư Mã Tương Như, không ngại chạy trốn, mở quán bán rượu, một khúc *Bạch đầu ngâm* hát lên bày tỏ hết sự trung trinh và quả quyết của một cô gái đối với tình yêu. "Trắng như tuyết trên núi, sáng như trăng trong mây. Nghe lòng chàng hai ý, thiếp dứt tình tại đây. Nay nâng chén sum vầy, mai tiễn nhau đầu bến..." Tư Mã Tương Như vì uống cạn chén rượu này, đọc được bài thơ này nên mới cùng Trác Văn Quân nối lại tình cảm tốt đẹp như trước.

Thời Ngụy Tấn, có Trúc lâm thất hiền, họ coi thường Thương Thang, Chu Vũ, Chu Công, Khổng Tử, vượt qua danh phận, lễ giáo mà thuận theo tự nhiên; bỏ kinh điển mà chuộng Lão Trang, miệt thị lễ pháp mà tôn sùng phóng túng. Hẹn nhau ở núi sâu rừng trúc, thỏa ý tiệc tùng, hát ca uống rượu. Một khúc *Quảng Lăng tán* của Kê Khang đã trở thành tuyệt xướng trên đời. Còn Lưu Linh một cơn say cả ngàn ngày, lại càng là chuyện lạ xưa nay. Họ mượn rượu để tránh né loạn thế gió mây, trong lúc nửa tỉnh nửa say, kể lại cho đời sau về phong cốt Ngụy Tấn thoát tục siêu phàm của họ.

Đào Uyên Minh đã từng rơi nhảm vào lưới trần, bỏ chức huyện lệnh Bành Trạch, quy ẩn điền viên, hái cúc giậu Đông. Ông tự tay vác cuốc làm ruộng, trồng cúc ủ rượu. Một đời này Đào Tiềm yêu nhất là hoa cúc và mỹ tửu. Ông viết hai mươi bài *Ẩm tửu* (Uống rượu), tự mình thưởng thức tự mình vui, nhàn nhã ở núi Nam. Một nửa bầu rượu, một cây đàn, uống say mộng về chốn đào nguyên, sống cuộc đời an cư lạc nghiệp cùng với già trẻ trong thôn.

Rượu của thời Đường có một cảnh tượng thịnh vượng vô tiền khoáng hậu. Bao nhiêu văn nhân mặc khách ngâm thơ trong rượu, cả thành Trường An giăng đầy mùi rượu thơm nồng, trăm ngàn năm nay, trước sau vẫn chẳng xua tan đi hết. "Lý Bạch một chén thơ trăm thiên, say giữa Trường An ngoài phố chợ, Hoàng đế cho gọi chẳng lên thuyền, tự xưng thần là tửu trung tiên."⁴ Thi nhân hào phóng Lý Bạch cả đời mê rượu, nhờ rượu ý thơ lời văn của ông tuôn trào như suối. Vì rượu ông có thể coi thường thiên tử, Dương Quý phi mài mực cho ông, Cao力士 phải nâng ủng cho ông. Ông đối

³ Bách Lý Hề: Hay còn gọi là Ngũ Cổ đại phu, là tướng quốc, chính trị gia nước Tấn thời Xuân Thu. Năm 65 TCN, Bách Lý Hề bị bắt làm tù binh tại nước Sở, được Tần Mục công chuộc bằng năm tấm da dê, đưa về Tấn trọng dụng, Bách Lý Hề và Kiển Thúc đã đưa nước Tấn lên ngôi vị bá chủ trong thời kỳ Xuân Thu. Sau khi ông thành danh, người vợ Đỗ thị vẫn sống trong nghèo khổ, lưu lạc sang Tấn làm người giặt thuê cho nhà Bách Lý Hề, vì dâng một khúc ca mà vợ chồng nhận ra nhau, gia đình đoàn tụ.

⁴ Trích bài *Ẩm trung bát tiên ca* của Đỗ Phủ.

ngựa ngũ hoa, áo lông cừu đáng giá ngàn vàng lấy mỹ tửu, cuối cùng say rượu vớt trăng, bỏ mình giữa sông.

Đỗ Phủ lo nước thương dân, cũng có một mặt phóng túng không câu nệ, ông viết bài *Ấm trung bát tiên ca*. Tám vị tiên rượu trong thơ đã sống cuộc sống khoáng đạt hào sảng uống rượu làm thơ giữa thành Trường An. Ông cũng có sự tiêu sái "Ban ngày hát ca uống rượu tràn, xuân xanh bầu bạn ta về làng"⁵. Mỹ tửu trong chén khiến ông quên hết ưu phiền, cũng thấm hương thơm ngát cho những vần thơ.

Bạch Cư Dị lãng mạn đa tình tự xưng là Túy Ngâm tiên sinh, ông yêu rượu, yêu thơ, yêu đàn, yêu mỹ nhân. Mỗi khi gặp ngày lành cảnh đẹp, ông liền mời khách đến nhà chơi, thổi vò rượu, mở tráp thơ, nâng đàn sáo, uống rượu, ngâm thơ, gảy đàn. Gia đồng gảy khúc *Nghê thường vũ y*, ca kỹ hát bài *Dương liễu chi*, uống say túy lúy mới nghỉ. Khi ngày đẹp trời trong, ông dạo chơi ngoại thành, trong xe sẵn một cây đàn, một chiếc gối, mái hiên xe treo đôi bầu rượu, ôm đàn nâng chén, hết hứng mới về. Ông bị biếm chức làm Tư mã Giang Châu, tương phùng với người ca nữ tỳ bà lưu lạc chân trời góc bể. Bạch Cư Dị viết câu "Trên trời nguyện làm chim liền cánh, dưới đất nguyện làm cây liền cành", khi già thì đuổi hai người thiếp yêu quý nhất là Phàn Tố và Tiểu Man đi, vui vẻ một mình nâng chén, màn trời chiếu đất.

Nếu như nói rượu đã thấm đẫm Đường thi, thì cũng như thế, rượu sưởi ấm Tống từ. Tô Thức có hoài bão "Trăng sáng bao giờ có, nâng chén hỏi trời cao"⁶, lại nhìn rõ mọi buồn vui tan hợp, nắng mưa tròn khuyết trong cõi đời như mộng. Liễu Tam Biến⁷ phụng chỉ làm từ, lại là "Thà đổi công danh, rượu nhạt hát cá"⁸. Tân Khí Tật gửi gắm hùng tâm tráng chí vút mây xanh vào chén rượu, viết ra điệu từ "Ai cùng ta, say trăng sáng"⁹.

"Rượu nhạt uống đôi ba chén, không chống nổi, chiều về gió dữ."¹⁰ Rượu trong từ của Lý Thanh Chiêu uyển chuyển mà buồn bã, giống như một mối sầu thanh nhàn xưa mãi chẳng tan, một mối tương tư không thể xóa bỏ. Năm xưa Lục Du và Đường Uyển trùng phùng ở vườn Thắm, Đường Uyển đích thân tặng Lục Du một bầu rượu, khiến

⁵ Trích bài *Văn quan quân thu Hà Nam Hà Bắc* (Nghe tin quan quân thu lại đất Hà Nam, Hà Bắc) của Đỗ Phủ.

⁶ Trích bài *Thủy điệu ca đầu*, bản dịch của Nguyễn Chí Viễn.

⁷ Túc Liễu Vĩnh.

⁸ Trích bài *Hạc xung thiên - Hoàng kim bảng thượng* của Liễu Vĩnh.

⁹ Trích bài *Hạ tân lang - Biệt Mậu Gia thập nhị đệ* của Tân Khí Tật.

¹⁰ Trích bài *Thanh thanh mạn* của Lý Thanh Chiêu.

ông nhớ về những chuyện cũ xưa kia, trăm ngàn cảm xúc đan xen, viết nên bài từ tuyệt xướng thiên cổ "Tay trắng muốt, rượu vàng rót, khắp thành rờn liều màu xuân tỏ"¹¹.

Trong bài *Túy Ông đình ký* (Bài ký đình ông say) Âu Dương Tu viết: "Túy ông say không phải tại rượu, mà say tại non nước. Cái vui của non nước ở trong lòng mà gửi gắm vào rượu vậy." Âu Dương Tu một đời thích rượu, quần quanh giữa sông núi, cuộc sống trắng thanh gió mát, tự tại tiêu dao. Những năm cuối đời ông sưu tầm vạn quyển sách, sống trong đàn cờ thơ rượu, vui vẻ quanh năm, thanh thoi bốn mùa. Rượu của ông có cảnh giới, quên hết vinh nhục, tan mọi danh lợi.

Rượu vào thời Nguyên Minh Thanh cũng tiêu sái ngông cuồng, nửa tỉnh nửa say. Rượu không chỉ ẩn trong thơ từ khúc phú, mà còn lạc giữa những danh tác cổ điển, càng đưa hương trong cuộc sống bình thường. "Tóc bạc ngư tiêu trên bến nước, quen nhìn gió mát trăng trong. Một bầu rượu đục lúc tương phùng. Cổ kim vô số chuyện, cười nói luận đàm ngông."¹² Rượu trong *Tam Quốc diễn nghĩa* có hào tình khảng khái mơ xanh ủ rượu luận anh hùng.

"Rượu này là do những chất nước tinh túy của trăm thứ hoa muôn loài cây, rồi thêm vào chất tủy của kỳ lân và sữa của chim phượng mà ủ nên, nhân đặt tên là 'Vạn diễm đồng bôi'." Rượu trong *Hồng lâu mộng* luôn chứa một loại ý vị miên man, tao nhã phong lưu không thể diễn tả thành lời.

Nơi uống rượu cũng có rất nhiều chỗ để lựa chọn. Có nhà lớn trang nhã, cũng có quán rượu ở phố chợ. Có nơi bên bờ non nước, có nơi giữa chốn rừng xanh. "Nhân sinh có lúc không thỏa ý, sớm mai xõa tóc rong thuyền chơi."¹³ Lý Bạch chống kiếm vân du, say khuất trên thuyền. "Rượu bồ đào chén dạ quang, muốn say đàn đã rền vang giục rồi."¹⁴ Vương Hàn say nằm ở sa trường nơi biên giới lạnh lẽo, không hỏi xem ngày mai liệu có da ngựa bọc thây hay không. "Hỏi xem quán rượu nơi nào tá, mục đồng nhón chỉ Hạnh Hoa thôn."¹⁵ Đỗ Mục liệu có tìm thấy quán rượu Hạnh Hoa thôn ẩn trong sương khói rừng núi giữa tiết Thanh Minh mưa lất phất hay không?

Tết Đoan Ngọ uống "rượu xương bồ", tết Trùng Dương uống "rượu hoa cúc", đêm Trừ tịch uống "rượu năm mới". Bất luận là tết lớn lễ nhỏ, đám hiếu đám hỉ, lễ tế tôn giáo, đều không thể thiếu được một bình rượu ngon. Trên là yến tiệc cung đình, dưới là bách tính nhà nông, chén rượu này uống từ ngàn năm đến tận ngày nay, từ chiều

¹¹ Trích bài từ *Thoa đầu phụng* của Lục Du.

¹² Bài từ *Lâm giang tiên* của Dương Thận, bản dịch của Diệp Luyến Hoa.

¹³ Trích bài *Tuyên Châu Tạ Dữu lâu tiễn biệt Hiệu thư thúc Vân* của Lý Bạch.

¹⁴ Trích bài *Lương Châu tử* của Vương Hàn, bản dịch của Trần Trọng San.

¹⁵ Trích bài *Thanh Minh* của Đỗ Mục.

tối cho đến tinh mơ. Người ta đều nói, thiên hạ chẳng có bữa tiệc nào là không tàn. Nhân gian đẹp đẽ như gấm thêu này, ai là người vòng tay giao bôi với bạn, ai là người cùng bạn rời đi?

"Khi nào quay về, làm một kẻ nhàn. Một cây đàn, một bầu rượu, một suối mây."¹⁶ Đây đâu chỉ là tâm nguyện của Đông Pha tiên sinh, mà cũng là niềm ngưỡng vọng của chúng sinh trong thiên hạ. Có thể có một ngày, tôi yên ổn trong một ngõ sâu nào đó của Giang Nam, cất trữ lương thực, ở sân sau phủ đầy rêu xanh, đào một cái giếng sâu, lấy nước giếng trong để nấu rượu. Rồi lại hái hoa quả tươi, lá cây bốn mùa, ngâm vài vỏ ngọc những quỳnh tương, niêm phong cất ở nơi sâu thẳm của thời gian, đợi người có duyên đến mở và thưởng thức.

¹⁶ Trích bài từ *Hành hương tử* của Tô Đông Pha.

Trà trong

Nhặt một bó cành mai, múc hai muôi nước sôi, lấy ba búp trà, thêm bốn phần nhân tình, nấu một bình trà trong. Rót vào chén ngọc, thưởng thức nước trà sóng sánh, ngửi mùi hương ngan ngát, uống vào chan chất, sau đó lại ngọt dịu. Mùi hương trà thâm trầm lâu bền, ý vị vô cùng. Có lẽ uống trà như thế này có chút đơn giản, nhưng những mầm non có linh tính nhất trong các loài cỏ cây của nhân gian, được mặt trời mặt trăng mưa móc nuôi dưỡng này, sao có thể không được người đời gửi gắm chân tình mà yêu mến đây?

Một chén trà ngon giống như cơn gió mát tinh khiết và trang nhã sau mưa, tựa như trận tuyết chớm rơi sạch sẽ, sáng sủa vào buổi chiều bàng bạc. Bao nhiêu chuyện đời phúc tạp rối rắm, những năm tháng đẹp để vui buồn đan xen đều bị ném vào trong nước sôi lửa lò, nhìn lá trà duỗi ra như ráng mây, cuộn cuộn chìm nổi. Bị pha từng lần từng lần như thế, từ đậm đến nhạt, từ nóng chuyển sang lạnh, tỏa ra hết mùi thơm mát, nếm qua hết trăm vị. Cuối cùng, chỉ còn lại một chén nước trắng không màu không mùi, giống như cuộc đời đã tẩy rửa hết mọi sắc màu của bạn và của tôi.

Một đời của trà, tuy chất đắng, nhưng cũng xanh biếc trong vắt. Trong lòng tăng nhân, trà là thiện; trong mắt thương nhân, trà là lợi; dưới ngòi bút văn nhân, trà là nhã; còn trong nhà bách tính, trà là lễ. Trên đến quan lại quyền quý, dưới đến dân thường phố chợ, uống trà đã thành một kiểu trào lưu thời thượng. Uống trà để nhớ về cội nguồn, lấy trà để đãi khách, lấy trà để kết bạn, lấy trà làm thơ, lấy trà làm ca từ, lấy trà để giảng kinh, còn có lấy trà làm hứng thú nghề nông và lấy trà để làm giàu. Trà hòa vào cuộc sống bình thường một cách tự nhiên như thế, không bận tâm đến thể thái, lại có mùi vị và sự phong nhã tuyệt diệu không thể tả xiết.

Rốt cuộc người Trung Quốc bắt đầu uống trà từ bao giờ, truyền bá đã lâu, lại chẳng thể phân định thuyết nào là đúng. Đại để bắt đầu từ thời Hán, thịnh hành vào thời Đường, sau trải qua Tống Minh Thanh, noi theo đó đến tận ngày nay. Trà thánh Lục Vũ người đời Đường đã từng ghi chép trong cuốn *Trà kinh*: "Trà trở thành đồ uống, bắt nguồn từ Thần Nông thị, có danh tiếng bởi Lỗ Chu công, Tề có Yên Anh, Hán có Dương

Hùng, Tư Mã Tương Như, Ngô có Vi Diệu, Tấn có hội Lưu Côn, Trương Tải, Viễn Tổ Nạp, Tạ An, Tả Tư... đều thích uống trà."

Trong *Thần Nông bản thảo kinh* từng có ghi chép rằng: "Thần Nông nếm trăm loại cỏ, một ngày gặp bảy mươi hai loại độc, nhờ uống trà mà giải được độc." Có thể thấy, ngay từ thời Thần Nông, đã phát hiện ra lá trà tươi có thể giải độc. Nhưng người sáng tạo ra trà đạo, chính là người viết ra cuốn sách *Trà kinh* nổi tiếng - Lục Vũ, vì thế ông được người đời suy tôn là Trà thánh, Trà tiên. Từ đó về sau, phong trào uống trà trở nên thịnh hành trên dưới toàn quốc, trà trở thành một loại văn hóa, giúp người tu hành tìm thấy cảnh giới thanh tịnh và bình hòa trong vị trà, cũng giúp vô vàn chúng sinh cảm nhận được câu chuyện sinh diệt của nhân gian giữa cỏ cây thiên nhiên.

Trong một bài thơ nổi tiếng tên là *Lục tiện trà ca* của Lục Vũ có viết: "Không ham chén vàng ròng, chẳng chuộng ly bạch ngọc. Không ước quan trong triều, không mộng lầu vàng son. Chỉ ngưỡng mộ dòng Tây Giang, chảy tới cạnh thành Kim Lăng." Lục Vũ dạy chúng ta rằng chớ nên dừng lại trong vinh hoa phú quý của trần thế, mà nên cúi xuống để bắt đầu một mối tri giao sâu sắc với lá cỏ bình thường. Phẩm chất của ông giống như trà, nguyện chịu gió sương tẩy rửa, không sợ tháng năm mài mòn, cũng không ngưỡng mộ ngựa quý xe sang, công danh lợi lộc.

Lục Vũ, tự là Hồng Tiệm, lại có hiệu là Trà Sơn Ngự Sử. Ông cả đời thích trà, tinh thông trà đạo. Thuở ấu thơ ông lớn lên trong chùa, học chữ, hiểu cách pha trà. Sau ông không muốn cạo tóc đi tu nên trốn ra khỏi chùa, lưu lạc đến một gánh hát, làm kép hát. Rồi sau đó nữa ông đi khắp thiên hạ, nếm đủ mọi loại danh trà của các vùng đất, thế sẽ viết một bộ sách về trà với đầy đủ các phương diện liên quan như vùng đất sinh ra, quá trình sinh trưởng của cây trà và các công cụ, phương pháp hái trà, sao chế trà, thưởng thức trà...

Lục Vũ ẩn cư giữa núi, đóng cửa viết *Trà kinh*. Thời gian đó ông nhiều lần một mình đi khắp trong núi ngoài đồng, vào tận nhà nông, hái trà tìm suối, nếm thử vị nước. Người đời sau kết mối duyên phận hiếm có với trà, là nhờ Lục Vũ. Những tác phẩm thơ ca về uống trà, câu chuyện về uống trà, tinh túy về uống trà và cả điển cố về uống trà đến nay mệnh mông như biển khơi, được truyền tụng trong gian trà thất trang nhã, ngoài cửa, trên phố.

Cho nên có câu thơ "Đêm khuya khách tới trà thay rượu, cúi tre nhóm bếp lửa đương hồng"¹, lại có nhĩ thú "Lại nhen lửa mới đun trà, rượu thơ bầm lầy tuổi hoa suốt

¹ Trích bài *Hàn dạ* của Đỗ Lỗi.

mùa"². Bao nhiêu văn nhân mặc khách tụ hội bên bếp lửa trong đêm tuyết, thưởng trà làm vui, làm thơ gửi hứng. Hoặc là bách tính tầm thường, bạn bè tụ hội, pha một bình trà ngon, mấy đĩa điểm tâm, chuyện trò thoải mái, nhớ lại chuyện xưa, cảm nhận sự ấm áp của sum họp.

Mọi ồn ã của thế gian sẽ trầm tĩnh trở lại trong một chén trà. Sự từ bi và bao dung của nước khiến cho rất nhiều người học được cách cảm ơn, hiểu được có những sự cho đi không cầu nhận lại, còn vui vẻ hơn nhiều. Trà có thể tẩy rửa phong trần, làm êm ấm tâm tình; có thể lược bớt phức tạp, giữ lại sự trong lành; có thể chắt lọc nóng vội, trở về với sự điềm đạm.

Lư Đồng có danh hiệu Trà tiên, đã viết trong bài thơ *Tẩu bút tạ Mạnh gián nghị ký tân trà* (Thư viết nhanh tạ ơn quan gián nghị họ Mạnh gửi tặng trà mới) rằng: "Chén thứ nhất ướt môi hóng, chén thứ hai phá cô sầu. Chén thứ ba tẩy ruột khô, chỉ còn văn tự năm ngàn quyển. Chén thứ tư ứa mồ hôi, chuyện bất bình trong đời, phát tiết tất cả ra mọi lỗ chân lông. Chén thứ năm hình hài trong sạch, chén thứ sáu thông suốt tới cõi tiên linh. Chén thứ bảy chẳng uống đặng, chỉ thấy bên vai gió nhẹ nổi."³ Bài thơ về bảy chén trà nổi tiếng này đã nói hết sự thần thông và thấu suốt của trà, sau khi uống trà xong lâng lâng muốn lên tiên, giống như ảo như mộng.

Trà có rất nhiều chủng loại, có trà xanh, trà đỏ, trà trắng, trà vàng, trà đen, trà hoa, trà Ô Long, trà Phổ Nhĩ... Nhưng những loại trà này lại phân bố ở những vùng đất khác nhau, có những thuộc tính khác nhau, màu nước và hương vị khác nhau. Trà mọc ở rừng núi vắng người, được mây mù mặt trăng mặt trời chăm tưới, nên tránh xa cõi phù sinh, khơi thông linh tính. Mỗi người đều có thể tìm thấy một loại trà tâm đầu ý hợp với mình, thu được tinh túy, xóa bỏ chấp niệm, thưởng thức sự an lành, yên tĩnh trong nước trà.

Trong *Hồng lâu mộng* có một hồi, am Lũng Thúy uống trà, ngắm hoa mai trong tuyết. Hôm đó, Giả mẫu dẫn già Lưu và mọi người đi đến am Lũng Thúy, Diêu Ngọc tự tay bưng trà dâng lên Giả mẫu, Giả mẫu nói: "Ta không uống trà Lục An." Diêu Ngọc cười nói: "Con biết rồi, đây là trà Lão Quân Mi." Có thể thấy Giả mẫu kết duyên khá sâu đậm với trà Lão Quân Mi. Trà Lão Quân Mi búp nhỏ như lông mày, lấp lánh ánh bạc, ngụ ý trường thọ, mùi vị lại thanh đậm, tao nhã. Đây là loại trà tương đối phù hợp với thân phận cao quý của Giả mẫu, bà thích loại trà nhàn nhạt, lượng pha vừa phải. Trà

² Trích bài *Vọng Giang Nam*, Siêu Nhiên đài tác của Tô Thức.

³ Bản dịch của Vũ Thế Ngọc.

Lục An tuy là danh trà, nhưng mùi vị đậm đà, hương thơm nồng đượm, pha được rất lâu, trái lại phù hợp với khí chất của già Lưu hơn.

Đồ đựng và uống trà cũng khá là cầu kỳ. Hôm đó Diệu Ngọc lấy ra mấy chiếc chén sứ, bát uống trà có nắp, đầu bằng ngọc... tinh xảo mà mình yêu quý cất giữ, lần lượt rót trà đưa cho Giả mẫu, Đại Ngọc, Bảo Thoa và Bảo Ngọc. Nhưng phàm là gia đình thường dân bách tính, chỉ đựng trà bằng đồ gốm, tử sa, đồ sứ, thậm chí là bát gỗ, chén tre. Nhà quyền quý thì dùng chén vàng, chén ngọc, hoặc một vài món đồ cổ, đồ hiếm để gửi gắm hứng thú và sự phong nhã.

Nước pha trà cũng phải lựa chọn. Nước mưa, nước tuyết, nước sương, nước suối đều có thể dùng để pha trà. Diệu Ngọc mời Giả mẫu uống là loại nước mưa trữ đã lâu năm, còn nước pha trà cho Đại Ngọc và Bảo Thoa lại là nước tuyết đọng trên hoa mai mà mình cất giữ năm năm rồi không nở dùng. Mấy phân đoạn ngắn ngủi, có thể nhìn ra Diệu Ngọc là một người sành thưởng thức trà, cũng có thể nhìn ra uống trà không chỉ là thời thượng mà còn là một thú vui ưu nhã vô cùng.

Một bình trà ngon không chỉ phải lựa chọn chủng loại trà ngon, mà còn là chọn đồ đựng khác nhau, loại nước khác nhau, thời tiết khác nhau, thời điểm khác nhau và cả hoàn cảnh khác nhau, thưởng thức cùng với những người khác nhau, vậy mới thể hiện trọn vẹn tính thiên nhiên, vị phong nhã của nó. Hết thấy những điều này đều là món quà trân quý nhất mà thiên nhiên ban tặng con người. Chúng ta phải thưởng thức tinh túy hồn phách của thảo mộc, thứ cam lộ nhân gian này bằng một trái tim thanh đạm thoát tục.

Trà có tính cách, có khí chất; trà có phẩm đức, cũng có phong cốt. Thưởng trà không chỉ có thể làm sáng tâm tính, còn có thể kéo dài tuổi thọ. Một bình trà đó, từ thời Đường Tống xa xôi, đi qua Minh Thanh được vô số mùa xuân thu nung ủ, nước trà vẫn xanh biếc trong veo như xưa, hương vị thanh nhã thuần túy đượm nồng. Vốn dĩ trà cũng có thể giống như rượu, niêm phong kín, cất giữ ở nơi sâu thẳm của năm tháng, tranh thắng thua với thời gian.

Nước Nhược ba ngàn, chỉ lấy một bầu để uống. Hết thấy cỏ cây đều có tình ý. Chỉ cần bạn nhẩn nại nếm thử, nhất định có thể tìm thấy một chén trà chỉ thuộc về riêng bạn. Tương phùng với trà vào bất cứ thời điểm nào đều không phải là quá muộn. Hãy để chúng ta trồng xuống thiện nhân, kết thiện duyên một cách rộng rãi trong nước trà. Nếu như thấy mệt mỏi với nhân tình thế thái, chán ngán với phong cảnh đã đi qua, chẳng thà ngồi xuống, nhóm lửa pha trà. Một bình trà này, uống cho ra từ bi hỉ xả, uống đến sóng gợn chẳng kinh.

Quyển Thứ hai

Một trang thi thư

cả tuổi hoa



Thi kinh

Bẻ tre trong sân làm thuyền, dựng cầu vồng sau mưa làm cầu, xuyên qua gió Đường mưa Tống, đi về phía *Thi kinh* ba ngàn năm trước. Phồn hoa ngàn năm, chuyện vui nhân gian, giống như một cơn gió nhẹ, một đóa mây trôi, bị thời gian ném đi thật xa. Những khoảnh khắc ẩn giấu đằng sau năm tháng, những câu từ mềm mại phủ bụi của quãng thời gian ấy, bị đặt trong một cuốn sách thẻ tre, viết đầy ký ức vừa cũ kỹ vừa trong trẻo.

Một niên đại gọi là *Thi kinh* lặng lẽ mở màn giữa xuân thu bình lặng. Nó giống như một vương triều, trải qua thịnh suy tươi héo, ao mộng vô thường. Nghe nói, câu chuyện liên quan đến *Thi kinh* kéo dài chừng sáu trăm năm. Sáu trăm năm từ thời kỳ Tây Chu đến trung kỳ Xuân Thu, trong quá trình dài đằng đẳng này, những cổ nhân ấy đã hiểu được cách dùng những con chữ đẹp để biểu đạt một cách hàm súc, uyển chuyển tình cảm tự do tuôn trào trong nội tâm.

Trong thiên "Khổng Tử thế gia" của cuốn *Sử ký* có viết: "Ngày xưa *Thi* có hơn ba ngàn bài, đến thời Khổng Tử, ông bỏ bớt những bài trùng lặp, giữ lại những bài có ích cho lễ nghĩa, còn ba trăm lẻ năm bài." Thế là, ba trăm lẻ năm bài này được biên soạn thành *Thi kinh*, chia thành ba phần là "Phong", "Nhã", "Tụng", trở thành bộ tổng tập thi ca đầu tiên của Trung Quốc. Những người sáng tác thơ trong quá khứ đã bị chôn vùi trong gió bụi lịch sử, sớm không thể tìm được nữa. Cho dù câu thơ xưa đã vương đầy dấu rêu, nhưng tư tưởng nội tại của nó vẫn trong sáng như gương. Chúng ta có thể phủi đi lớp bụi của năm tháng, nhìn thấy cuộc sống xã hội, phong tục dân tình thế thái của sáu trăm năm trong *Thi kinh*.

Khổng Tử nói: "*Thi* có ba trăm bài, dùng một lời để tóm lược, đó là: 'không nghĩ bậy'." Ông còn nói: "Không học *Thi*, không biết cách ăn nói." Chúng ta và cổ nhân vốn dĩ ở hai bờ năm tháng xa xôi, nhưng vì có thơ ca truyền đạt tình cảm, nên mới có thể tâm ý tương thông. Một cuộc gặp gỡ bình thường, đủ để xuyên qua tang thương của văn minh mấy ngàn năm. Sự kỳ diệu của chữ nghĩa khiến người ta không thể nào dự đoán được, những ký tự nhìn tưởng đơn giản, những vần thơ bình thường, nhưng có

thể biến đổi ra ý cảnh vô cùng, khiến người ta nghiền ngẫm ra ngàn loại thú vị, vạn loại tình ý.

Sự tuyệt diệu của *Thi kinh* là sau khi đọc xong làm tâm hồn trong sạch, giống như một bình trà xuân đốt củi đun nước để pha, bản tính thiên nhiên, không cần tô điểm. Vì gửi gắm tâm sự liễu chênh chếch mưa lất phất, hứng thú ngày ấm hoa đào khoe sắc, cho nên trong câu thơ hàm chứa một sự cao xa như nước biếc mây trôi, thanh đạm như trăng thanh gió mát. Đó là dân ca của cả một thời đại, không chỉ miêu tả tình cảnh cuộc sống lao động nhân dân bình thường, mà còn kể về tình yêu đẹp của nam nữ, đồng thời còn dùng hình thức thơ ca diễn đạt lại một cách sinh động các câu chuyện thời cuộc phong vân trong lịch sử và những ngày tháng xuân cày thu gặt¹.

"Quan quan kìa tiếng thư cưu, bên cồn hót họa cùng nhau vang dầy. U nhàn thực nữ thế này, xứng cùng quân tử sánh vầy lứa duyên./ So le rau hạnh lơ thơ, hái theo dòng nước ven bờ đôi bên. U nhàn thực nữ chính chuyên, nhớ khi thức ngủ triền miên chẳng rời. Nếu cầu mà chẳng được người, khi mơ khi tỉnh bồi hồi nhớ thương. Xa xôi trông nhớ đêm trường, chiếc thân trần trọc trên giường nào yên./ Vắn dài rau hạnh bên sông, kiếm tìm mà hái theo dòng đôi bên. Được người thực nữ chính chuyên, mền nàng cầm sắt đánh lên vang dầy. Bên sông rau hạnh vắn dài, đem về nấu chín mà bày hai bên. Được người thực nữ chính chuyên, để nàng vui thích vang rền trống chuông."²

Quan thư là bài đầu tiên của *Thi kinh*, miêu tả một thanh niên tướng mạo anh tuấn, tính cách phóng khoáng, có tình yêu mền vô hạn với một thực nữ yếu điệu. Tình yêu là chủ đề bất biến từ ngàn xưa, còn *Thi kinh* lại lấy tình yêu đẹp để trên thế gian làm mở đầu, đã kể cho chúng ta biết về một câu chuyện lãng mạn của năm tháng xa xưa. Bờ sông xanh xanh, nước biếc mơn mớn, dưới bầu trời trong vắt không gợn bụi, có một thiếu nữ xinh đẹp, hiền hậu đi hái rau hạnh, vô ý lọt vào giấc mộng của người khác, bị người khách qua đường đa tình mong chờ thành phong cảnh đẹp nhất.

Nàng không biết nàng đã phạm phải một sai lầm đẹp đến nhường nào. Nàng sai ở chỗ bóng dáng xinh đẹp của nàng giống như liễu mảnh tháng Hai, dung nhan như hoa đào tháng Ba; sai ở chỗ chỉ mãi hái rau hạnh mà tùy ý buộc mái tóc đen nhánh buông lơ, làm cặp mắt của chàng thanh niên mơ màng; sai ở chỗ phơi mình ra dưới ánh dương, phô bày vẻ thanh xuân không tì vết. Vẻ đẹp của nàng đã khiến chàng thanh niên đi ngang qua ngưỡng mộ đầy dục dằn, kéo theo nỗi sầu đẹp để của chàng. Thế

¹ Xuân cày thu gặt: Thành ngữ Trung Quốc, ví sự học tập, lao động và thu được thành quả.

² Ba bài *Quan thư*, bản dịch của Tạ Quang Phát.

là, chàng viết ra bài thơ đi qua sông này, hy vọng có một ngày có thể đi qua dòng sông ái tình này, kể hết nỗi lòng với thiếu nữ trong mộng kia.

Sau này, vào một ngày thu sương mênh mang giăng trên lau lách, còn có một người nọ cũng phạm phải một lỗi lầm xinh đẹp tương tự bên bờ sông. "Lau lách xanh tươi và rậm rạp, mọc làm sương phủ khắp mọi nơi. Người mà đang nói hiện thời, ở vùng nước biếc cách với một phương. Ví ngược dòng tìm đường theo mãi, đường càng thêm trở ngại xa xôi. Thuận dòng theo đến tận nơi, giữa vùng nước biếc thấy người ở trong."³ Bài thơ *Kiên gia* này, dường như đọc lên bất cứ lúc nào, đều mang lại một nỗi lạnh lẽo của ngày thu mênh mang, một nỗi mong đợi trăm chuyển ngàn hồi.

Giai nhân điểm lệ, hà cớ gì đứng bên bờ sông khiến người ngưỡng mộ nàng, cách một dòng nước thu mờ sương khói, nhìn nhau mà mộng lung. Muốn lợi ngược dòng đi tìm, cớ sao đường đi hiểm trở, xuôi dòng đi tìm thì giống như người ở giữa dòng nước. Chỉ có thể đứng trầm tư trên bờ, thỉnh thoảng lưỡng lự ngược đầu nhìn, hy vọng có thể lợi nước băng qua, làm một cây cỏ lau dưới gấu váy nàng.

Nhưng trăm ngàn năm qua, chàng trước sau vẫn đến rồi lại đi, tìm kiếm bên bờ sông, nhìn năm tháng đổi thay, dòng sông duyên phận ấy, từ đầu tới cuối chàng vẫn chưa vượt qua. Còn người đẹp bị khóa kín ở một vùng nước thu, vẫn chỉ có thể ngóng trông mà không thể có được như xưa. Người bình thường như chàng làm sao có thể giống như Đạt Ma tổ sư, bẻ một cành lau ném xuống giữa dòng sông, biến hóa thành một chiếc thuyền, bỗng bèn vượt sóng. Có lẽ sẽ có lúc, cái đẹp của khoảng cách còn hơn cả sự ấm áp gần nhau trong gang tấc.

Tương tư như mưa gõ trên trái tim đa sầu đa cảm của người đang yêu. "Áo chàng bầu vải xanh xanh, nhớ chàng em lại nghĩ quanh xa vời. Ví bằng em chẳng đến chơi, sao chàng chẳng gởi vài lời viếng thăm?/ Xanh xanh tua ngọc của chàng, nhớ ai em nghĩ xốn xang xa vời. Ví bằng em chẳng đến chơi, sao chàng lại chẳng đến nơi em chờ?/ Nhẹ nhàng em nhảy lên nhanh, đứng trông trên cửa lầu thành vót cao. Một ngày mà chẳng thấy nhau, lâu như ba tháng khác nào chàng ôi."⁴ Có một cô gái như thế, tấm lòng thơm nảy nở, để đợi chờ người trong lòng mặc áo xanh kia, quanh quẩn ở lầu thành buổi hoàng hôn. Theo nàng như hình với bóng, chỉ có một vầng trăng sáng trong.

Lẽ nào lời thề non hẹn biển ngày hôm qua đều trở thành khói mây qua mắt? Cho dù ta không nhìn chàng, thì chàng cũng không nên dứt khoát bật tin như thế. Quả thật

³ Bài *Kiên gia* 1, bản dịch của Tạ Quang Phát.

⁴ Bài *Tử khâm*, bản dịch của Tạ Quang Phát.

là tâm ý tương thông, cũng nên biết ta sẽ chờ chàng ở đây, tại sao còn không thể chủ động tìm đến? Nếu như tìm đến, ta không ở đây, cũng không thể dễ dàng thay đổi lời hẹn ban đầu, phụ bạc tình duyên.

Tâm sự tinh tế uyển chuyển như thế của thiếu nữ, khiến người đọc cũng cảm nhận được nỗi khổ tương tư của nàng. Có lẽ chỉ có người đã từng yêu, từng đợi chờ mới hiểu thấu được mùi vị này. Sau đó, trong bài thơ *Thái cát* có một ngày không gặp, buồn bã và ủ rũ như cách ba thu. "Kìa người hái sắn hái đay, trông nhau không thấy một ngày tương tư, lâu như ba tháng đợi chờ./ Cỏ tiêu đi hái kìa ai, xa nhau chẳng gặp một ngày đợi trông, bằng ba mùa đã chất chồng./ Ra đi hái ngải kìa người, một ngày chẳng gặp nhau thời dài ghê, như ba năm trọn não nề."⁵

Người ta đều nói phụ nữ đang yêu là đẹp nhất, nhưng điều họ sợ nhất chính là đời người chia cách. Những tháng năm tuổi xuân có đẹp hơn đi chăng nữa, cũng không ngăn nổi sự mài mòn của tháng ngày cô độc. Nhớ nhung như một lưỡi dao sắc, đeo dung nhan của họ thành gầy mòn. Hóa ra thứ họ mong đợi, cũng chỉ là tâm nguyện đơn giản "nắm tay chàng, bạc đầu chẳng lìa xa", là thứ hạnh phúc bình đạm nhất trên thế gian.

"Lúc tử sinh hay khi cách biệt, chẳng bỏ nhau lời quyết thệ rồi. Cầm tay nàng hẹn mấy lời, sống bên nhau mãi đến hồi già nua."⁶ Tình yêu không có ranh giới của tuổi tác, cách thời gian không gian mưa gió mấy ngàn năm, cũng vẫn có lời hứa hẹn thâm tình cùng nhau sống chết. Thế sự đổi thay, lịch sử càng có vô số lần thay đổi bầu trời, duy chỉ có tình yêu là trước sau như một. "U nhàn thực nữ thế này, xứng cùng quân tử sánh vầy lứa duyên", "Người con gái yêu kiều nhàn nhã, đợi góc thành, nàng đã hẹn nhau."⁷ Những sự theo đuổi tình yêu thuần túy, bắt đầu từ thời đại *Thi kinh* xa xưa, đã có lúc nào ngừng nghỉ đâu?

Kiếp trước, người là tiểu phụ, tôi là thiếu nữ giặt lụa. Kiếp này, người là tài tử, tôi là giai nhân. Nếu như nói sinh mệnh là một cuộc luân hồi bất tận, thì tình yêu lại là mối tiền duyên của hết thủy gặp gỡ. Có lúc tôi thường oán trách mình đã sinh nhầm thời đại, nếu không, có thể sống trong một thế giới đơn thuần, yêu một lần thật đơn thuần, viết một bài thơ đơn thuần. Mà lại quên rằng, kỳ thực ngay từ thời viễn cổ, nam thanh nữ tú trên thế gian đều đã bắt đầu diễn những câu chuyện tự tan ly hợp lâu rồi.

⁵ Bản dịch của Tạ Quang Phát.

⁶ Bài *Kích cổ 4*, bản dịch của Tạ Quang Phát.

⁷ Bài *Tĩnh nữ 1*, bản dịch của Tạ Quang Phát.

"Mộc đào người tặng ném sang, quỳnh dao ngọc đẹp mang ra đáp người. Phải đâu báo đáp vậy thôi, để cùng tốt đẹp đời đời kết giao."⁸ Bất luận đã từng nợ nhau ở kiếp nào, cho dù kết cở ngậm vành, cũng phải báo đáp. Nếu như tôi sớm già đi, không thể đồng hành cùng người, cũng sẽ đọc một bài thơ *Kiên gia* bên bờ sông nước thu. Nếu người còn chưa tới, sao tôi dám thật sự rời đi?

⁸ Bài *Mộc qua* 2, bản dịch của Tạ Quang Phát.

Sở từ

Tìm phong cảnh thanh vắng, một mình dạo bước trong núi. Tháng Năm ở Giang Nam, hoa mai đã rụng hết, vụn thành tuyết tàn. Núi rừng tĩnh mịch, cây cối xanh um, vì không có khói bếp nhà người, dấu rêu xanh rì, tựa như ẩn chứa vô số câu chuyện không ai biết. Mà tôi luôn tưởng tượng rằng, trong cốc vắng rừng sâu này, chốn mây mù mờ mịt, có thể tìm thấy một gian nhà tranh, một gia đình, một đứa trẻ nhặt lá thông để nấu rượu, lò đang bốc hơi nghi ngút. Hoặc là, gặp một quý núi thân khoác bệ lệ, eo thắt từng la dưới ngòi bút Khuất Nguyên, cùng nàng ngắt một bó hoa lan, nói vài câu chuyện tâm tình nhân gian.

Người ta đều nói u lan nơi khe vắng có thể gặp chứ không thể cầu. Vạn vật đều khởi từ duyên, cũng vì duyên mà diệt. Trên đời có người si tình, chỉ yêu cỏ cây nhân gian, trong thời gian hữu hạn, chung sống một cách dịu dàng với chúng. Đào Uyên Minh hái cúc dưới giậu Đông, an nhàn ngắm núi Nam Sơn. Chu Đôn Di đào ao trồng hoa sen, say đắm trong đảo nhỏ đắm ánh trăng. Tô Đông Pha yêu trúc, bất luận là bị đày đi xa tận nơi đâu, vẫn phải ở trong căn nhà có sân trồng trúc, bên nhau sớm chiều.

Thích kết bạn với hoa cỏ, quen biết cùng chim cá, phần nhiều là những người có phẩm chất đoan trang. Trong phong cảnh tự nhiên thuần khiết, họ tìm thấy tiếng nói cách xa trần thế, mới có thể biến gió thành giai điệu, nghe nước thành khúc ca. Tôi và hoa mai đã trở thành tri kỷ của nhau, mà hai ngàn năm trước, Khuất Nguyên thoát tục kia, lại yêu cỏ thơm. Có lẽ, chỉ cỏ cây mới có thể an ủi được những linh hồn thuần khiết không tì vết, cô độc và cao ngạo đó.

Cỏ cây khiến tuế nguyệt có hơi thở, khiến cõi phù thế vốn dĩ nồng đậm có mùi thơm thanh đạm hơn. Từ xưa, những ẩn sĩ cao nhân phần lớn là ôm hoài bão nhưng không được trọng dụng, vì đời không dung nạp, nên nảy chí sơn lâm. Nguyên tránh né hồng trần vạn trượng, xây nhà tranh ở giữa vùng non xanh nước biếc, tránh xa ngựa xe huyền ảo. Cỏ cây rừng suối có thể chữa lành vết thương trong lòng, khiến họ cam lòng vứt bỏ vinh hoa, quên đi danh tính, cùng chúng sống chết có nhau.

Có thể đem nỗi đau thương viết thành áng thơ triền miên bất tuyệt, cũng chỉ có Sở từ mà thôi. Đoạn tình cảm đau thương mà đẹp đẽ đó, vĩnh viễn kéo dài, khiến người

ta thấp thỏm tìm kiếm. Câu chữ điểm lệ, lời từ cổ kính, dường như cũng được ướp hương chi lan và xạ quế, thơm nức vô cùng. Có một người như thế, dùng cỏ thơm cũng không che giấu nỗi nỗi buồn bã, băn khoăn trong lòng mình.

"Sói ngàn nhài bãi khoác ngoài, tết lan thu lại làm đai đeo thường. Sợ chẳng kịp ta càng mê mãi, tuổi xanh nào có đợi gì ai. Mọc lan sớm cắt trên đồi, đông thanh chiều hái bên ngoài bến sông."¹

Khuất Nguyên, người nước Sở thời Chiến Quốc, đã sáng tạo ra một thể thơ gọi là Sở từ, được người đời tôn xưng là cha đẻ của thi ca. Ông là con người tài hoa, lòng ôm chí lớn, cũng từng được Sở Hoài vương thưởng thức, chủ trương trong nước trọng dụng người hiền tài, tu sửa pháp chế, liên minh với nước Tề chống lại nước Tần. Sau vấp phải sự bài xích của giới quý tộc, ông bị Sở Hoài vương xa lánh, đuổi ra khỏi Dĩnh Đô, bắt đầu cuộc sống lưu đầy dài đằng đẵng. Sau này đại tướng nước Tần Bạch Khởi dẫn quân đánh xuống phía Nam, công phá quốc đô của nước Sở, cũng đập tan mộng tưởng cuối cùng của Khuất Nguyên. Ông tự biết hết cách cứu vãn, dùng cái chết để bày tỏ chí hướng, gieo mình xuống sông Mịch La, không còn qua lại với cõi trần thế này nữa.

Trên núi Ngọc Tứ bên bờ sông Mịch La, Khuất Nguyên đã viết nên tác phẩm nổi danh thiên cổ *Ly tao*, *Thiên vấn*, phô bày hết phong thái tài hoa của Sở từ. "Lòng ta đã thích đã ưa, dầu rằng chín chết có chừa được đâu."² Vì nỗi nhớ nhung trong lòng, mà như con thiêu thân lao vào ngọn lửa không chút hối hận, muốn dùng sự thiêu đốt để tỏ rõ sự chấp nhất của mình với ngọn lửa. Bướm bướm không bay qua được biển xanh, nhưng đôi cánh của nó lại có thể để lại bóng dáng lướt qua trên ngọn sóng tung trào.

Khuất Nguyên không ngừng tìm kiếm lý tưởng đẹp đẽ, cả đời lãng mạn đa tình, ông đeo hoa lan, ăn hoa cúc, sau khi bị đuổi đi từ đó chỉ coi cỏ thơm là tri giao. Bốn mùa luân chuyển, hoa tàn hoa bay, cho dù là hoa rụng người mất, cũng chẳng oán chẳng hận. Nhưng ông có thực sự buông bỏ không? Giang sơn chao đảo trước mưa gió ấy, từ đầu đến cuối vẫn là một gánh nặng mà ông không nỡ cắt đứt trong cõi trần thế này.

"Cáo chết ắt quay đầu núi cũ, chim bay còn nhớ tổ rừng sâu."³ Nỗi lưu luyến của một người đối với cố quốc, là đám mây của kẻ rong chơi gửi ở nơi chân trời. Giống như chim bay, xuyên qua ngàn đỉnh núi phủ tuyết chiều, chịu mọi gió sương mưa bão, nhưng chẳng thể từ bỏ hành trình quay về trong đáy lòng. Mà khi con cáo chết đi, đầu

¹ Trích *Ly tao*, bản dịch của Nhược Tống.

² Trích *Ly tao*, bản dịch của Nhược Tống.

³ Trích *Cửu chương - Ai sính*, bản dịch của Nhược Tống.

của nó luôn luôn hướng về nơi nó đã sinh ra. Tấm lòng này là tình yêu duy nhất với cuộc đời. Nếu không nặng tình nhường ấy, thì sao có thể sầu oán ly biệt suốt ngàn năm, sao lại hồn mộng quán quýt đến như thế.

Khuất Nguyên nhớ nước Sở của ông, cho dù đã mấy lần dịch chuyển, cuối cùng vẫn không thể lạnh lòng dứt bỏ nỗi vương vấn với quê nhà trong đáy lòng. "Nước dòng Thương Lang trong chừ, ta có thể giặt khăn đầu. Nước dòng Thương Lang đục chừ, ta có thể rửa chân."⁴ Từng có người ngư phủ bên sông khuyên rằng, ở đời không cần phải quá thanh cao. Lẽ đời thanh liêm, thì có thể ra làm quan; lẽ đời ô trọc, thì có thể chìm nổi cùng đời. Nhưng bất luận thói đời ra sao, đều chưa bao giờ thay đổi được sự truy cầu trong lòng của Khuất Nguyên. Đã không thể gặp sao hay vậy, đành để nước sông Mịch La trong vắt trả lại cho ông sự thanh bạch cả một đời.

Sở từ là bộ tuyển tập thơ ca lãng mạn đầu tiên của Trung Quốc. Vì hình thức thơ ca lấy dân ca nước Sở làm nền tảng, trong thơ trích dẫn nhiều từ vựng địa phương và phong vật của đất Sở, vì thế gọi là *Sở từ*. Trong bài "Lời tựa hiệu đính *Sở từ*", Hoàng Bá Tư đời Tống có khái quát rằng: "Đại để các mặc khách văn nhân như Khuất Nguyên, Tống Ngọc đều dùng tiếng Sở, ngôn ngữ Sở để viết thơ văn, ghi địa danh đất Sở, gọi tên đồ vật đất Sở, vì thế gọi là *Sở từ*."

Thời Tây Hán, Lưu Hưởng gom tác phẩm của Khuất Nguyên, Tống Ngọc cùng những tác phẩm mô phỏng và kế thừa Khuất Nguyên, Tống Ngọc của Hoài Nam Tiểu Sơn, Đông Phương Sóc, Vương Bao, Lưu Hưởng... tổng cộng mười sáu thiên, hợp lại thành tập, đặt tên là *Sở từ*. Sau Vương Dật lại thêm vào tác phẩm *Cửu tư* của mình, thành mười bảy thiên. Trong đó, tác phẩm của Khuất Nguyên và Tống Ngọc được chú ý nhất.

"Dạo trên bãi chừ hái cành đỗ nhược, tặng cho nàng chừ ở tận phương xa. Thời giờ đẹp chừ không còn nhiều nữa, tạm thông thả chừ ung dung dạo chơi." *Tương phu nhân* là một trong mười một bài thơ tập hợp thành tác phẩm *Cửu ca* của Khuất Nguyên, dùng để tế nữ thần sông Tương. Chủ đề miêu tả những người yêu nhau sống chết cách biệt, không có duyên tụ hội. Dường như luôn chìm đắm trong sự chờ đợi mờ mịt, không biết nữ thần trong mộng khi nào mới đến nơi hẹn?

"Cây cối đung đưa chừ gió thu lạnh, Động Đình gợn sóng chừ lá cây rơi." Cho dù là cây cỏ điêu tàn, phóng tầm mắt nhìn qua làn nước thu, cũng chẳng thấy bóng dáng người đẹp. Cành đỗ nhược ngát hương hái trên bãi sông, làm thế nào mới có thể gửi

⁴ Trích bài *Ngư phủ*.

tới Tương phu nhân ở phương xa. Tuy chưa thể đến như đã hẹn, để lỡ mất thời khắc gặp gỡ đẹp đẽ nhưng đôi bên trong lòng luôn nhớ tới nhau, thì cho dù không được trùng phùng, cũng vẫn có thể thiên trường địa cửu.

"Hái linh chi giữa chừng rừng núi, đá lô nhô cây chắn lối đi. Trách chàng râu rĩ quên vê, nhớ ta chàng lại chẳng hề rảnh chẳng? Người trong núi sánh bằng đồ nhuộc, ăn bóng từng uống nước suối trong. Liệu chàng nhưng nhớ thật lòng?"⁵ Sơn quý si tình chờ đợi người tình đến hẹn trong mưa gió ấy, cũng đang cảm thấy oán trách lẫn buồn bã vì mong ngóng mà không gặp được. Cỏ cây trên thế gian đều có tình cảm, huống hồ là thần linh? Sự u oán của Tương phu nhân, nỗi tuyệt vọng của sơn quý, đã đi thẳng vào lòng người. Những thần linh có tình này, có người nào không phải là Khuất Nguyên, sự chờ đợi của ông không có kết cục, nhưng lại khiến *Sở từ* trở thành áng thơ đa tình nhất, bi khổ nhất từ xưa tới nay.

Bất luận là *Ly tao* của Khuất Nguyên, hay *Cửu biện* của Tống Ngọc, đều là tìm kiếm tri kỷ hiếm có trong cõi trần, giữa cuộc dạo chơi cùng với thần linh. "Buồn thay khí của mùa thu, lạnh thay cây cỏ âm u ủa tàn. Một mình lạnh lẽo mênh mang, lên non xuống suối muôn vắn thiết tha."⁶ Nỗi sầu mùa thu trăm ngàn năm nay, tâm tình xưa chẳng hết đó, bắt nguồn từ Tống Ngọc, và cũng đã tăng thêm vài nỗi buồn đứt ruột cho *Sở từ*.

Vạn loài cây không một chiếc lá, lòng người khách buồn bã giờ này. Bao nhiêu người, trên bến sông mùa thu, đã đưa tiễn người đi, đón người về, đã diễn câu chuyện này thành ngày hôm qua. Tôi vẫn còn nhớ thuở thiếu thời đêm mưa đọc *Hồng lâu mộng*, Lâm Đại Ngọc ốm nằm trong Tiêu Tương quán, viết một bài *Thu song phong vũ tịch* trong đêm thu mưa gió trúc lay. Trong đó có một câu: "Nhà nào gió chẳng tới thăm? Nơi nào mưa chẳng rì rầm bên sông?"⁷ khiến người ta ai oán vô cùng. Cảnh thu lá rơi xào xạc, khói lạnh hắt hiu, bất luận là trong thơ ngoài thơ, thời xưa thời nay, đều đẹp đẽ như nhau, đau lòng như nhau.

"Núi có cây cây lại có cành, lòng này mến chàng chàng thấu chẳng?"⁸ Không biết Tương phu nhân có ngửi thấy mùi thơm của đồ nhuộc, đã đến như lời hẹn, cùng chàng bên nhau dài lâu hay không? Không biết sơn quý ở sâu trong cốc vắng liệu đã đổi sang y phục mới, vẫn si tình tìm kiếm trong biển mây, cô độc đợi chờ?

⁵ Trích bài *Sơn quý*.

⁶ Trích bài *Cửu biện*.

⁷ Bản dịch của nhóm Vũ Bội Hoàng.

⁸ Trích bài *Việt nhân ca*.

Chàng trai mỹ mạo viết từ phú, nằm mơ đi chơi cùng thần nữ ấy, không biết đã gọi hồn cho ai? Còn thi nhân lãng mạn xõa tóc dài, gieo mình xuống sông nước Mịch La rồi cuộc đã đi đâu? Có lẽ những gì kỳ vọng trong lòng, chỉ có bên ngoài hồng trần, mới có thể không hẹn mà gặp, mới có thể được như ý nguyện.

Hán phú

Ngày hôm qua nhân tản dạo sân ngắm hoa rơi, muôn hồng ngàn tía hóa thành cảnh thanh nhã cuối cùng của mùa xuân. Lúc này bên ngoài song cửa sổ gió nhẹ mây trắng, trúc biếc che rợp, mới biết là đã vào hạ rồi. Phong vật Giang Nam, không gì khác ngoài cầu chạp trở, liễu như khói, thủy tạ đình đài, lại trở thành phong cảnh mà người đời ngắm mãi không thấy chán. Trong sắc nền của cuộc đời phồn hoa, chỉ có riêng mình mình biết nỗi mệnh mang trong lòng.

Bao nhiêu người vì theo đuổi mà bôn ba cõi phù thế, không sợ gió bụi, còn tôi lại luôn không hiểu phải sống như thế nào để không uổng phí tháng năm. Tôi chẳng qua là một người bên lề cuộc sống, lặng lẽ giữ trăng tròn hoa nở, nguyện làm u lan nơi khe vắng, chìm đắm trong những sự vật cổ kính an tĩnh, một mình an vui. Tựa như chỉ có trong những thứ tĩnh mịch này, mới có thể nhìn ra dáng vẻ ban sơ, không đổi tấm lòng ngày hôm qua.

Có những lúc như lúc này, tôi đang trải giấy mài mực dưới song cửa rèm sa màu xanh lục, trong cơn gió nhẹ thoảng mùi thanh mát của bạc hà. Sự êm đềm này là ân đức mà tuế nguyệt ban cho. Cúi người tập trung, đưa bút lâm mô bài *Lạc Thần phú* của Tào Thục. "Hình dáng của nàng, nhẹ tựa chim hồng, uyển chuyển như rồng, rạng ngời thu cúc, tươi tốt tựa thông. Phảng phất như mây nhẹ che mặt nguyệt, bay bổng tựa gió cuốn theo tuyết..." Chữ tiểu khải nhỏ như đầu ruồi đẹp đẽ, trước sau vẫn thiếu vài phần linh động và bay bổng.

Tài văn chương của Tào Tử Kiến quả thực là phong cốt phi phạm. Nàng Mật phi nhẹ tựa chim hồng, uyển chuyển như rồng trong bài phú đó, làm nữ thần sông Lạc Thủy, trăm ngàn năm qua, trông giữ sông Lạc, nhìn hết mọi sóng cả tuôn trào, thời gian trôi đi. Mỗi lần cúi đầu ngắm dòng nước, luôn nhớ đến thời Tam Quốc có một người con gái giống như nữ thần sông Lạc - Chân thị. Còn một thiên *Lạc thần phú* của Tào Thục để lại cho chúng ta, không chỉ là câu chữ tuyệt đại thanh tân đẹp đẽ mà còn có một truyền thuyết lung linh tuyệt mỹ.

Rất nhiều năm trước, tôi từng nói viết thơ không như điền từ, điền từ không giống làm phú. Khi đó, đọc qua mấy bài đại phú của Tư Mã Tương Như, văn chương đẹp đẽ

phong phú, khí thế rộng lớn mạnh mẽ, tựa như nước sông cuộn cuộn, lên xuống nhịp nhàng, ý vị vô cùng. Sau này tôi lại thích những bài tiểu phú thanh lệ tinh tế hơn, ngắn gọn đơn giản, lại khiến người ta tỉ mỉ thưởng thức suy tư. Sau này nữa lại thích những bài thanh từ đoản chương, ngôn ngữ trong sáng, ý vị sâu xa. Cho đến khi yêu những bài ngũ ngôn tuyệt cú, mới biết nhân sinh đi đến tột cùng đơn giản là đẹp, chất phác là chân thật. Có lúc, vốn vẹn vài chữ, lại đủ để nói hết nỗi lòng.

Hán phú tự có phong cốt và khí vận của nó, là một loại tản văn trữ tình chỉ thời Hán mới có. Không giống văn chương đề vịnh hay viết thư, không giống từ dài điệu cổ, chỉ có thấm đẫm tình người vào ngọn bút, đưa bút tự nhiên, mới có được phong độ và ý vị của Hán phú. Những ngôn từ phức tạp, có lúc ngược lại khó mà đi thẳng vào lòng người, nhưng tác phẩm hoa lệ, sự phô bày rực rỡ, lại chiếm trọn tình cảm của thế nhân. Mượn thời thịnh thế Đại Hán, từ giữa cỏ thơm xán lạn của Sở từ, nhảy vọt lên hóa thành chim bằng, cúi xuống nhìn non sông như gấm thêu, nơi hạ bút xuống đều tráng lệ muôn vàn, phóng khoáng tùy ý.

Trăm lời khuyên chẳng bằng một lời mĩ mai, là nhược điểm của Hán phú, cũng là chốn mây gió tụ tan, nhưng lại có phong thái không gì che lấp nổi. Ngọn bút tuôn tràn ánh sáng đó quét qua ao đầm miền Nam cao nguyên miền Bắc, sa mạc phía Tây biển cả phía Đông, đi qua phố phường ngựa xe như nước của Trường An, cung điện tráng lệ phồn hoa, vườn tược trái rộng ngàn dặm, lầu đài cao vót chạm mây. Vốn dĩ có ý châm biếm, nhưng lại trở hết kỹ xảo, viết thành văn điệu ca tụng. Vô ý trồng hoa, gió xuân ngàn năm, đã dệt thành giang sơn như gấm như mây.

Câu từ trong Hán phú giống như những viên trân châu rơi rớt giữa nhân gian, lóng lánh tỏa sáng đầy mặt đất, chôn lấp những sự chờ đợi âm thầm, cô độc trong dòng sông năm tháng. Thời kỳ thịnh vượng nhất của Hán phú là vào khoảng bốn trăm năm của hai triều Lưỡng Hán, sau đó dần dần bị thơ ca thay thế, lùi khỏi vũ đài lịch sử. Nhưng văn từ kinh điển, sức hút ngôn ngữ của Hán phú thì vẫn chảy suốt ngàn đời, không đâu không có.

Mười năm một lưỡi kiếm, là sự vinh quang của kiếm khách; mười năm một áng văn, là niềm tự hào của văn nhân. Tư Mã Tương Như trẻ tuổi đọc sách luyện kiếm, là Võ kỵ thường thị của Hán Cảnh đế. Nhưng Cảnh đế không thích từ phú, Tương Như cho dù tài năng xuất chúng, cũng không có tri âm thưởng thức. Sau này một bài *Tử Hư phú* nhận được sự tán thưởng sâu sắc của Hán Vũ đế Lưu Triệt. Lại càng vì tài văn chương và phong độ của chàng mới khiến Trác Văn Quân tài mạo song toàn ngưỡng mộ, cùng chàng bỏ trốn, cam nguyện nổi lò nấu rượu bán, không xa không rời.

Về sau, *Thượng lâm phú* ra đời, Tư Mã Tương Như được Lưu Triệt phong chức lang. Tương Như được hoàng đế sủng ái và tín nhiệm, bị công danh mê hoặc, liền có ý muốn nạp thêm thiếp, hoàn toàn quên mất nàng Trác Văn Quân trước nay luôn tình cảm sâu đậm với chàng. Sau này Trác Văn Quân viết bài *Bạch đầu ngâm*: "Trắng như tuyết trên núi, sáng như trăng trong mây. Nghe lòng chàng hai ý, thiếp dứt tình tại đây... Buồn rầu nỗi buồn rầu, vợ chồng chớ than sầu. Chỉ mong người chung thủy, bạc đầu mãi có nhau." Tư Mã Tương Như đọc được hồ thẹn muôn phần, như tỉnh giấc mộng, hiểu rằng tình ý của Văn Quân như núi cao sông dài, bền nhau mãi mãi.

Hán phú chính thức hình thành, hẳn được tính từ *Thất phát* của Mai Thừa. Bài phú này, chủ ý là khuyên ngăn con em quý tộc đừng quá chìm đắm trong an nhàn hưởng lạc. Mai Thừa dùng những thú vui sinh động của thế giới rộng lớn như: âm nhạc, ẩm thực, ngồi xe, yến tiệc, đi săn, ngắm sóng..., dần dần thay đổi thái độ sống xa hoa lãng phí của thái tử, lấp đầy những khoảng trống trong tâm hồn, trị lành bệnh tật của ngài. Lưu Hiệp nói: "Mai Thừa văn từ tuyệt diệu, lần đầu sáng tác ra bài *Thất phát*, câu từ hoa mỹ dạt dào, tráng lệ phóng khoáng."

Xưa có thú lên cao làm phú, lúc đọc cũng phải chọn nơi sáng sủa sạch sẽ, mặc cho dòng suy nghĩ trôi theo con thuyền cảm hứng, đi qua vạn nước ngàn non, mới có thể lĩnh hội được sự kỳ diệu trong đó. Câu chuyện nhân tình thế thái, cỏ cây chim muông đều trao cho văn chương, từ văn vần hoặc không vần thời Tây Hán, chuyển sang trữ tình thời Đông Hán. Non sông văn chương mệnh mông đó, trong tưởng tượng vô cùng vô tận, đã chứng kiến sự thăng trầm thịnh suy của vương triều Đại Hán.

"Mây như lông chim trắng, da như tuyết trắng, eo như bó tơ, răng như ngậm vỏ sò." Trong bài *Đăng Đồi Tử hiếu sắc phú*, lời miêu tả dung mạo cô gái hàng xóm của Tống Ngọc đã trở thành vẻ tuyệt diệu không thể thay thế lưu lại trong lòng người đời suốt trăm ngàn năm qua. Mà một mỹ nữ tuyệt sắc như thế, trèo tường nhìn trộm Tống Ngọc suốt ba năm, Tống Ngọc từ đầu chí cuối vẫn chẳng thèm đoái hoài đến nàng. Chàng không chê người vợ tầm mắt, nắm tay nàng giữa hồng trần, hẹn nhau cùng bạc đầu.

"Thần thiếp nhận ơn đức sâu dày của hoàng thượng, tắm mình trong sự thịnh vượng và sáng tỏ rực rỡ của nhật nguyệt. Gia tộc thần thiếp nhận được vinh dự long trọng, bản thân được hưởng sự sủng ái bội phần của hoàng thượng... Ánh dương bỗng nhiên chuyển nơi chiếu sáng, thế là hoàng hôn ập đến, phía trước là một màn đen tối... Ánh mắt ngây dại nhìn chằm chằm vào phòng kín yên tĩnh. Hoàng thượng chẳng còn đến nữa, nơi này còn bày biện vì ai... Ngược nhìn cung thất lạnh lẽo quanh quẽ, không

kìm được hai hàng lệ tuôn trào như suối." *Tự thương điệu phú* của Ban tiệp dư cũng đã vạch một nét bút trong sáng, hoa lệ trong lịch sử. Ban tiệp dư cũng đã từng được hoàng thượng ân sủng, Hứa hoàng hậu yêu quý, sau này Triệu Phi Yến vào cung đã trở thành khởi đầu cho bi kịch của nàng.

Đã từng uyên ương chung gối trong rèm lụa đỏ. Đến nay nơi nàng ở, cỏ thu se sắt, lá rụng không ai quét. Nỗi niềm tự thương xót của nàng, chính là nỗi oán hận sâu đậm sâu bi của một người bị thất sủng giấu trong những hàng chữ. Một người phụ nữ tài mạo song toàn như thế, chỉ xinh đẹp mới mẻ được vài năm, lại bị đế vương quên lãng trong hậu cung, làm một cây cỏ trong góc nhỏ lạnh lẽo, chẳng thể chống chọi với đời, tranh giành với người.

"Phong tư yếu điệu của nàng bay bổng, xinh đẹp biết mấy, thanh tú tuyệt trần, xuất chúng hơn người. Nhan sắc diễm lệ của nàng quả thực khuynh quốc khuynh thành, thanh danh lại càng khiến người ta ngưỡng mộ. Chỉ có ngọc bội mới xứng với sự thuần khiết của nàng, chỉ có hoa lan cao quý mới thơm hương sánh được với nàng. (Thế là ta) hòa tâm tình dịu dàng vào trong thể tục, gửi ý chí cao nhã vào áng phù vân. Buồn rằng sớm mai lại mau đến hoàng hôn, làm thế nào để không cảm khái đời người gian khó. Cùng là sống hết đời người trăm năm, cố sao trong cõi đời niềm vui khó có được mà nỗi buồn thì chẳng lúc nào nguôi." Bài *Nhàn tình phú* của Đào Uyên Minh dùng ngôn từ hoa mỹ trữ tình, miêu tả một cách tỉ mỉ, sinh động về tình yêu nam nữ trong thế gian.

"Nguyện hóa thành cành trúc để làm cây quạt trong tay nàng, dịu dàng phe phẩy tỏa ra làn gió mát, nhưng tiếc thay sau tiết Bạch Lộ trời đã se lạnh, chỉ có thể ngấm tay áo giai nhân từ xa! Nguyện hóa thành cây ngô đồng, để thành cây đàn nàng đặt trên gối, nhưng một khi niềm vui hết mà lòng sầu đau, cuối cùng vẫn đặt ta ở một bên mà bật tiếng đàn!" Đào Uyên Minh đã thay đổi văn phong mộc mạc tự nhiên trước kia, để tiếp nhận phong cách ngôn ngữ của Hán phú, hạ bút liên miên, câu từ uyển chuyển đa dạng. Có lúc thì như sóng lớn trào dâng, có lúc lại như nước lặng chảy vòng, kết thúc mà âm hưởng không dứt, ngừng lại mà vẫn để dư âm. Đào Uyên Minh quả không hổ là một bậc thầy tả cảnh ngụ tình, đọc phú của ông, rung động tận tâm can, vượt xa một số từ cú đoản chương.

Đại phú do Tư Mã Tương Như, Dương Hùng, Ban Cố, Trương Hành sáng tác cũng có khí vận tiêu sái như thế. Còn tiểu phú của Triệu Nhất, Sái Ung, Nễ Hành... lại có một vẻ phong tình trang nhã. Thời kỳ cực thịnh của Hán phú giống như pháo hoa bung nở, sáng bùng cả bầu trời Đại Hán, tô điểm cho vô số phong cảnh đăng sau.

Tả Tư mất mười năm mới viết xong bài *Tam đô phú*. Thời gian đó, giá giấy ở thành Lạc Dương tăng cao, vì rất nhiều người đua nhau sao chép, khiến cho giấy cung không đủ cầu. Nhưng mấy ai biết rằng, đằng sau bài đại phú tràn trề lai láng này lại ẩn chứa bao nhiêu câu chuyện không người nào hay. Lúc Tả Tư khổ công traу chuốt từ ngữ, đọc sách vạn quyển, người khác đang nhàn tản dạo bước thưởng hoa xuân, lặng ngắm trăng thu.

"Khiến người ta buồn bã mất hồn, chẳng gì khác ngoài ly biệt. Huống hồ nước Tần và nước Ngô nằm xa nhau, lại bị nước Yên, nước Tống ngăn cách ngàn dặm. Có khi đầu rêu mùa xuân vừa mới nảy mầm, bỗng nhiên gió thu đã ùa về lạnh lẽo. Vì thế người đi xa lòng đau như cắt, trăm ngàn mối xúc cảm thể lương rầu rĩ." Một thiên *Biệt phú* của Giang Yên không biết đã lay động tâm hồn bao nhiêu người đọc. Cứ tưởng rằng đã nhìn quen những tụ tan ly biệt của đời người, cõi lòng sẽ thản nhiên, nhưng mỗi lần ly biệt lại luôn không nén được nỗi buồn.

Cứ trôi xa như thế, những tháng ngày chìm đắm trong Hán phú. Buồn bã như mất hồn vía, chỉ vì biệt ly mà thôi. Xuân đi thu đến, thời gian vẫn còn đó, chỉ là chúng ta đang già đi. Quay đầu nhìn lại, còn ai sẽ đứng đợi bạn trên ngã đường tương phùng năm xưa? Người nặng tình đến mấy, cũng có những quá khứ không quay về được nữa. Khi tâm tĩnh lặng, tôi lại một bài tiểu phú, ngắm một áng mây trôi, những mong cầu của ngày hôm qua lại nhạt nhòa dần đi như thế.

Đường thi

Mùa xuân ở Giang Nam, dường như luôn có một chút khác biệt với những nơi khác. Cũng là muôn hồng ngàn tía nở khắp mọi nơi, nhưng lại có một kiểu phong lưu trang nhã không sao tả xiết. Hoa bay như mộng, tâm tình như mưa bụi, tuy rằng mùa hoa ngắn ngủi, nhưng rốt cuộc vẫn có tình cảm dài lâu hơn con người. Mỗi năm đều đến như đã hẹn, ngấm hết nước nhỏ chảy xa, giữ lời đến tận khi trời đất già đi.

Rất nhiều năm trước, có một thi nhân tên là Đỗ Mục đã viết mấy câu thơ như thế này: "Bốn trăm tám chục chùa Nam quốc, mưa khói che lâu biết mấy không?"¹ Từ đó mùa xuân ở Giang Nam luôn là khói mưa nhàn nhạt vương vấn, như thơ như họa, đẹp đến mức khiến người ta buồn man mác. Mùa này lại thích hợp uống trà đọc sách, đợi chờ dịu dàng, tranh thủ sớm chiều.

Thưởng hoa, pha trà, bẻ liễu, gảy đàn, ở cõi tục thanh bình này, không biết còn bao nhiêu người sẽ cảm thấy tiếc nuối vì không được tận mắt ngắm một cuộc hoa nở rồi tàn trên con đường cổ Trường An. Bữa tiệc thơ của thời Thịnh Đường đã tan tác từ lâu, những thi khách đã từng hẹn ước tu hành với nhau đã biến mất giữa gió bụi của năm tháng mênh mang. Phồn hoa ngàn xưa cũng chỉ là ảo diệt trong nháy mắt, mây khói thoáng qua. Những vần thơ vẫn chưa thỏa thích ấy vang vọng thật lâu trong thời gian im ắng, tựa như có, cũng tựa như không.

Tôi tìm kiếm Đường thi trong mùa xuân, tựa như tìm kiếm chính bản thân mình làm thơ từ kiếp trước. Ngỡ rằng đã đi qua những tháng ngày núi dài sông xa, ký ức hôm qua hẳn là đã không còn tìm được tăm hơi, không để lại dấu vết. Đã từng nhìn qua bao nhiêu phong cảnh vật còn người mất, rốt cuộc vẫn chẳng thể buông bỏ được Đường thi. Tôi và Đường thi, chẳng qua đã từng tương phùng trong mộng, năm tháng lâu dần lại luôn như lần đầu gặp gỡ.

Ai mà chẳng có những năm tháng đẹp nhất, có thơ có sách bầu bạn. Có những người, vốn dĩ không quen biết, nhưng lại nhờ một bài thơ mà hiểu thấu nhau. Thơ nói lên ý chí, cũng giải bày tình cảm. Chỉ cần vài từ vài câu đơn giản là có thể nhìn được

¹ Trích bài *Giang Nam xuân* (Mùa xuân ở Giang Nam), Lê Nguyễn Lưu dịch.

nội tâm của một người một cách thấu triệt. Triều Đường là mùa xuân của thơ ca, muôn tía ngàn hồng nở trên đầu cành hoa lệ phú quý của thành Trường An, khó lòng bỏ lỡ. Giống như một bài thơ viết: "Khắp vườn xuân sắc chẳng khóa nổi, một cảnh hồng hạnh vượt tường khoe."²

Thơ ca của buổi ban sớm, có thể thấy trong *Thi kinh* từ thời Tây Chu đến thời Xuân Thu. Sau trải qua Tần Hán, Ngụy Tấn Nam Bắc triều, cho đến thịnh thế Tùy Đường, niên đại đã đưa thơ ca đạt đến đỉnh cao nhất, sau đó không còn thấy ánh xuân rực rỡ đầy ý thơ như thế nữa. Đây là vương quốc của thơ, tựa như một mùa xuân bất tận, từ Sơ Đường, Thịnh Đường, Trung Đường rồi đến Vãn Đường, suốt mấy trăm năm. Nơi quay đầu nhìn lại cũng chỉ là mấy cuộc nhân sinh tụ tan, mấy lần sơn hà đổi chủ.

Thơ ca về sau, bất luận viết như thế nào, đều giảm bớt khí phách rộng rãi, sự cao quý, đoan chính và kinh diễm của Đường thi. Niên đại xuất khẩu thành thơ ấy đã bị khóa kín trong một tòa thành tên là Trường An, bất cứ khi nào nhớ lại, đều cảm thấy kinh tâm động phách. Mà thi nhân thời Đường giống như trời sao mệnh mang, từng ngôi từng ngôi đều tỏa sáng lấp lánh. Lý Bạch, Đỗ Phủ, Vương Duy, Bạch Cư Dị, Lý Thương Ẩn, đều là những thi khách nổi danh trên đời.

Họ vì muốn trọn một giấc mộng tôn quý, mà lao đến Trường An, say dưới chân thiên tử Đại Đường. Con đường làm quan của những thi nhân này có thể trắc trở gập ghềnh, nhưng họ lại có vị trí quan trọng trong lịch sử văn học, lưu danh thiên cổ. Chính ở vương quốc thơ ca rực sáng này, bạn có thể không đủ giàu sang, có thể không có quyền thế, nhưng không thể thiếu lãng mạn, thiếu tình thơ.

Đỗ Phủ làm thơ tả về Lý Bạch: "Hoàng đế cho gọi chẳng lên thuyền, tự xưng trong rượu thần là tiên."³ Đường Huyền Tông thưởng thức và hâm mộ tài hoa của Lý Bạch, muốn cùng ông ngâm thơ thối sáo, say rượu hoan ca, nhưng Lý Bạch lại có chí hướng cao vời, từ đầu đến cuối không chịu nghe quân vương sai khiến. Mỗi ngày đi theo nhà vua, chẳng qua cũng chỉ là thi đồng của đế vương, ân sủng như thế chẳng phải là tâm nguyện của ông. Chẳng thà giắt kiếm dạo giang hồ, phiêu bạt chốn chân trời, làm một thi khách phong lưu tiêu sái. Cho nên ông mới cảm thán: "Sống trên đời chẳng được thỏa ý, sớm ngày mai xóa tóc buông thuyền."⁴

² Trích bài *Du viên bất tri* (Thăm vườn không gặp) của Diệp Thiệu Ông.

³ Trích bài *Ấm trung bát tiên ca* (Bài ca tám vị tiên trong uống rượu).

⁴ Trích bài *Tuyên Châu Tạ Dữu lâu tiễn biệt hiệu thư thúc Vân* (Trên lầu Tạ Dữu ở Tuyên Châu tiễn đưa chú Vân đi làm hiệu thư lang).

Nếu như nói Thi tiên Lý Bạch là nhà thơ của chủ nghĩa lãng mạn, thế thì Thi thánh Đỗ Phủ lại thuộc về trường phái chủ nghĩa hiện thực. Thơ của Đỗ Phủ phong cách trầm uất trầm trở, thương nước lo dân, viết những vần thơ hùng hồn "Mong sao có được trăm gian lớn, che cho hàn sĩ mặt hân hoan"⁵. Ông nói: "Hồng nhan khi nào tới, sông hồ nước thu đầy. Văn chương ghen mệnh đạt, quý quái ghét người ngay."⁶

Lại có Bạch Cư Dị tự xưng là Thi ma, chí khí ngút trời suốt một đời, cuối cùng lại đổ sông đổ bể. Khi bị giáng chức làm Tư mã Giang Châu, ông đã viết nên bài thơ dài lưu danh thiên cổ *Tỳ bà hành*: "Cùng một lúa bên trời lặn đặng, gặp gỡ nhau lọ sẵn quen nhau."⁷ Ông cũng phóng khoáng phong lưu, vì giải tỏa nỗi sầu nhân sinh, dùng thơ rượu ca kỹ để phóng túng tìm niềm vui. Tiểu Man và Phan Tố là những thê thiếp ông yêu nhất, về già, ông lại đuổi họ đi, không nỡ để họ ở bên cạnh ông chịu khổ. Một bài *Trường hận ca*: "Trên trời nguyện làm chim liền cánh, dưới đất nguyện làm cây liền cành. Trời đất dài lâu có lúc tận, hận này dai dẳng mãi chẳng tan." đã viết hết ra những tình ái nhân gian, lay động tâm can người đọc.

Thi nhân sơn thủy Vương Duy đưa tranh vào thơ, đưa thơ vào tranh. Trong lúc vô tình đặt bút, luôn mang theo thiên ý nhân nhật, linh động khéo léo: "Trăng sáng rừng tùng chiếu, suối trong mặt đá trôi"⁸, "Nhàn nhã ngắm quế hoa rơi, đêm khuya thanh vắng giữa nơi núi rừng"⁹, "Đi theo nguồn nước đổ, ngồi ngắm đám mây bay"¹⁰. Thơ của Vương Duy mới mẻ xa xôi, điềm đạm, tao nhã thoát tục, phong cách ngắn gọn, vẽ ra khung cảnh tĩnh mịch vắng vẻ, thông thả nhàn nhã, khiến người ta say mê.

Đã có thời, thơ trở thành một nét đẹp không thể thiếu trong cuộc sống. Chúng ta yêu chuộng nó, dựa dẫm vào nó, cũng chìm đắm trong những mỹ cảnh phong nhã của nó, đến nỗi khó lòng kìm chế được. Sau này, cái niên đại gắn liền với thơ ca ấy bị những trào lưu của thời gian nhấn chìm, viết thành một mối cảm khái vô hạn "Tình này thôi cũng đành nhung nhớ, thuở ấy xa rồi mãi tiếc thương"¹¹ trong lịch sử.

Cáo biệt thời thịnh thế Đại Đường phồn hoa rợp trời rồi, làm thế nào còn có thể viết ra được ý cảnh khoáng đạt "Ngàn non chim bay tắt, muôn nẻo dấu người không"¹²,

⁵ Trích bài *Mao ốc vị thu phong sở phá ca* (Bài ca nhà tranh bị gió thu phá).

⁶ Trích bài *Thiên mạt hoài Lý Bạch* (Nhớ Lý Bạch ở nơi cuối trời).

⁷ Bản dịch của Phan Huy Thực.

⁸ Trích bài *Sơn cư thu minh* (Đêm thu ở núi).

⁹ Trích bài *Điểu minh giản* (Khe chim kêu).

¹⁰ Trích bài *Chung Nam biệt nghiệp* (Nhà riêng ở núi Chung Nam).

¹¹ Trích bài *Cầm sắt* của Lý Thương Ẩn.

¹² Trích bài *Giang tuyết* (Tuyết trên sông) của Liễu Tông Nguyên, bản dịch của Nam Trân.

làm thế nào để có được sự say mê "Nhìn nhau mà chẳng chán, núi Kính Đình với ta"¹³. Cho dù hậu thế không còn ai nặng tình với thơ như người thời Đường, nhưng cũng chưa bao giờ quên lãng, vẫn giữ lòng mê đắm phong thái của nó như xưa. Thời Tống Nguyên Minh Thanh cũng có những áng thơ tuyệt vời, có câu chuyện đầy màu sắc, nhưng lại thiếu đi một phần tư thái đoan trang, tao nhã, nên đã có một mùi vị nhân tình thế thái kiểu khác.

Nhớ đến vườn Đại Quan trong *Hồng lâu mộng*, những người ở trong đó, ai nấy đều có thể làm thơ viết từ, tao nhã đa tình. Họ là một nhóm thiếu nữ sống trong lầu son gác tía, lấy thơ làm niềm vui, lấy từ để bày tỏ nỗi lòng. Lâm Đại Ngọc thông minh khéo léo, tuyệt thế vô song, Tiết Bảo Thoa cao quý nhàn tĩnh, Sử Tương Vân tài trí phi phàm, lời lẽ bóng bẩy, còn có Diêu Ngọc khí chất đẹp như lan, tài hoa sánh ngang tiên nữ, và cả Thám Xuân, Bảo Cầm, Hương Lãng, đều là những cô gái tựa thơ ca. Họ lập thi xã, chơi tửu lệnh, làm bạn với thanh xuân hoa liễu của nhân gian, tiêu khiển ngày tháng.

Đã từng qua biển lớn, đâu có gì đáng gọi là nước, đã đi qua Vu sơn, chẳng còn gì đáng gọi là mây. Ngày tháng tươi đẹp đã trở thành quá vãng như mây như nước, bao nhiêu câu chuyện, cùng với thơ ca, còn có hoa rơi ngày xuân đó, tất cả đều bị chôn vùi. Nhưng chúng ta vẫn đọc thơ, viết thơ, yêu thơ như xưa. Bao nhiêu phong cảnh đợi bạn đi tìm, bao nhiêu người đợi bạn biết cách trân trọng, phải không sợ ngọn sóng đục của trần thế, bằng không cuộc gặp gỡ với thơ lại cách cả trăm năm.

Uống rượu thưởng hoa, ngâm thơ nghe khúc. Giả như bạn khẳng khẳng làm một người nhàn tản, cam nguyện chịu cô đơn, thời gian cũng sẽ khoan dung với bạn. "Mắt nhìn ngang ngửa ngàn vạn đóa, thực lòng thương thức chỉ dăm cành."¹⁴ Phong cảnh sự vật trên thế gian, luôn có những thứ có thể chạm tới nơi mềm mại nhất trong đáy lòng bạn. Nằm ngủ gà gật dưới ánh mặt trời, dạo bước trong mưa phùn, chong đèn đọc sách giữa đêm, hoặc là gối đầu thiếp đi sau song vắng mơ về Trường An một lần, cùng một thi khách nào đó, ngắm cảnh đối thơ, chỉ thời gian khoảnh khắc mà tựa như một đời.

Có thể cả đời chưa bao giờ thực sự gặp gỡ, nhưng lại tương phùng trong câu chữ, cũng là duyên phận. Ngẫm ra bất luận ở triều đại nào, đều có thể mượn một bài thơ, một khúc từ, một điệu nhạc, là tâm ý tương thông. Như thế tôi sẽ sống cuộc đời an ổn, mặc kệ tươi héo. Làm một cô gái như nước thu, trong những ngày tháng ấm áp dịu dàng, cùng hạnh phúc, già đi bên nhau.

¹³ Trích bài *Độc tọa Kính Đình sơn* (Ngồi một mình ở núi Kính Đình) của Lý Bạch.

¹⁴ Trích bài *Mai hoa* (Hoa mai) của Lý Phương Ứng

Tống từ

Ngẫm lại, tôi chắc chắn là đã sinh nhầm thời đại, nếu không vì sao mỗi lần giờ Tống từ ra, đều có một cảm giác thân thiết như thể đã từng quen biết? Tựa như ký ức của tôi chứa đầy những cảnh tượng đẹp đẽ liên quan đến triều đại này. Triều Tống, một thời đại nuôi dưỡng tinh thần, viết lại những tình cảm dịu dàng. Không biết văn chương ngàn năm uyển chuyển ấy, gặp gỡ với cảnh xuân oanh ca yến liệng này, sẽ có dáng vẻ như thế nào?

Nếu như sinh vào triều Tống, tôi không muốn mình là một thiên kim tiểu thư sống trong lầu son gác tía, chỉ muốn làm một cô gái nông thôn giữa cửa sài sơn giậu. Vào mùa xuân ấm, trồng mấy cây đào cây liễu, đợi chàng thư sinh lên kinh dự thi, lấy rượu mơ tự nấu đổi mấy quyển thơ từ với mọi người. Tôi luôn tin rằng triều đại phồn thịnh an ổn hơn thế nữa, đều vẫn có những nỗi niềm bi thương nào đó. Duy chỉ có tránh xa hồng trần loạn thế, cuộc đất dựng rào, nắm tay bên nhau cùng người có duyên, sống một đời bình đạm.

Từ là thể loại văn học phồn hoa như gấm, không thể đếm xuể trong thời Tống. Trong đáy lòng của mỗi con người thời ấy, nó đã gieo xuống cảm xúc bi thương lẫn tình cảm dịu dàng, bằng phong thái lãng mạn, trang nhã tô điểm cho câu chuyện và giấc mơ của họ. Bất luận họ sắm vai diễn nào trong triều đại này, là văn nhân, là ngư phủ, là giai nhân, là cô gái giặt lụa, họ đều khẳng khái giữ sự đẹp đẽ và phong nhã của từ.

Còn tôi cũng muốn gửi linh hồn mình đến thời Tống, dùng hết thảy thời gian để thế chấp, chỉ để tìm thấy đoạn phong cảnh đã biến mất mấy trăm năm đó. Vào thời Tống, câu chuyện của kiếp này từ từ hao mòn đi, ký ức của kiếp trước lại dần dần tràn đầy lên. Có thể tôi giống như mỗi con người thời Tống, đắm say trong hương mực quyển từ của hậu chủ Nam Đường¹, không thể tỉnh lại. Ngắm hoa mai rụng như tuyết bay lá tả, lướt qua mà vẫn phủ đầy người.

¹ Túc Lý Dục.

Có thể tôi là giai nhân trong từ của Đông Pha cư sĩ, trong sân nhà sáng sửa đẹp đẽ dưới ánh xuân, ngồi trên xích đu, khiến cho bao người đi đường đa tình bên ngoài tường bao, từ đó vì tôi mà hồn mộng quần quanh. Hoặc có thể là tri kỷ của Dị An², cùng nàng chung thuyền vượt sông, giữa đầm sen nâng chén mời trăng sáng, uống đã đời quá khứ. Hoặc có thể tôi là thiếu nữ giặt lụa ở bến Kính Hồ, cùng với Lục Phóng Ông³ không nhận phong hầu, chỉ làm một người ngư phủ chốn sông hồ nhàn nhã ngắm non nước, yên lặng chờ mặt trời lặn buông khói rắng.

Người đời Tống Trương Viêm nói: "Chơi đùa trăng gió, viết lách tâm tình, từ mềm mại hơn thơ. Âm điệu tựa như tiếng oanh hót yến kêu, mà lại giàu tình cảm hơn." Đó gọi là thơ nói lên ý chí, từ bày tỏ tình cảm. Trong lòng chúng sinh, từ phần lớn là những điệu thương xuân tiếc thu, phong hoa tuyết nguyệt, buồn sâu ly biệt, mà thiếu đi rất nhiều khí thế khoáng đạt, hào phóng. Cho đến khi có Tô Thức, ông đã mở rộng ý cảnh của từ, hòa quyện học vấn kiến thức, hào tình tâm sự của bản thân vào trong từ, đã thay đổi phong cách từ uyển chuyển của trước đó, khiến cho từ có thêm một phong thái hào phóng.

Một khúc *Niệm nô kiều* của ông, "Sông lớn về Đông, sóng gợn hết nhân vật phong lưu một thuở"⁴, trong nháy mắt đã mở rộng cảnh tượng trời đất, tâm tình nhàn nhã, hào sảng đã lan tỏa đến vô số độc giả. Ông viết ra nỗi lòng sầu muộn mà tràn đầy tình cảm "Người có buồn vui ly hợp, trăng có tỏ mờ tròn khuyết, tự cổ vẹn toàn đâu"⁵. Ông cũng có lúc khéo léo, từng vì hoài niệm người vợ đã khuất Vương Phất, ngâm vịnh một bài *Giang thành tử*: "Chục năm sống thấy mơ màng. Chẳng tư lường, tự tư vương. Ngàn dặm mồi trơ, khôn xiết thê lương."⁶ Từ đây nó đã trở thành bài từ ai điều buồn đau nhất, cảm động nhất trong lịch sử.

Chung quy thì từ vẫn uyển chuyển hơn là hào phóng. Từ nhân⁷ thời Tống, ngày ngày mặc tình gió trăng, uống rượu thưởng trà, điền từ viết lệnh, nghe kịch xem múa. Khi tỉnh mộng lại cảm thán năm tháng qua nhanh, tuổi xuân già đi, để lỡ cái hẹn lâu Tần, phụ bạc giai nhân. Đối với họ danh lợi có lẽ cũng rất quan trọng, đến sau này, lại dần dần trở thành một sự bó buộc, một thứ tay nải muốn được vứt xuống bất cứ lúc nào.

² Tên hiệu của Lý Thanh Chiếu.

³ Tên hiệu của Lục Du.

⁴ Bản dịch của Nam Trân.

⁵ Trích *Thủy điệu ca đầu*, bản dịch của Nguyễn Chí Viễn.

⁶ Bản dịch của Nguyễn Chí Viễn.

⁷ Tức là người viết từ.

Công danh quyền quý của nhân gian, cũng chẳng bằng một lời hứa hư ảo chốn tình trường. Sơn hà tráng lệ, cũng chẳng bằng một nụ cười, một cái liếc mắt của người thiếu nữ khuynh thành. Sau này, họ học được cách quy ẩn trong từ, quên đi cuộc đời dễ đổ vỡ và thế sự nhiều thay đổi. Liễu Tam Biến phụng chỉ điền từ, tránh xa con đường làm quan, gửi thân ở lầu Tần quán Sở, ôm ấp yến oanh, nở đối danh hảo lấy rượu nhạt hát ca.

Văn nhân đều có một trái tim lương thiện và đa cảm, giữa bốn mùa luân chuyển, đời người tan hợp, lưu lại vô số nét bút kinh diễm. Uyển chuyển, đau thương, lạnh lẽo, lại khiến người ta ngậm ngùi mãi. Lý Thanh Chiếu nhẹ cởi xiêm áo, một mình chèo thuyền lan, viết câu "Cảnh tình không chỗ để tiêu trừ, vừa nhú mây chau, lại quận lòng đau"⁸. Án Thù thì tự rót tự uống, một mình quần quanh lối thơm vườn nhỏ, cảm thán "Không thể đành sao hoa rã cánh, dường như quen biết én quay về"⁹.

Trong ánh tà dương khói chiều, Liễu Vĩnh tựa lan can nhìn ra xa, không sợ nỗi tương tư giày vò, chỉ nói rằng: "Đại áo lơ lửng không hối tiếc, vì người cũng đáng để hao gầy."¹⁰ Đến Tân Khí Tật - đại diện của phái từ hào phóng cũng từng thay đổi sự khoáng đạt trước đó, dưới ánh lửa tàn kiếm người thương trong giấc mộng. Một câu "Giữa đám đông trăm lần kiếm, bỗng nhiên quay đầu, người vẫn ở đó, dưới ánh lửa tàn."¹¹ khiến cho không biết bao nhiêu người vương vấn trong mộng, liên tục ngoái đầu.

Còn có một từ nhân ở trên thuyền khách xa xôi cảm thán rằng "Lưu quang dễ bỏ rơi người, đào vội hồng, chuối vội xanh."¹² Sân nhà sâu thẳm, khóa chặt bao nhiêu linh hồn cô lẻ. Một tiếng "Rớm lệ hỏi hoa hoa chẳng nói, ánh hồng rơi rụng thu đến rồi"¹³, khơi gợi lên muôn vàn cảm xúc, hoa rơi như mưa, thì thâm tỏ nỗi lòng.

Tần Thiệu Du nói: "Hai tình ví phỏng lâu dài mãi, há phải gặp nhau lúc sớm chiều."¹⁴ Nhưng thế gian có biết bao nhiêu si nam oán nữ mong đợi thứ tình cảm mềm mại như nước, nguyện nắm tay người mình yêu, già đi cùng trời đất. "Đỡ nhau cười mím đến bên song, hỏi yêu 'Kẻ mây đậm nhạt hợp thời không?'"¹⁵ Những ngày tháng soi gương vẽ lông mày ấy đã trở thành chuyện xưa. Cho đến cuối cùng, tình yêu sâu

⁸ Trích bài *Nhất tiễn mai*, bản dịch của Nguyễn Chí Viễn.

⁹ Trích bài *Hoán kê sa*, bản dịch của Nguyễn Xuân Tảo.

¹⁰ Trích bài *Điệp luyện hoa*.

¹¹ Trích bài *Thanh ngọc án*.

¹² Trích bài *Nhất tiễn mai - Chu quá Ngô giang* của Tưởng Tiệp.

¹³ Trích bài *Điệp luyện hoa kỳ 1* của Âu Dương Tu.

¹⁴ Trích bài *Thuốc kiều tiên* của Tần Quán.

¹⁵ Trích bài *Nam kha tử* của Âu Dương Tu, bản dịch của Nguyễn Xuân Tảo.

sắc nhất lại chẳng thể chống đỡ nổi thời gian sắc bén. Thu đến xuân qua, chỉ còn lại "Hoa rơi người lẻ đứng, mưa nhỏ én song phi"¹⁶.

Một bài từ, nhìn tưởng chừng mấy chữ đơn giản, nhưng lại giống như một vở kịch dài, có tình tiết, có buồn vui. Thế giới phồn hoa, chúng sinh muôn vàn, bao nhiêu câu chuyện nắng mưa ấm lạnh được dệt vào trong từ phổ, truyền thành giai thoại cho đời sau. Triều đại Tống, nhờ mấy trăm bài từ, mà từ đây dịu dàng lại đa tình.

Triều Tống - nơi mà một bài từ đổi lấy một bình rượu, một cuốn sách đổi lấy một tòa thành, đã thật sự đi xa rồi. Triều Nguyên Minh Thanh sau đó, và cả thời nay, vẫn còn rất nhiều văn nhân điển từ làm lệnh, nhưng chẳng thể nào sánh nổi với triều Tống. Là mùa xuân không còn đủ đẹp để sao? Hay là vầng trăng không còn đủ trong trẻo? Hay là non nước không đủ tươi sáng? Hoặc là từ khách đã giảm nhã hứng?

Đều chẳng phải. Có lẽ, từ chỉ thích hợp sinh ra vào thời Tống, giống như thơ chỉ kết duyên với triều Đường. Thơ và từ, trong một triều đại không thuộc về riêng mình, sẽ luôn thiếu đi vài phần phong tư và linh tính. Ngẫm ra, một chữ một câu đều tự có tiền duyên, một ngọn cỏ một cái cây đều có quả báo. Sở dĩ Tống từ được người đời ca tụng, là vì chúng sinh hữu tình, khó tránh khỏi bị những câu từ mềm mại đó lay động, không thể kiểm soát cảm xúc của mình.

"Năm ấy ra đi, dấu cảnh đẹp cũng là trống rỗng. Cho dù muôn kiểu phong tình, biết tỏ bày cùng ai?"¹⁷ Bất cứ lúc nào, Tống từ đều mang theo một sự mềm mại đầy thương cảm, một sức quyến rũ đẹp đẽ, một nét điển nhã cô độc, đọc tưởng chừng như hờ hững vô tình, nhưng đã sớm câu hồn đoạt phách. Mặc dù tôi cũng thường đi lạc vào triều Tống, mắc kẹt trong khung cảnh của một khúc từ, quên mất đường về nhưng cuối cùng vẫn luôn đi ra được.

Có thể rốt cuộc tôi chỉ là một người phụ nữ bình lặng như gió mát, sống ở thời nay, an ổn với hiện tại. Thỉnh thoảng trong một mùa hoa rụng như mưa bay, cầm một cuốn Tống từ, nhàn nhã ngắm mây trôi, lặng lẽ đợi nước thu.

Không cần thề hẹn, không đợi trời đất hoang phế. Giống như Tô Thức nói trong một bài từ: "Quay đầu nhìn lại nơi hiu quạnh, về thôi, không mưa gió, cũng chẳng hứng trời!"¹⁸

¹⁶ Trích bài *Lâm giang tiên* của Ân Kỷ Đạo.

¹⁷ Trích bài *Vũ lâm linh* của Liễu Vĩnh.

¹⁸ Trích bài *Định phong ba*.

Nguyên khúc

Đúng thế, mùa xuân thật ngắn ngủi. Câu chuyện đẹp tuyệt tìm mai dường như vẫn đang ở hôm qua, hôm nay đã bướm liệng hoa bay, hoa rụng đỏ lối đi. Một chiếc thuyền lan kia, đợi chờ ở bến sông mùa hạ, người cùng đi thuyền với tôi, liệu có còn như xưa hay không? Ngày tháng tươi đẹp trôi qua quá vội vàng, tôi rất muốn sống hết đời một cách an lành, chậm rãi, dưới ánh sáng tràn đầy, học Trang Chu mơ một giấc mơ hồ điệp. Vào buổi chiều nhàn nhạt, viết mấy bài tiểu lệnh, hát một khúc hát nhỏ, cho đến khi mặt trời lặn, gió ngừng thổi, trăng nhô trên đầu ngọn liễu.

Điều đẹp nhất trên thế gian chính là bốn mùa luân chuyển, quang âm trôi đi như bay. Tác giả nổi tiếng chuyên viết Nguyên khúc Mã Chí Viễn ngâm rằng: "Hồ điệp một giấc tựa trăm năm, chuyện xưa nhìn lại luống bâng khuâng. Hôm nay xuân tới, mai hoa rụng, phật người nâng chén (khi) đêm chữa tàn." Con bướm bướm mà Trang Chu hóa thành đó bay xuyên qua mấy nước ngàn non, rơi xuống trong từ khúc, dệt thành câu chuyện. Đã biết thời gian ngắn ngủi như giấc mộng mùa xuân, nên nhân lúc hoa rụng, mời nhau uống rượu làm tiểu lệnh, say đến tận khi canh khuya sắp tàn, mới không uống những tháng ngày như nước chảy.

Tây sương ký có từ viết rằng: "Hoa rụng đỏ dòng xuôi, lòng âu sầu muôn nỗi, lặng lẽ oán gió Đông." Đã bừng tỉnh khỏi giấc mộng, bất chợt nhìn thấy hoa thơm rụng sạch, rầu rĩ khôn xiết, không kìm nén nổi nỗi buồn. Nhân sinh rốt cuộc chính là một vở kịch, muôn hồng ngàn tía vì cái gì? Bạn nhìn thấy sân khấu phồn hoa như xưa, nhân vật trong kịch, cũng chỉ là diễn những nỗi tụ tan vui buồn. Sinh, đán, tịnh, sữu¹ chẳng qua cũng là vận mệnh sắp đặt, bao nhiêu chuyện tình thế non hẹn biển đều chỉ là ca từ trong kịch, sau khi quay người đi, rồi lại tương phùng, có bao nhiêu người có thể đối đãi với nhau một cách bình thản?

Nguyên khúc trong ký ức, chỉ là những bài tiểu lệnh lưu truyền trong dân gian, những khúc hát nhỏ được hát xướng trên đường phố. Không có sự trầm ổn sôi sục, khí khái hùng tráng như Đường thi, cũng không thanh lệ uyển chuyển, đa tình tình tế như

¹ Bốn vai diễn trong Kinh kịch, trong đó sinh là nhân vật nam, đán là nhân vật nữ, tịnh là nhân vật nam có tính cách thẳng thắn, sữu là nhân vật nam, thường là nhân vật hề.

Tống từ. Sau này trong lúc rảnh rang tôi cầm lên đọc vài chương, mới biết được tư vị trong đó, lại như say đắm, nội tâm có trăm ngàn trần trở. Giống như lần đầu Lâm Đại Ngọc đọc *Tây sương ký*, thú thu hút nàng không chỉ là tình tiết trong kịch mà còn là những câu từ đẹp đẽ như gấm thêu trong sách.

Nguyên khúc thịnh hành vào thời Nguyên, tạp kịch và tản khúc thời Nguyên được gọi gộp thành Nguyên khúc, sử dụng hình thức diễn xướng của khúc điệu phương Bắc. Tản khúc là chủ thể văn học thời Nguyên, nhìn tưởng chừng gần với từ, nhưng từ thì điển nhã hàm súc, còn khúc thì thông tục linh hoạt. Thơ từ nghiêm cẩn, đoan chính mà uyển chuyển; còn tản khúc thì tự do, mộc mạc và tươi mới. Thành tựu tạp kịch thời Nguyên vượt xa so với tản khúc, có một đạo từng ảnh hưởng sâu đậm đến sân khấu Nam Bắc sông Trường Giang, cũng là một chương ưu nhã trong lịch sử văn hóa cổ đại.

Trong tản khúc cũng có phong cảnh như họa, bài *Thu tứ* của Mã Chí Viễn đã viết hết bao nhiêu nỗi vui buồn của lũ khách tha hương. "Chiều buông quạ gào gốc cây già, cầu nhỏ trên sông nhà người ta. Đường cổ gió Tây gây thân ngựa, tịch dương quận thất trên đường xa." Chỉ vồn vện mấy chục chữ, mà tựa như mây màu mùa thu, miêu tả nhẹ nhàng. Cây cổ thụ dây leo cần cỗi, nhà người bên dòng nước, gió Tây trên đường cổ, con ngựa gầy dưới ánh tà dương, đều là phong cảnh bên đường nơi chân trời. Sau này, tôi từng vô số lần gặp cảnh tượng trong tản khúc, một mình đứng trong ánh chiều gió thu, quay đầu nhìn lại trời đất mệnh mang, lạnh lẽo thê lương đến độ chẳng biết về đâu.

Còn có một tác gia Nguyên khúc là Bạch Phác, mùa thu dưới ngòi bút của ông lại càng đượm vẻ cô độc. "Thôn lẻ nằm trong ánh chiều tàn, khói nhẹ cây cối chim quạ hàn, một bóng chim hồng nhẹ lướt ngang. Non xanh nước biếc, cỏ trắng lá đỏ hoa vàng." Tôi vẫn còn lơ mơ nhớ làng quê thời thơ ấu, hoàng hôn của mùa thu, mặt trời lặn ráng khói, dăm chú quạ lạnh run rẩy đậu trên cành cây trơ trụi. Khói bếp lượn lờ bốc lên từ mái ngói đen, dần dần tan biến giữa bầu trời mệnh mang. Sau nay tôi không còn gặp cảnh thu như thế nữa, chỉ có thể đọc được dăm làn khói bếp, đôi mái nhà dưới hoàng hôn thời xưa trong những trang văn, khúc từ mộc mạc mà thôi.

Mùa thu trong Nguyên khúc cũng có những câu chữ uyển chuyển đa tình, mềm mại như nước giống Tống từ. "Một tiếng ngô đồng một tiếng thu, một phiên ba tiêu một cơn sầu, mộng đến canh ba rồi lại tỉnh. Bắc đèn rơi rụng cờ chưa thâu, buồn thay quán lẻ cố giữ nhau. Mười năm quan nghiệp còn phấn đấu, Giang Nam phụ mẫu vẫn buồn rầu, bất giác trào nổi đau." Mưa đêm của Từ Tái Tư đã thấm vào những trang sách cổ, rồi lại tràn ra trong câu chữ, khiến cho giấc mộng thời Nguyên kia cũng ướt sũng.

Bắc đèn rơi rụng, cuộc cờ còn ngổn ngang, quay đầu nhìn lại hành trình cô độc đầy mưa gió suốt mười năm, ước mộng chưa thành, vẫn là quê nhà Giang Nam xưa đó.

Điều khiến người ta vẫn vương mãi đó là vì tạp kịch thời Nguyên đưa hết thầy non nước chúng sinh, nhân tình thế sự lên sân khấu đẹp đẽ như gấm thêu. Đó là một bức *Thanh Minh thượng hạ đồ* ngấm trăm lần không chán, mỗi người đều có thể tìm thấy chính mình trong kịch, tìm thấy một mối tình liên quan đến bản thân. Mà sau đó quên mất bạn đã buồn vui vì nó, than thở nuối tiếc cũng vì nó, chỉ chìm đắm trong tình tiết của vở kịch. Trong chớp mắt, lại khăng khăng coi giả thành thật. Những tình cảm giấu giếm thường ngày, lúc này lại tuôn trào như suối ngọc, không thể khống chế.

Lâm Đại Ngọc đọc xong *Tây sương ký*, trong lòng không thể nào trở lại tinh khiết tĩnh mịch như xưa nữa. Ngày hôm đó, nàng bước vào Tiêu Tương quán, nhìn thấy bóng trúc lô nhô trên mặt đất, dấu rêu mờ tỏ, bất giác nhớ đến trong *Tây sương ký* viết rằng: "Nơi hẻo lánh ít người qua lại, điểm rêu xanh sương trắng lạnh lùng." Và vì thế mà nàng rơi vào khung cảnh thanh vắng, cảm hoài thân thế của bản thân: "Song Văn, Song Văn, thật là người mệnh bạc. Tuy rằng người mệnh bạc, nhưng còn có mẹ già em thơ; nay Lâm Đại Ngọc mệnh bạc, mà đến mẹ già em thơ cũng chẳng có." Lâm Đại Ngọc tự so mình với Thôi Oanh Oanh, cũng muốn truyền đạt tiếng đàn ái tình trong đáy lòng nàng. Nàng tự biết cho dù mình có dung mạo khuynh thành, muôn vàn nhu tình, cũng chẳng ai có thể giúp đỡ cho nàng.

Thôi Oanh Oanh đánh đàn đối nguyệt ở sân sau của mái Tây, Trương Sinh trèo tường nhảy vào, may mà có Hồng Nương làm mối, người có tình được chung gối chung màn. Bao nhiêu nỗi tương tư, cô đơn đều chỉ vì trăng gió nhân gian, mây mưa núi Vu này. Lâm Đại Ngọc gảy đàn ở Tiêu Tương quán, Giả Bảo Ngọc cho dù nghe hiểu âm thanh của cây đàn bằng huyền, cũng không dám vượt qua lễ thói thế tục, cùng nàng vui vầy trong màn trướng. Kịch bản vốn chỉ là đo ni đóng giày cho người khác, là buồn hay vui, đều do sự sắp đặt của tác giả. Vương Thực Phủ cho Thôi Oanh Oanh một kết cục viên mãn, mà Lâm Đại Ngọc lại bị ngòi bút của Tào Tuyết Cần vẽ ra một nét xinh đẹp nhưng khiếm khuyết và tiếc nuối.

Tự đính ước chuyện chung thân, là tình tiết mà chỉ tạp kịch thời Nguyên mới dám viết. *Vở Trên ngựa đầu tường* của Bạch Phác cũng đã tác thành cho một cặp tình nhân, tình tiết trắc trở éo le, tuy giấc mộng tan nát, nhưng cuối cùng gương vỡ lại lành. Lạc Dương tháng Ba, trong khu vườn nổi danh Giai Phố đã muôn tía ngàn hồng. Bùi Thiếu Tuấn phụng lệnh Đường Cao Tông đến Lạc Dương, lựa chọn các loài hoa lạ, mua hoa giống. Chàng thiếu niên tuần tú cưỡi ngựa từ kinh sư tới này, vừa khéo gặp con gái của

tổng quản Lạc Dương Lý Thiên Kim đang thưởng hoa ở hậu viên, đương độ tuổi tình xuân chớm nở.

Chàng cười ngửa bên ngoài vườn, như cây ngọc đón gió, tuấn mỹ phi phàm. Nàng tựa đầu tường mỉm cười, tóc mai như mây như sương, tựa như tiên nữ. Gặp gỡ vội vàng, thoáng nhìn đã tình cảm đậm sâu, bèn hẹn ước bạc đầu bên nhau. Lý Thiên Kim bắt chước Trác Văn Quân, trốn đi cùng Bùi Thiếu Tuấn, từ biệt Lạc Dương đến Trường An ở suốt bảy năm. Thời gian mấy năm, Bùi Thiếu Tuấn giấu nàng ở hậu hoa viên, giam lỏng ở đó. Nàng sinh cho chàng một trai một gái, không cầu danh phận, tưởng rằng có thể sống an ổn một đời, nhưng rồi chuyện bại lộ², bị Bùi thượng thư³ đuổi đi. Lý Thiên Kim bị ép xa lìa con cái, một thân một mình quay về Lạc Dương, thành hoa như xưa, chỉ là vật còn người mất.

Cha mẹ đã mất, Lý Thiên Kim chống đỡ gia nghiệp mỏng manh, cô độc sống qua ngày. Mỗi độ xuân về, Lý Thiên Kim luôn nhớ đến cảnh tượng trên ngựa đầu tường hôm đó, sao lại thành tình cảnh như bây giờ. Nàng than: "Cớ sao trên ngựa đầu tường, thua thành vui dập thắm thương như này." Nàng không thua, sau này Bùi Thiếu Tuấn đỗ tiến sĩ, nhậm chức huyện lệnh Lạc Dương. Bùi thượng thư biết Lý Thiên Kim vốn là con nhà danh giá, hối hận nên đã đích thân đến cửa làm lễ đón về. Lý Thiên Kim chẳng thể chia cắt với các con, lại nối duyên với Bùi Thiếu Tuấn, cuối cùng nàng đã bước xuống khỏi sân khấu, bắt đầu một cuộc đời thực sự.

Thiếu nữ ly hôn của Trịnh Quang Tổ lại là một kiểu đau khổ triền miên khác. Thiếu nữ xinh đẹp đa tình kia, vì theo đuổi tình lang Vương Văn Cử mà bệnh nặng không khỏi, đến nỗi linh hồn rời khỏi thể xác, cùng chàng lên kinh ứng thí, đi khắp non sông, giẫm nát ánh trăng. "Chỉ thấy quạ lạnh đậu trên cây phía xa, cỏ bên bờ cát vắng, hoa vàng nở rộ mắt, mấy làn khói ráng gần tàn. Hãy mau treo buồm lên cao, trăng sáng chiếu thẳng xuống, là gió Đông nổi lên, chớ dừng lại, hãy mau xuất phát." Hai người bên nhau chân trời, chung thuyền vượt mưa gió.

Cứ như thế được ba năm, thân thể bệnh nằm trên giường, bệnh tật giày vò, nhưng hồn theo Vương Văn Cử đến kinh thành lại đổ trạng nguyên. Hai giai nhân cuối cùng đã hợp thành một, thiếu nữ xinh đẹp xuất hồn mới được hồi sinh. Sau này tác gia hý

² Nguyên văn là "Đông song sự phát", chỉ việc vợ chồng Tần Cối bày kế mưu sát Nhạc Phi ở bên cửa sổ phía Đông nhà mình, về sau Tần Cối mắc bệnh mà chết. Vợ Vương thị mời thuật sĩ làm phép, thuật sĩ nói thấy ở âm ty Tần Cối đang phải đeo gông cùm sắt, Tần Cối bảo "Phiến người nói với phu nhân của ta, chuyện bên cửa sổ phía Đông bại lộ rồi". Về sau cụm từ này được dùng để chỉ sự việc hoặc âm mưu đã bại lộ.

³ Cha của Bùi Thiếu Tuấn.

khúc thời Minh Thang Hiến Tổ cũng viết về một màn kịch xuất hôn như thế trong *Mẫu Đơn đình*. Nhân vật nữ trong kịch Đỗ Lệ Nương vì tình mà chết, lại vì tình mà hồi sinh. Tình yêu đối với họ vốn dĩ chỉ là một giấc mộng, trong mộng ngoài mộng, sống chết đều chẳng rời khỏi chữ tình.

Tác gia hý khúc thời Nguyên Quan Hán Khanh từng nói: "Tôi chơi trăng vườn Lương⁴, uống rượu Đông Kinh⁵, ngắm hoa Lạc Dương, cầm liêu Chương Đài." Cuộc đời vô cùng tuyệt diệu, nhân tản như thế khiến cho thời gian không gian thời Nguyên vốn dĩ không hề lãng mạn, lại chứa đựng một sự phong tình không thể nào xóa bỏ nổi. Mà những khán giả như chúng ta, cũng muốn đi xuyên qua hành lang dài của năm tháng, nghe một vở kịch không liên quan đến sinh tử, chỉ liên quan đến gió trăng.

Tôi chính là thiếu nữ xinh đẹp xuất hôn đó, bỏ lỡ một lời hẹn ước bí mật, đi qua chiều trăng soi, sớm hoa nở. Dưới ngọn sóng biếc phản chiếu lâu đài, múa một khúc chim hồng kinh hoảng soi bóng nước. Tôi là kếp hát trông bóng tự thương mình trong vở kịch hoa lệ đó, yến tiệc mùa xuân đã tàn, đợi hát xong vở trích, là yên lặng ra đi, không hẹn ngày quay về.

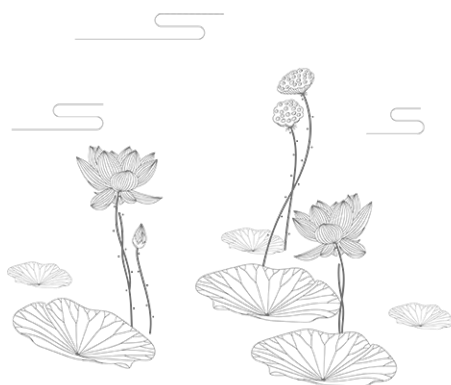
⁴ Vườn Lương do Lương Hiếu vương thời Tây Hán xây. Hiếu vương từng mời Tư Mã Tương Như, Mai Thừa ngắm hoa, thưởng trăng, ngâm thơ trong vườn.

⁵ Tức Biện Lương, thời Nguyên Minh gọi là Khai Phong.

Quyển Thứ ba

một cảnh hoa mai

một suối trăng



Mai Thưa

Một khung cửa sổ đầy hoa tuyết, dăm cành mai lạnh, sự khổ sở lẫn vinh hoa của trần thế đều bị khóa ở bên ngoài cánh cửa. Mùi thơm lành lạnh lướt qua, rơi rớt trên tường đen ngói xanh của Giang Nam, trong nháy mắt có cảm giác tinh tế tao nhã như thời Đường thời Tống. Bất giác trong lòng không biết phải nói gì, đành mài mực trải giấy, đưa bút vẽ mai, trong cành ngang chênh chếch bóng hoa lư thưa, giữ riêng thời khắc giản đơn, tinh khiết của một người.

Tôi đã từng kết một mối trần duyên không thể tháo gỡ với hoa mai, đương nhiên, hoa tuyết chính là người làm mối. Muôn tía ngàn hồng của thế gian, tôi lại chỉ yêu mỗi nét thanh tân an nhàn và phong nhã của một cành hoa mai trong gió tuyết. Bất luận là hoa mai mọc ở khe vắng chốn núi rừng, hay là hoa mai trồng bên cầu gầy ngoài trạm dịch, hoặc là hoa mai đứng trong gác vắng sân sau, luôn có thể xuyên qua những huyền ảo và phần hoa của trần thế, giữ riêng cho mình một phần trong trời và thanh nhã. Còn trong sâu thẳm nội tâm của tôi, có một đóa hoa mai, cùng tôi đi qua mấy chục năm tháng xuân thu, luôn luôn sống cả chẳng kinh sợ, bình tĩnh an nhiên.

Những nơi thời gian đi qua đã trở thành hồi ức. Lúc nhàn tản rảnh rỗi, chúng ta có thể ngẫu nhiên nhớ tới một vài mảnh ghép, nhưng cũng không cần thiết phải quay lại truy đuổi. Người ta luôn nói hồng trần như kịch, nhưng rốt cuộc vẫn phải mưu sinh giữa đám đông, tìm kiếm hạnh phúc giữa những khe hở năm tháng còn lại. Ngay cả những cành mai gầy lạnh, thanh tân này cũng không thể theo ý mình, gặp người mình muốn gặp giữa thế gian, ngắm những phong cảnh muốn ngắm trong thiên hạ.

Mai của người xưa, có một kiểu mọc mọc và tao nhã, ẩn dật rất tự nhiên, tùy hứng. Hoa của trăm ngàn cây mai cùng nhau bung cánh giữa gió tuyết, đứng thẳng ngạo nghễ, không nhuốm phù hoa. Tôi nguyện hóa thân thành vị lão tăng đọc kinh, bậc cao nhân đánh cờ, người mặc khách ngâm thơ, mỹ nhân gảy đàn, tiểu phu chặt củi, ngư ông buông câu, thôn phụ giặt lụa, mục đồng thổi sáo, ở những hoàn cảnh khác nhau, gặp gỡ hoa mai vô số lần. Mong ngóng có một ngày, tụ hội bên cửa sài đường xưa, nổi lửa đun trà, thưởng mai ngắm tuyết, cùng có một khoảng thời gian chung dưới một mái hiên.

Hoa mai của người thời nay, lại mang thêm một phần tô sửa và xóa bỏ như gió thu mưa mùa. Sự sắp xếp nhìn tưởng chừng như cố ý mà thực tình lại vô tâm ấy, chỉ là muốn ở giữa chúng sinh phiền nhiễu, ồn ã này, có được một người tri kỷ có thể đối thoại với tâm hồn. Một mái nhà tranh, dăm cây hoa mai, vài người nhà khách ngồi uống trà, cười nói chuyện xưa nay. Còn có vài giai nhân mặc Hán phục, đến hợp tấu một khúc đàn sáo. Những người đến đây sẽ cảm thấy thế giới thật sự rất nhỏ, chỉ có ở chốn này là đôi bên có thể bỏ qua những lời thăm hỏi, không nhắc những chuyện quá khứ, lãng quên đường tới, không biết nẻo về.

Tôi từng đọc rất nhiều thơ vịnh mai, những đóa hoa nhìn tưởng như uyển chuyển du dương, lại luôn hàm chứa một sự cô độc như vầng trăng lạnh. Còn hoa mai dưới ngòi bút của các thi nhân khác nhau, có cốt cách và ngạo khí khác nhau, tính tình và vận mệnh cũng khác nhau. Người đời yêu hoa mai luôn cảm thấy, giữa khói lửa nhân gian, hoa mai có một cảm giác tinh khôi và thuần khiết cách biệt với đời. Khi mệt mỏi với sự phồn vinh náo nhiệt, hoa mai giống như gió mát bóng trăng, trong phút chốc có thể khiến bạn an tĩnh trở lại. Khi cô đơn không biết dựa vào đâu, hoa mai giống như một người bạn tốt, thấu hiểu lẫn nhau tựa một tấm gương sáng.

Thời Nam Bắc triều, Lục Khải từng viết thơ tặng Phạm Diệp: "Bẻ mai khi sứ đến, gửi cho người Lũng Đầu. Giang Nam có gì đâu, cảnh xuân đem trao tặng."¹ Bẻ mai tặng bạn, mượn vật này để truyền đạt tình bạn cao nhã. Không cần quá nhiều lời nói trân trọng, mà gửi hết thảy lời chúc phúc và nỗi nhớ nhung vào một cành hoa mai. Về sau chia ly chân trời, nhờ mai báo tin, có thể biết lại là một năm hoa nở đầy cảnh mùa xuân ấm áp, tương phùng chỉ là sớm muộn mà thôi.

Vương Duy thời Đường viết câu thơ "Cây mai trước cửa sổ, không biết nở hoa chưa?"² Vị nhã sĩ trong thơ có họa, trong họa có thơ này, dùng lời khéo léo, đầy thiển ý hỏi thăm hoa mai, đọc lên có cảm giác nhàn nhã, thanh tao hơn gấp bội, mới mẻ mà sinh động. Hoa mai trong mắt ông không chỉ có nhân cách chung thủy, tao nhã, mà còn có thể gửi gắm tình cảm vào đó, giải bày nỗi lòng. Hoa mai như được ban cho sinh mạng, dường như trong một đêm trăng nào đó, nó sẽ hóa thành tiên nữ áo trắng, cùng ông nâng chén giao bôi, cầm sắt hòa hợp.

Còn có sủng phi của Đường Huyền Tông Giang Thái Bình, yêu hoa mai như điên dại, xung quanh tấm cung của nàng trồng toàn cây mai. Mỗi độ mùa đông lạnh, hoa mai bung cánh, Giang Thái Bình nhảy một điệu *Kinh hồng vũ* dưới cây mai, thường

¹ Bài thơ *Tặng Phạm Diệp* của Lục Khải.

² Trích bài *Tạp thi, kỳ nhất* (Thơ tạp, bài số một).

hoa làm thơ, vui vẻ tự tại. Đường Huyền Tông nhìn thấy nàng điểm trang nhẹ nhàng, thanh lệ thoát tục, thần thái phong cốt đẹp đẽ tựa hoa mai, bèn phong nàng làm Mai phi. Phong hiệu thanh nhã, đặc biệt này đến tận cuối đời Đường, cũng không có một vị đế vương ban thưởng cho bất cứ giai nhân nào.

Nam Đường Hậu chủ Lý Dục hạ bút lại là "Hoa rụng trước thêm tả tươi như tuyết, vừa phũ lại rơi, không hết"³. Nếu ông không phải là đế vương thì có lẽ cả đời này, ông có thể điên từ làm phú, bẽ trức thối sáo với một giai nhân tài mạo song toàn, cùng nhau già đi rồi chết dưới gốc mai. Nhưng ông lại là vua của một nước đã mất, trở thành tù binh, bị giam lỏng cô độc trong thành Biện Kinh. Hoa mai từng cười nói vui tươi trên cành đã rụng trắng như tuyết, giống như Chu hậu - hồng nhan tri kỷ của ông, đã ngọc nát hương tan giữa sơn hà cố quốc, vĩnh viễn không ngày về.

Lục Du thời Tống lại nói: "Lặng lẽ nở không chủ... Khi rụng thành bùn hóa bụi bay, vẫn có hương như cũ."⁴ Từ đây về sau, hoa mai có linh hồn bất diệt, bởi vì cho dù đã tàn úa rụng thành bùn, thì hương thơm của nó vẫn như xưa. Mùi hương lạnh lạnh của hoa mai nồng đậm mà không điểm lệ, lạnh giá mà không nhạt nhẽo, trong trẻo mà không tản mát, được tuyết lạnh nung nấu, hương thơm bay lãng đãng, thấm vào tâm cốt để lại ý vị lâu dài. Mai cam tâm giữ sự cô độc, không sợ bụi trần vô chủ, thà cô độc tự thưởng thức chứ không muốn sánh bước với đời.

Người thời Tống yêu hoa mai, đã trở thành trào lưu thời thượng. Lâm Bô gọi mai là vợ gọi hạc là con, phong thái của vị ẩn sĩ này có chung vẻ đẹp với hoa mai lánh đời độc lập. Một câu "Bóng thưa nghiêng cành soi mặt nước, mùi hương xao động ánh hoàng hôn"⁵ đã trở thành tuyệt cú vịnh mai. Trong muôn loài hoa thơm, hoa mai đứng đầu trăm hoa, có thanh vận và khí tiết quyến rũ hơn cả. Trong khu vườn nhỏ, chỉ mình hoa mai bung cánh nở giữa tuyết lạnh, bóng mai lơ thơ cành mai chênh chếch, cổ kính trang nhã, cứng cỏi, phong tư dịu dàng, mùi hương vương vấn.

Trong *Hồng lâu mộng*, hoa mai là mỹ nhân, cũng là cao nhân. Mấy cây hồng mai đó, rơi vào am Lũng Thúy của vườn Đại Quan, được người tu hành tục gia Diệu Ngọc hết lòng chăm sóc, cũng coi như là đã kết Phật duyên. Hôm đó trong am Lư Tuyết mọi người tức cảnh đối vài câu, uống rượu ăn thịt nướng, Diệu Ngọc một mình đàm bạc trước Phật, ngồi thiền tụng kinh. Sau đó Bảo Ngọc đối không đạt, bị phạt đến am Lũng Thúy xin bẻ cành mai đỏ, và làm một bài thơ thất luật vịnh hoa mai. Thiên ý man mác

³ Trích bài từ *Thanh bình nhạc*.

⁴ Trích bài từ *Bốc toán tử*. Mai, bản dịch của Nguyễn Xuân Tảo.

⁵ Trích bài thơ *Sơn viên tiểu mai* (Mai nhỏ trong vườn núi) của Lâm Bô.

trong câu "Nhà thơ ai tiếc thân gầy guộc, áo dính đầy rêu trước Phật đài"⁶, khiến người ta ngậm ngùi khôn xiết. Hóa ra, hoa mai mọc trên sân Phật, lại càng cô độc nhàn tĩnh, cốt cách băng tuyết không nhuộm bụi trần.

Bất luận là đậm bạc quy ẩn điền viên "Chán chường sân sau mùi gió nhạt, dưới trăng cuốc đất trồng hoa mai"⁷ hay là mùi vị tương tư "Tương tư trăng sáng nhìn nhau, một cảnh riêng lẻ âu sầu đợi ai"⁸, thơ từ viết về hoa mai đã trở thành một cảnh hoa diễm lệ mà đặc sắc trong lịch sử văn học, giữa thảng năm mọc mạc mang một vẻ phong nhã, khoáng đạt, xa xôi không thể xem thường. Xuân tới thu qua, núi sông đổi chủ, bao nhiêu người bao nhiêu việc không còn nữa, cây hoa mai đó, trải qua năm tháng vẫn như thuở ban đầu. Cùng với muôn vàn chúng sinh, giữa trần thế, hoa mai sống những ngày tháng áo vải cơm lạt, bình đạm an lành.

Sau này, Cung Tự Trân cuối thời Thanh viết một thiên *Bệnh mai quán ký*. Ông cảm thấy từ xưa tới nay, hoa mai bị văn nhân họa sĩ tàn phá, bị phàm phu tục tử coi thường, bị giày vò đến phát bệnh. Ông mua ba trăm chậu mai, đều là cây mai bị bệnh, nhìn chúng bị trói buộc nên không kìm được mà rơi lệ. Thế là ông thể phải chữa khỏi cho những cây mai này, tìm về bản tính thiên nhiên trước kia. Nhưng trên đời có hàng ngàn hàng vạn cây mai, ông làm thế nào có đủ đất đai nhàn rỗi, mai quán rộng rãi để trồng những cây mai bị bệnh của Giang Nam này. Có lẽ dù mất thời gian cả đời, ông cũng không có cách nào trị thương, chữa lành cho chúng.

Hẳn là ông già này quá yêu mai, xót mai, sự cố chấp của ông là vì muốn hoa mai có thể thỏa sức bung nở trong gió tuyết. Nhưng ông lại quên rằng, hoa mai có khí tiết kiên cường, nó có thể ngạo nghễ nơi vách núi, kiên trung chẳng dời; cũng cam tâm tình nguyện cúi mày khom lưng, tàn úa rơi thành bụi đất vì thế nhân. Nếu không hoa rơi nước chảy đi rồi, thì sao có thú vui phong nhã mơ xanh nấu rượu? Tôi tin rằng, bất luận là mai đại trong núi rừng, hay là hoa mai trồng trong sân vườn, đều tinh khiết như ngọc tựa băng, nhàn tĩnh tuyết diễm.

Có người hỏi, cô muốn làm gì ở thế gian này? Tôi nói, tôi muốn làm một gốc mai gầy, nở giữa khe sâu núi lạnh, cùng cáo trắng giữa đêm tuyết, đợi gặp tiên ông đi hái thuốc, cao tăng vân du, và mỗi khách qua đường ngắm cảnh. Nếu như có một ngày bạn là người đi đường lạc lối đó, chỉ cần bẻ một cành mai trắng, là tôi và bạn đã quen

⁶ Trích bài *Phòng Diệu Ngọc khát hồng mai* (Xin Diệu Ngọc mai đỏ) của Bảo Ngọc trong *Hồng lâu mộng*, tác giả Tào Tuyết Cần, bản dịch của nhóm Vũ Bội Hoàng.

⁷ Trích bài *Chủng mai* (Trồng mai) của Lưu Hàn thời Tống.

⁸ Trích bài *Ký Tích Vũ đường phú chi* của Hạ Hoàn Thuần thời Minh.

biết nhau một cách dịu dàng, coi đó như là một cuộc trùng phùng sau khi cách biệt dài lâu.

Tình người giống như mai đỏ tuyết trắng, chuyện đời chẳng qua chỉ là gió mát nước trong. Có lẽ chúng ta đều nên học cách tu luyện giữa gió bụi như hoa mai, ngấm hết mọi phần hoa biến chuyển mà vẫn giữ phong cốt như xưa.

u lan

Đêm xuân như nước, lặng lẽ ngồi thưởng trà dưới song, tiếng máy hát ngân nga khe khẽ. Một mùi thơm của hoa lan theo làn gió nhẹ thoảng qua, đánh thức vô số những chuyện xưa đã rơi rớt. Năm tháng trôi đi, lúc này lại hững hờ như thế. Sắc chiều thâm trầm, ánh sáng mờ nhạt, phong thái vẫn không hề bớt phần yếu điệu, nhan sắc vẫn như xưa.

Từ xa xưa, có lẽ hoa lan đã vứt bỏ hết thảy vinh hoa của cõi trần, từ bỏ tình cảm và chấp niệm, tiễn biệt cố nhân, một mình sống trong khe vắng núi sâu. Thỉnh thoảng có người tiểu phu lấy củi, cụ già tìm tiên dược, hoặc là tăng nhân đạo sĩ vân du, mới có thể tương phùng cùng lan. Còn những người phàm trần như chúng ta, cách xa núi non ngàn trùng, biết đi đâu tìm dấu hoa thơm?

Có người nói, u lan khe vắng thực sự, giống như ẩn sĩ cao nhân, chỉ ngửi thấy hương thơm, mà không nhìn thấy bóng dáng đâu cả. Trong mắt tôi, lan huệ là loài thảo mộc bình thường nhất và cũng thanh nhã nhất. Nó mềm mại không xương, dịu dàng thanh tú, không có tư thái lạnh lùng kiêu ngạo, chỉ để lại hương thơm mê đắm lòng người. Có lẽ hoa lan vốn dĩ vô tâm, không thích hợp tan, là người đời đã dành cho hoa lan vô vàn kỳ vọng, vô vàn yêu quý.

Lan và huệ đều là cỏ thơm. Lan là loài cỏ hoa có linh tính, giống như người giai nhân tuyệt sắc, ẩn mình trong khe vắng, tránh né cõi đời. Người có duyên luôn có thể tìm thấy nó trong góc khuất mà không ai hỏi tới, ngửi thấy mùi thơm thanh nhã của nó, ngẩn ngơ ngắm vẻ tú mỹ của nó. Kẻ vô duyên cho dù là trèo đèo lội suối, đi đến cuối đường, cũng không thể nào nhìn thấy dung nhan.

Sau này, lan trôi nổi ngoài thế tục, có thể bắt gặp ở những ngõ nhỏ tầm thường, những ngôi nhà phố chợ. Từ núi rừng tịch mịch chuyển đến sân nhà bách tính, học cách chung sống với thế giới này, trái lại ung dung như gió, không tranh khoe sắc với muôn hoa. Bao năm nay, thế nhân yêu lan, chuyển chúng vào trồng trong chậu, chăm sóc cẩn thận, hoặc là để ở đình đài, bày trong vườn để quan khách thưởng ngắm. Lan không điệu đà, không lão luyện, rải rác chốn hồng trần nhưng vẫn mang thần thái tự nhiên và ưu nhã chưa từng trải thế sự.

Dẫu bạn nặng tình đến bao nhiêu, thì lan vẫn lãnh đạm như thuở ban đầu. Bạn tưởng rằng một khi từ biệt rồi, núi dài sông rộng sẽ khó mà trùng phùng, ai ngờ lan lại lặng lẽ đứng riêng, cúi nhìn mỉm cười trên nẻo đường nhân sinh ắt phải đi qua. Với dáng điệu giản đơn nhất, hoa lan luôn ở trong những ngôi nhà của nhân gian, nhưng vẫn khác với những loài cỏ hoa của chốn khói bếp. Lan vô tình tươi héo dưới ánh dương, mệt mỏi nhìn cõi đời đằng đẵng, bạn giải bày tâm sự với lan, kể lại chuyện xưa, lan lại tâm ý ngội lạnh, lãnh đạm lặng yên.

Khổng Tử yêu lan, gửi gắm tình cảm nơi hoa lan, dùng sự phong nhã của hoa lan để tự kiểm soát bản thân, tu tâm dưỡng tính. Ngài từng nói: "Lan mọc ở nơi khe vắng, tỏa hương chẳng cần vì ai, người quân tử nếu muốn tu đạo lập đức, thì không nên vì gặp phải cảnh khốn cùng mà sửa đổi khí tiết của mình." Lan là bậc quân tử trong muôn hoa, hướng nội cao thượng thuần khiết, chính trực điềm đạm sâu xa. Trong khe vắng núi sâu, dưới ánh tà dương soi chiếu, tự có tình cảnh và ý vị riêng, khiến người ta ghi nhớ.

Câu Tiễn trồng lan ở khắp mọi nơi trên núi Chử Sơn. Sách *Thiệu Hưng phủ chí* vào những năm Vạn Lịch thời Minh có viết: "Núi Chử Sơn có loài cỏ lá dài hoa trắng, hoa có mùi thơm nức, tên gọi là lan, do Câu Tiễn trồng." Ngẫm ra, sự lánh đời cô độc của hoa lan đã giúp Câu Tiễn học được cách ẩn nhẫn, an tĩnh. Mười mấy năm nếm mật nằm gai, giả vờ thanh tịnh của ông, không phải là điều mà người bình thường có thể làm được. Khi ông thấy tay chinh phạt ba ngàn quân Việt thôn tính nước Ngô, khôi phục sơn hà, Niết Bàn tái sinh liệu có còn nhớ hoa lan dù được sủng ái cũng không kinh sợ trên núi Chử Sơn?

Khuất Nguyên đeo hoa lan, là vì tự ngụ ý bản thân có tình cảm và tiết tháo cao thượng, trong sạch. Nhân gian có muôn vàn loài hoa cỏ, Khuất Nguyên coi lan là bạn thân, nhận lan là tri âm. Trong rất nhiều bài thơ của *Ly tao*, *Cửu ca*, *Cửu chương*, ông đã viết bản thân mình yêu lan, trồng lan, đeo lan như thế nào. "Chín vườn lan lại ngàn sào huệ, một mình ta chăm chỉ hôm mai. Tử tiêu bạch chỉ xen vai, kệ trong đồ nhuộm, bao ngoài tân di", "Sói ngàn nhai bãi khoác ngoài, tết lan thu lại làm đai đeo thường"¹. Non sông tan tác, tình người bạc bẽo, may mà có lan huệ cùng ông đi khắp chân trời, tránh khỏi một mình trầm ngâm bên bờ sông Mịch La.

Trịnh Bản Kiều vẽ hoa lan, tự xưng là "Hoa lan bốn mùa không tàn, trúc trăm đốt đều xanh, đá vạn năm không nát, người thiên thu chẳng thay đổi." Ông quan tâm đến nông phu trong thiên hạ, dồn tấm chân tình vào bút mực, thơ và họa hợp thành một

¹ Trích *Ly tao* của Khuất Nguyên, bản dịch của Nhưộng Tống.

thể thống nhất. Ông nói: "Phàm là tôi vẽ lan, vẽ đá, thì dùng để an ủi người lao động, chứ không phải để dâng lên những người an hưởng của thiên hạ." Tấm lòng cao thượng như thế, khiến cho những tác phẩm của ông lại càng thêm sinh động chân thực. "Trên đá vẽ lan lại vẽ trúc, mỹ nhân bầu bạn chốn khe sâu. Dám hỏi gió Đông nơi nào thổi? Thổi tới sông Tương thăm xanh màu." Không biết, có một ngày người mỹ nhân hái lan cài lan ấy, có thể bước ra từ trong tranh, ngồi bên Trịnh Bản Kiều uống rượu đến nửa đêm hay không?

Tương truyền khúc nhạc cổ cầm *U lan tháo* là do Khổng Tử sáng tác, ngài nói hoa lan có mùi hương vương giả, tuy ẩn cư ở khe vắng, nhưng lại thơm ngát say lòng người. Hoa lan cũng là sự khắc họa cuộc đời Khổng Tử, ngài đối mặt với sương tuyết mưa gió bằng đối nhân xử thế lạc quan, bình thản. Nhà thơ thời Đường Hàn Dũ cũng đã sáng tác bài *Y Lan tháo* để xướng họa với Khổng Tử.

"Góc vắng lan khoe sắc, gió thơm lừng đưa hương. Không hái hoa cài đất, hoa nào có tổn thương? Biển cổ ngày hôm nay, tự hỏi lòng không thẹn. Hết tháng rồi lại ngày, mòn gót dạo bốn phương. Mưa tuyết sương buốt giá, lúa mạch trời mầm xanh. Lúa chẳng sợ giá lạnh, cố gì ta chùn chân? Giữa buốt giá sinh sôi, ấy cây cỏ tính thường. Quân tử giữa thời loạn, chí đức vẫn vững vàng." Tiếng đàn vắng vắng tựa như u lan nhẹ nhàng đưa trong gió, lá lan mềm mại, hoa lan yêu kiều, thanh nhã bay bổng. Hương thơm của lan đưa xa mà không nhạt, ở gần mà không nồng, chỉ có người quân tử mới hái chúng để đeo, để cài, yêu mến chẳng nỡ rời tay.

Lý Bạch thời Đường có thơ ngâm rằng: "Lan theo gió đưa hương, huệ thơm vờn quanh gốc."² Chỉ ra khí chất ưu nhã thu mình, hàm súc của lan và huệ, tựa cuộc đời ông chìm nổi phiêu dạt, nhưng tấm lòng thì vẫn như thuở ban đầu không thay đổi. "Đường mòn hoa lan giữa rừng núi, vườn đào vườn mận bên ngoài thành. Phải chăng đây chốn hoang vu quá, một tiếng chim kêu cũng bật thình."³ Hoa lan trong thơ Vương Bột cũng ẩn mình giữa núi, không tranh khoe sắc với đào mận bên ngoài thành. Vạn vật sinh trưởng thịnh vượng có quy luật, lan tự mình an vui theo số mệnh.

Thơ của Tô Thức viết rằng: "Lan xuân yếu điệu tựa mỹ nhân, thẹn thùng khoe sắc đẹp bội phần. Um tùm cỏ dại khôn che lấp, hương đưa theo gió dạ lang lang. Nét bút họa lại trông như thực, tựa như bỏ khuyết truyện *Ly tao*. Nào dám hái hoa cài lên tóc, sợ thẹn cùng hoa với Linh Quân."⁴ Đến nay, chỉ có thể gặp gỡ trong mộng với mỹ nhân

² Trích bài thơ *Tiểu u sơn*.

³ Bài thơ *Xuân trang* của Vương Bột.

⁴ Bài thơ *Đề Dương thứ công xuân lan* (Đề tranh hoa lan mùa xuân do Dương thứ công vẽ). Linh Quân là biệt tự của Khuất Nguyên.

lan xuân của Đông Pha cư sĩ. Cả đời này, Tô Thức có ba người tri kỷ hoa lan, cùng ông đun nước mưa nói chuyện Thiền, đồng cam cộng khổ. Sau này, tuy rằng mỗi người một phương, hồng nhan đã thành xương trắng, nhưng đó cũng là số mệnh của ông.

Thời Tống là thời kỳ thịnh vượng của nghệ thuật chơi lan, rất nhiều thư tịch đã có ghi chép, miêu tả về hoa lan. Trong cuốn *Nhĩ Nhã dục* của La Nguyên thời Tống có viết rằng: "Lá hoa lan giống như lá cỏ gấu, mọc vào đầu mùa xuân. Hoa có mùi thơm, thường sinh trưởng trong rừng rậm, khi có gió nhẹ lướt qua thì mùi hương được tỏa ra bên ngoài, vì thế mà gọi là chi lan. Lan ở Giang Nam chỉ nở vào mùa xuân, còn lan ở đất Hồ Bắc và Phúc Kiến thì nở vào mùa hạ, thu." Hai thời Minh và Thanh, chủng loại hoa lan tăng lên nhiều, ngày xưa hoa lan mọc ở nơi khe vắng, sau được chuyển đến trồng ở các vườn nhà, trở thành loài hoa cỏ được đông đảo người thưởng thức.

Lan có thể làm thuốc, trong sách *Bản thảo cương mục* của Lý Thời Trân thời Minh có viết: "Lan, lá có vị đắng, tính bình, không độc." "Mùi của nó thơm mát, làm chảy nước miếng giải khát, làm cho da thịt hồng hào, trị chứng tiêu khát, bệnh ly." Hoa lan có thể dùng pha chung với trà, hái hoa lan mùa xuân rửa sạch phơi khô, lúc pha trà bỏ vài đóa vào trong chén, tách trà sẽ vừa đẹp lại vừa thơm.

Chủng loại hoa lan ngày càng nhiều, chủ yếu chia làm bảy loại: xuân lan, huệ lan, kiên lan, hàn lan, mặc lan, xuân kiếm, lan liên cánh. Có hàng trăm giống lan vườn, muôn ngàn tư thế cho người ta thưởng thức, chỉ đợi người yêu hoa chăm sóc che chở đến già. Lan tuy không còn ở khe vắng nữa, nhưng vẫn giữ được dáng điệu thướt tha mềm mại, thần thái khoan thai như xưa.

Cảnh vật chốn nhân gian đều có linh tính. Kiếp trước của mỗi người đều là một cây cỏ, loài cây kiếp này bạn chung tình cũng là chính mình của kiếp trước. Hoa lan trong lòng tôi, giống như phong thái của nó giữa thế gian, đậm nhạt vừa phải, tự tại tùy tâm. Lan chưa từng đẹp đến mức khiến tôi sửng sốt, nhưng lại cùng tôi đi qua những năm tháng tuổi xuân như tơ xanh.

U lan dưới ánh trăng, ngạt ngào hương thơm mà cách biệt với cõi đời. Tôi thích lan, thích sự dịu dàng và tấm lòng trong sáng của nó, cũng yêu cả dung nhan trong trẻo như nước xuân của lan.

Trúc biếc

Tiết trời cuối xuân, hoa bay khắp thành, như say múa giữa hồng trần nhưng lại phát phơ không chỗ dựa. Chỉ có trúc biếc là đứng một mình giữa sân nhà, lặng lẽ nơi rừng núi, xưa nay chẳng hề sợ bốn mùa đổi thay, tuế nguyệt thúc giục. Quang âm muôn màng, năm tháng hiền hòa, trúc xuất hiện từ thời Tần Hán Ngụy Tấn xa xưa, áo xanh biêng biếc, phong cốt thanh tú, đẹp dễ chẳng đổi thay.

Khách trên đường thông thả quay về. Có người tựa cửa sài, ngắm hết mọi hoa thơm nhân gian; có người nghe mưa trên lầu gác, tưởng nhớ thuở niên thiếu đẹp đẽ. Có người vung roi thét ngựa nơi chân trời, dấu bèo vệt sóng; có người lầm đường biết quay về, an thân lập mệnh. Tháng năm nước lặng chảy sâu, không chịu nhường bước, bạn nhìn tưởng chừng như nhàn nhã, thoải mái, dung nhan tươi sáng, chớp mắt thôi đã da mồi tóc bạc, lưng còng liêu xiêu.

Lúc này, núi xa như mực, trúc biếc rì rào, mấy nét bút mực nhàn nhạt phác họa ra cuộc đời đầy ý vị sâu xa. Tôi cho rằng những ngày tháng đẹp nhất, là ngày nắng cây cầy ngày mưa đọc sách, ngắm cá bơi nghe chim hót, mặc cho bên ngoài cửa sổ hoa nở hoa tàn, mây đến mây đi. Cảnh xuân là vừa hư vừa thực nhất, trông có vẻ muôn tia ngàn hồng, huyền ảo tốt độ, nhưng lại phồn hoa rơi rớt, uống cạn nỗi cô độc.

Thuở ấu thơ tội lớn lên nơi thôn quê, trong ký ức tre trúc được trồng khắp núi đồng, thoải mái sinh trưởng, có thể gặp ở bất cứ nơi nào. Trúc khí thế, trong sáng, tinh khiết, có trật tự. Bẻ tre trúc mà ăn, đẽo tre trúc làm sáo, đốn tre trúc làm thuyền, chặt tre trúc làm củi, đến nay được coi là những việc phong nhã, còn khi xưa lại là việc quá tầm thường. Sau này, tôi chuyển tới thành thị, thỉnh thoảng nhìn thấy trong sân nhà hàng xóm trồng mấy cây trúc, lại càng trân quý gấp bội. Hóa ra, trúc không thích dòng người như mắc cửi, chỉ yêu núi xanh lặng lẽ, nước biếc miên man.

Vạn vật vô thường, không ai có thể thanh cao ngạo đời, vĩnh viễn tự nhiên hoàn mỹ. Đọc xong mấy cuốn thơ từ văn chương, tôi cảm thấy trúc hẳn là giống một cao nhân tấm lòng rộng mở, lại mang vô số ý vị đạo Thiền, sáng tỏ thấu triệt, thông hiểu thế sự. Nhưng khi trúc lưu lạc hồng trần, làm nhã khách chốn tục thế, thì cũng ung

dung khoáng đạt, đậm bạc cao xa. Trúc chất phác thanh bạch, phóng khoáng nhàn nhã, từ xưa tới nay đã được người đời yêu quý.

Trong Phật giáo có Trúc Lâm tinh xá, là chùa Phật giáo sớm nhất ở nước Magadha Ấn Độ, là sở hữu của trưởng giả Già Lan Đà, vì trồng rất nhiều trúc cho nên còn có tên là vườn trúc Già Lan Đà. Đức Phật thường thuyết pháp ở đây, trúc nơi này đã được thấm đẫm linh tính và tấm lòng thiện, sự thanh tịnh và từ bi của Phật.

Vương Huy Chi yêu trúc, trong sách *Tấn thư* có chép: "Thời ấy vùng Ngô Trung có một nhà sĩ đại phu có khu vườn trúc đẹp, Huy Chi muốn ngắm, bèn đi xe đến ngồi dưới vườn trúc, ngâm nga hồi lâu. Chủ nhân của khu vườn quét dọn mời ngồi, Huy Chi lại không thèm nhìn ông ta lấy một cái. Vì chuẩn bị ra ngoài, nên chủ nhân đóng cửa lại, thế là Huy Chi ngồi ở đó ngắm trúc, hết hứng mới chịu về. Huy Chi thường sống nhờ trong một ngôi nhà trồng nên trồng trúc. Có người hỏi vì sao, thì Huy Chi trở vào cây trúc, ngâm rằng: 'Sao có thể sống một ngày thiếu vị tiên sinh này!' "

Thời Ngụy Tấn, bảy người Kê Khang, Nguyễn Tịch, Sơn Đào, Hướng Tú, Lưu Linh, Vương Nhung và Nguyễn Hàm bởi trốn tránh cuộc tranh đấu chính quyền giữa họ Tư Mã và họ Tào, thường tụ tập dưới rừng trúc, uống rượu hát ca, phóng túng vui vầy, vì thế được người đời gọi là "Trúc lâm thất hiền". Họ từ bỏ kinh điển (Nho gia) mà tôn sùng Lão Trang, miệt thị lễ pháp mà tôn sùng sự cởi mở, gửi tình cảm vào non nước, theo đuổi cuộc sống nhàn tản đậm bạc vô vi. Kê Khang gảy đàn, mấy người Nguyễn Tịch, Lưu Linh đều có sự cởi mở và điên cuồng thỏa sức uống ngàn chén, uống say đến chết thì đem chôn.

Đó là một quãng thời gian đẹp đẽ, uống rượu tiệc tùng vui chơi, sảng khoái thoải mái. Nếu như buông bỏ được chấp niệm, núi sông rừng trúc chính là chốn về kiếp này của họ. Mỗi người đều có thể già đi theo quy luật tự nhiên, chôn trong rừng trúc, trời đất chính là nấm mồ. Nhưng cuối cùng họ không thể quên đi tình cảm, quên đi hồng trần, tiêu dao ngoài cõi đời, sau này mộng vỡ trong rừng trúc, bảy người hiền ly tán. Câu chuyện của họ giống như một khúc *Quảng Lăng tán* của Kê Khang đã đàn, từ đây bật tiếng.

Trúc là quân tử. Một là chí khí và tiết tháo, hai là khiêm nhường. Trong *Dưỡng trúc ký* Bạch Cư Dị nói: "Trúc giống như người hiền, là vì sao? Trúc có gốc vững chắc, vững chắc để lập đức, người quân tử nhìn gốc trúc, thì nghĩ đến việc lập ý chí kiên định. Trúc tính thẳng, thẳng để lập thân, người quân tử thấy tính trúc, thì sẽ suy nghĩ đến sự trung lập, không thiên lệch. Trúc rỗng ruột, rỗng không là để thể nghiệm đạo lý, người quân tử nhìn thấy ruột trúc, sẽ suy nghĩ đến việc cầu đạo bằng cái tâm khiêm nhường.

Đốt trúc cứng cỏi, cứng cỏi để lập chí, người quân tử thấy đốt trúc thì sẽ suy nghĩ đến việc trui rèn danh tiếng và phẩm chất, dù bằng phẳng hay trở ngại thì vẫn giữ tấm lòng trước sau như một. Chính vì vậy, người quân tử thường trồng trúc ở trong sân."

Trồng trúc trong sân, tuy có ánh sáng của mặt trăng mặt trời chiếu rọi, cũng vẫn cần được chăm sóc, bảo vệ. Những rừng trúc rậm rạp, xanh biếc, thẳng tắp rì rào ấy không bị trói buộc bởi danh lợi. Chúng thản nhiên giữa đời và cũng cảm kích mọi ơn tri ngộ của người có tình trên thế gian. Nếu không, cho dù cam nguyện cô độc, không quan tâm đến tụ tan, bị lãng quên trong góc nhỏ rêu xanh phủ kín mặt đất, không được thưởng thức thì cũng khó tránh khỏi lạnh lẽo.

Tôi thích nhất *Trúc Lý quán* của Vương Duy: "Một mình trong rừng trúc, gảy đàn rồi hát chơi. Rừng sâu không kẻ biết, trăng sáng chiếu lên người"¹. Một bài thơ ngũ ngôn tứ tuyệt ngắn gọn, giống như một bức tranh thủy mặc thanh tĩnh vắng vẻ, cao nhã tuyệt trần. Một người, một cây đàn, một vầng trăng, một khu rừng trúc, thơ của Vương Duy luôn có những khung cảnh tình cảnh đan xen, thanh sắc giao hòa, động tĩnh hòa hợp, hư thực pha lẫn. Mỗi khi đọc bài thơ này, tôi luôn nhớ đến thời mộng mơ trước kia, ánh trăng sáng trong ngoài cửa sổ, treo trên ngọn trúc, đọng đưa soi bóng.

Chu Hy thời Tống ngâm rằng: "Ở nơi hẻo lánh trúc làm bạn, khách đến dừng ché trà thay rượu." Chu Hy yêu trà, cũng yêu trúc. Phần lớn thời gian ông sống trên núi Vũ Di, nơi đó non nước tú lệ, phong cảnh hợp người. Núi Vũ Di sản sinh ra danh trà, Chu Hy không chỉ thưởng trà, bình phẩm trà mà còn trồng trà, chế trà, pha trà, đấu trà, luận trà, vịnh trà. Ngắm ra, những ngày tháng bẻ trúc đun trà, ngắm trúc thưởng trà đó là những hồi ức đẹp đẽ nhất trong cuộc đời của ông. Ông từng có từ ngâm rằng: "Nơi nào ngựa xe bụi trần không tới, có mặt nước chân trời như thế, nguyện đổi lấy phù danh." Có thể thấy tấm lòng được nước trà lọc đó, cũng đậm bạc, trong sáng như trúc.

"Ta thà không ăn thịt, chứ không ở nơi không có trúc. Không thịt khiến người ta gầy. Không trúc khiến người ta thô tục." Đây là câu nói nổi tiếng của Tô Đông Pha, đến nay vẫn được các nhà khách yêu trúc truyền tụng mãi không thôi. Vị danh sĩ phong lưu tài cao thiên cổ này, cả đời phóng khoáng đa tình, tung tích như mây trôi. Mà những nơi ông đến, những nơi ông ở tạm, tất phải có trúc làm bạn. Ông trồng trúc, làm bạn với trúc, sống cuộc sống như mây ngàn hạc nội. Tuy cũng từng bị công danh phiền lụy, nhưng rốt cuộc vẫn là người có tình cảm phong phú, có sự hào sảng và phóng

¹ Bản dịch của Trần Trọng San.

khoáng nâng chén hỏi trời xanh. Có lẽ là kết duyên với Phật, với Thiên, trong cốt cách cao thượng, thanh khiết của trúc, Đông Pha cư sĩ đã chứng ngộ được nhân sinh.

Trịnh Bản Kiều yêu trúc vẽ trúc, hằng ngày đối mặt với trúc biếc núi đá, chỉ cảm thấy quang âm bình đạm, thoát tục. Ông viết những lời cảnh báo về xử thế "Hồ đồ có khó được" và còn viết rằng: "Thông minh khó, hồ đồ khó, từ người thông minh chuyển sang người hồ đồ càng khó hơn. Buông tay, lùi một bước thì lòng an ổn, không mong sự đền đáp sau này." Hy vọng sẽ có một ngày, chúng ta có thể có nơi tạm trú cho linh hồn không nơi an nghỉ trong một bức tranh trúc của ông.

Trong cuốn sách cổ *Bác vật chí* có ghi: "Hai vị phi của vua Thuấn là Tương phu nhân, vua Thuấn mất, hai phi khóc, nước mắt bắn lên trúc, trúc bị lốm đốm", vì thế gọi là trúc Tương phi. Còn Tiêu Tương phi tử chính là Nga Hoàng và Nữ Anh. Sau này, Tào Tuyết Cần tiên sinh đã dùng cái tên đẹp để này đặt cho Lâm Đại Ngọc của vườn Đại Quan, và gọi chỗ ở của nàng là Tiêu Tương quán. Trong Tiêu Tương quán bốn mùa trúc xanh sum suê, không có đào mận đua nhau khoe sắc, càng cảm thấy thanh vắng hơn những chốn khác.

Lâm Đại Ngọc bình sinh thích tan không thích tụ, đời này dùng để trả nước mắt, ngấm ra trúc của Tiêu Tương quán cũng bị những giọt nước mắt đa tình của nàng nhuộm những dấu vết loang lổ. Bao nhiêu đêm mưa gió ngoài song thu, duy chỉ có một chú chim anh vũ, vài hàng trúc thưa cùng nàng vượt qua đêm dài canh thâu. Người vốn tưởng rằng có thể nắm tay nhau, thì đời này lại phụ nàng. Nơi phồn vinh liêu thắm hoa tươi cuối cùng vẫn chẳng phải là chốn dung thân của nàng. Trước lúc chết, nàng đốt thư cáo đoạn tuyệt tình si. Có lẽ trúc của Tiêu Tương quán là nỗi quyến luyến không nỡ từ bỏ duy nhất trên đời của nàng.

Một đời người, giống như hoa trong gương, trắng dưới nước, hôm nay muôn tía ngàn hồng, ngày mai đã thành bóng bọt ảo mộng. Tưởng nhớ lại hoa thơm của vườn xưa, chẳng thà buông bỏ phồn hoa, tìm lại một vùng biển trúc. Một cây sáo gãy, một điệu tiểu ngạo giang hồ, một vắng trắng lạnh, một mối tình thù đến ngàn thu.

Tố cúc

Nhớ đến cúc, cúc luôn điềm tĩnh, đơn sơ, tinh khiết, lặng lẽ sinh trưởng trong tiết thu sớm sương mới giáng, bên sân giậu buổi hoàng hôn. Một cánh hương lòng, vài mẩu tâm sự chưa từng kể với ai. Trăm ngàn năm qua, bao nhiêu văn nhân mặc khách đều coi cúc là tri kỷ, trao cho cúc tấm chân tình. Cúc vẫn điềm nhiên, hiền hòa, ung dung tự tại như xưa. Cúc tự biết duyên phận trên thế gian có bắt đầu cũng có kết thúc, bất cứ tình cảm nào cũng không thể ảo tưởng và chìm đắm.

Chuyện xưa như nước triều, luôn dâng lên trong những thời điểm dễ gây xúc động. Tôi còn nhớ những tháng năm thơ ấu, mỗi lần kiếm củi trong núi hoặc giặt quần áo bên suối quay về, thỉnh thoảng gặp hoa cúc dại nở trong gió bên đường, không dừng đưa mời gọi nhưng lại thật bắt mắt. Một chùm trắng, một chùm vàng, hái bỏ trong làn trúc hoặc gài trên bó củi, mang về nhà kiếm cái lọ gốm, bình sứ thô, tô điểm cho năm tháng đơn sơ mộc mạc. Khi đó, tôi sống trong căn nhà cũ ngói xanh tường đen, đặt một bó cúc dưới ô cửa sổ cổ chạm hoa, an ổn vô sự cùng với áng mây trắng lãng đãng trôi.

Cảnh vật thay đổi theo thời gian, tôi đã trải qua vận mệnh lưu lạc chân trời, cúc của quê nhà vẫn nở bên giậu Đông trong núi, thanh thảo, tĩnh lặng. Bao nhiêu lần đêm khuya canh thâu mộng về cố hương, người và việc đều không còn như ngày hôm qua. Dưới mái hiên cửa sổ giếng mắc những tấm lưới của thời gian, bàn ghế nhuộm bụi của năm tháng vương vấn, duy chỉ có bó cúc gầy ấy là vẫn an ổn trong chiếc bình gốm cũ nứt, không hỏi tụ tan, không buồn không vui.

Sau này đọc bài *Điển nhĩ* trong chùm thơ *Nhị thập tứ thi phẩm* của Tư Không Đồ thời Đường: "Dùng bình ngọc đựng rượu du xuân, ngắm mưa dưới mái nhà tranh. Ngồi giữa các danh sĩ, xung quanh là trúc xanh, mây trắng lững lờ ban sớm, chim chóc giỡn đùa trong khe vắng. Tựa đàn say giấc dưới bóng râm, thác buông như rèm châu trên núi, hoa rơi lặng lẽ, người nhạt như cúc. Viết cảnh đẹp muôn vàn vào trong thơ, thật đáng để thưởng thức."

Bỗng nhiên cảm thấy trời đất có một vẻ đẹp không thể diễn tả thành lời, hoa cúc nhàn nhạt tĩnh lặng mà xa xôi. Trong tên của mẹ tôi, ngụ ý bốn chữ "người nhạt như

cúc" này. Có thể thấy bà coi nhẹ vinh nhục, lạnh nhạt với phồn hoa, xử thế điềm tĩnh, bình dị mộc mạc, đích thực có vài phần kín đáo và phong độ điển nhã của hoa cúc. Nếu cuộc đời ngắn ngủi, sau khi năm tháng sắc lẹm như lưỡi dao đeo gọt, vẫn có thể bình tĩnh nhìn ngắm hoa rơi lặng lẽ, tâm nhạt như cúc, cũng coi như là đã đạt tới cảnh giới tu hành.

Có những người đi cùng ta qua một chặng đường non nước của cuộc đời, rồi rẽ đi lối khác. Còn cỏ cây bất luận bạn sang hèn giàu nghèo, thì vẫn bình tĩnh, không chịu rời xa bạn. Lòng người bạc bẽo dễ đổi thay, nếu như thật sự chẳng có người nào để trao gửi, thì chẳng thà ước hẹn một mối tình duyên với cỏ cây. Tuy rằng cỏ cây không biết nói năng, nhưng có thể sớm tối bên nhau với bạn. Khi bạn tóc mai hóa thành tuyết, nó vẫn như ban đầu. Bạn quay người là biển xanh, thì nó cũng lặng lẽ đợi chờ mãi mãi.

Trong sách *Quảng quần phương phổ* viết: "Cúc Cửu Hoa là loài hoa cúc mà Đào Uyên Minh rất tán thưởng. Ngày nay người đời hay gọi là cúc Đại Tiểu, còn loại có hai tầng cánh là Cửu Hoa, cánh trắng nhụy vàng, bông hoa rất lớn, đường kính rộng đến hai tấc bốn năm phân, hình thái khác thường, đứng đầu trong các loài cúc trắng. Hương thơm cũng rất thanh nhã, lá thì thưa thớt, khoảng giữa tháng Chín mới bắt đầu nở."

Trong bài thơ *Ly tao*, Khuất Nguyên có viết: "Ăn hoa rụng bên hành thu cúc, uống sương sa dưới gốc mộc lan."¹ Khuất Nguyên cả đời buồn bã lẻ loi, cài lan ăn cúc, cũng coi như là một nhã khách chốn nhân gian. Con trai của đại tướng Chung Do thời Tào Ngụy - Chung Hội cả đời yêu hoa cúc, từng biên soạn *Cúc hoa phú*: "Hoa cúc mới kỳ diệu làm sao, một mình ánh ngời giữa sương giăng. Tươi tốt giữa xuân xanh, sắc màu trắng lệ giữa ngày thu." Tôn Sở thời Tấn lại có *Cúc hoa phú* rằng: "Nơi này hoa cúc nhiều như cỏ, tinh hoa trời đất nhận cả đây. Đương mùa xuân xanh thời ẩn giấu, trời chuyển sang thu khắc phô bày."

Mà chung tình nhất với cúc, chẳng ai vượt qua nổi Đào Tiềm thời Đông Tấn. Một câu "Hái cúc giậu Đông, thông thả ngắm núi Nam", đã dẫn dắt trái tim người đời về tới chốn điền viên sơn dã, nơi cỏ cây um tùm. Hoa cúc trở thành một chốn quay về tâm linh duy nhất trong hồng trần của Đào Công, khiến ông cam tâm tình nguyện từ bỏ con đường làm quan, làm một ẩn sĩ, an vui với khói bếp. Đào Tiềm yêu hoa cúc, trồng cúc ở khoảng đất trống bên sân trong nhà. Lúc hứng khởi thì gảy đàn ngâm hát, một chén rượu hoa cúc, một bài thơ hoa cúc, ngắm mây trôi chim bay, chân ý lúc này không dùng lời nào diễn tả nổi.

¹ Bản dịch của Nhưộng Tống.

"Cúc thơm nở khắp cánh rừng, từng xanh sắp lồi giữa tầng núi cao. Tấm lòng đẹp để thanh cao, huy hoàng điểm lệ sợ nào buốt sương."² Đối với cúc, xưa nay Đào Công chưa từng tiếc bút mực. Ông sửa rào giậu để trồng cúc, trong lòng có nỗi khổ sở là uống rượu ngắm hoa. Uống say nằm ngã trong bụi hoa, quên hết những nỗi thất ý và buồn rầu của cõi đời. Trong mộng lại đi lạc vào nơi đào nguyên tiên cảnh, những tấm lưới và đầm sâu của trần thế không còn trói buộc được linh hồn bay bổng của ông nữa.

Hồi thứ ba mươi tám của *Hồng lâu mộng*, Lâm Tiêu Tương giành giải nhất cuộc thi làm thơ vịnh hoa cúc, trong hội thi tổng cộng có mười hai bài thơ vịnh hoa cúc thì có đến năm bài liên quan đến Đào Uyên Minh. Hẳn là Tào Tuyết Cần cũng yêu hoa cúc và mượn sự nhanh nhẹn của Sử Tương Vân, mượn một đề thơ hay, dùng trâm vạch trên tường để mọi người tự chọn. Rồi nhờ tài tình của Tiêu Tương phi tử, ngâm vịnh thơ hoa cúc đến chỗ tinh diệu tuyệt đỉnh. Bài *Vịnh cúc* của nàng "Mối hận ngấm ngấm để chắt giấy, lòng thu giải tỏ biết chẳng ai"³, trong bài *Vấn cúc* có một câu "Xa đời ngất ngưỡng cùng ai đấy? Biếng nở lù đừ khéo chậm sao?"⁴, thật là đã hỏi hoa cúc đến độ chẳng còn lời nào để nói.

Tào Tuyết Cần đã dùng ngòi bút của mình để khắc họa nên một Lâm Đại Ngọc thanh cao cô độc, tuyệt thế vô song nhưng lại đặt nàng sống giữa Giả phủ mà lẻ loi, không chỗ dựa, từng cái cây từng ngọn cỏ đều do người khác ban cho. Ông đã đem vận mệnh của mình ban cho Lâm Đại Ngọc, dùng thơ hoa cúc để bày tỏ sự ngưỡng mộ đối với Đào Uyên Minh. Tào Công bị đủ mọi sự việc của thế tục quán lấy, cũng muốn học Đào Tiềm, quy ẩn núi Nam, dạo bước chốn ruộng vườn, sớm tối bên hoa cúc, không màng thế sự.

Trà thánh thời Đường Lục Vũ cũng yêu hoa cúc, nơi Lục Vũ sống cũng trồng đầy hoa cúc. Hạo Nhiên thiên sư có bài *Tầm Lục Hồng Tiệm bất ngộ* (Tìm Lục Hồng Tiệm mà không gặp): "Dời nhà ở mé thành ngoài, đường vào qua đám dâu đay chạy dài. Cúc giống dọc giậu xanh tươi, thu về hoa vẫn chưa khai trên cành. Gõ cửa ngoài chó lạng thình, sắp đi ghé hỏi sự tình nhà bên. Nói rằng vào núi thường quen, mỗi ngày bóng xế Tây hiên mới về."⁵ Mái nhà cạnh đường hoang hẻo lánh, bên giậu trồng những bụi cúc chưa nở hoa, mà chủ nhân đi vào trong núi tìm tăng nhân hỏi trà, đến lúc quay về thì mặt trời đã ngả bóng hiên Tây. Phẩm chất kiêu ngạo độc lập của hoa cúc, thanh đạm sâu xa của trà, cũng là phong cách và tính tình của Lục Vũ.

² Trích bài *Họa Quách chủ hạ* của Đào Tiềm.

³ Bản dịch của nhóm Vũ Bội Hoàng.

⁴ Bản dịch của nhóm Vũ Bội Hoàng.

⁵ Bản dịch của Trần Trọng Kim.

Hoa cúc của Nguyên Chấn thời Đường là bài thơ tôi cực kỳ yêu thích, cũng cảm thấy nó tràn đầy tình cảm. "Hoa cúc quanh nhà tựa Đào gia, mãi mê quanh giậu, bóng chiều tà. Đâu phải ưa chuộng riêng mình cúc, hoa tàn rụng hết, lấy đâu ra?" Hoàng hôn mùa thu, tựa lưng vào giậu ngắm hoa cúc, cảnh thơ như vẽ khiến người ta ngơ ngẩn.

Vào tiết Trùng Dương, người xưa không chỉ leo núi uống rượu, mà còn hái cúc, cài cúc lên tóc. "Nhạn thu vừa tới, bóng in sông, cùng khách đem bầu lên núi trông. Mở miệng cười vui, đời khó dịp, đây đâu trở lại, cúc gài bông."⁶ Thơ của Đỗ Mục kể rằng trong ngày Trùng Cửu, ông lên cao phóng mắt nhìn ra xa non nước một màu, khi vui sướng bèn hái hoa cúc gài mai tóc để tặng phần nhả hứng. Còn bài *Quá cố nhân trang* (Qua nhà cố nhân) của Mạnh Hạo Nhiên, một câu "Đợi đến ngày Trùng Dương, hoa cúc lại trở về" đã viết hết niềm ngưỡng mộ của ông đối với cuộc sống điền viên nhàn tản. Hoa cúc, loài cỏ cây của tiết Trùng Cửu ấy đã trở thành một phong cảnh không thể thiếu.

"Chẳng thà hoa héo ngát hương, còn hơn lá úa quay cuồng gió thu." Đây là hoa cúc dưới ngòi bút của nữ sĩ thời Tống Chu Thục Chân, nói ra ngạo cốt phong lưu của hoa cúc. Còn Chu Thục Chân có bao giờ không phải là đóa hoa cúc lạnh lẽo chẳng chịu úa tàn trước sương giá, để giữ tấm chân tình mà đứt ruột chết đi trong thơ từ. Chu Thục Chân vốn dĩ tài mạo song toàn, khổ nỗi lại gặp phải một người chồng chẳng hiểu phong tình. Nàng thở than: "Chúa xuân chẳng chịu vì hoa, cố sao còn khiến đâm ra liến cành?" Sau này, nàng đã dứt khoát ra đi xưa khi tuổi xuân tươi đẹp, cuối cùng chẳng cam chịu cầu toàn, nương tựa vào hồng trần.

Lục Du thời Tống có thói quen nhật cúc làm thành gối, trong *Kiểm Nam thi cao* ông có viết rằng: "Năm ta hai mươi tuổi, từng làm thơ gối hoa cúc. Nhật hoa cúc rồi may gối, mùi thơm của hoa bay khắp phòng." Hoa cúc không chỉ có mùi thơm mát an thần, mà cũng là một loại thuốc thượng hạng. Trong *Thần Nông bản thảo kinh* có ghi chép hoa cúc "uống lâu dài sẽ lợi khí huyết, người nhẹ nhõm dẻo dai."

"Khói nhẹ mưa lạnh, hôm nay là tiết Trùng Dương. Thu đến rồi thu đi, nhưng hoa vàng, năm năm đều như cũ. Bình đài hý mã, nơi nào hỏi anh hùng⁷; dưới mái nhà tranh, phía Đông giậu trúc, lúc đứng lặng suy tư⁸."

⁶ Trích bài *Cửu nhật Tề sơn đăng cao* (Trèo núi Tề vào ngày Tết Trùng Dương) của Đỗ Mục, bản dịch của Trần Trọng San.

⁷ Bình đài hý mã, nhắc đến tích Hạng Vũ điều khiển thao diễn binh mã ở hý mã đài.

⁸ Nhắc đến tích Đào Uyên Minh trồng cúc, quy ẩn điền viên.

Đây là bài từ *Mạch sơn Khê* của Lưu Tử Huy thời Bắc Tống. Giữa thời loạn sơn hà chao đảo, thành trì sắp sửa sụp đổ đó cần có một nhân tài có thể an bang tế thế. Tháng năm trôi qua chỉ có hoa vàng là vẫn như xưa, không đổi dáng vẻ ban đầu. Bậc bá vương của ngày qua đã mất, hôm nay biết đi đâu để dò hỏi tung tích của đấng anh hùng?

"Trời xanh thăm thẳm, đất rợp hoa vàng, gió Tây cuốn tí, nhận Bắc về Nam. Biệt ly nước mắt rưng rưng, sớm mai đã nhuộm núi rừng thành sương." Có lẽ nhờ những đoạn thơ đẹp đẽ, thơ này mà *Tây sương ký* khiến người ta đọc mãi không chán. Còn trong giấc mộng cũ mái Tây dịu dàng kia của Trương Sinh và Thôi Oanh Oanh, hoa vàng cũng không thể tỉnh lại nữa. Trời xanh thăm thẳm, đất rợp hoa vàng, cho dù là gió xuân say đắm, cỏ cây xanh tươi, cũng không thể bằng vẻ đẹp hoa vàng tràn mặt đất, lá đỏ phủ rừng thu này.

Dòng sông thời gian sâu lắng, không thể đo được, mỗi sớm mỗi chiều, mỗi thành trì chúng ta đi qua đều chẳng thể nào dự đoán được. Phàm tất cả những gì có hình có dáng đều là hư vọng cả. *Kinh Kim Cương* viết: "Quá khứ tâm không thể có được, hiện tại tâm không thể có được, tương lai tâm không thể có được." Cuộc đời của mỗi một con người đều là tu nhân trông quả. Buông bỏ được lòng tham và chấp niệm mới là khoan dung với hết thủy thế gian, là muôn vàn tình sâu với vạn vật.

Hoa rơi trong lặng lẽ, lòng người nhạt tựa cúc. Ánh dương nhạt nhạt, tháng năm dài lâu, nếu như hoang mang không chỗ dựa thì hãy chọn một buổi chiều thu, hái một bó hoa cúc, thử làm Đào Tiềm một lần, say dài dưới giậu Đông, thong thả ở núi Nam.

Mai danh ẩn tính, giang hồ lãng quên nhau.

Tình liên

Đêm qua nhàn nhã nghe hoa rơi, dưới ánh đèn nhàn nhạt, nhớ lại một chuyện xưa như khói như mây, dăm ba người cố nhân đã đi xa. Năm tháng sâu lắng như một hồ nước, lại tựa như vầng trăng sáng, thực ra chỉ cần linh hồn không chết đi, thì những vẻ đẹp nhỏ bé, tĩnh lặng tựa hoa rơi có thể cát bụi tái sinh như cũ. Gần đây, ngày xuân lúc ấm lúc lạnh, sương gió luôn lừa gạt người, cho đến tận gần sáng mới có thể đi vào giấc mộng.

"Gió chưa đứng, người im ắng, ngày mai khắp lối cảnh hồng rụng."¹ Đây là từ của Trương Tiên thời Tống, mỗi dịp cuối xuân tôi đều đọc mấy lần những câu từ xúc động này, giống như nhấm nháp cánh hoa, trong khoang miệng tràn ngập hương thơm. Giẫm lên hoa rơi, kinh ngạc cảm thấy có một loài thực vật đã gần tới mức tôi có thể ngửi thấy được. Nó có một cái tên rất đẹp, gọi là "liên", cũng gọi là "hà" (đều là hoa sen). Vẻ thanh lệ thoát tục của nó, phẩm chất băng thanh ngọc khiết của nó, khiến người ta thích đến nỗi chẳng dám tương tư.

Liên hà luôn là loài thực vật tôi có thể gần gũi nhất trong các loài cỏ cây nhân gian. Nó là cuộc gặp gỡ đầu tiên của tôi trên con đường hồng trần, là mối thiện duyên tôi đã trồng xuống từ kiếp trước. Tuy thích hoa mai, nhưng ở tuổi hai mươi của cuộc đời tôi mới thực sự biết đến nó, để rồi trở thành mối quan hệ thâm thiết. Còn hoa sen lại làm bạn với tôi từ khi biết ghi nhớ đến tận bây giờ, giống như tình non nước, luôn không muốn vượt qua giới hạn, sợ rằng sẽ tự nhiên mất đi tình cảm lưu luyến của bao nhiêu năm trước. Tôi trân trọng nó, giống như trân trọng quãng thời gian đẹp để không thể quay về đó.

"Giang Nam hái được sen, lá sen mọc đua chen. Cá đùa giữa lá sen, cá đùa đông lá sen, cá đùa tây lá sen, cá đùa nam lá sen, cá đùa bắc lá sen." Đây là bài thơ *Giang Nam* từ Nhạc phủ. Vùng sông nước Giang Nam này, không phải ẩn giấu trong mộng. Khung cảnh xinh đẹp tuyệt diệu như thế, ý cảnh thanh tân, sâu lắng như thế, tôi đã từng trải nghiệm. Tôi có may mắn làm một cô gái nhỏ chèo thuyền hái sen, đi xuyên qua muôn

¹ Trích bài từ *Thiên tiên tử. Tống xuân* của Trương Tiên, bản dịch của Nguyễn Xuân Tảo.

ngàn sen xanh, tìm kiếm sen Tịnh đế, hái đài sen, hát một khúc sơn ca vui tai, ngắm cá nô đùa dưới lá sen. Nụ cười tươi tắn khi ấy đúng là rực rỡ nhất, lay động lòng người nhất.

Đài sen hái về, nhân lúc vẫn còn xanh tươi, khêu bắc đèn trong đêm, im lặng bóc hạt sen. Từng hạt từng hạt sen căng đầy, sạch sẽ, không nỡ để dành nhà ăn mà đem đi bán lấy tiền, để chi trả cho sinh hoạt. Rốt cuộc là thỏa mãn, kiểu lao động nhẹ nhàng, đẹp đẽ ấy khiến năm tháng cũng dịu dàng đa tình hơn. Sau khi trưởng thành, chỉ có thể hái sen trong giấc mộng, những khung cảnh khi đó cũng không còn tư vị trước đây nữa. Một chiếc thuyền con chèo trong mộng, giữa muôn ngàn lá biếc, hái mấy bó sen mới, muôn vàn tình cảm sâu nặng, giữa trời đất mệnh mang, lại không có ai cất giữ cả.

Là tôi đã quá cố chấp không nỡ để duyên tàn. Sau này, tôi trồng sen trên ban công của nhà, sen cũng không hề kiêu chảnh, trong một chiếc chum sứ, thả một ít bùn, tuy có hơi yếu ớt nhưng vẫn vươn thẳng như ngọc khiến người ta yêu mến. Giữa mấy khóm lá xanh, hoa sen mọc ra lơ thơ, nhàn nhạt, hoa đỏ xinh đẹp, hoa trắng thoát tục. Ngày mùa hạ nóng nực, ngó sen mát lịm, hoa sen lặng lẽ nở, thường khiến người ta cảm thấy ngày tháng đến nhàm. Hóa ra những phong cảnh đã lãng quên, vẫn có thể quay lại được. Tôi biết ở cõi phù thế này, nó chỉ làm vui lòng một mình tôi.

Lý Bạch có thơ rằng: "Phù dung nhô mặt nước xanh, thiên nhiên đeo gọt dáng hình đẹp tươi."² Đọc xong chỉ cảm thấy ánh mặt trời ngập tràn, gió mát thoảng qua, một đóa hoa sen thanh nhã tự nhiên, thông thả mỉm cười, nở đúng đến độ đẹp nhất. Cho dù là trong thủy mặc mờ mịt cũng không thể thay đổi tư thái xinh đẹp, từng cánh từng cánh hoa long lanh ngậm sương, thiên nhiên đã giũa gọt tô điểm. Nét thanh đạm, tinh khiết của hoa sen dường như không hề liên quan chút nào tới gió bụi của tháng năm, nó luôn lặng lẽ ở giữa nhân gian, ngắm nhìn khách đến khách đi, mà cuối cùng không hề bị nhiễm khói lửa.

"Việt nữ chèo thuyền quế, gổ quế làm mái chèo. Trên hồ sóng trong veo, sông sâu không thể lội. Hái lấy đóa phù dung, chớ lấy lá hoa dùng. Về nhà hỏi ý chồng, hoa có đẹp bằng thiếp?" Đây là bài thơ *Việt nữ* của Vương Xương Linh thời Đường. Ý cảnh hái sen và cảnh quê mộc mạc trong bài thơ là một loại phong thái khác. Việt nữ váy đỏ áo xanh, mày ngài xanh đen, có nét yếu điệu của hoa sen, then thùng xinh đẹp rung động lòng người. Hái một cành sen, quay về nhà hỏi người chồng, ai xinh đẹp hơn, ai phong

² Trích bài *Kinh loạn ly hậu thiên ân lưu Dạ Lang ức cựu du thư hoài tặng Giang Hạ Vi thái thú Lương Tế* của Lý Bạch.

tình hơn? Hoa sen ở đây, giống như làn da trắng hơn tuyết của thiếu nữ độ xuân xanh, thối mạnh là rách, lại giống như đôi mắt sáng, lạnh lợi, nhìn là đã yêu.

Nếu nói về phong nhã nhu tình, thì hẳn là hoa sen trong hồ Tây Tử. Dương Vạn Lý thời Tống có thơ rằng: "Tháng Sáu Tây Hồ mặt nước trong, phong cảnh khác hẳn bốn mùa không? Lá xanh nối tiếp chân trời biếc, nắng chiều sen thắm phô sắc hồng."³ Tây Hồ, chính là Tây Hồ trong cầm kỳ thi họa. Hoa sen được nuôi dưỡng từ những nhân văn và câu chuyện của tòa cổ thành ngàn năm này, quả thực là tuyệt đẹp như tranh. Tựa như tôi luôn có thể nhìn thấy một cô gái tên là Tô Tiểu Tiểu, ngồi xe du bích, chậm chậm đi qua bờ hồ Tây Tử. Cũng chỉ có non nước nơi này, hoa sen nơi này là mang đến cho nàng sự chờ đợi trong mộng, tâm tình như thơ.

"Hoa của những cây cỏ dưới nước hay trên bờ đều có rất nhiều loài đáng yêu nhưng Đào Uyên Minh thời Tấn chỉ yêu mỗi hoa cúc; từ thời Lý Đường tới nay, người đời ưa chuộng mẫu đơn; còn tôi thì chỉ yêu mỗi loài sen gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn, trơ trọi trên sóng lặn tằm mà không ẻo uột, bên trong thông suốt bên ngoài thẳng tắp, không bò lan chia nhánh, mùi hương càng bay xa càng thanh nhã, vươn thẳng đẹp đẽ, có thể ngắm từ xa mà không thể dễ dàng chơi đùa." Đây là bài văn nổi tiếng *Ái liên thuyết* (Thích sen) của Chu Đôn Di thời Tống, những câu chữ đọc tưởng chừng đơn giản, sơ lược, nhưng lại viết ra hết tư chất thanh khiết, dung nhan tú lệ, phong cốt nhàn nhã của hoa sen.

Ông nói hoa cúc là ẩn sĩ trong các loài hoa, mẫu đơn là hào phú trong các loài hoa, còn hoa sen là quân tử trong các loài hoa. Ông tự nói mình có tình cảm sâu nặng với hoa sen, trên thế gian không ai có thể sánh bằng. Người đời sau cho dù muốn yêu hoa, nhưng e rằng cũng chỉ xếp sau mà thôi. Bên đình đài giữa khói sóng, từng đóa sen thanh khiết không nhuốm bùn trong đầm Ái Liên khiến người ta say mê nhìn ngắm mãi không thể dời bước, sau khi từ biệt còn nhiều lần ngoái đầu.

"Mưa ập tới, giọt châu gieo rắc, tan tác sen non." Đây là câu chữ của Nguyên Hiếu Vấn, tình cảnh này, từ ngàn xưa đã giống nhau. Những giọt mưa sương trên lá sen, giống như nước mắt của người ly biệt, lăn tròn như những hạt ngọc rơi. Đoạn sau của bài từ lại càng khiến người ta phải suy ngẫm, làm cho những đóa sen lãnh đạm tao nhã lại thêm vài phần tuyệt mỹ. Ông than rằng: "Đời người trăm năm có mấy ai, nhớ cảnh đẹp giờ lạnh, một giấc mộng thoáng qua. Cùng thông⁴ đã định, hà tất phải khổ sở

³ Bài *Hiếu xuất Tịnh Từ tự tống Lâm Tử Phương* (Sáng sớm từ chùa Tịnh Từ tiễn Lâm Tử Phương).

⁴ Cùng thông: Chỉ những việc suôn sẻ thuận lợi và trắc trở khó khăn.

lo toan. Cùng bạn bè vui vầy tận hưởng, nâng chén uống cạn hát vang. Mặc kệ hai vầng nhật nguyệt, lại qua như thoi đưa."

Hoa sen mới nở hẳn nhiên là vô cùng nhàn nhã, sen tàn lá úa cũng là một loại phong vận khác biệt. Lý Thương Ẩn có một câu thơ "Giữ lại sen tàn nghe tiếng mưa", rất được người đời yêu thích. Tôi còn nhớ trong *Hồng lâu mộng* Lâm Đại Ngọc từng nói: "Tôi rất không thích thơ của Lý Nghĩa Sơn, chỉ thích riêng một câu này của ông ta 'Giữ lại sen tàn nghe tiếng mưa'. Còn các người chẳng ai giữ lại sen tàn cả." Ngẫm ra thú Lâm Đại Ngọc thích cũng là ý cảnh thê lương, tuyệt mỹ trong thơ. Mưa thu dai dẳng liên miên, từng giọt rả rích gõ trên lá sen tàn, thanh âm lạnh lẽo ấy, mỹ cảm tàn khuyết ấy, còn đẹp hơn cảnh trăng tròn hoa nở.

Cảm sát, Vô đề của Lý Thương Ẩn đều là những bài thơ vô tiền khoáng hậu, trong đó có nhiều câu tuyệt bút. Nhưng Lâm Đại Ngọc lại chỉ yêu mỗi câu này trong thơ của ông, chỉ vì giữa vô vàn những ngày mưa thu, tiếng mưa gõ trên lá sen tàn đó đã an ủi mỗi sâu riêng của nàng, gỡ mỗi tương tư của nàng. Buổi yến tiệc dưới hoa của các chị em, nàng cầm một cành hoa phù dung, đề bốn chữ "Phong lộ thanh sầu". Mọi người đều nói: "Bốn chữ này hay nhất. Ngoài em ấy ra, chẳng có ai xứng làm hoa phù dung cả." Lâm Đại Ngọc nói với Bảo Ngọc rằng: "Chúng em chỉ là hạng người cỏ cây thôi." Trong lòng nàng buồn rầu vì Bảo Thoa có khóa vàng phối với viên bảo ngọc thông linh, còn nàng thì chỉ có thể cùng cỏ cây hẹn ước thôi.

Trên thế gian, loài thực vật có Phật tính nhất chính là hoa sen trước Phật. Đức Phật ngồi trên tòa sen, che chở cho chúng sinh, nắm giữ thăng trầm. Phật tổ cầm hoa mỉm cười, đóa hoa đó cũng là đóa hoa sen bung nở. Người tu hành ở hồng trần lại nguyện trở thành đóa sen trước Phật đó, tinh khiết thanh bạch, hằng ngày nghe Phật tổ giảng kinh thuyết pháp, tẩy rửa phù hoa, thiên tâm như nước. Một đóa hoa là một cõi thiên đường, một ngọn cỏ là một thế giới; một gốc cây là một cõi bồ đề, một mảnh đất là một Như Lai; một khoảng tịnh thổ, một nụ cười một mối trần duyên một ý niệm thanh tịnh, tâm chính là hoa sen nở.

Nhớ đến nhiều năm trước, Chu Tự Thanh dạo bước dưới ánh trăng, đi đến một đầm sen vắng vẻ. Ánh trăng như nước chảy, rót xuống lá sen, hoa sen trong làn sương mù bàng bạc muôn vàn tư thái, thanh u điềm đạm, an tĩnh dịu dàng. Buổi tối hôm đó, tựa như một giấc mộng bông bênh ngọt ngào, rơi giữa mặt hồ tĩnh lặng. Đến nay chỉ cần mở quyển sách ấy ra, hương hoa sen thoang thoảng vẫn quấn quanh trong đó, say đắm đến tận tâm can.

Hết thấy chúng sinh, bản tính thanh tịnh. Cho dù không làm được một đóa sen xanh trước Phật, chỉ là một cây cỏ hèn mọn bên đường, một con kiến vô danh trong góc tường, nếu như giữ tâm từ bi, tự có thể hóa thân thành hoa sen, lặng lẽ chờ hoa nở.

Vân tùng

Tôi đã vô số lần ảo tưởng rằng, một ngày kia có thể làm một người nhàn hạ, đeo hành trang lên một chiếc thuyền con đi giữa giang hồ. Giữa gió thoảng mưa bụi nào đó, giẫm lên đường rêu xanh mướt, đi xuyên qua sương mù vách khói, tìm cao nhân ẩn sĩ trong núi Chung Nam. Trên đỉnh núi cheo leo, dưới bóng tùng xanh, có một gian nhà gỗ đơn sơ, một ông già tóc bạc ở đó, từ lâu đã lãng quên tháng năm.

Sau này thật sự bước ra bên ngoài, suốt chặng đường vượt qua gió bụi, từng ở tạm vô số trạm dịch không biết tên, ngắm rất nhiều phong cảnh chưa từng thấy, gặp gỡ rất nhiều người đi đường vội vã đến đi, mới biết rằng sơn hà rộng lớn, bất luận thế nào cũng không thể đến được điểm cuối cùng. Nếu như bạn tự giữ một trái tim rộng mở, thì dù cho ở nơi khe sâu, cũng có thể biết được gió mây trần thế biến đổi, biển xanh chìm nổi ra sao. Nhiều khi, tôi chỉ giữ một khung cửa sổ nhỏ, ngắm nhìn mây bay, mặt trời lặn bên ngoài, xuân đến thu đi.

Thuở ấu thơ sống ở làng quê, tùng xanh không phải là một ký ức xa lạ gì với tôi. Tùng (thông) là người ở ẩn, chỉ ở nơi sâu nhất của núi rừng mới có thể nhìn thấy bóng dáng sắc xanh mơn mớn rậm rì, chót vót vươn thẳng của chúng. Tôi của khi ấy thường cùng bè bạn đi mấy chục dặm đường mòn, đến chỗ núi cao mây lượn, nhặt lá thông và quả thông. Nơi dấu người thưa thớt, thông xanh chạm mây ngạo nghễ, kinh qua năm tháng rèn giũa, khắp mặt đất phủ lớp lá thông dày, chúng tôi thỏa thích nhặt về. Rặng núi liên miên, khói mây đẹp đẽ, là món quà tuyệt mỹ mà tự nhiên ban tặng con người.

Tôi nhớ đến một câu từ của Lục Phóng Ông: "Kính hồ vốn thuộc của người nhàn, đâu cần quan trên ban thưởng xuống."¹ Non nước cỏ cây cũng như thế, đặt giữa trời đất mênh mông không ai quản thúc, không cần tiền tài, là có thể thỏa tình ngắm nghía. Còn chúng ta thường quá cố giữ phồn hoa, biến cuộc sống vốn dĩ nhàn tản trở thành nhặt nhẽ, chẳng tiêu dao, thản nhiên bằng một cây thông.

Đi giữa núi rừng, nhìn tùng xanh đứng sừng sững giữa mây, cứng cỏi hùng tráng, tư thế hiên ngang, gió mát núi cao. Có những gốc tùng gửi thân bên vách núi, an ổn tự

¹ Trích bài từ *Thuốc kiều tiên*. Hoa đăng túng bác của Lục Du.

chủ, lánh đời giữa mây trắng; có những cây tùng soi bóng trên vách đá, kiên tâm chân tình, cô độc cao ngạo; còn có những cội thông lặng lẽ nằm trong rừng núi, cao vút nguy nga, chỉ đợi vượt tầng mây.

Còn tôi lại giấu mình ở nơi khói mây sâu thẳm, tựa như một ẩn sĩ lơ lửng, một tiên nhân đi cầu đạo. Còn nhớ trong bài thơ *Tầm ẩn giả bất ngộ* (Tìm ẩn sĩ không gặp) của Giả Đảo thời Đường có viết: "Gốc thông hỏi chú học trò, rằng thầy hái thuốc lò mò đi xa. Ở trong núi ấy thôi mà, mây che mù mịt biết là đi đâu."² Vài chữ ngắn ngủi, hạ bút đơn giản, phác họa rõ ràng, ý cảnh sâu xa. Phong cốt của thông xanh, sự bay bổng của mây trắng, càng làm nổi bật tiên phong đạo cốt của vị cao nhân vào núi hái thuốc này.

Tôi chỉ là một cô bé đi nhặt lá thông, không có duyên gặp gỡ với vị ẩn sĩ trong núi sâu kia, nhưng lại vô số lần tụ hội với tùng xanh. Mỗi lần vào trong núi, thường bị gai sắc cào bị thương, hoặc bị kiến, côn trùng cắn, nhưng tôi không vì thế mà dừng bước. Song từ khi đó, tôi đã có tình cảm không thể nói thành lời với vạn vật thế gian, bắt đầu biết kính sợ và trân quý mỗi một sinh mạng nhỏ. Trong ký ức, cây tùng đó rõ ràng rất gần, nhưng thường lại cách xa một khoảng mây trời.

Lá thông, quả thông chúng tôi nhặt về dùng để đốt, nấu được một bàn trà thô cơm nhạt. Buổi hoàng hôn của làng quê, vài ba mái nhà, khói xanh lượn vòng trên mái ngói đen, ráng chiều ánh lên, đẹp không sao tả xiết. Mùi thông thơm bao phủ cả làng quê, những nông phu vác cuốc quay về, những đứa trẻ lừa trâu về chuồng, tìm được mùi thơm mà vội vã về nhà. Dưới ánh đèn dầu, dăm đĩa đồ ăn vặt, một bình rượu cũ, sống những ngày tháng đơn sơ.

Lấy lá thông đun trà, hoa thông ủ rượu, quả thông làm vị thuốc, cũng coi như là những việc phong nhã trên cõi đời. Mà tôi và thông, phần lớn chỉ gặp gỡ trong trang sách, hoặc ngắn ngủi trong một khu rừng núi nào đó ở thành thị, rồi sau đó ai nấy lãnh quên nhau. Tôi cũng từng ngưỡng mộ mà đi tìm vân tùng trên Lư Sơn, tuyết tùng trên Hoàng Sơn, những vị ẩn sĩ mặc áo xanh, khoác bào trắng ấy, ở cạnh bên những vách núi đá cheo leo, tư thế ngạo nghễ, đẹp để tựa như muốn đi xuyên qua những vách mê, lên thẳng tầng mây xanh.

Những cây thông của danh sơn thắng cảnh đó, được đế vương khanh tướng, văn nhân mặc khách các triều đại ngưỡng mộ tán thưởng, từ lâu đã trở thành một phong cảnh đẹp để chưa từng có. Phẩm chất cứng cỏi, phong cốt thanh cao, ý chí xuyên mây

² Bản dịch của Tản Đà.

của chúng chưa bao giờ thay đổi vì bất cứ người nào khác. Chúng tránh xa huyên náo, ẩn mình giữa rừng núi, thấu hiểu thế sự nhưng lại chẳng bị vướng bận bởi hồng trần.

Thế giới rộng lớn, chúng sinh muôn vàn. Từ xưa tới nay, từng được các thi nhân tặng cho nhân cách và khí độ đặc biệt, có ẩn sĩ ở sâu trong núi rừng, có mặc khách mong được thưởng thức, còn có tăng nhân thiên tâm như nước. Những gốc tùng xanh này, nhờ ngòi bút của họ mà có thêm linh hồn và sinh mệnh. So với tùng mà tôi từng gặp trong thời niên thiếu, chúng thiếu mất sự bình đạm và mộc mạc, nhưng lại có thêm sự trang nhã và hàm súc.

Thi nhân thời Nam triều Phạm Vân có thơ vịnh hàn tùng rằng: "Thân thẳng vút tầng mây, lá dày che trời cao. Đón gió chí quật cường, tuyết lạnh tỏ thanh tao." Tùng trong thơ ông, ngạo tuyết đứng riêng, vững như bàn thạch, xanh ngắt vươn cao. Tuy sống ở hồng trần, nhưng thân khoác bạch y, cảnh vườn giữa tuyết trắng, phong thái lỗi lạc khiến người ta phải bội phục.

"Hiên Nam có gốc tùng đứng lẻ, lá dày che kín tựa rèm buông. Gió thoảng lá reo sao nhàn nhã, thanh thoi đến tận hoàng hôn xuống. Đường cổ dấu rêu thời xa lạ, biếc xanh như thắm khói thu sương. Cớ sao không thể vút tầng thăm, nhìn xuống nhân gian thước muôn ngàn."³ Tùng của Lý Bạch thời Đường mọc cô độc ở hiên Nam, trong một góc nhỏ đầy rêu xanh, không ai hay biết. Một người tiêu sái như Lý Bạch, chèo một chiếc thuyền, chống kiếm nhìn giang hồ, bay bổng phiêu dạt. Cớ sao một mình đến Trường An, trong kinh thành rạng rỡ đèn hoa, lại đánh mất đi chính mình của năm xưa. Ông lòng đầy hoài bão, hy vọng có thể cao vút chọc trời, thi triển tài hoa giống như cây tùng xanh kia, nhưng cuối cùng vẫn say ngã bên đường cổ, tan vỡ giấc mộng Trường An.

"Thông cao vút trên ngàn, chân trời xanh kết bạn. Khách tản khi trời rạng, trầm mặc tăng tới chơi. Nhã nhạc theo làn gió, xanh thắm mặc tuyết rơi. Cuối năm thành vị thuốc, phục quy dâng tặng đời."⁴ Cùng là tùng của triều Đường, tùng trong thơ Lý Thương Ẩn lại có thêm vài phần phong lưu ưu nhã, thông dong ý thiên. Lý Thương Ẩn không có nhiều chí hướng cao xa, mà chỉ buông bỏ con đường làm quan xa vời, tạm thời lãng quên tình yêu khắc khoải, dưới bóng tùng kết giao cùng cao tăng. Ông cũng có tâm nguyện, chỉ mong sao tùng xanh có thể hóa thành loại thuốc quý, để con người thưởng thức.

³ Bài thơ *Nam hiên tùng* (Tùng hiên Nam).

⁴ Bài thơ *Cao tùng* (Thông cao). Phục quy tức Phục linh.

Tùng xanh cao vút, dưới ngòi bút đầy thơ mộng của Vương Duy, cũng có thêm vài phần thanh đạm thoát tục, nhu tình uyển chuyển. "Sừng sững trên núi, xanh ngần ngắt, mấy dặm bất tầm nay tương phùng. Không thấy ngài, lòng tưởng nhớ, tấm lòng này ngài có tỏ chẳng. Vì ngài cao vút lại nhàn nhã, nguy nga vời vợi giữa mây ngàn."⁵ Tùng tựa như một cố nhân của Vương Duy, khi không gặp lòng nhớ nhung, khi trùng phùng thì hứa hẹn bên nhau. Tấm lòng của Vương Duy nhàn nhã, thanh đạm tựa tùng xanh, đối với ông, công danh chẳng qua chỉ như một chiếc áo khoác hoa lệ, không cần cũng được.

Bạch Cư Dị yêu tùng, trồng tùng, có thơ rằng: "Chuộng bởi chí thanh cao, mền bởi thân thẳng tắp. Ngày ngày muốn gặp mặt, dời sang trồng trước thềm. Vươn thẳng chọc trời xanh, chết mới thôi ngừng nghĩ."⁶ Để gặp gỡ với tùng xanh sớm chiều, ông bèn trồng tùng ở trước thềm bên sân, và luôn gửi gắm hy vọng ở cái cây cao mấy tấc này, nếu như cây tùng xanh sống được, nhất định nó sẽ ngạo nghễ chọc thủng tầng mây. Những năm cuối đời, Bạch Cư Dị trở thành một ông già say sưa, quên mất cả danh tính, chẳng màng hỏi quá khứ. Hằng ngày uống rượu ngâm thơ, tùng xanh làm bạn, mây trắng là nhà.

Nhân gian có một cảm giác gọi là niềm vui thanh nhã, an lành, nếu như không có cách nào thỏa hiệp với khói lửa phù thế này, chẳng thà buông bỏ càng sớm càng tốt. Bạn nên biết rằng sự nghiệp công lao ngàn thu, một đời phồn hoa, rốt cuộc cũng trả lại cho khói xanh ráng chiều. Bạn bỏ phí thời gian để đi tìm đáp án câu đố của sinh mệnh, nhưng đến cuối cùng chưa chắc đã là kết cục mà bạn muốn có được.

Tôi rất muốn được lần nữa vào trong núi sâu rừng già đi nhặt lá thông, cùng với cây tùng xanh bên vách đá ngồi ngắm nhìn mây dâng. Rất muốn là một người nhàn chẳng làm gì khác, đun một bình trà bằng lá thông, ủ một vò rượu bằng hoa thông, ấm lạnh tự mình biết. Cho dù có một ngày tôi già đi rồi chết ở dưới một mái hiên cũ kỹ nào đó của Giang Nam, cũng là tạo hóa, cũng là kết cục tốt đẹp rồi.

⁵ Bài thơ *Tân Tần quận tùng thụ ca* (Bài ca về cây tùng ở quận Tân Tần).

⁶ Bài thơ *Tài tùng nhị thủ* (Trồng tùng bài 2).

Quyển thứ bốn

một món cổ vật

một thú phong nhã



Trang sức vàng

"Mặt mừng hi mới mở toang, giống tình ai đã chịu mang vào mình. Chỉ vì tình lại gặp tình, gió trăng nồng đượm không đành xa nhau. Khi vắng vẻ, lúc buồn rầu, thua trời nên dải mối sầu thơ ngây. Mộng hồng lâu diễn khúc này, thương vàng tiếc ngọc tỏ bày nỗi riêng!"¹ Đây là lời dẫn của *Hồng lâu mộng*, mỗi lần đọc xong trong lòng tôi luôn trào dâng một thứ tình cảm u sầu mà dịu dàng, không thể nào gỡ bỏ, cũng không thể khuây khỏa.

Thương vàng tiếc ngọc, vàng ở đây chính là chiếc khóa vàng của Tiết Bảo Thoa, còn có kỳ lân vàng của Sử Tương Vân. Ở vườn Đại Quan, hai cô gái này kết duyên với vàng sâu đậm nhất, nhưng cái gọi là lương duyên vàng ngọc, cuối cùng cũng chỉ là lời nói suông. Còn ngọc ở đây chính là Lâm Đại Ngọc và Diêu Ngọc, hai cô gái thanh đạm như nước. Có thơ làm chứng rằng: "Ai treo đai ngọc giữa rừng, trâm vàng ai đã vùi trong tuyết dày."² Hai người đều là hai cô gái Giả Bảo Ngọc thương nhớ trong lòng, cũng là phong cảnh kinh điển nhất trong vườn Đại Quan.

Tiết Bảo Thoa đeo chiếc khóa vàng là vì nhà sư chốc đầu đã tặng hai câu nói tốt lành, phải khảm lên đồ bằng vàng. Hôm đó, khi Tiết Bảo Thoa ngắm kỹ miếng ngọc thông linh của Giả Bảo Ngọc, đọc hai lần câu "Đừng mất đừng quên, tiên thọ vĩnh hằng" khắc trên miếng ngọc, Oanh Nhi đứng bên cạnh cười nói, hai câu này lại vừa hay là một cặp với câu trên chiếc khóa vàng của nàng. Chính vì câu nói tốt lành "Không xa không rời, phúc mãi dài lâu" nên Tiết Bảo Thoa ngày ngày đeo khóa vàng.

Dì Tiết từng nói với Vương phu nhân: "Khóa vàng là hòa thượng cho, đợi sau này có ngọc mới có thể kết thành nhân duyên." Thực ra rất nhiều vương tôn công tử đeo ngọc, nhưng trong Giả phủ, chỉ có miếng ngọc thông linh của Giả Bảo Ngọc đeo mới là quý giá và hiếm có. Dường như chỉ có ngọc của chàng mới tương xứng với khóa vàng của Tiết Bảo Thoa. Tiết Bảo Thoa hình dáng đầy đặn, nhan sắc đứng đầu muôn hoa, diễm lệ như mẫu đơn ung dung, sang trọng. Tào Tuyết Cần ban cho Tiết Bảo Thoa

¹ Lời dẫn của *Hồng lâu mộng*, tác giả Tào Tuyết Cần, bản dịch của nhóm Vũ Bội Hoàng.

² Trích bài thơ *Kim Lăng thập nhị thoa*, kỳ nhất của Tào Tuyết Cần, bản dịch của nhóm Vũ Bội Hoàng.

chiếc khóa vàng, phù hợp với khí độ cao nhã của nàng. Còn Sử Tương Vân đeo kỳ lân vàng, cũng là vì thân phận thiên kim tiểu thư của nàng.

Từ xưa tới nay, vàng luôn được người đời yêu thích đeo lên người, thưởng ngoạn và cất giữ. Xưa nay tôi luôn cảm thấy những đồ vàng bạc là vật ngoài thân, không thể tham luyến. Nhưng người lạc ngoài thế tục, rốt cuộc vẫn phải mưu sinh. Vàng không chỉ là đồ trang sức hoa lệ, tượng trưng của quý tộc, mà còn lưu truyền trong phố thị, rất được ưa chuộng đeo làm trang sức. Người xưa đi xa, coi vàng là lộ phí tốt nhất, có câu ở nhà năng tiết kiệm ra ngoài mang thêm tiền, chính là như thế. Bất luận là vàng nén hay trang sức vàng, đều có thể dùng để ở quán trọ, đổi lấy đồ ăn ngon. Giá trị của vàng giữ nguyên tới nay, trong lòng người đời nó luôn có một địa vị không thể thay thế được.

Tôi cũng từng có một chiếc khóa vàng cổ, đó là món quà bà ngoại tặng lúc còn nhỏ. Nó không quá hoa lệ, nhưng nhỏ nhắn tinh xảo, thấm đẫm hơi thở của thời gian. Chiếc khóa vàng bé xinh tuy chưa hẳn là món đồ tổ tiên truyền lại, nhưng lại là một chút tình cảm của bà ngoại. Đến nay tôi vẫn còn nhớ hơi ấm trong lòng bàn tay bà, còn có ánh mắt hàm chứa lời dặn dò và chúc phúc khi đó của bà. Vốn dĩ là một vật nên luôn mang theo bên người, khổ nỗi có một ngày lại không biết ở đâu, sau này cũng không có duyên tìm lại được. Tôi áy náy nói lại với bà ngoại, bà mỉm cười đáp, mất đi rồi chưa chắc đã không phải là phúc báo, chỉ cần quên đi, thì cũng giống như là chưa từng có.

Thế là, tôi lại nhớ đến câu thơ của Lý Bạch: "Trời sinh ta ắt có dùng, ngàn vàng tiêu hết lại hòng kiếm ra."³ Nhưng thứ tôi đau lòng không phải là chiếc khóa vàng, mà là tình thân đáng lẽ phải được gìn giữ cẩn thận. Ngàn vàng tiêu hết, vẫn còn có thể kiếm lại được; tín vật đã đánh mất, lại chỉ có thể trở thành nỗi hoài tưởng mãi mãi. Khóa vàng đã trở thành một câu chuyện cũ, chỉ trong giấc mộng, mới có thể nhớ tới. Hóa ra những đồ vật phù hoa trên thế gian này, cũng sẽ nảy sinh ra vô vàn câu chuyện cảm động.

Có người nói, biển cạn đá mòn, tình bền chặt như vàng. Lá đỏ đề thơ, thoa vàng gửi tình, là một kiểu hứa hẹn, cũng là một lời thề nguyện. Thời xưa, món đồ tình nhân hoặc vợ chồng tặng cho nhau khi chia ly, đa phần là thoa vàng. Phụ nữ bẻ thoa cài trên đầu ra làm đôi, một nửa tặng người, một nửa giữ lại, đợi đến ngày trùng phùng, người và thoa đoàn tụ. Trong *Bạch xà truyện* Hứa Tiên và Bạch Tố Trinh nhờ thoa vàng mà kết duyên, sau này ly tán, nhờ thoa vàng mà được đoàn tụ.

³ Trích bài thơ *Thương tiến tửu* (Xin mời rượu) của Lý Bạch.

"Chia thoa vàng, bến lá đào, Nam Phố ảm đạm khói mù liễu rủ."⁴ Đây là từ của Tân Khí Tật, mượn tích chia thoa quý để kể tình cảm chia ly, mong đợi năm tới lá đào trôi bến sông, nắm tay nhau đoàn tụ. Nạp Lan Dung Nhược có từ rằng: "Thoa vàng cài tóc hai mảnh tình, nhân duyên sao lại ứt áo khăn?"⁵ Đã có lúc nào chúng ta chưa cảm thán, buồn bã và đau xót vì phải chia ly với mối tình trong lòng đâu?

"Cõi trần ngoảnh lại mà hay, Tràng An chẳng thấy, thấy đầy bụi nhơ! Lấy chi tỏ tình xưa thăm thú? Gửi cành hoa vật cũ cầm xuôi. Thoa vàng hộp khám phân đôi, nửa xin để lại nửa thời đem đi. Chỉ xin nguyện lòng ghi dạ tạc, tựa thoa vàng bền chắc không phai. Thời cho cách trở đôi nơi, nhân gian rồi với trên trời gặp nhau."⁶ Đây là *Trường hận ca* của Bạch Cư Dị, đọc xong luôn khiến người ta đau lòng khôn nguôi. Cho dù là tôn quý như đế vương, cũng có những cửa ải tình cảm chẳng thể vượt qua nổi. Ngày hôm đó, tiễn biệt ở gò Mã Ngôi, nàng tan nát trái tim trên trời, còn hoàng đế thì đứt ruột dưới nhân gian.

Vàng có thể gia tăng tuổi thọ, xua đuổi tà ma. Phương sĩ thời Tây Hán Lý Thiệu Quân từng nói với Hán Vũ đế: "Vàng bạc là đồ ăn, có thể giúp bất tử." Đạo giáo dùng vàng luyện thành kim đan để mong trường sinh bất lão. Phật giáo thì dùng đồ vàng để đúc tượng Phật và rất nhiều vật phẩm cúng dường tinh xảo, đẹp mắt khác để thể hiện sự trang nghiêm của pháp tướng.

Sau này vàng bạc được làm thành các đồ đựng xa hoa, rất được vương hầu của các triều đại ưa chuộng. Theo chương "Lễ nghi chí" trong sách *Hậu Hán thư* ghi chép, thiên tử dùng áo ngọc tơ vàng, vua chư hầu thì dùng áo ngọc tơ bạc, còn đại quý nhân, trưởng công chúa lại dùng áo ngọc tơ đồng. Đế vương dùng vàng để ban thưởng cho tướng sĩ quân thần, còn thần tử dùng vàng, châu báu để dâng lên vương hầu. Có người tặng vàng để báo đáp tri kỷ, có người ném vàng đoạt giai nhân. Cho dù bạn là người như cỏ cây, không mong muốn điều gì, thì cũng khó tránh khỏi bị thứ tục vật này quán lấy, không thể thư thái.

"Chén vàng rượu ngon muôn ngàn đấu, mâm ngọc thứ quý giá vạn tiền."⁷ Buổi thịnh yến xa xỉ như thế, tan tiệc ra về, cuối gió vượt sóng, căng buồm ra khơi, nơi nào là cố hương? "Đời người đặc ý nên vui tràn, chớ để chén không mời trăng sáng."⁸ Lý Bạch nâng chén đối ẩm với trăng sáng, không biết khiến bao nhiêu người mong ước

⁴ Trích bài từ *Chúc Anh Đài cận. Vãn xuân*.

⁵ Trích bài từ *Hoán kê sa. Thập nhị hồng liêm tốt địa thâm*.

⁶ Bản dịch của Tản Đà.

⁷ Trích bài thơ *Hành lộ nan kỳ 1* (Đường đi khó kỳ 1) của Lý Bạch.

⁸ Trích bài thơ *Thương tiến tửu* của Lý Bạch.

có thể hào phóng vui hết mực, say mộng nhân sinh như ông. Còn tiền tài lúc này chẳng qua chỉ là thứ hư ảo, chẳng ai biết sinh mệnh của mình kéo dài được bao lâu.

Có một điệu từ gọi là *Kim lữ khúc*, cũng gọi là *Hạ tân lang*. Vì Diệp Mộng Đắc viết bài từ *Hạ tân lang* có câu "Ai vì ta, hát tơ vàng", nên còn được đặt tên là *Kim lữ khúc*. Người ta đều nói vàng có giá trị, nhưng những câu chuyện gửi gắm trong chiếc thoa vàng, tình cảm ẩn chứa trong chiếc chén vàng, đều là vô giá. Vàng xa hoa, giàu có là thế cũng có lúc thơ mộng lãng mạn, giữa năm tháng lặng lẽ vô tình khuấy động trái tim của bạn.

Lời bói viết rằng: "Một lượng vàng là bốn lượng phúc, chẳng như vận mệnh khác biệt nhau." Số mệnh của mỗi con người khác nhau, tiền tài phú quý đều đã định sẵn. Phàm sự việc nên thuận theo tự nhiên, không nên cưỡng cầu, nếu quá cố chấp thì thứ phú quý đạt được cũng như mây trôi, ngắn ngủi như một giấc mộng mùa xuân mà thôi. Nước đầy thì tràn, trăng tròn thì khuyết, có lẽ chúng ta đều phải thấu tỏ đạo lý sự vật thịnh quá thì sẽ suy này. Việc trên thế gian không bao giờ lặp lại, biết đủ thì thường vui, mới là viên mãn.

Chén vàng ca hát đến khuya, trăng tựa song cửa, một đêm say giấc mộng Lan trì. Lúc này, một mình ngồi bên khung cửa sổ nhỏ với chén rượu, ngắm nhìn tuế nguyệt qua lại như thoi đưa, biết rằng vạn vật trời đất vẫn an lành. Thử điền một bài từ *Kim lữ khúc* để gửi gắm chút tâm tình. Hóa ra mọi sự vật liên quan đến phồn hoa cũng có thể lạnh lẽo, thấu suốt như thế này.

Một mình phiêu bạt mà thôi. Thời gian này, một mảnh trăng hao gầy, một cơn mưa buốt lạnh, hơn chục năm phong trần dài dằng dặc, chớp mắt thôi hồng nhan đã già đi. Cuối cùng cũng chẳng quên được cuộc gặp gỡ năm nào. Phồn hoa thiên cổ như trong mộng, lại là ai diễn một đoạn trích kịch, đã phụ bạc cả tôi và người. Câu chuyện Tống Đường trở thành hồi ức. Cảm thán cõi phù sinh, tu nhân trồng quả, trăm ngàn tư vị. Muôn tía ngàn hồng đều nhìn thấu, chỉ còn lại tâm ý đã nguội tàn. Hãy để quá khứ khẽ khàng lau đi những vết tích. Nửa đêm bàn tay lướt phím đàn, luôn khiến người ta cô độc khôn kể xiết. Cùng hoa mai, làm người tri kỷ.

Đề bạc

Nàng mặc bộ áo váy bằng vải bông, trên cổ tay nhỏ nhắn đeo một chiếc vòng bạc, chạm hoa văn nhàn nhạt, tao nhã lành lạnh, đơn giản đẹp đẽ. Mái tóc dài bóng đẹp, nhẹ nhàng búi lên, cắm một cây trâm hoa mai cổ điển bằng bạc. Nàng cúi đầu mỉm cười, gương mặt trắng trẻo thuần khiết sáng bừng lên. Đây không phải là nhân sinh hoa lệ, nhưng lại khiến cho con người giống như gặp một đóa hoa nhài nở, tựa như đã gặp được mối tình duyên chưa dứt từ kiếp trước.

Tôi luôn cho rằng, một cô gái có thể đeo những món trang sức bạc mộc mạc trông thật đẹp, nhất định là có khí chất phi phàm. Có lẽ cô ấy thuộc tuổi niên thiếu thanh xuân, đương độ đẹp nhất, e ấp ngượng ngùng, chất phác yên tĩnh. Cũng có lẽ cô ấy đã đến tuổi xế chiều, nhìn hết mọi tuyết sương, lãnh đạm với thế sự, ung dung ưu nhã. Những món trang sức nhìn tưởng như đơn giản mộc mạc này, không phải mọi cô gái đều có thể đeo một cách khéo léo, phù hợp, nhàn nhã tinh tĩn.

Lúc nhỏ lên các phố xá trên thị trấn, mỗi lần đi qua tiệm bạc cũ, tôi luôn dừng chân lại ngắm nghía. Trong tủ quầy bày đủ kiểu trang sức bạc, phát sáng lấp lánh, cổ kính đẹp đẽ. Vòng kiềng bạc, vòng tay bạc, nhẫn bạc, trâm bạc, lược bạc và đủ mọi loại chén bạc, bát bạc, đĩa bạc... chúng lặng im chờ đợi một cuộc hẹn ước nào đó, đợi những người khách đến và đi sẽ nhận chúng.

Bà ngoại nói, tổ tiên bà là bậc hào phú, các đồ đựng, trang sức trong nhà đều được chế tác bằng bạc ta. Đến cả dây đeo tạp dề lúc nấu ăn, nút gài giày thêu, đều dùng bạc ta để tô điểm. Tôi từng nhìn thấy mấy món đồ bà giữ lại, là do những nghệ nhân dân gian chế tác thủ công, hoa văn chạm rồng, tinh xảo đẹp mắt. Chỉ vì sự trầm lắng của thời gian, những món trang sức bạc vốn trắng tinh như tuyết bị bạc thêm dấu ấn loang lổ, lại thêm mấy phần mùi vị của tháng năm.

Sau này, trong sách giáo khoa tôi đọc được truyện *Cố hương*¹ của Lỗ Tấn, liền nảy sinh thiện cảm với cậu thiếu niên mười một, mười hai tuổi đeo vòng bạc đó. Khi đó, rất nhiều bạn học nam nữ bắt chước Nhuận Thổ, đến hiệu bạc nhờ người thợ bạc già đánh

¹ Hay còn có tên là *Thiếu niên Nhuận Thổ*.

vòng bạc cho. Tôi cũng có ý nghĩ này, liền bị mẹ bác bỏ. Không lâu sau, mẹ lấy ra chiếc vòng bạc cổ từ trong tủ gỗ, dẫn tôi lên hiệu bạc trên thị trấn để đánh một cái vòng bạc nhỏ tinh xảo. Từ đó chiếc vòng bạc này theo tôi đi qua những năm tháng niên thiếu mộng mơ.

Hồi ức rất đẹp, bởi vì những chuyện đã qua không quay trở lại được, còn chúng ta thường nhớ nhung trong những lúc cô đơn. Đằng sau mỗi món đồ cũ đều có một câu chuyện, có thể không đủ sâu sắc, không đủ huyền thoại, nhưng ngay cả chỗ bình đạm cũng có thể cảm động lòng người. Hiệu bạc cũ trên thị trấn vẫn còn đó, người thợ bạc già lo lắng tay nghề tinh xảo lâu năm của ông sẽ có ngày bị thất truyền, trong lòng cảm khái và tiếc nuối. Mấy món đồ cũ kỹ trong tiệm, vì không có ai hỏi đến mà phủ đầy bụi bặm. Tiếng đánh trang sức bạc đó dần dần biến mất trong ngõ phố dài hun hút và im lìm.

Cõi phù thế mệnh mang, chúng sinh luôn nỗ lực tìm kiếm những thứ mình muốn. Suốt chặng đường nhật nhật rồi lại đánh mất, cuối cùng những thứ giữ lại được, trân trọng cất giữ chỉ lẻ tẻ vài món. Dường như mấy năm nay, bắt đầu thịnh hành lại trào lưu phục cổ. Những món đồ cổ trước đây bị coi là cũ kỹ, sứt mẻ dần dần được người ta trân quý, coi là quà tặng của thời gian, được đeo lên để tô điểm cho năm tháng như nước chảy. Họ yêu cái đẹp mộc mạc, mong đợi có thể hoài niệm tháng ngày một đi không trở lại trong những món đồ cũ đó.

Bạc trắng vốn là thứ tinh khiết. Bạc sáng lấp lánh không tì vết, ánh lên ánh sáng long lanh, giống như ánh trăng rải chiếu, tựa như gió dài động sương, trong sạch như hoa sen, trắng tinh hơn tuyết. Sau này bạc trắng được coi là tiền tệ để lưu thông, bị nhuộm bụi bẩn, gắn kết với những vật tục, không thể chia tách. Nó không chỉ là món trang sức đơn giản, còn có thể cầm cố để trang trải cho cuộc sống bình thường.

Vào thời Xuân Thu, đồ bạc đã bắt đầu trở thành đồ trang sức, trang trí, khảm trên các đồ vật. Đồ vật trên đời vốn dĩ vô tâm, chẳng qua là trang sức phù phiếm của phố thị, lại được văn nhân mặc khách thưởng thức bình phẩm, cất giữ trong sảnh đường của những nhà quyền quý phú thương. Cho đến sau này, chúng trở thành một trào lưu thời thượng, được người đời coi là đồ báu, làm gia cảnh sung túc hơn, cuộc sống no đủ hơn.

Ranh giới của nhĩ và tục, giống như bóng của bầu trời soi trên mặt nước hồ, chưa bao giờ rõ ràng, vốn dĩ là cùng một nguồn cội. Đại nhĩ tức là tục, mà tục đến tột cùng lại là nhĩ. Rất nhiều món bảo vật vàng bạc, nếu chỉ để thỏa mãn lòng tham của một

người, thì sẽ phụ sự tốt đẹp vốn có của chúng. Khi coi chúng là tác phẩm nghệ thuật, để tô điểm cho năm tháng, thì cũng coi như là làm phần vinh văn hóa dân tộc.

Bạc vụn như màu tuyết, đun chảy trong lửa, rồi lại được thợ bạc gò, điêu khắc, vẽ lên các hình hoa chim, hoặc các câu chuyện kinh điển. Thứ vật tục này có giá trị tồn tại riêng của nó, trở thành một phong cảnh đẹp mắt được ưa chuộng, làm bạn với thanh xuân, cùng đi qua hồng trần. Hoặc từng là trâm, làm đẹp cho mái tóc của giai nhân, dung nhan trước gương, tuổi xuân tươi đẹp tĩnh lặng tựa như Tây Thi hoa nhường nguyệt thẹn. Hoặc từng là chén thắm đượm tâm tư của thi khách, mượn một chút men dư từ cuộc vui, đọng lại mấy câu từ hoa gấm từ thiên cổ.

Gạch Đường ngói Tống đã trở thành tàn tích đổ nát dưới ánh tà dương khiến người ta hoài niệm xa xưa, tiếc nuối ngày nay. Những vật phẩm đã từng tô điểm cho cung điện xa hoa, hoặc bị chôn vùi trong bụi đất, bị thời gian cất kín rồi trao trả lại cho tự nhiên; hoặc được hậu thế tìm thấy, trở thành chứng cứ lịch sử, kể về những nỗi tang thương. Duy chỉ có trăng sáng thời Tần trăm năm chưa đổi, cũng giống như thơ văn của cổ nhân, tuyệt mỹ vĩnh viễn.

Sự phát triển của đồ bạc bắt đầu từ thời Tần Hán, dung hợp với thời Ngụy Tấn và cũng như luật thi, tuyết cú, trở nên phần vinh rực rỡ vào thời Đường. Sự thịnh vượng của Đại Đường đã được thể hiện hết trên phương diện văn hóa nghệ thuật và cả rất nhiều sự vật của đời sống. Đồ bạc đời Đường cũng cùng với thời đại thịnh trị hoa lệ, giàu có, tỏa ra vầng hào quang vạn trượng vô tiền khoáng hậu.

"Khách nước Triệu phát phơ giải mũ, gươm Ngô câu rục rở tuyết sương. Long lanh yên bạc trên đường, chập chờn như thể muôn ngàn sao bay. Trong mười bước giết người bèn nhảy, ngàn dặm xa vùng vẫy mà chi. Việc xong rũ áo ra đi, xóa nhòa nhân thế, kể gì tiếng tăm."² Bài thơ *Hiệp khách hành* này do Thi tiên Lý Bạch sáng tác, khí khái hào hùng của ông đã mang đến mỹ cảm vô song cho Đại Đường. Ngựa trắng yên bạc càng nổi bật khí độ anh hùng, là phong thái thường thấy của vương triều thịnh vượng.

Còn bài *Thu tịch* (Đêm thu) của Đỗ Mục, trong ánh thu nền bạc, đã miêu tả tâm tình cô độc lẻ loi của một cung nữ buồn chán. "Ánh thu nền bạc lạnh bình phong, quạt lụa khê xua đóm lượn vòng. Nền trời thăm thẳm như màu nước, Ngưu Lang Chức Nữ nào lòng trông." Trên giá nền chạm khắc bằng bạc trắng rõ ràng tỏa ra sắc màu lấp lánh, hoa lệ. Nhưng hậu cung ba ngàn giai lệ, bao nhiêu giai nhân tuyệt thế đều bị nhốt

² Bản dịch của Trần Trọng San.

kín trong lầu đài thăm sâu, ngồi đợi vị thần vận mệnh ghé thăm. Khi đêm lạnh như nước, sao Ngưu Lang và Chức Nữ treo lủng lơ trên bầu trời trong vắt, có sao tình yêu chốn nhân gian lại khổ sở, không viên mãn như vậy.

Từ của thời Tống, lại không sáng rực nở rộ như Đường thi. Đồ bạc của thời Tống, cũng giống như Tống từ, thanh lệ điển nhã, sắc nhạt hương nồng. Trong đồ vật thấy sự mới mẻ, trong từ lại thấy gió mây, đây chính là đặc sắc của đồ bạc thời đại này.

Án Kỷ Đạo có một bài từ *Giá cô thiên*, cực kỳ khổ đau u uất. Giống như bạc thời Tống, tinh xảo đẹp đẽ đa tình, uyển chuyển sinh động. "Tay vén ân cần đỡ ngọc chung. Năm xưa say rượu má tươi hồng. Múa nghiêng dương liễu trắng lâu rồi, ca dứt đào hoa gió quạt nồng. Sau ly biệt, nhớ tương phùng. Mấy hồi hồn mộng với ai cùng. Đêm này còn sợ đem đèn rọi, có phải tương phùng trong mộng không?"³

Trong một buổi sớm đẹp như nước, người viết từ gặp gỡ một ca kỹ đã tiễn biệt nhiều năm. Nhớ lại khung cảnh đẹp đẽ bên nhau hát ca nhảy múa năm xưa, lại lầm tưởng rằng cuộc trùng phùng này đang ở trong mộng. Ông cầm cây đèn bạc, quan sát người phụ nữ trước mắt, sợ rằng giây phút đẹp đẽ tới đột ngột này chỉ chớp mắt thôi đã biến mất. Người phụ nữ từng vì ông mà ca hát vui say này, đến nay cũng đã trải gió sương. Sau đêm nay, nàng chính trang dung nhan, lưu lạc nơi tường hoa ngõ liễu, còn ông vẫn đeo tay nải thơ từ, biến mất giữa cảnh gió trăng.

Bạc trắng thời kỳ Minh Thanh trở thành vật phẩm lưu thông cực kỳ quan trọng, hấp thụ quá nhiều hơi thở phú quý. Mà phong cách đồ bạc cũng có rất nhiều chuyển biến. Nó thiếu đi khí thế hùng tráng, nét thanh nhã tinh tế của Đường thi Tống từ, học được cách thay đổi theo sóng gió cuộc đời. Đồ bạc của thời đại này được người đời dùng để phô bày thân phận, trong rất nhiều vật phẩm có hoa văn rồng phượng, để thể hiện sự giàu có quý phái.

Về sau, sắc màu rực rỡ này bị thời gian làm mờ nhạt dần dần, mất đi sự đẹp đẽ. Trên sân khấu hiện đại sáng lóa ánh đèn, bạc trắng không còn đóng vai diễn chính, nó chỉ là một kép hát bình thường, trang điểm nhạt nhòa, thêm chút điểm tô cho cuộc sống nhạt nhẽo. Có lẽ còn có thăng trầm, có lẽ nó sẽ tồn tại một cách cao ngạo bằng một tư thế khác. Nhưng cuối cùng nó vẫn kiên trì giữ vững bản chất thanh bạch của mình, diễn những cảnh tan hợp buồn vui trong câu chuyện của người khác.

Người con gái đeo vòng bạc, cài trâm bạc ấy, vội vã đi qua một đoạn phong cảnh của nhân thế, rồi sau đó, chậm rãi già đi ở một nơi cổ kính, tươi đẹp.

³ Bản dịch của Nguyễn Chí Viễn.

Đồng thau

Mấy ngày trước, tôi mua về một chiếc lò hương bằng đồng có hình hoa sen, cổ điển, đơn giản tinh xảo, cực kỳ đáng yêu. Đốt hương thưởng trà, ngắm hoa nghe mưa, đã trở thành chuyện không thể thiếu trong cuộc sống. Đốt một lò hương, bẻ một cành lá non cắm vào trong bình gốm, ngồi lặng nghe Thiền. Quang cảnh như thế, khiến bạn chán ghét cõi đời biết bao nhiêu, cũng cảm thấy sinh mệnh vốn dĩ có thể an nhàn, thư thái như thế này. Uống một chén trà trong, tháng năm sạch sẽ, giang sơn an ổn, còn tôi đã càng lúc càng gần với quãng thời gian cổ xưa ấy.

Đó là một vùng đất xa xôi không ai biết tới, có lẽ kiếp trước của tôi từng đi qua, nhưng tất cả những ký ức còn sót lại đã bị xóa sạch. Nền văn minh mấy ngàn năm vẫn chảy dài, nước triều lên rồi lại xuống, vẫn như xưa, nhân thế trải mấy lượt biển xanh, duy chỉ có thời gian là không kinh sợ. Sự an lành của nó giống như những đỉnh núi liên miên, trập trùng, những đám mây co duỗi có thứ tự, những dòng sông không phân tách với nhau. Mà dòng sông chảy suốt ngàn năm, bỗng nhiên tựa như khói mây trong mộng, kể về thời đại đồng thau không thể xóa mờ.

Thực ra, đồng thau luôn gắn liền với cuộc sống bình thường của chúng ta, chỉ là chúng tồn tại trong một số sự vật nhỏ, nhỏ đến mức không tính nổi. Gắn gũi với tôi nhất là lư hương đồng, lồng ấp bằng đồng, còn có gương đồng và mấy chiếc khóa đồng bị thời gian bỏ quên. Người và sự vật giống nhau, luôn không ngừng di chuyển giống như chim di trú, mỗi lần cáo từ đều không biết sẽ tương phùng khi nào. Ngày tụ hội cảm thấy hành trình dài đằng đẵng đã khiến đôi bên thay đổi, chỉ có ký ức là dừng lại ở ngày hôm qua.

Tôi nhớ đến sách *Thanh luật khai mộng* từng đọc thời thơ ấu, có một câu như thế này: "Tâm vương bận chuyện thế tục, không còn thời gian gảy đàn. Tuổi cao sương tuyết phủ mái đầu, ngại ngừng soi gương đồng." Năm xưa tuổi còn nhỏ chỉ coi đó là cặp câu đối để đọc, cảm thấy thật là đẹp. Đến nay lại hiểu thấu được ý tứ, cũng vừa hợp với tâm tình của tôi. Trần thế hỗn tạp, cây đàn cổ cầm bằng gỗ hán được đặt trong góc của thư phòng, chẳng có tâm trạng nào mà gảy đàn. Còn gương đồng đã sớm trở thành

đồ trang sức trong nhà, rốt cuộc vẫn không chịu lau chùi, cũng sợ ánh sáng đó sẽ chiếu rõ dung nhan đang dần dần già đi.

Câu chuyện của tôi nhạt nhẽo đơn giản, mà câu chuyện của đồng thau lại hàm súc sâu xa. Sớm biết thanh xuân dễ trôi qua như thế thì thật sự nên cố gắng đối xử tốt từng ngày, giống như đồng đúc thành đủ mọi loại đồ vật, nhìn thấy được giá trị tồn tại của bản thân. Tự hợp vui vẻ, uống rượu, mơ mộng, đi chơi xa, ngắm cảnh, cho dù có một ngày đột ngột chết đi, cũng phải biết những tháng năm đẹp nhất đã từng sôi nổi. Hoặc là có một ngày sẽ già đến mức cô độc không chỗ dựa, còn có rất nhiều hồi ức đó, đủ để từ từ nhấm nháp cùng với rượu.

Đại để bắt đầu từ thời đại Nghiêu Thuấn Vũ, đồng thau đã được sử dụng và dần dần thịnh hành. Thời Hạ bắt đầu có đồ chứa và vũ khí bằng đồng thau. Cuối thời Thương đến đầu thời Tây Chu là thời kỳ phát triển cực thịnh của đồ đồng thau, hình dáng đa dạng, trang trọng hồn hậu, minh văn khắc sâu và dài, hoa văn mỹ lệ. Sau đó, kết cấu chịu lực của đồ đồng bắt đầu mỏng hơn, hoa văn trang trí cũng trở nên đơn giản, mộc mạc hơn. Đồ đồng thau là một dấu ấn của thời đại, mỗi món đồ đựng, mỗi loại tạo hình đều được chế tác thủ công, bất cứ món đồ vật nào cũng là tuyệt thế vô song.

Đồng từng làm đỉnh, chứa đựng khói bếp văn minh của nhân loại thời nguyên thủy. Đồng từng làm bình rượu, đựng đầy thành trì của đế vương, uống say nổi cô độc của ánh trăng. Đồng từng làm rìu, cùng với tướng sĩ quét sạch mọi chuồng ngai. Đồng từng làm xẻng, cùng với vua Đại Vũ khơi thông sơn hà. Đồng từng làm gương, treo ở cung điện nhà Tần, chinh đốn thói đời. Hoặc là cô lẻ tổn thương, thấm đẫm những tang thương mà thi khách giai nhân viết nơi tóc mai.

Đồng thau đi xuyên suốt cả thời cổ đại, thịnh hành vào thời kỳ Hạ, Thương, Tây Chu, Xuân Thu và đầu thời Chiến Quốc, đến cuối thời Đông Hán, đồ gốm sứ đã thay thế cho phong thái tuyệt mỹ của đồ đồng. Thời Tùy Đường, đồ đồng phần lớn được dùng để chế tạo đủ kiểu, đủ loại gương đồng tinh xảo, khắc những minh văn điển nhã. Sau đó, đồ đồng chỉ được dùng làm những đồ đựng, vật dụng phổ thông, tàn lụi trong cuộc sống thường ngày.

Vạn vật trên thế gian đều trải qua quá trình bắt đầu, cực thịnh và suy tàn, đồ đồng thau cũng như vậy. Nó không thể đi ngược với tự nhiên, thay đổi vận mệnh suy tàn của mình, nhưng lịch sử cũng không thể xóa bỏ được sự giàu có và huy hoàng mà nó đã từng có, ngàn năm mưa gió mà nó đã trải qua. Từ triều Hạ đến đầu thời Chiến Quốc,

đồ đồng thau được chế tác thành khí cụ lễ nhạc, đã thể hiện giá trị của nó trong rất nhiều nghi thức.

Nét duyên dáng của dàn chiêng đồng, thiêng liêng trang nghiêm, tựa như đang ở nơi gác tía, lắng nghe khúc nhạc của thịnh triều, ngắm nhìn cung điện quý phái vô song, bậc thêm dài lắm liệt uy nghiêm. Từ đó, sân và cửa có chuông đỉnh đã trở thành biểu tượng cực kỳ quyền quý, mà đỉnh cũng là tiêu chí của chính quyền. Nào ai biết, phú quý như thế cũng là én bay về phương Nam, chẳng tìm thấy phồn hoa. Trong ngõ Ô Y, trước nhà họ Vương họ Tạ, những con chim én đã từng xây tổ, vẫn cứ bay vào nhà bách tính bình dân.

Trong lĩnh vực chế tác đồ đồng thau của Trung Quốc, khí cụ lễ nhạc là tinh xảo nhất, vì nó đại diện cho quyền thế trang nghiêm. Còn binh khí, cũng lấp lánh sự sắc sảo của thời đại đó. Thời kỳ Xuân Thu, cũng có rất nhiều nhà luyện kim. "Mười năm mài một kiếm, lưỡi sắc vẫn vẹn nguyên. Hôm nay mời anh xem, ai có chuyện bất bình."¹ Kiếm là tri kỷ, lúc bạn im lặng kiếm sẽ nói thay bạn. Rất nhiều kiếm khách chỉ dựa vào một thanh bảo kiếm xông pha giang hồ, cười ngạo phong vân.

Kiếm của Việt vương Câu Tiễn là tinh phẩm trong các loại vũ khí bằng đồng thau, cũng từng theo chủ nhân nhẫn nhục chờ thời, nằm gai nếm mật. Đường vân tinh tế, thân kiếm tinh xảo, kiếm cả ngàn năm vẫn bén sắc, sáng lóa như xưa. Những thân cốt mục rửa trong bụi cây lùm cỏ nơi sa trường, chẳng ai nhớ rằng họ đã từng phải trả giá như thế nào, chỉ có binh khí nắm trong tay, cùng họ trầm lặng trong gió cát vô biên, mãi không xa rời.

Gương đồng có thể coi là đồ vật tuyệt mỹ nhất của thời đại đồng thau, cũng là nét bút tài hoa nhất. Bất luận là giai nhân chốn hậu cung, hay là khuê nữ của danh gia hoặc là nữ giới bình thường, đều ngồi trước gương đồng, mượn ánh mặt trời và ánh trăng, dùng thanh xuân để tô điểm dung nhan cho đẹp nhất. Tấm gương đồng đó đi theo họ cả đời, từ khi tóc xanh cho tới khi đầu bạc. Từng ngày từng ngày, nhìn dung nhan họ từ từ già đi, còn gương đồng sau khi lau sạch, lại tỏa ra thứ ánh sáng mê người.

Giả Đảo có thơ ngâm rằng: "Đêm nay chẳng biết đêm nào, ban công thao thức soi vào trong gương. Phù dung đâu chỉ giữa dòng, giữa gương một đoá tươi hồng đẹp xinh."² Thi nhân mượn hình ảnh phản chiếu trong chiếc gương đồng, để khen ngợi dung nhan xinh đẹp của vợ bạn. Gương đồng cũng được coi là tín vật, trải qua các cuộc

¹ Bài thơ *Kiếm khách* của Giả Đảo.

² Bài thơ *Hữu nhân hôn Dương thị thôi trang* (Thúc giục Dương thị trang điểm trong đám cưới của người bạn) của Giả Đảo.

duyên tụ duyên tan của tài tử giai nhân. Trong bài thơ *Phá kính* (Gương vỡ) của Đỗ Mục từng viết: "Lỡ tay gương vỡ làm đôi, ngày nào gặp lại chàng ơi hỡi chàng?" Bao nhiêu thiếu nữ nhẹ nhàng vén tóc mai, kẻ lông mày trước gương, chỉ vì chờ đợi ý trung nhân nắm tay nàng trọn đời.

Sau này, có một lượng lớn tiền đồng lưu hành trong thành thị, được vô số thương gia vì cuộc sống mà phải vất vả bôn ba mang đến mang đi, hao tổn đồng tiền, đứt đoạn tháng năm đẹp đẽ. Họ vì một chút lợi vật vãnh, tính toán chi li, đến cuối cùng phú quý phồn hoa cũng chỉ là vật qua tay và chưa từng thực sự giữ lại được gì.

Rời xa thời đại thuộc về chúng, đồ đồng mang theo nỗi lạc lõng và cô độc vì vô chủ chốn chân trời, chán chường nơi sâu thẳm của hồng trần. Nhưng chẳng ai quên, chúng đã từng được nung chảy đổ khuôn và viết nên ngày hôm qua cực thịnh. Đến giờ, chúng đã có những thứ cùng bị chôn vùi dưới bùn đất ngàn năm, say đắm không tỉnh với vương triều đã mất; có những thứ được cất giữ trong viện bảo tàng, để người đời sau được chiêm ngưỡng những chuyện cũ phong vân của quá khứ.

Mà tôi lại gần như chỉ yêu dáng vẻ bị thời gian lạnh nhạt của chúng, yêu tư thái giản đơn, tồn tại một cách yên lặng giữa thế gian của chúng. Những món đồ cũ bình thường đó, không cần lịch sử nghiêm trang hay sự lắng đọng của văn hóa, cũng không cần gánh vác một sứ mệnh vương triều nào. Trải qua những ảo mộng tươi héo của nhân thế, từ bỏ quá khứ phong lưu, để lại linh hồn thuần khiết, mang đến ngày hôm nay bình đạm.

Nó chỉ là một cái lò hương bằng đồng, làn khói nhạt quẩn quanh bốc lên, tô điểm cho phòng khách tao nhã của chủ nhân. Nó chỉ là một chiếc khóa đồng cũ kỹ, khóa lại cửa dày sần sần, câu chuyện ấm lạnh buồn vui. Nó chỉ là một chiếc gương đồng giả cổ, treo trên khuê phòng của mỹ nữ, tưởng rằng không lau chùi là có thể níu lại thanh xuân.

Bầu trời của lịch sử lúc này đều sạch bóng gió khói. Những bài minh văn khó hiểu kia, rốt cuộc đã khắc lời thề của những ai? Những món đồ đồng bị han gỉ ấy, đã làm ai đó tang thương già đi? Tráng chí hào tình của quá vãng, âm điệu của vương triều thịnh vượng từ lâu đã quét sạch bụi trần, chuyện kiếp trước, đến nay không còn nhắc lại nữa.

Đá ngọc

Tôi luôn cho rằng, thứ có linh tính nhất trên thế gian, chẳng gì ngoài cỏ cây đá núi. Chúng ta không cần học cách chung sống với chúng như thế nào, mà nhiều khi, chúng tồn tại một cách yên lặng, không nói gì nhưng lại thật lòng, bình đạm mà hữu tình. Cuộc đời dài đằng đẵng, đường sá xa xôi, thả bước trong hồng trần mênh mông gió khói, đi qua hết mọi sóng gió. Bấy giờ tôi mới tin rằng trăm năm sau, tất cả mọi kinh hãi ngừng lại, hết thảy lại quay về thuở ban đầu. Tâm tôi như ngọc, trong sáng tinh khiết, ôn nhuận như mỡ, băng lạnh hơn tuyết.

Đá quý đẹp nhất, hẳn là miếng bảo ngọc thông linh trong *Hồng lâu mộng*. Nó vốn là một miếng đá thừa mà Nữ Oa luyện thành, vì không đủ phẩm chất để vá trời nên theo Thần Anh thị giả nhập thế, biến thành miếng mỹ ngọc Giả Bảo Ngọc ngậm lúc chào đời. Miếng đá thừa này hội tụ tinh hoa của mặt trăng mặt trời suốt ngàn vạn năm, đã sớm thông linh tính. Nó không cam tâm bị chôn vùi ở vách núi, nguyện đi vào hồng trần, hưởng thụ mấy năm trong cảnh phú quý, giữa chốn êm đềm để không uống đến thế gian này một chuyến.

Sau này, nó cùng Giả Bảo Ngọc đến Giả phủ - gia tộc thịnh vượng phồn vinh, trâm anh lễ giáo, cùng chàng tiêu ma ngày tháng giữa đám phấn hồng. Người ta nói lương duyên vàng ngọc, ngọc của Giả Bảo Ngọc và khóa vàng của Tiết Bảo Thoa trở thành một mối nghiệt duyên không thể tháo gỡ cũng là mối nợ tình không thể trả nổi giữa bọn họ. Chàng có miếng ngọc thông linh trên khắc "Đừng mất đừng quên, tiên thọ lâu bền"; nàng có khóa vàng ghi "Đừng rời đừng bỏ, phúc bền mãi mãi".

Mà kiếp trước của Lâm Đại Ngọc, vốn là một cây cỏ tiên Giáng Châu mọc bên cạnh hòn đá Tam Sinh trên bờ sông Linh Hà của Tây Phương, chỉ vì nhận ơn tưới nước cam lộ của Thần Anh thị giả trong cung Xích Hà, mà nợ chàng một mối ân tình, quyết ý xuống trần làm người, dùng nước mắt để trả lại. Nàng và Giả Bảo Ngọc có một lời thề gở - đá từ tiền kiếp, đợi trả hết duyên là sẽ hóa thành tiên, bay đi xa.

Chàng là mỹ ngọc hoàn hảo, nàng chỉ là người cỏ cây. Đá Tam Sinh, duyên định ba kiếp, có thể thấy rất nhiều tình duyên trên thế gian đều vì ngọc đá mà khởi, lại cũng vì ngọc đá mà tàn. Vốn là đá núi chôn vùi trong bùn đất của tháng năm, tự nhiên hoàn

mỹ, cổ kính mộc mạc cứng cỏi. Trải qua luân hồi đến đi kiếp này qua kiếp khác, vì một người mà đợi chờ mỗi mòn giữa cuộc sống bình lặng.

Mỗi miếng ngọc đều có một quãng quá khứ thâm sâu, có một ngày tìm thấy chủ nhân của kiếp trước, nó sẽ đứt khoát nhập thế, mặc cho bạn đeo gót thưởng ngoạn. Hôm qua nương dâu hóa bãi bể, chẳng qua là một áng mây khói, sứ mệnh của nó chỉ là để gặp được người dịu dàng nhất, lương thiện nhất trong cuộc đời. Biển người mệnh mông, người đó có lẽ ở bờ bên kia đầy lau, có lẽ ở trên cổ đạo, trường đình, có lẽ trên con đường hồng trần, có lẽ là ở rừng sâu núi thẳm. Bất luận trải qua bao nhiêu kiếp, cuối cùng vẫn không thay đổi tấm lòng thuở ban sơ, chỉ cùng bạn trải qua một quãng tươi héo của thời gian.

Đá đẹp chính là ngọc. Ngọc mịn bóng hàm súc, thấu suốt điển nhã. Sách *Thuyết văn giải tự* nói rằng: "Ngọc chính là đá đẹp. Ngọc có năm đức: óng ánh bóng sáng, là nhân; trong suốt nhìn từ ngoài vào trong, là nghĩa; tiếng du dương, vang xa, là trí; không cong không vẹo, là dũng; phần cạnh sắc nhưng lại không làm hại đến con người, là khiết (sạch sẽ)".

Ngọc chia ra làm ngọc cứng và ngọc mềm, ngọc mềm phần nhiều là ngọc Hòa Điền, tiếp theo là hơn mười loại ngọc gồm ngọc Tụ Nham, ngọc Nam Dương, ngọc Độc Sơn, ngọc Lam Điền... Ngọc cứng tức là phỉ thúy. Ngọc mềm lại chia ra làm ngọc trắng, ngọc vàng, ngọc tím, ngọc đen, ngọc bích, ngọc xanh, ngọc đỏ, còn màu sắc của phỉ thúy cũng có các loại trắng, tím, xanh lục. Phôi ngọc tốt giống như băng như nước, trong suốt lóng lánh, khiến người ta nhìn thấy là mê, không thể quên được.

Người quân tử khiêm nhường, ôn nhuận như ngọc. Quân tử dùng ngọc để so sánh với đức, quân tử phải đeo ngọc, quân tử nếu không có lý do thì ngọc không rời thân. Từ xưa đến nay, trải qua năm tháng đá ngọc và người đời đã kết mối duyên sâu sắc. Quân vương không chỉ đeo ngọc, mà đến ấn chương tượng trưng cho hoàng quyền tối cao cũng do mỹ ngọc điêu khắc nên và được ban cho một cái tên rất đẹp - ngọc tử. Vương tôn công tử đeo ngọc, kiếm khách nho sinh đeo ngọc, giai nhân quốc sắc đeo ngọc, phụ nữ bình dân đeo ngọc.

Vẻ sáng bóng của ngọc, nhan sắc của ngọc, sự tinh khiết của ngọc có thể tiêu trừ phiền não, thanh tẩy tục thế, sáng khoái tâm hồn. Người yêu ngọc, sống chung với ngọc sớm chiều đều hy vọng có thể hấp thu được linh tính tự nhiên của ngọc, ôn nhuận tao nhã giống như ngọc. Một miếng ngọc đẹp thích mắt vui tai, còn hơn cả mọi non nước đẹp đẽ, hoa xuân trắng thu của thế gian, cho dù là sơn hà đổi chủ nó cũng che chở cho bạn bình an cả trăm đời.

Lịch sử của đá ngọc cũng lâu dài giống như năm tháng của nó. Ngay từ thời kỳ đồ đá mới tám ngàn năm trước, người xưa đã coi trọng vẻ đẹp và sự rắn chắc của ngọc, mài làm đồ dùng, đeo để đeo, dùng làm trang sức, đồ tế tự, phù hiệu, đồ tuần táng. Đến sau này, đồ ngọc không chỉ hòa nhập vào cuộc sống, mà còn trở thành tác phẩm nghệ thuật được chiêm ngưỡng. Khắc ngọc đeo ngọc đã trở thành một loại văn hóa, biết bao người thợ ngọc đã dùng kỹ thuật khéo léo tuyệt vời để đeo ra núi sông rừng khe, hoa chim linh thú, đình đài lầu gác và câu chuyện nhân vật.

Ngọc là vật có linh tính, có thể dưỡng sinh khỏe mạnh, lại càng có tác dụng đuổi yêu trừ tà. Người xưa dùng ngọc làm đồ dùng, và rất nhiều đồ trang sức để đeo khác, như vòng ngọc, trâm ngọc, nhẫn ngọc, lược ngọc, ngọc bội... Phong tục này còn tiếp diễn đến tận ngày nay, so với thời cổ ngọc lại càng vì hiếm mà quý báu, càng được người đời yêu chuộng, si mê.

Vốn chỉ là miếng đá thừa ẩn giấu trên vách đá trong núi, tu luyện ra linh tính như thế lại nhận được ân sủng của chúng sinh. Nó có phong cốt và vận mệnh riêng của mình, giữa gió bụi tháng năm, núi dài sông xa, được vô số người hết lòng đối đãi. Sau này, nó được viết vào thơ ca, biên soạn vào sử sách, đọc hết câu chuyện của người khác, tự mình cũng trở thành nhân vật chính của câu chuyện.

"Mộc qua người tặng ném sang, quỳnh cư ngọc đẹp ta mang đáp người. Phải đâu báo đáp ai ơi, để mà giao hảo đời đời cùng nhau. Mộc đào người tặng ném sang, quỳnh dao ngọc đẹp mang ra đáp người. Phải đâu báo đáp vậy thôi, để cùng tốt đẹp đời đời kết giao. Ném sang mộc lý tặng ta, ngọc lành quỳnh cửu đưa qua đáp người. Phải đâu báo đáp ai ơi, để mà giao hảo đời đời cùng nhau."¹ Đây là một thiên trong "Vệ phong" thuộc "Quốc phong" của *Thi kinh*, quỳnh dao, quỳnh cư, quỳnh cửu đều là tên gọi của ngọc thời đó.

Lý Thương Ẩn có thơ rằng: "Trắng sáng lệ giàn châu Đại Hải, nắng xông ngọc bốc khói Lam Điền."² Ngọc ở đây là mỹ ngọc sản sinh từ huyện Lam Điền ở Tây An, Thiểm Tây. Vương Xương Linh thời Đường cũng có thơ ngâm rằng: "Đang đêm mưa lạnh vào Ngô, sáng ngày đưa khách, núi cô trập trùng. Lạc Dương bầu bạn hỏi cùng, băng tâm một mảnh ở trong ngọc hồ."³ Cho dù mưa lạnh thê thiết, núi Sở cô liêu nhưng tấm lòng thi nhân vẫn tinh khiết, lóng lánh như mảnh băng cát trong chiếc bình bằng ngọc.

¹ Bài thơ *Mộc qua*, bản dịch của Tạ Quang Phát.

² Bài thơ *Cầm sắt* của Lý Thương Ẩn, bản dịch của Lê Nguyễn Lưu.

³ Bài thơ *Phù Dung lâu tống Tân Tiệm kỳ 1* (Lầu Phù Dung tiễn Tân Tiệm kỳ 1) của Vương Xương Linh, bản dịch của Trần Trọng Kim.

"Vì ngọc ở trong núi mà cỏ cây tươi tốt, trên châu ở dưới suối mà vách đá không khô cằn."⁴ Cổ ngọc tự nhiên thực sự, bên ngoài bóng sáng trơn mịn, màu sắc tự nhiên, quá trình đeo gọt rất trơn tru. Tựa như bạn đã đi qua hết dâu bể, mới tìm thấy một viên minh châu, có được nó cả đời không hối hận. Người đã từng thề ước, vô tình trở thành khách qua đường, còn ngọc đi cùng bạn qua mưa gió, không hứa hẹn gì nhưng tình sâu ý đậm.

Không biết bắt đầu từ lúc nào, đá ngọc không chỉ trở thành linh vật đeo bên mình của người đời, mà còn trở thành tín vật định tình làm chứng cho đôi bên. "Vàng ngọc có bản chất, sao có thể không bền vững." Có lẽ những người tặng ngọc cho nhau là hy vọng tình ý đôi bên thanh cao, vững bền, vĩnh hằng như mỹ ngọc. Nếu như có một ngày lạc mất nhau, biết đâu còn có thể mượn một cây trâm ngọc, một chiếc vòng ngọc hoặc là một chiếc khóa ngọc, tìm lại tình yêu đã từng có, nối lại mối tiền duyên.

Niềm yêu mến sâu sắc của tôi với ngọc là sự bày tỏ thâm lặng. Trong các loại đá ngọc quý báu bày đầy trước mắt, có cả những món đồ vừa nhìn là đã yêu. Món đồ thế nào mới khiến tôi trút muôn vạn yêu dấu, tin rằng chắc chắn đã có tình duyên trên đá Tam Sinh với nó? Khoảnh khắc nhìn thấy nhau, tôi đã có một cảm giác mừng rỡ ngạc nhiên như thể đi qua muôn ngàn núi sông mới tìm thấy, nó mang vẻ an nhiên như đang im lặng đợi cổ nhân quay về. Nó mịn màng xanh biếc, lóng lánh trong suốt, mong manh dễ vỡ, tựa như nước mắt kiếp trước rơi rớt lại, khiến kiếp này không ngừng ngoái đầu mà không nỡ đi lướt qua nhau.

Kỳ thực mỗi miếng ngọc đều đang tìm kiếm chủ nhân thực sự của nó. Cho dù đã đi qua loạn thế hồng trần, muôn núi ngàn sông, có một ngày bạn sẽ không hẹn mà gặp, cùng dạo chơi nhân gian khói lửa này. Thế thì trong thời gian có hạn, hãy đợi chờ hoặc tìm kiếm miếng ngọc thuộc về chính mình đi. Và rồi cùng nó già đi, không cầu trời đất hoang phế, chỉ cầu một đời tình sâu.

⁴ Trích *Khuyến học* của Tuân Tử.

Gốm cổ

Đó là một đồ vật cổ xưa mà đẹp đẽ, có đường nét thô lậu, hoa văn mộc mạc, bề ngoài thô sơ, chất liệu tự nhiên, trải qua năm tháng gió mưa, cuối cùng vẫn lành lặn an ổn. Gốm cổ là món đồ trải qua bùn của năm tháng, lửa của thời gian, tạo thành linh tính. Cũng từng có một câu chuyện vương triều đầy hoa mỹ, cũng từng tấu lên một khúc tuyệt xứng hoang lạnh, cũng từng tô điểm cho một quãng thời gian như nước.

Lịch sử của đồ gốm cổ như một dòng nước chảy xa, có thể ngược dòng tới vạn năm trước. Đồ gốm của thời kỳ đầu, chỉ là đồ đựng đơn giản, đồ trữ nước, bền chắc tiện dụng, đẹp mắt chỉ dùng trong sinh hoạt. Sau này người đời ban cho nó tính nghệ thuật và tình cảm, thế là có bình gốm cắm hoa, đồ gốm trang sức, ấm chén gốm thưởng trà và cả cái huân - một thứ nhạc khí thời cổ. Phong thái của đồ gốm giống như tháng năm xa xưa, cổ kính trang nghiêm, thâm trầm buồn bã.

Vàng, đá, đất, da, tơ, trúc, quả bầu, gỗ gọi là bát âm (tám loại âm thanh), mà chỉ có huân là thuộc âm của đất. Người xưa nói: "Huân có ngũ thanh, điều chỉnh được thành sáu luật, có nhu có cương, trong đục rõ ràng. Tuyệt diệu như chuông và khánh, thì sao sênh và vu thay thế được?"¹ Chỉ là câu từ đơn giản, đã chỉ ra tính thuần hậu và mềm mại trong âm sắc của huân, tựa như kể lể phong thái cổ xưa rơi rớt lại từ ngàn năm và nổi bi thương, lạnh lẽo. Tôi từng bị thứ vật cũ đơn giản này làm rung động, khúc nhạc huân bay bổng trên cổ thành đã chạm tới sự dịu dàng ở nơi sâu thẳm của tâm hồn.

Đó là một ngày thu hiu hắt, tôi chậm chậm bước trên một con phố cổ Trường An. Bầu trời trong vắt cao xa, xanh ngắt không một hạt bụi, vài áng mây trôi nhõn nhơ bay qua, linh động uyển chuyển. Cây hòe cổ thụ xanh tươi sum suê, cành lá rậm rạp, che rợp cả một dãy nhà cổ. Con đường lát đá xanh dưới chân rộng rãi mà sạch sẽ bị khách qua đường đến rồi đi mài đến bóng loáng. Vốn tưởng rằng tòa cổ thành này bụi vàng phủ khắp bầu trời, thê lương thấu xương, lại không biết mùa thu sau cơn mưa cũng có không khí nhàn nhạt, phong cảnh thông dong như thế.

¹ Trích *Huân phú* của Trịnh Hy Tắc thời Đường.

Có tiếng huân bay ra từ căn nhà nơi con ngõ cổ, xa rộng mà hoang liêu, lạc lõng, u oán lại mệnh mang. Tiếng huân ấy mang theo nỗi hoang lạnh xa xưa. Thanh âm thốn thức, tựa như đang thuật lại với người đi đường giấc mộng cũ ngày hôm qua của thành cổ Trường An. Còn tôi cũng là một cô gái đi nhăm thời đại, xuyên qua trắng sáng thời Tần Hán, ngọn gió thời Thịnh Đường, thành nhân vật chính trong một câu chuyện cũ phồn hoa.

Sau này, tôi mới biết khúc nhạc huân ấy là *Chiếc bóng trong tim*. Tôi kinh ngạc cảm thấy loại nhạc cụ đơn giản làm từ đất ấy, không phải đàn, không có dây, vậy mà lại có thể thổi ra được giai điệu sâu lắng, oán thán như thế. Từ đó về sau, trong vô số buổi hoàng hôn sắc chiều thâm trầm u tịch, tôi luôn có thể gặp gỡ những tháng năm viễn cổ trong khúc huân. Dòng chảy của thời gian đã là một đám mây nước mờ mờ, âm thanh bi thương giống như ánh trăng lạnh lẽo, như hình với bóng, chữa khỏi vết thương của linh hồn.

Đồ gốm là nghệ thuật thủ công dân gian lâu đời, từ hơn một vạn năm trước người dân đã hiểu được kỹ thuật chế tác đồ gốm. Kinh qua năm tháng đổi dời, từ đồ gốm thô đã phát triển thành gốm gia dụng và gốm nghệ thuật rất tinh xảo. Thời đại đồ đá mới có gốm xám, gốm đỏ, gốm màu và gốm đen phong cách thô ráp, mộc mạc. Thời Thương xuất hiện gốm men. Hình dạng của gốm cũng giống như đồ đồng thau và đồ đựng, chia ra chén, đĩa, bát, bình, hộp, đỉnh, lò, chậu², đôn³, lọ...

Đường Tam Thái (gốm ba màu thời Đường) là một loại đồ gốm thịnh hành vào thời Đường, với ba sắc vàng, nâu, xanh lục là màu men cơ bản. Màu sắc men tạo nên hiệu quả đậm nhạt đan xen, hòa trộn lẫn nhau, loang lổ lốm đốm. Những sắc màu ánh lên với nhau, nổi bật lên sức hút nghệ thuật tráng lệ huy hoàng của nó. Thời Tống gốm Danh Diêu xuất hiện ồ ạt, tác phẩm gốm sứ của nó đã hội tụ vẻ linh thiêng, tú mỹ của trời đất, thổ đất mềm mịn, sắc men mượt mà, hoa văn tươi đẹp, tinh tế. Gốm sứ thời Minh Thanh, từ nặn phôi, tô vẽ, phủ men đến nung gốm thành tựu đều vượt xa tiền triều.

Mỗi loại gốm cổ đều có một câu chuyện lịch sử, nhân tình phong tục bí mật của nó. Hình dạng và hoa văn, cốt gốm và minh văn khác nhau, có thể đọc ra thẩm mỹ và hứng thú của nhân dân thời đại đó. Chúng ta tìm kiếm những vương triều đã sớm biến mất và thay đổi từ những món đồ gốm, đồ đựng khác nhau. Gốm giống như dấu ấn,

² Đĩa có chân.

³ Bồn, cốt, đồ đựng thóc lúa.

trong tháng ngày trầm lặng như nước, lặng lẽ thực hiện những lời hứa đã trao trong quá khứ.

Câu chuyện của gốm, mang tính huyền thoại nhất chính là những binh mã đứng bằng gốm trong lăng mộ Tần Thủy Hoàng. Đó là một câu đố thiên thu không có lời giải, cùng với bá chủ phong vân một thời, chôn vùi trong bụi vàng ngàn năm không đổi. Những tượng gốm đó, giống như con người thật của họ, đã cùng Tần vương Doanh Chính chung tay thống nhất sáu nước, sau khi chết cũng im lặng bảo vệ vong linh của ông, không thay đổi lòng trung thành.

Tôi từng chiêm ngưỡng binh mã đứng của Tần Thủy Hoàng, tuy bị chôn trong bụi đất, nhưng khí thế hào hùng, khiến người ta nghiêm trang mà kính sợ. Tuy là bùn đất giản đơn, được những người thợ có tay nghề khéo léo tinh xảo tạo thành các tướng sĩ có phong thái anh dũng uy nghiêm, những con chiến mã ra sa trường đã lâu lại được nung qua lửa đỏ, trở thành những binh mã bằng gốm thật đáng sửng sốt. Họ đứng sừng sững suốt hơn hai ngàn năm trong bóng tối, không màng sương gió đao kiếm, thế sự luân chuyển. Khoảnh khắc bụi trần lắng đọng đó, lau đi tang thương trên khuôn mặt, hiên ngang cưỡi ngựa giữa chiến trường mịt mù khói súng, oai phong凛冽, tráng chí bao trùm sơn hà.

Gốm cổ không giống với gốm sứ, gốm cổ có linh hồn chất phác, kiên cường, sứ thì có phong thái tinh tế, mỏng manh. Hai thứ đều là đồ vật có linh tính được tạo thành từ bùn đất, mà gốm cổ trầm tĩnh nghiêm trang, trải qua gió bụi năm tháng, tự tỏa ra thứ ánh sáng mờ mờ tỏ tỏ, tranh tối tranh sáng.

Tử sa đã kết hợp cả gốm và sứ với nhau, nó đứng giữa gốm và sứ, có sự ưu nhã trầm mặc của gốm, lại có sự phong tình tinh tế của sứ. Khởi nguồn của ấm tử sa luôn có thể truy ngược đến danh thần "Đào Chu Công" Phạm Lãi của nước Việt thời Xuân Thu. Năm xưa Phạm Lãi phò tá Việt vương hoàn thành bá nghiệp, nhưng Câu Tiễn là người có thể chung hoạn nạn, chứ khó có thể cùng hưởng an lạc. Phạm Lãi xong việc thì rút lui, một thân áo trắng, dắt Tây Thi chèo thuyền đi Ngũ Hồ. Ở đất Ngô, ông sai người làm ra ấm trà, trong vòng mấy năm đã trở thành giàu có nhất nước. Nhưng Phạm Lãi cho đi hết gia tài, thanh thản ẩn dật, chèo một chiếc thuyền, năm tháng non nước đều rót hết vào trong ấm.

Tôi thích trà, cũng cực kỳ coi trọng dụng cụ uống trà. Chiếc chén sứ men hoa xanh mỏng manh, chiếc ấm nhỏ thời Tống tràn đầy cổ ý, chiếc chén nhỏ bằng tre mới mẻ thanh nhã, chén lưu ly, cái lọc trà bằng tử sa. Nhưng thường xuyên ngắm nghía, trong đầu luôn không quên được, vẫn là hai chiếc chén hoa mai bằng gốm thô thủ công. Kiểu

dáng giản dị, bên ngoài chén là chất liệu gốm thô màu xanh, bên trong là màu trắng, một cành hoa mai từ đáy chén nghiêng nghiêng vươn ra. Nếu đổ nước trà vào, hoặc là trà Phổ Nhĩ màu hổ phách, hoặc là trà Thúy Trúc⁴ màu xanh nhạt thì cành hoa mai đó nhìn sẽ giống như được phủ trong một tầng mây khói, xòe cánh bung nở.

Mùa hè năm nay mưa khá nhiều. Mỗi lúc về đêm, cơn mưa tí tách rả rích ấy rơi xuống trong lu gốm trồng hoa sen, phát ra tiếng vọng trong trẻo khe khẽ. Có lẽ là gợn sóng lẫn lẫn, rồi cuối cùng lại chìm vào yên lặng, hết một vòng lại bắt đầu lại từ đầu. Lúc ấy, cách một lớp rèm lắng nghe tiếng mưa là chuyện đẹp nhất thế gian này, gọi là nghe mưa, cũng là tâm ý vui vẻ.

Giang Nam sau cơn mưa, bầu trời trong vắt, xa xa núi mây mờ mờ, bầu không khí ẩm ướt, tựa như có thể vắt ra được nước vậy. Tường đen ngói xanh cổ kính lại thêm vô số lớp rêu dày. Sinh linh vạn vật có một vẻ đẹp tuyệt diệu không thể tả xiết. Múc nước mưa để pha trà xuân, lấy chiếc ấm thạch biểu⁵ nhỏ vẽ hoa mai để pha, trong mùi hương trà thoang thoảng, nhớ lại đời này kiếp trước của gốm.

Có thể có một ngày tôi sẽ mở một cửa hàng đồ gốm, đặt tên là "Đào chi sơ" (Thuở ban đầu của gốm). Trên chiếc giá cổ bằng gỗ, tùy ý bày mấy chiếc bình hoa bằng gốm thô, kiểu dáng mộc mạc cổ kính, thú vị tự nhiên. Mỗi chiếc ấm tử sa tùy ý khắc hình hoa cây, viết mấy bài tiểu lệnh tuyệt cú tự làm. Còn tôi mặc áo trắng vải thô, búi tóc, cài một chiếc trâm gỗ, trong gió sương của gốm, lãnh đạm như lúc ban đầu.

Tôi vẫn luôn tin rằng, mỗi món đồ vật đều có linh tính và phong cốt của riêng nó. Nếu như không phải vậy, những hạt bụi trôi nổi cả ngàn năm, ngang dọc tung hoành, cuối cùng rơi xuống thành bùn, được câu chuyện mài giũa, đồng sinh cộng tử với lửa. Nó giấu đi ánh sáng sắc bén của lúc đầu, an tĩnh đợi chờ khách qua đường đến đi, dò xét đánh giá họ thật kỹ lưỡng, rồi sau đó lãng quên.

Là duyên, cũng là quá vãng.

⁴ Thúy Trúc: Một loại danh trà của vùng Vô Tích, tỉnh Giang Tô, ngoại hình giống lá trúc, màu sắc xanh biếc.

⁵ Ấm thạch biểu có cấu trúc nhỏ trên to dưới, trọng tâm rủ xuống, miệng ấm ngắn, thẳng, nước rót trơn tru, thân ấm hình kim tự tháp, quai ấm lại có hình tam giác, là một trong những kiểu dáng kinh điển của ấm tử sa.

Đồ sứ

Nghe tiếng mưa qua một lớp rèm, thời gian buổi chiều tịch liêu và lâu dài, giống như một khúc cổ cầm *Thu thủy du du* (Nước thu vời vợi) đó, xa xôi, lãng đãng. Bên ngoài cửa sổ, núi chìm trong khói mờ tỏ, cây cối ẩm ướt, trong vắt như nước. Phong cảnh phía xa như ẩn như hiện, dăm áng mây, khói xanh vương vấn. Cuộc tương phùng ngắn ngủi, tựa như nổi ngạc nhiên đẹp đẽ trong một sát na. Bỗng nhiên chẳng thấy đâu nữa.

Đốt một lò đàn hương cũ trăm năm, mùi hương trầm của năm tháng bao trùm khắp cả thư phòng, còn tôi tựa hồ có thể lần theo phương hướng của làn khói, tìm thấy quá khứ nắm tay hẹn thề xưa cũ đó. Trên bàn, mấy đóa hoa hợp hoan đang ngâm trong chiếc chén sứ trắng mỏng đến độ trong suốt. Hoa hợp hoan nở to nổi trong nước ấm, nước có màu đỏ nhạt, sáng lóng lánh, giống như nước mắt của người tình kiếp trước, càng tôn lên vẻ buồn bã mà xinh đẹp của sứ trắng.

Giờ đương mùa dễ thu giữ linh hồn, trong tủ âm tường bày một hàng lọ sứ Thanh Hoa (sứ hoa xanh) tinh khiết. Trong lọ trữ rượu mơ tôi mới ủ năm nay có rượu tỳ bà, cả rượu ngâm bằng hoa hợp hoan và hoa nhài. Quá trình chế tác của mỗi loại đều rất tỉ mỉ, cầu kỳ, giống như đem hết linh hồn và tình cảm của hoa cỏ đựng trong bình sứ, để tránh cho chúng phải chịu sự luân hồi của số mệnh. Còn sứ cũng trong thời gian lặng lẽ đứng yên này, tỏa ra một thứ ánh sáng dịu dàng của lịch sử.

Tôi yêu sứ, yêu sự trầm tĩnh, tổ nhĩ của nó, yêu sự cao quý đoan trang của nó. Món đồ cũ thuần khiết lung linh này, phụ nữ thời xưa dùng để đựng son sáp phấn nước, Quan Âm dùng để cắm một cành liễu xanh, trong *Hồng lâu mộng* dùng để đun nước pha trà. Nó trang trí cho thư phòng của văn nhân mặc khách, làm giàu đẹp cho sảnh đường hoa lệ của hoàng thân quốc thích, cũng làm phong phú cho căn nhà thô lậu của bách tính thường dân.

Từ xưa tới nay, quá nhiều người đã có mối duyên tình sâu đậm với sứ. Sứ ôn nhuận lóng lánh, da thịt như băng như ngọc, và độ ấm ở lại trong những món đồ đựng, tình cảm vương vấn không dứt bỏ được ấy, trong những năm tháng hoa lệ nhất, sâu kín khắc cốt ghi tâm, muôn vàn tình tứ.

Trung Quốc là quê hương của đồ sứ, những bụi đất bông bênh vô định, không rễ không gốc ấy, đã tìm thấy chốn về định mệnh của mình ở mảnh đất lớn Hoa Hạ. Chúng ngưng tụ tinh hồn của núi sông mặt trăng mặt trời, trở thành kho báu truyền kỳ, tuyệt mỹ của đất nước cổ kính Trung Hoa. Đồ sứ bắt nguồn từ hơn ba ngàn năm trước, phát triển đi lên từ đồ gốm. Trong các di chỉ thời Thương và thời Tây Chu người ta đã phát hiện ra đồ men xanh, chất đất nhẵn mịn hơn đồ gốm, phôi cốt thì phần nhiều là màu trắng và màu xám, được người đời coi là đồ sứ nguyên thủy.

Từ thời Thương, qua thời Tây Chu, Xuân Thu Chiến Quốc đến thời Đông Hán, đồ sứ đã có mũi nhọn không thể che giấu được. Thời Đông Hán đến thời Ngụy Tấn đa phần là sứ xanh, thời Nam Bắc Triều thì lại chủ yếu là sứ men trắng. Lại trải qua thời Thịnh Đường đến thời Tống, loại sứ nổi tiếng Danh Diêu¹ đã phổ biến hơn một nửa giang sơn. Sứ thời Tống cũng giống như Tống tử, uyển chuyển hàm súc, thanh lệ điển nhã. Mỗi màu men đều có tình cảm; mỗi kiểu dáng hoa văn đều có ký ức; mỗi lò gốm Danh Diêu đều có câu chuyện. Năm lò gốm lớn nổi danh trong lịch sử là Nhữ Diêu, Quan Diêu, Ca Diêu, Quân Diêu và Định Diêu đều tìm được chỗ đứng trong thời gian trong sáng, thanh tịnh của triều Tống.

Đứng đầu Danh Diêu là Nhữ Diêu, màu xanh nhạt là chủ yếu, bóng mịn thanh nhã. Từ Vị thời Minh từng đề thơ rằng: "Hoa trồng ở Dương Châu, bình là gốm Nhữ Diêu. Rót vào nước Giang Đông, gió xuân khóa Nhị Kiều." Người thợ của lò Nhữ Diêu bỏ mã nã đất giá vào trong men, khiến cho gốm Nhữ Diêu được nhiều đời tán thưởng ngợi khen "xanh như trời, mặt như ngọc, vân như cánh ve, hiếm hoi như sao sớm, đỉnh chống nhỏ như hạt vừng, sắc màu đầy đủ". Hiện giờ các sản phẩm sứ của lò Nhữ Diêu còn lại cực kỳ ít, vô cùng quý giá. Chu Thế Tông từng ngự phê rằng: "Mưa tạnh trời xanh, mây tan hết, về sau cứ màu ấy mà làm." Đó là gốm Nhữ Diêu có màu xanh của bầu trời mưa, nhẵn bóng thuần khiết giống như một miếng ngọc đẹp.

Hồng lâu mộng là một tác phẩm nổi tiếng dung hòa trăm thứ trên thế gian, trong vườn Đại Quan cũng không chỉ là nữ nhi thường tình đau khổ khắc khoải. Từ uống trà đến uống rượu, thơ từ đến hý khúc, Thiền Phật đến Đạo giáo, trăm ngàn thể thái, vạn loại nhân tình đều đưa vào trong đó. Cánh cửa lớn sơn đỏ dẫn vào thắng cảnh ấy, đã kể hết mọi nỗi tan hợp hưng vong. Còn sứ, cũng cùng với dòng nước của suối Thẩm Phương, trúc của Tiêu Tương quán, mai của am Lũng Thúy, cỏ thơm của Hành Vu

¹ Danh Diêu: Diêu là lò nung gốm, Danh Diêu chỉ chung những lò gốm nổi tiếng, có phong cách đặc trưng.

uẩn, toát lên một thứ khí chất thơ mộng, điển nhã, cũng bộc lộ một nỗi bi tình đau đớn vụn vỡ.

Lúc mới vào Giả phủ, Đại Ngọc đến chào hỏi ở chỗ Vương phu nhân, thứ vừa mắt lại chỉ có một chiếc bình Mỹ nhân Nhữ Diêu, trong bình cắm hoa tươi. Hành Vu uyển của Bảo Thoa đầy rẫy kỳ hoa dị thảo, hương thơm ngào ngạt, trong phòng thì lại lạnh lẽo như một động tuyết, không có những món đồ trang trí, trên bàn chỉ bày một chiếc bình Thổ Định cắm vài cành hoa cúc. Người như Bảo Thoa, cũng chỉ có sứ Định Diêu cổ kính, giản dị mà không mất đi sự đẹp đẽ, thô mộc mà vẫn thấy tao nhã, tinh tế mới có thể sánh bằng. Đồ sứ không chỉ hàm chứa văn hóa, mà còn gửi gắm tính tình.

Giang Nam năm xưa, tuyết bay lả tả, trời đất một màu trắng tinh như sứ, trong suốt lóng lánh. Hoa mai ở Hương Tuyết Hải², Tô Châu cũng giống như tuyết, hương thấm xao động, người tiên Diêu Ngọc một thân áo trắng, buộc mái tóc dài như mây. Nàng thu tuyết trắng đọng trên cánh hoa mai bỏ vào một cái hũ hoa bằng sứ xanh, mà chiếc hũ hoa này lại là đồ sứ thượng phẩm của lò Quân Diêu nung ra. Sau lại chôn nước tuyết thấm đẫm hương hoa mai dưới gốc cây, đợi năm tháng lắng đọng, năm năm sau, nàng mới nở lấy ra để pha trà. Thế rồi có câu chuyện phong nhã Diêu Ngọc mời Đại Ngọc, Bảo Thoa cùng Bảo Ngọc đến thưởng trà.

Am Lũng Thúy hoa cỏ tươi tốt um tùm, mùa hạ nóng nực vẫn có hương hoa thơm ngát quanh người. Giả mẫu lần đầu dẫn già Lưu đi đến chỗ Diêu Ngọc uống trà, Diêu Ngọc cực kỳ am hiểu về uống trà, hướng hồ lại xuất thân từ gia đình quan lại thư hương nên lại càng cực kỳ dụng tâm đối với đồ sứ trà đạo. Nàng đích thân dùng chiếc chung nhỏ năm màu của lò Thành Diêu, rót một chén trà Lão Quân Mi pha bằng nước mưa lâu năm, bung lên dâng Giả mẫu, còn mọi người đều dùng chén hình bát có nắp đậy bằng sứ trắng mỏng Quan Diêu. Sứ Thành Diêu quý hiếm vô cùng rất xứng với Giả mẫu, chén hình cái bát có nắp bằng sứ trắng mỏng Quan Diêu cũng không phải là đồ tục. Chúng sinh từ bi, thế pháp bình đẳng³.

Hoa văn màu chàm xanh vẽ bằng mực nước, vẻ đẹp đẽ và ưu sâu bỗng bệnh ngàn năm ấy, dần dần loang màu dấu vết giữa sắc khói mờ lung, cốt trắng men màu xanh, tựa như khói nhạt trên dòng nước, lại giống như tuổi thanh xuân đẹp đẽ đã buông lờ hện thể vĩnh cửu. Cũng chỉ có sự tinh tế của màu xanh chàm mơ hồ, mới phối được với linh hồn cao quý ưu nhã như vậy. *Hoa xanh mực nước* của Từ Chí Ma từng viết: "Khế

² Một trong những nơi ngắm mai nổi tiếng của Trung Quốc, vua Khang Hi và Càn Long đều nhiều lần đến đây thưởng mai.

³ Chữ trong kinh Phật, nghĩa là tăng ni và người thường đều bình đẳng với nhau.

ngâm một lời tình tứ, cầm bút vẽ một bức họa tình. Mặt đất nở tràn hoa tình ái, phủ khắp một phiến ngói xanh. Cùng uống một chén trà trong, cùng mài một bát mực xanh. Cột lại tấm lụa mỏng, ngắm vầng trăng bên chân trời trong. Tình yêu như hoa xanh mực nước, cố sao sợ hãi phút tuyệt vời."

Biết bao lời tình tứ chậm chậm, vừa khéo như đóa hoa xanh vẽ bằng mực nước. Sứ hoa xanh là loại sứ mà tôi yêu nhất trong tất cả mọi loại đồ sứ. Sứ hoa xanh thời Nguyên do trấn Cảnh Đức - kinh đô gốm sứ nung ra cũng trở thành đại biểu của đồ sứ, những món đồ sứ sản xuất ở đây đều có phong cách độc đáo "trắng như ngọc, sáng như gương, mỏng như giấy, vang như khánh". Vừa thể hiện phong cách, đã phổ biến một thời, trở thành số một trong những lò gốm nổi tiếng truyền thống của trấn Cảnh Đức. Cùng được gọi là "tứ đại danh sứ" với sứ hoa xanh còn có sứ hoa xanh linh lung, sứ Phấn Thái (sứ men hồng) và sứ men màu. Mà kinh đô của gốm sứ từng xuất hiện cảnh tượng đẹp mắt "thôn thôn nổi lò, nhà nhà vuốt gốm".

Tôi vốn là người vùng Lâm Xuyên, Giang Tây, thuở nhỏ các đồ dùng trong nhà đều là bát sứ, đĩa sứ, vại sứ, hũ sứ do trấn Cảnh Đức nung. Tuy chỉ là sứ xanh dân gian, có vài món đồ sứ lại có tuổi là do tổ tiên sưu tầm, nên cũng khá quý giá. Khi đó đồ sứ quá tầm thường, cuối cùng không được nâng niu, một số hũ sứ, lọ sứ nguyên vẹn bị những thương nhân buôn đồ cổ biết giá trị hàng về làng thu gom với giá rẻ, lắc mình một cái đã biến thành cổ vật quý hiếm. Mấy món đồ sứ sót mẻ còn lại cũng bị vứt ở xó xỉnh, sau mấy lần di chuyển đã không còn thấy bóng dáng đâu nữa. Đến nay chỉ có thể dựa vào ký ức, tưởng tượng ra mấy nét hoa văn xanh mực nước trên đồ sứ, gặp người ta nói dăm câu hồi hận mà thôi.

Màu nhạt tả ý trên sứ hoa xanh, gói ghém trong đó cả ánh sáng bóng của tuế nguyệt, chuyện cũ mây khói, thanh nhã tú lệ, phiêu dật xuất trần. Hoa xanh giống như Giang Nam mưa bụi, màu sắc bàng bạc tao nhã, hoặc là nồng đậm, đều có một vẻ đẹp không thể tả thành lời, thần thái khó diễn tả nổi. Thời gian ngấm vào kinh mạch, thời gian viết nên phong cốt, sứ hoa xanh vĩnh viễn giống như gặp gỡ lúc ban đầu, đáng vẻ ưu nhã, khiến người ta sửng sốt.

Đến thời Thanh, chế tạo đồ sứ đã trải qua cả mấy ngàn năm lịch sử, đạt đến đỉnh cao muôn vàn phong cách. Sứ Tố Tam Thái, Ngũ Thái thời Khang Hi, sứ Phấn Thái, Pháp Lang Thái thời Ung Chính, Càn Long là những tinh phẩm nổi tiếng trong và ngoài nước, đẹp nhất xưa nay. Sứ giống như tính tình của mỗi bậc đế vương, hoặc là giản dị thanh nhàn, hoặc là nồng đậm đa sắc. Hoa văn trang trí trăm ngàn tư thái, hình vẽ

sống động như thật, đặt giữa Tử Cấm Thành, dâng cho đế vương hoàng hậu phi tần thưởng dụng, thể hiện hết sự phong lưu vương giả.

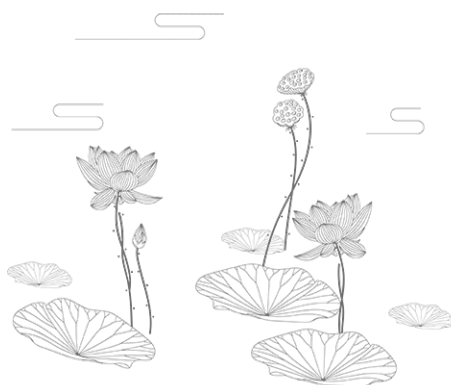
Lúc tôi mới biết đến sứ xương, nó mỏng manh tinh tế, trong sáng mát mẻ, tựa như một người thiếu nữ mới yêu lần đầu, nhẹ nhàng uyển chuyển, mà lại mang theo ý vị của số mệnh. Nhưng tôi luôn cảm thấy nó thiếu đi một phần thuần khiết, và dấu vết bị thời gian mài giũa. Quá mỏng mảnh và yếu ớt, tôi chỉ sợ một cử chỉ vô tình nào đó của mình sẽ làm tổn hại đến vẻ đẹp của nó, vì thế mà tôi cũng không quá say mê nó.

Tháng năm chẳng đợi ai, cỏ cây có trật tự, mấy ngàn năm qua, sáng và tối, đất và lửa, làn khói chậm chậm của lò gốm đỏ giống như một phong cảnh thanh vắng huyền diệu, lạc giữa cõi nhân gian tĩnh mịch. Nước xanh sóng trong, núi xa xanh đen, là Giang Nam mưa bụi, cũng là bối cảnh thường được vẽ đi vẽ lại trên đồ sứ. Non sông thời xưa đã không còn, tình người lại như mây khói, những hoa văn xanh chàm lưu trên đồ sứ cổ đã kể lại một cách hàm súc năm xưa nắng mưa tròn khuyết.

Quên thú năm

một khúc văn thêu

một chén nhân trà



Lầu gác

Mưa dầm Giang Nam cứ hờ hững rơi như thế, rả rích lê thê khiến người ta lãng quên năm tháng. Các loài thực vật trồng ở sân tường dưới lầu, trong khối nước lại càng xanh thẫm sum suê. Hoa súng trồng ngoài ban công cửa sổ đã chen chúc hoa lá. Còn có một cây hoa nhài tường chết khô lại tái sinh trong nước mưa, đâm những chồi non mới. Linh tính và tình sâu của cỏ cây là thứ mà văn chương cũng chẳng thể nào diễn tả được. Tu hành giữa nhân gian này, duy chỉ có chúng trước sau vẫn thuần khiết thanh bạch như lúc ban đầu.

Một mình ngồi trên lầu nhỏ, uống một bình nhàn trà, giở cuốn sách ẩm ướt đọc. "Thử hỏi nhàn sâu chừng mấy hả. Một sông khối cỏ, đầy thành tơ liễu, lúc mai vàng mưa đổ."¹ Những câu từ trong điệu *Thanh ngọc án* của Hạ Chú thật giống với tình cảnh bây giờ. Tháng năm như đàn gấm trả hết cho thời gian vô tình, chẳng đường này đi tới, ăn gió nằm sương sớm đã không tìm lại được bản thân trong sáng của năm nào.

Sau đó nghe tin ở quê nhà, nước đã dâng cao thành lũ lụt. Nước sông vốn dĩ chẳng có lỗi lầm gì, nhưng chỉ một cái quay mình đơn giản, một tiếng thở dài khe khẽ là đủ khiến cho sinh linh lầm than, gia đình tan nát. Nước trên mái ngói, chảy xuống ngàn sông, lại ào ào xô tới, xối đổ từng cây cầu yếu ớt và những căn nhà cũ vốn đã run rẩy như cây nến trước gió.

Nghĩ về triều cường trong mưa dầm, tôi bắt đầu liên tưởng đến sân nhà mình từng ở thời thơ ấu và cả căn lầu gác bằng gỗ cổ kính đó nữa. Thuở còn thơ, tôi thích một mình ngồi trên lầu gỗ, ngắm mây thông thả trôi, nghe tiếng mưa tí tách, ngắm vầng trăng sáng trong vắt. Thích nhìn về nơi cao tít ngấm dãy núi nhấp nhô, những ruộng lúa rải rác, những căn nhà tản mát hoặc là một bụi hoa dại không rõ tên ở sân nhà. Mà đến nay, những sự vật thân thuộc ấy từ lâu đã vứt bỏ tôi, không còn tới nữa.

Người xưa xây lầu gác, là để làm nơi cất sách, nhìn về phía xa, tuần canh, yến tiệc, vui chơi, nghỉ ngơi, ngắm cảnh... Thành lầu đã xuất hiện từ thời kỳ Chiến Quốc. Hoàng đế thời Hán sùng bái thần tiên, phương thuật, tin rằng lên lầu gác rộng rãi cao vút là

¹ Bản dịch của Nguyễn Chí Viễn.

có thể gặp tiên nhân, thời Hán Vũ đế từng xây lầu Tỉnh Can, cao năm mươi trượng. Họ tiệc tùng, gặp tiên, ngắm cảnh, tiễn biệt trên lầu gác, thành lầu trở thành một lãnh thổ thiêng liêng, bất khả xâm phạm.

Phật giáo được truyền vào Trung Quốc, trong một thời gian, ở núi rừng trên đỉnh cao chót vót, xây dựng lầu gác chùa chiền. Phật tháp cao chọc tầng mây, khiến chúng sinh nảy lòng kính sợ. Trong *Tây du ký* có một phân cảnh thầy trò Đường Tăng đi quét tháp trong đêm khuya, khiến người đọc vô cùng cảm động. Ca từ viết rằng: "Mây đen đè đỉnh núi đêm tối tăm, chuông tháp vang lạnh lạnh. Đêm đen kịt ánh đèn mờ tối, chẳng biết là đến tầng thứ mấy của tháp. Một tác lòng thiền xót chúng sinh, thầy trò quét tháp tình chân thành. Xua đuổi sương mù cản khôn tịnh, đổi lấy trời quang, đổi lấy trời quang trăng sáng."

Hồi ba mươi sáu của *Tây du ký* có một đoạn miêu tả như thế này: "Vị trưởng lão kia ngồi trên ngựa trông ra xa, chỉ thấy giữa thung lũng có lầu đài lớp lớp, điện gác trùng trùng. Tam Tạng nói: 'Đồ đệ, bây giờ sắc trời đã tối, may mà phía không xa có lầu gác, chắc là am miếu chùa chiền, chúng ta đến đó xin tá túc một đêm, ngày mai hẵng đi nhé.'"

Bây giờ thăm thú danh sơn thắng địa, vẫn có thể nhìn thấy rất nhiều Phật tháp danh lầu ngàn năm còn được gìn giữ. Chọn một nơi thanh vắng hẻo lánh, xây gác Tầng Kinh, gác Đại Bi, lầu Chuông Trống. Trên lầu gác, các tăng lữ ngồi đọc kinh, thường trà nói chuyện thiền, nghe gió ngấm trăng, tiêu khiển những tháng ngày tịch mịch. Phàm là có chùa miếu đạo viện, đều có thể thấy lầu gác đình đài, thanh phong đạo cốt.

Đỗ Mục thời Đường có thơ ngâm rằng: "Nghìn dặm oanh ca biếc lẫn hồng, gió lay cờ rượu xóm bên sông. Bốn trăm tám chục chùa Nam quốc, mưa khói che lầu biết mấy không?"² Bài thơ này nhắc đến kiến trúc Phật giáo còn sót lại từ Nam triều, như ẩn như hiện trong mưa khói, lại càng đẹp đến mê ly. Triều đại thay đổi nhưng lầu đài vẫn như xưa, bốn trăm tám mươi ngôi chùa cổ, đã thành phong cảnh chúng sinh theo đuổi quỳ vái.

Hoàng cung đại viện và cả phủ đệ quý tộc cũng xây dựng những lầu gác, nhà thủy tạ. Lầu sau, lầu ngang, lầu Đông, lầu kịch, đại đa số đều xây gần kề với đình, đài, nhà thủy tạ, kết cấu khéo léo, tinh tế điển nhã. Điều khắc trang trí hết thấy xa hoa hoành tráng. Ngày thường đều để trống, lúc nổi nhả hứng thì dùng làm nơi tụ tập, bày tiệc

² Bài thơ *Giang Nam xuân* (Mùa xuân Giang Nam) của Đỗ Mục, bản dịch của Lê Nguyễn Lưu.

nghe kịch, uống rượu mua vui. Bên trong tường đỏ ngói xanh ấy, đêm đêm sênh ca, nhưng không biết lên cao nhìn xa, mây màu dễ tan, gió xuân trắng thu đều mịn mướt.

Đình đài lầu gác Giang Nam lại càng uyển chuyển đa dạng, xây ở hành lang quanh co, giữa cây cỏ um tùm, cảnh trí vắng vẻ, tao nhã thoát tục. Đặc sắc nhất là những vườn cảnh cổ điển Giang Nam, những khu nhà tư gia của quan phủ vương hầu trong quá khứ. Ở những nơi phong cảnh tuyệt đẹp của khu vườn cảnh, họ dựng quán vắng, xây lầu đài, nghe kịch tiệc tùng, làm thơ phú, ngắm cảnh đẹp bốn mùa, thưởng thức cuộc đời đầy thú vị.

Hàn Ốc thời Đường có thơ ngâm rằng: "Ngâm ngùi thương nỗi gió lạnh căm, mai bay trong tuyết hạnh hoa hồng. Đêm khuya thanh vắng dây đu chéch, mưa lất phất bay gác mộng lung."³ Mưa xuân lạnh giá, hoa mai trắng như tuyết, xích đu treo trống không, lầu gác lơ mơ giữa mưa đêm, ẩn hiện liên miên không dứt. Có lẽ trong lầu gác, có người đẹp như ước nguyện, chiếc lò nhỏ bằng đất đỏ đang đun bình rượu ngon. Căn gác trong mưa này, và tình cảnh trong căn gác thật là ý vị vô cùng.

"Lầu gác hợp giai khách, thơ hay chứa giang san. Gió lướt trên lá tần, sương trắng cảnh một lan." Đây là những câu thơ trong bài *Giang lâu tảo thu* (Lầu bên sông vào đầu thu) của Bạch Cư Dị. Lầu gác xây dựng kề sông, thu hút vô số thi khách lên lầu để thưởng ngoạn cảnh thu phương Nam. Ánh hồ ráng sớm, lá tần chỗ tụ lại chỗ tản mát, nhìn con sóng xô nhau, giang sơn như vẽ. Bạch Cư Dị có một tình cảm sâu đậm dành cho Giang Nam, ông từng viết ba bài *Ức Giang Nam*, hàng trăm năm nay đã được vô số người ngâm vịnh, hồi tưởng. Ông lên lầu cảm khái, ngắm cảnh làm thơ, mong có một ngày tìm được cố hương của linh hồn, quay về quê cũ.

Còn có một từ nhân lên lầu trông phía xa, trong đêm Trung Thu uống đến say mèm, viết một bài từ vĩnh cửu *Thủy điệu ca đầu*: "Trăng sáng bao giờ có? Nâng chén hỏi trời cao. Chẳng hay trên đây cung khuyết, đêm đó nhằm năm nao? Rắp định cười mây lên đến. Chỉ sợ lầu quỳnh điện ngọc, cao ngất lạnh lùng sao. Đứng múa vờ thanh ảnh, trần thế khác chi đâu. Xoay gác đỏ, luồn song lụa, rọi tìm nhau. Chẳng nên cừu hận, sao lại nhằm tỏ lúc xa nhau. Người có buồn vui ly hợp, trăng có tỏ mờ tròn khuyết, tự cổ vẹn toàn đâu. Chỉ nguyện người trường cửu, ngàn dặm dưới trăng thâu."⁴

Trên lầu gác trống vắng, vắng trăng sáng treo giữa bầu không, người thân xa ngàn dặm, suy tư của từ nhân bay bổng, có một cảm giác xa vời và cô độc cách biệt với đời. Cung điện lầu gác thật là gần với bầu trời, tựa như có thể cảm nhận được nỗi lạnh lẽo

³ Bài thơ *Dạ thâm* (Đêm khuya), hay có tên khác là *Hàn thực dạ* (Đêm Hàn thực).

⁴ Bài từ *Thủy điệu ca đầu* của Tô Thức, bản dịch của Nguyễn Chí Viễn.

và tịch mịch ở cung Quảng Hàn. Vầng trăng sáng đi qua lầu gác sơn đỏ hoa lệ, lại chiếu xuyên vào trong ô cửa sổ cổ kính chạm trổ, rọi tới người đang chất chồng tâm sự, không thể an giấc. Vốn dĩ trăng sáng không có lỗi, nhưng khi người đời ly biệt, nó lại lặng lẽ tròn vành vạnh. Tuy nói rằng ở nơi cao không sợ lạnh, nhưng rốt cuộc thì Tô Đông Pha vẫn là một người phóng khoáng, ông nói chỉ mong được cùng người trong lòng mãi mãi, dù ngàn dặm xa xôi cũng có thể bên người thuyền duyên.

Lầu gác nổi tiếng nhất chính là Tam đại danh lầu của Giang Nam - Nhạc Dương lầu, Hoàng Hạc lầu, Đằng Vương các. "Động Đình là hồ đẹp nhất thiên hạ, Nhạc Dương là lầu đẹp nhất thiên hạ." Nhà văn thời Bắc Tống Phạm Trọng Yêm đã từng viết một bài *Nhạc Dương lầu ký* nổi danh truyền lại cho đời: "Đến lúc mùa xuân ấm cảnh vật tươi sáng, sóng nước êm đềm, đất trời quang đãng, vạn dặm một màu xanh xanh; chim trên bãi tụ bay, cá dưới nước đùa giỡn; cỏ thơm trên bờ, xanh tươi mơn mớn." Lúc thưởng ngoạn trăng sáng vàng vạc ngàn dặm trên hồ Động Đình, cảnh đẹp bóng trăng lồng ánh nước, lại càng viết ra tấm lòng hào sảng "không vui vì cảnh, chẳng buồn vì tình", "lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau cái vui của thiên hạ" của Phạm Trọng Yêm.

"Hoàng Hạc lầu cao nghe sáo ngọc, Giang Thành nghe khúc Lạc Mai hoa."⁵ Đây là câu thơ nổi tiếng Lý Bạch đã viết lúc leo lầu Hoàng Hạc. Lầu Hoàng Hạc kể dãy núi Ba Sơn, nối liền mây nước Tiêu Tương, là căn lầu cổ kính, điển nhã, kế thừa phong thái Đường Tống, trải qua lịch sử lại càng được đời sau hoài niệm. Thời Tam Quốc, lầu Hoàng Hạc từng được xây dựng vì mục đích quân sự, sau lại trở thành nơi du ngoạn, chốn tiệc tùng của quan lại, thương nhân, hành khách. Lầu Hoàng Hạc từng có tiên nhân cười hạc ghé thăm, nhờ thế mà được đặt tên. Thôi Hiệu đời Đường có thơ ngâm rằng: "Hạc vàng ai cười đi đâu, mà nay Hoàng Hạc riêng lầu còn trơ. Hạc vàng đi mất từ xưa, nghìn năm mây trắng bây giờ còn bay."⁶

"Ráng chiều rơi xuống, cùng cái cò đơn chiếc đều bay; làn nước sông thu với bầu trời kéo dài một sắc."⁷ Đây là danh cú của Vương Bột viết về Đằng Vương các, đến nay vẫn khiến người ta ngưỡng mộ cảnh tượng ráng chiều buông xuống cánh cò bay lẻ, nước thu nối liền với bầu trời. Tôi từng mấy độ lần theo dấu vết người xưa, lên Đằng Vương các. Thỏa thích ngắm nước sông Cám cuộn cuộn, xa trông vạn dặm trời mây, núi xanh ngăn ngắt trải dài, mây bay hối hả, cầu dài vắt ngang con sóng. Mấy chiếc

⁵ Trích bài *Dữ Sử lang trung khâm thánh Hoàng Hạc lầu thượng xuy dịch* (Cùng quan lang trung họ Sử uống rượu nghe sáo trên lầu Hoàng Hạc).

⁶ Bài thơ *Hoàng Hạc lầu* của Thôi Hiệu, bản dịch của Tản Đà.

⁷ Trích *Đằng Vương các tự* của Vương Bột, bản dịch của Trần Trọng San.

thuyền con bông bênh trên sông, dần dần ẩn đi giữa làn sóng biếc mênh mang, rồi không còn thấy đâu nữa.

"Quan san khó vượt, nào ai xót thương người lạc lối? Bèo nước gặp nhau, hết thấy đều là khách tha hương."⁸ Mỗi ngày, đều có khách qua đường trời Nam đất Bắc lên lầu ngắm cảnh, bèo nước gặp nhau giống như một cảnh ca múa bên đình bên nhà thủy tạ, chớp mắt thôi là qua đi. Sau đó, ai nấy đều vội vã đi vào trần thế ngựa xe như nước, đến khi gặp lại đã không biết là người nơi nào. Nếu như có may mắn tìm được một người tri kỷ, nắm tay bên nhau, ngồi ngắm mây lên thì tình cảm sâu đậm đến nhường nào?

Lúc thiếu thời tôi cực kỳ thích một bài từ của *Tân Khí Tật*: "Thiếu niên chẳng biết đến mùi sâu, thích lên lầu cao. Thích lên lầu cao, làm thơ phú cố tỏ vẻ sâu. Mà nay đã biết mùi sâu, muốn nói lại thôi. Muốn nói lại thôi, chỉ nói trời thu lạnh lẽo."⁹ Còn tôi của bây giờ ngắm hết thịnh suy cõi trần thế, lòng tràn ngập nỗi lạnh lẽo, tựa như mùa thu lạnh. Sự thấu suốt và lạnh nhạt này, mặc cho trên đời có bao nhiêu tình ý, đều chẳng thể nào sưởi ấm nổi.

Có một ngày, nếu quay về được làng xưa, cảnh cũ tái hiện, tôi chỉ muốn một lần nữa trèo lên lầu gác vào lúc mây tối cuộn về, mặt trời xuống núi rắng chiều bàng bạc, lại lần nữa ngắm chim nhạn bay về phía Nam xa xa.

⁸ Trích *Đường Vương các tự*.

⁹ Trích bài *Xú nô nhi*.

Song khóa

P hút giây này, gió xuyên qua từ góc hiên, mây thả bước ngoài cửa sổ. Tôi ngồi xếp bằng dưới cánh cửa sổ sáng trong, một mình thưởng thức nhàn trà. Núi xanh trùng điệp phía xa xa, dương liễu mềm mại gần trước mắt, phong cảnh vừa hư vừa thực này, lại thêm trà ngon đậm nhạt vừa phải, đẹp đến mức mơ hồ như trong mộng.

Đây luôn là cuộc sống mà tôi muốn có, yên bình, an tĩnh, ổn định, nhàn nhã, đạm bạc, mộc mạc. Thời gian đã vút lại thanh xuân ở quá xa, tháng năm thâm trầm lướt qua vai, đi lên trên hàng lông mày. Khi soi gương, mới biết rằng năm tháng vô tình, dung nhan già nua, nhìn vào mà kinh hãi. Những sai lầm và tiếc nuối từng xảy ra đã không thể nào bù đắp bằng thời gian nữa, còn tôi vẫn cố chấp giữ giấc mộng thuần khiết ấy, không thay đổi tấm lòng thuở ban sơ.

Một người, một khung cửa sổ, cứ sống không bị quấy rầy như thế còn hơn là rong ruổi khắp cõi tục ồn ào. Chuyện trò câu được câu chăng với một người qua đường, giả vờ cùng ngắm nhìn nhau với một phong cảnh, đều là những điều tôi không muốn. Năm xưa dưới một gốc bồ đề, Phật Tổ đã thu được chứng ngộ, cắt đứt trần duyên. Còn tôi cũng mong đợi có thể tĩnh tọa đến bạc đầu, gảy một điệu tương tư dưới khung cửa sổ u vắng, cho dù đời này chẳng có được tương phùng.

Tôi của thời niên thiếu, hằng ngày tựa cánh cửa sổ cổ chạm trổ hoa trong căn nhà cũ, ngắm nước mưa tí tách rơi trên thềm đá giếng trời, ngắm hoa bay trên hành lang sân nhà, ngắm thời gian trong góc hiên chậm chậm đi xa. Tôi luôn tưởng tượng phong cảnh xa lắc lơ bên ngoài ô cửa sổ nhỏ ấy, thế giới xa lạ đó mời gọi những chuyến đi xa. Sau này, đã thật sự xách hành trang đi qua vô số cây cầu, gặp vô số đám mây, nhưng lại chẳng còn gặp những ô cửa cổ kính, vắng trắng trong sáng như thế nữa.

Nhà cũ ở Giang Tây là kiểu kiến trúc Huy phái, phong cách thời Minh Thanh, nhẹ nhàng đẹp dễ diễn nhã. Từng cánh cửa từng ô cửa sổ, từng cột từng kèo, đều có chủ đề cổ điển, tràn đầy ý vị. Trên cửa sổ hoa, không chỉ điêu khắc những câu chuyện ngư, tiều, canh, độc, mà còn có thơ tình dương xuân bạch tuyết. Có thiếu nữ gảy đàn, nhã khách thối sáo, ngư ông buông cần, nhà thơ đề cú, rất nhiều nhân vật ngoài đời, điển

cổ lịch sử, đều được khắc thành hình vẽ, vẽ trên cánh cửa sổ, vừa trang nhã lại vừa sinh động.

Cửa sổ không chỉ dùng để lấy ánh sáng và thông gió, mà còn trở thành một loại nghệ thuật văn hóa. Bắt đầu từ thời Tây Chu, đến thời Chiến Quốc, đã có ô cửa sổ kiểu sát đất, tạo hình cổ kính đơn giản, trang nhã. Cửa sổ thời Hán, về mặt tạo hình đã vô cùng hoàn hảo. Thời Ngụy Tấn Nam Bắc triều đã xuất hiện cửa sổ có chấn song thẳng xếp thành hàng, bên cạnh cửa sổ còn treo rèm và trướng. Sau thời Đường Tống tiếp nối phong cách của Ngụy Tấn, lại cải thiện thêm, tạo hình của cánh cửa lại càng muôn hình vạn trạng. Cửa sổ khung, cửa sổ chống, cửa sổ khuôn hình, đủ mọi kiểu dáng cửa sổ, xếp ngang uốn khúc, sóng nước dập dờn dưới ánh nắng mặt trời, bóng sáng lấp lóa, đẹp đến vô cùng.

Thời Minh Thanh, Giang Nam thịnh hành phong cách nhà vườn, trên hành lang và tường bao ngoài thường điểm xuyết những ô cửa sổ nhỏ có tạo hình điển nhã, phong cách đặc biệt. Có đến cả trăm loại trang trí cửa sổ, hình hoa mai, hình phiến quạt, hình đào thỏ, hình lục giác, cảnh quan từ những ô cửa sổ khác nhau lại càng thú vị sinh động, ý vị khôn cùng. Vườn cảnh Tô Châu thường dùng gạch mỏng ngói xanh cắt thành song cửa sổ, dùng đủ mọi loại hình vẽ thực vật để trang trí cho lòng cửa sổ, hình dáng rất đẹp dễ, khéo léo và độc đáo khiến người ngắm cảm thấy tinh thần thư thái.

Đẹp nhất phải nói đến cửa sổ gỗ của các sân nhà lầu gác, trang trí cổ kính mộc mạc, hình vẽ khắc lên có nội dung phong phú. Hoa cỏ non nước, chim cá trùng thú, nhân vật sự tích, hý khúc Phật giáo, đều được đưa hết vào trong đó. Tựa song vắng, ngắm đá lạ giả sơn, một cảnh hồng hạnh, dăm cây chuối tiêu, vài hàng trúc biếc bên ngoài cửa sổ, có thể nói là vạn loại phong tình, tuyệt diệu không tả xiết. Ban ngày ngắm cảnh, đêm tối ngắm đèn, thỉnh thoảng nghe tiếng chim xanh hót trên cành ngoài cửa sổ, hoa rụng bậc thêm. Nơi đó, vắng tới nhạc tơ trúc trong trẻo, vài tiếng hát ngân nga, lại thướt tha dịu dàng, say hồn đoạt phách.

Từ khi chào đời đến khi chết đi, mỗi người đều không xa rời khung cửa sổ nhỏ. Cho dù là trên đường đi, ngừng chân nghỉ ở nhà trọ, trạm dịch cũng có một cánh cửa sổ mở ra vì bạn; có một ngọn đèn thấp sáng lên vì bạn. Một cánh cửa sổ mang đến cho chúng ta cảm giác có nơi thuộc về, tựa như ngồi bên trong ô cửa sổ ấy là có thể tránh khỏi mưa gió phiêu bạt. Xa rời cánh cửa sổ ấy, chúng ta đều bị vận mệnh xua đuổi, nam bắc đông tây, không biết ngày nào mới trùng phùng; ngồi đối mặt dưới khung cửa sổ nhàn nhã, ngắm trăng tròn trăng khuyết, nói những lời ấm lạnh.

Lý Thương Ẩn có thơ ngâm rằng: "Ngày về khó hẹn cho nhau, Ba Sơn mưa tối hồ thu nước đầy. Bao giờ chung bóng song Tây, còn bao nhiêu chuyện núi này mưa đêm!"¹ Một trận mưa thu dai dẳng, ngăn trở hành trình. Lý Thương Ẩn tha hương đất khách Ba Sơn, trong mưa đêm nhớ nhung người vợ yêu, chỉ mong có thể quay về cố hương, cùng người vợ ngồi dưới song Tây, cắt hết bắc nển, thủ thủ tâm tình, chung đêm tươi đẹp. Song Tây đã trở thành nỗi quyến luyến chẳng thể cắt bỏ, nỗi trần trở đau khổ giải bày chẳng hết trong lòng nhà thơ.

Lúc làm tư mã Giang Châu, Bạch Cư Dị từng viết một bài thơ *Dạ tuyết*: "Lạ lòng chăn gối lạnh thêm, nhìn ra ngoài cửa bùng lên sáng trời. Đêm khuya tuyết đổ tơi bời, vì nghe tiếng trúc gãy rơi rào rào." Trong đêm tuyết, nhà thơ một mình nằm ôm chăn, lơ mơ nhìn thấy tuyết đọng hắt lên cửa sổ, ánh sáng bùng lên. Đôi lúc còn nghe thấy tiếng trúc gãy vì tuyết đọng quá dày, rụng xuống bên ngoài sân khiến cho đêm tuyết đổ tích mịch càng thêm vài phần đẹp để không diễn tả hết được. Tâm trạng vốn dĩ lạnh lẽo, lại được thêm vài phần an ủi. Cuộc đời xa xôi, rốt cuộc cũng chỉ là khoảng cách của một cánh cửa sổ. Bên ngoài song, thứ lướt qua chỉ là khói lửa của phù thế, như mộng ảo bọt bóng, chớp mắt là tan biến.

Trong *Quy khứ lai hề từ* Đào Uyên Minh ngâm rằng: "Cầm nậm bồi tự chuốc, ngắm cây sân, mặt vui. Dựa cửa sổ Nam, lòng phóng khoáng, thấy nơi chật hẹp dễ an nhàn."² Đào Tiềm từ bỏ con đường làm quan, từ lâu đã ngắm hết mọi vị đời tang thương. Đến nay chỉ một cánh cửa sổ nhỏ, là đủ ký gửi tâm tình ngạo thế của ông. Sự khoáng đạt và rộng lượng thực sự không phải là ở trong nhà vườn xa hoa cao quý, một gian nhà giản đơn cũng đủ để neo giữ một linh hồn mỗi mệ, mang đến sự an ổn và nhàn nhã.

Cửa sổ và người đọc sách lại càng có nguồn gốc sâu xa. Mười năm song lạnh khổ đọc, một sớm bảng vàng đề tên là lên thẳng mây xanh. *Tây sương ký* viết: "Đường mây chín vạn muốn chen chân, mười năm tuyết án phải nhọc nhằn sớm trưa. Chí to, thời không gặp, bằng thừa! Tài cao, người thế chẳng ưa cũng hèn. Chắc không túi bút then nghiến, văn chương rẻ giá sách đèn uống công."³

Sách *Tam tự kinh* viết: "Đèn đom đóm, tuyết hắt sáng. Nhà tuy nghèo, học chẳng nghỉ." Nội dung kể về điển cố Tôn Khang soi ánh tuyết, Xa Dận bắt đom đóm làm đèn để đọc sách. Hai người này gia cảnh nghèo túng, nhưng chí cầu học thì mặt trắng mặt trời có thể chứng giám. Bao nhiêu đêm tuyết bên cửa sổ lạnh lẽo, mượn ánh sáng của

¹ Bài *Dạ vũ ký bắc* (Đêm mưa gửi người phương Bắc), bản dịch của Nam Trân.

² Bản dịch của Trần Trọng San.

³ Bản dịch của Nhưộng Tống.

vàng trắng, ánh đèn đom đóm yếu ớt, đọc sách suy ngẫm là để có được báo đáp. Sự cố chấp này được người đời sau tôn sùng, truyền bá như là một câu chuyện đẹp.

"Giai nhân cửa sổ gảy đàn, ngân nga những khúc sáo vang dặt dìu."⁴ Cửa sổ đã là tri âm như hình với bóng của thiếu nữ khuê các. Thời xưa, những thiếu nữ thêu thùa trên gác, người thiếu phụ tương tư trên lầu đài, những tháng năm đời người dài đằng đẳng đều đi qua dưới từng cánh cửa sổ khóa. Họ giữ một khoảng trời đất chật hẹp trong khung cửa, rửa tay nấu canh ngon, vá áo than đêm dài. Cũng từng khao khát thế giới bên ngoài cửa sổ, cùng người lãng tử chèo thuyền, đồng hành khắp chân trời góc bể. Nhưng năm tháng thanh xuân của một đời này đều khóa trong cánh cửa sổ, nơi đây là bắt đầu, cũng là chốn về.

"Tần Xuyên cô gái buồn thêu, song sa khói tỏa như khêu chuyện ngoài."⁵ Người con gái Tần Xuyên thêu gấm này, giống như Tô Huệ vợ của Đậu Thao thời Nam Bắc triều, nàng một mình giữ phòng không, thêu lên gấm tác phẩm tuyệt diệu có một không hai - Tuyên ky đồ. Tuyên ky đồ bất luận là đọc xuôi, đọc ngược, đọc ngang, đọc dọc đều có thể là một bài thơ như gấm thêu, từ đó về sau được vô số khuê phụ tranh nhau sao chép. Có lẽ bọn họ có tâm sự tương đồng, nhưng người thực sự thấu hiểu thì lại thưa thớt như sao buổi sớm. Trong ô cửa sổ che rèm lụa xanh biếc, luôn có thể nhìn thấy bóng dáng lẻ loi của những người phụ nữ này, nghe thấy những tiếng thở dài khe khẽ. Bao nhiêu thiếu nữ trẻ trung đã đợi chờ đến bạc đầu như thế, cô độc già đi dưới song.

Vào một đêm mưa gió, trong Tiêu Tương quán lạnh lẽo, Lâm Đại Ngọc đã từng viết bài *Thu song phong vũ tịch* (Đêm mưa gió bên cửa sổ mùa thu): "Sang thu hoa cỏ úa vàng, đèn thu trần trọc đêm trường đầy thu. Song thu thu vẫn trở trở, lạnh lùng giở lại gió mưa thêm càng. Đòi cơn mưa gió phủ phàng, song thu tan giấc mơ màng từ đây."⁶ Tài tình tuyệt thế như vậy, dung mạo diễm lệ như thế, cuối cùng lại bị tình đời phụ bạc. Chỉ nghe thấy tiếng mưa thu gõ cửa sổ, từng tiếng từng hồi cũng khiến người ta vỡ tim đứt ruột.

"Lờ mờ trong mộng về quê. Cửa sổ nhỏ, đương chải đầu. Nhìn nhau không nói, lệ chứa chan ngàn hàng."⁷ Trong mơ Tô Thức gặp hồn phách của người vợ đã mất Vương Phát trở về, đang ngồi trước cửa sổ, soi gương chải đầu. Sau khi tỉnh mộng, cửa sổ buốt giá trống vắng lại càng lạnh lẽo khôn tả xiết. Nhớ lại những tháng ngày năm xưa, tình

⁴ Trích bài *Xuân nhật hành* của Lý Bạch.

⁵ Trích bài *Ô dạ đề* của Lý Bạch, bản dịch của Tần Đà.

⁶ Bản dịch của nhóm Vũ Bội Hoàng.

⁷ Trích bài *Giang thành tử*.

chàng ý thiếp, dưới song chồng vẽ mây tô điểm cho vợ, vợ chồng tình cảm chan chứa. Ân tình ngày hôm qua đã như là bóng ảo, chỉ đối lấy gương mặt đầy bụi bặm, tóc mẩn bạc như sương.

Trong cửa sổ, còn có một điển cố nổi tiếng khác. Truyền thuyết kể rằng Tần Cối muốn sát hại Nhạc Phi, thế là bàn mưu với vợ Vương thị ở dưới cửa sổ phía Đông. Sau này Tần Cối chết, Vương thị mời đạo sĩ về gọi hồn, thấy Tần Cối phải đeo gông cùm, chịu nhiều khổ sở. Cối nói rằng: "Phiền ngài (đạo sĩ) chuyển lời với phu nhân, chuyện bàn tính ở song Đông đã bị bại lộ rồi." Sau này "bại lộ chuyện song Đông" là chỉ mưu đồ phạm tội hoặc âm mưu bị bại lộ.

"Chim vàng kêu ríu rít, hoa lan nở xinh tươi. Bấy giờ người khuê phụ, trong song thấy ánh trời."⁸ Bao nhiêu câu chuyện đều bị giấu kín ở đằng sau cửa sổ khóa im ỉm, suốt bao năm tháng không thấy mặt trời. Hoa mai rụng hết, lá liễu xanh xanh, lá phong đỏ rợp đất, tuyết đông trắng xóa. Bên ngoài song cửa, cứ diễn đi diễn lại quang cảnh bốn mùa; bên trong song cửa lại thay đổi bóng dáng xinh đẹp của biết bao giai nhân. Tháng năm cứ hối hả già đi như thế, để lại vô số khoảng trống, không có cách nào lấp nổi, cũng chẳng thể tìm kiếm ở đâu.

Nếu như có thể, nguyện cho chúng ta kiếp này tìm được một nơi ở có ngói đen tường trắng giữa hồng trần. Nhân nhả nằm bên khung cửa sổ, tự say chồn giậu Đông, hái lấy cành hoa hạnh mùa xuân, lặng lẽ đợi trăng tròn.

⁸ Trích bài thơ *Nghĩ cổ thập nhị thủ* của Vi Ứng Vật.

Sân nhà

Trong ký ức, tôi cũng từng sống trong một căn nhà không phong nhã, nhưng đơn giản và tinh tế, không xa hoa nhưng mộc mạc an nhàn. Khoảng sân có hàng rào giậu, dăm ba cây đào cây liễu, vài bụi cỏ xanh xanh, một chiếc bàn tre, mấy chiếc ghế tre. Mùa xuân cây bừa, lúc nhàn hạ thì ngắm hoa; đêm hè nhàn lúc trời mát mẻ thì yên lặng bóc hạt sen; mùa thu trồng hoa cúc, tự ủ rượu hoa; mùa đông ngắm tuyết, ngồi quây quanh bếp lò giải câu đố.

Sau này rốt cuộc tôi vẫn phải rời xa khoảng sân nhỏ của làng quê, đến nơi thành đô ánh đèn rực rỡ. Không phải tôi không biết trân trọng sự an tĩnh đó, mà tôi đành nghe theo sự sắp đặt của trần thế, để có thể sinh tồn ổn thỏa giữa sự nghèo khó. Chỉ là đám cây cối được sửa sang, cỏ hoa được tỉa tót khắp thành phố đó giống như một cô gái thanh tú dặm phấn trang điểm, không có nét tự nhiên mộc mạc như những loài thực vật ở thôn quê.

Bây giờ trở về sơn thôn cổ trấn, xây một mảnh sân, dựng gian nhà nhỏ, là niềm ao ước của rất nhiều người. Bao nhiêu người cam tâm tình nguyện vứt bỏ phần hoa, danh lợi, trồng hoa trồng cỏ, đọc sách thưởng trà trong sân sâu. Lúc cô đơn hẹn hàng xóm, làm vài món rau dưa tự trồng ngay trong sân, nhấm nháp mấy chén rượu hoa quả tự ủ, nhàn nhã nói chuyện cổ kim, thoải mái lãng quên trần thế. Cuộc sống xem như là bình đạm, nhưng lại là một loại ước vọng xa xỉ, có lúc hạnh phúc rõ ràng ở rất gần, nhưng lại không thể nào với tới được.

Tôi tin rằng cuối cùng có một ngày như thế, tôi sẽ có một tòa nhà nhỏ để an thân, trong sạch tinh khiết, bình đạm an lành. Có thể không cần gặp quá nhiều người, để mặc cho những dây leo màu xanh bò đầy lên tường bao, cánh cổng lớn, cỏ cây mọc sức sinh trưởng. Tôi chỉ trông chừng một mảnh sân nhỏ, gìn giữ tháng năm, không để tâm đến dòng người đông đúc hay non sông chầm chậm bên ngoài. Cũng không cần ai phải nhớ đến, khoảng sân nhỏ rụng đầy hoa mai ở Giang Nam, tôi của Giang Nam.

Giang Nam bây giờ, sân nhà vườn cảnh nhiều vô kể, mỗi dịp lễ tết, du khách đều tràn đến, ngắm cảnh lại biến thành ngắm người. Cũng có những lúc nhàn nhã thanh tĩnh, giống như vẽ cảnh xuân, núi thu thưa thớt, để mặc bạn thanh thoi dạo bước, nhìn

nhau lưu luyến. Nhưng cho dù bạn có say đắm vườn cảnh cổ điển tươi đẹp này đến mấy, cũng không thể làm chủ nhân của nơi đây. Khi trăng treo trên đầu ngọn liễu, tất cả các du khách đều phải rời đi, chỉ để lại một khu vườn trống vắng, cô độc hồi tưởng những gì đã từng có mà không thể quay trở về nữa.

Lục Du từng làm từ rằng: "Hồ Gương vốn trước của người dân, sao giờ lại là của quan trên ban xuống?"¹ Thời xưa, vườn cảnh vốn là sở hữu của nhà quan lại, đến nay những thị dân bình thường cũng có thể vào vườn thưởng hoa, coi như đã là được nhận ân đức rồi. Nhưng bách tính cũng có nhà tranh rào giậu của mình, suối chảy trước cổng, núi xanh phía xa, không cần phải quan gia ban tặng, mà tự mình cũng có thể ngắm cảnh bất cứ lúc nào. Cấy cà, dệt vải, buông câu, nâng chén bàn chuyện mùa màng, tuy là trà thô cơm nhạt nhưng lại rất vui vẻ.

Sách *Ngọc thiên* có viết: "Sân là khoảng trống trước thêm nhà", "Sân vuông vức và rộng rãi." Nhà ở nông thôn thường xây sân nhỏ, hầu hết đều không quá cầu kỳ, chỉ cần đơn giản, chặt mấy cây tre trúc hoang, hoặc mấy cái cây, quây lại thành một cái sân. Đào Uyên Minh từng quy ẩn núi Nam, trồng cúc ở giậu Đông, xây một căn nhà nhỏ ở ruộng vườn sơn dã, sống đạm bạc qua ngày. Có thơ rằng: "Đất vuông mười mấy mẫu, nhà cỏ tám chín gian. Hiên sau du liễu rợp, trước nhà đào lý tươi."²

Sân của những gia đình bề thế, thì phải tính toán phương hướng, sắp đặt bố cục. Vườn cảnh của những nhà lớn danh môn, lại càng cần thỉnh thần cúng bái, xin xăm bói quẻ. *Chu dịch - Hệ từ hạ* viết: "Thời xưa, Bao Hy thị là vua của thiên hạ, ngẩng lên quan sát hình tượng trên trời, cúi xuống đo lường dưới đất, quan sát thấy đốm vằn trên người chim thú phù hợp với đất, gần thì lấy từ kinh nghiệm bản thân, xa thì lấy từ vạn vật, thế là bắt đầu làm ra bát quái dùng để lĩnh hội đạo đức của thần linh, diễn tả tình trạng của vạn vật."

"Đình viện sâu sâu sâu biết mấy? Dương liễu lỏng khói, rèm lụa buông lớp lớp. Cương ngọc yên vàng như trẩy hội, lầu cao không thấy lối Chương Đài. Tháng Ba mưa gió điên cuồng, cổng khóa hoàng hôn, chẳng cách gì giữ nổi mùa xuân. Đắm lệ hỏi hoa, hoa chẳng nói, tơ bởi hoa rụng hơn thu tới." Đây là bài từ *Điệp luyến hoa* của Âu Dương Tu, từng được người đời vô cùng yêu thích. Từ đây vô số người bắt đầu mơ mộng, mơ

¹ Trích bài từ *Thuốc kiều tiên - Hoa đăng túng bác* (Dưới đèn sáng chơi cờ).

² Trích bài *Quy viên điển cư kỳ 1* (Về quê ở kỳ 1).

về Giang Nam hoa hạnh trong mưa bụi đó, mơ về tháng ngày trong đình viện sâu thẳm đó.

Trong *Hồng lâu mộng*, nhân dịp Nguyên Xuân về thăm người thân, phủ Giả đã đặc biệt xây nên vườn Đại Quan giàu có, tráng lệ. Cả vườn Đại Quan đài cao san sát như rừng, có đình gác hành lang bao vây, ao hồ giả sơn, nước chảy quanh co, hoa cỏ lạ, muông thú quý có thể gọi là bao la vạn tượng, thiếu hoa cực thịnh. Vườn Đại Quan lại chia thành các trạch viện như Tiêu Tương quán, Di Hồng viện, Hành Vu uyển, Lũng Thúy am, Thu Sướng trai, Đạo Hương thôn, Ngẫu Hương tạ...

Mỗi tòa tiểu viện đều theo sở thích của chủ nhân mà có trang trí non nước cây cối khác nhau. Tiêu Tương quán của Lâm Đại Ngọc là thanh vắng nhất, mấy hàng tre trúc, tôn lên tâm cảnh lẻ loi của nàng. Mấy cây hàn mai trong Lũng Thúy am của Diệu Ngọc, cũng giống như ngạo cốt thanh khiết của nàng. Giả Lưu từng có may mắn được dạo chơi vườn Đại Quan, thưởng trà ở Lũng Thúy am, say ngủ ở Di Hồng viện. Trong mắt giả, chốn đình viện phồn hoa giàu có như vườn Đại Quan giống như là Bồng Lai tiên cảnh, cho dù tìm trong tranh cũng không thể thấy được. Vì thế, Giả mẫu đặc biệt sai Tích Xuân vẽ lại khu vườn này, Tích Xuân từng nói mất thời gian mấy năm cũng không vẽ xong bức tranh ấy.

Lâm Đại Ngọc có một bài thơ, tên là *Thế ngoại tiên nguyên biến ngách*: "Dạo chơi người lại thêm vui, cõi tiên nào phải là nơi bụi hồng! Đẹp thay mượn cảnh non sông, điểm tô cảnh lại lạ lùng đẹp hơn. Rượu kim cúc ngát mùi hương, chào mừng người ngọc rõ ràng hoa tươi. Mong sao trên đời ơn trời, vườn này thường được đón mời xe loan."³ Hết thấy những phú quý xa hoa nhắc đến ở đây, đều chỉ là một giấc mộng kê vàng. Đêm nay say giấc yên ương trong chốn dịu dàng, ngày mai tòa nhà lớn màu hồng sụp đổ chỉ trong khoảnh khắc.

Trích đoạn hoa lệ, tuyệt mỹ nhất trong *Mẫu Đơn đình* chính là giấc mộng chơi vườn xuân đó. Đỗ Lệ Nương cô đơn trong khuê phòng, trang điểm nhẹ nhàng, đến ngắm cảnh xuân trong vườn nhà mình. Nàng hát: "Bình sinh cuộc đời ta yêu thích nhất là thiên nhiên." Không đến vườn cảnh, thì sao biết được sắc xuân như thế nào. Nàng lại hát: "Hóa ra hoa xuân khoe sắc muôn nơi, nhưng ta chỉ có thể thưởng thức tường đồ giếng nát. Cảnh đẹp thời khắc đẹp đã trôi qua uống phí, chuyện vui thưởng ngoạn chẳng biết của nhà ai. Sớm bay chiều cuộn, rục rờ rắng mây; gió xuân mưa bụi, sóng khói dập dềnh bên thuyền. Nữ nhi trong khuê các như ta đã phụ cảnh xuân tươi đẹp này."

³ Bản dịch của nhóm Vũ Bội Hoàng.

Ngắm hết mười hai lâu đài, cuối cùng trong mơ đã gặp được chàng thư sinh anh tuấn cầm cành liễu. Hai người vừa nhìn nhau đã xiêu lòng, thế là ở bên đình Mẫu Đơn, trước hoa thược dược, họ vui vầy mây mưa, tình ý dịu dàng. Sau này, Đỗ Lệ Nương tương tư thành bệnh nặng, không lâu sau ngọc nát hương tan, vùi thây dưới gốc mai trong sân vườn. Sau đó thư sinh Liễu Mộng Mai nhặt được tấm chân dung của nàng, quật mộ mở áo quan, khiến nàng cải tử hoàn sinh. Thang Hiến Tổ từng viết như thế này trong chương mở đầu: "Tình không biết bắt đầu từ đâu, mà đậm sâu khôn xiết. Người sống có thể vì tình mà chết, người chết vì tình có thể sống lại. Người sống không muốn chết vì tình, người chết rồi không muốn tái sinh vì tình, đều chẳng thể hiểu nổi được cực điểm của tình cảm."

Thời xưa, bao nhiêu thiếu nữ khuê các bị nhốt trong đình viện sâu thẳm, cô quạnh đối mặt với cảnh xuân tươi đẹp, để lỡ tháng năm trôi đi như nước. Nhưng nhà sâu sân nhỏ cũng đã kết những mối duyên đẹp như gấm thêu. Lý Thiên Kim của *Trên ngựa đầu tường* cùng nha hoàn ngắm hoa ở hậu hoa viên, tình cờ gặp được Bùi Thiếu Tuấn cười ngựa đi qua, sau này đính ước với nhau, rồi cũng chàng bỏ trốn, giấu mình trong một hậu hoa viên, sinh con đẻ cái cho chàng. Tuy rằng trắc trở phong ba, mấy lần thăng trầm, nhưng cuối cùng gương vỡ lại lành, dưới trăng trước hoa, sớm tối bên nhau.

Bài từ *Điệp luyến hoa* của Tô Thức viết về tình cảnh của giai nhân đùa chơi trong vườn: "Trong tường chơi đu ngoài lối ngõ, ngoài: khách lại qua, trong: mỹ nhân cười rộ. Cười dần lắng đi, tiếng dần nhỏ, vô tình khiến khách đa tình khổ."⁴ Vị tài tử đa tình này cũng chỉ là một khách qua đường bình thường, cách một bức tường cuối cùng lại không có duyên nhìn thấy dung nhan của người đẹp trong vườn. Chân trời tuy có nhiều cỏ thơm, nhưng chẳng rõ chàng có thể kết duyên cùng đóa hoa nào.

"Sân nhà tiêu điều, lại gió lạnh mưa rơi, cửa đóng then cài."⁵ Tài nữ Lý Thanh Chiếu từng ngâm ngùi giữa vườn, cánh cửa đóng im ỉm, chỉ sợ bị cơn gió mưa vùi dập. Đình viện của hậu chủ Nam Đường, cũng bị gió thu quét qua, tịch mịch đoạn trường. "Chuyện xưa chỉ buồn thay, ngắm cảnh khó khuây. Đình đài rêu phủ, gió heo may. Một bức rèm châu buông hờ hững, cả ngày ai đến đây?"⁶ Lầu vàng điện ngọc của cố quốc vẫn còn đó, nhưng núi sông tan tác, chẳng còn mơ đến ngày yến oanh riu rít, mai đỏ liễu xanh nữa.

⁴ Bản dịch của Nguyễn Xuân Tảo.

⁵ Trích bài *Niệm nô kiều - Xuân tình*.

⁶ Trích bài *Lăng đào sa*.

"Đường mòn tới nơi vắng, thiền phòng giữa cỏ hoa."⁷ Đây là đình viện của chùa, con đường mòn quanh co thông tới nơi u vắng, ẩn giữa cỏ hoa xa lánh cõi trần, khiến người ta quên đi phiền não, thuần khiết thanh tịnh. Nhưng Bạch Cư Dị từng nói, ẩn sĩ thực sự vị tất phải ở chốn núi rừng. Nhà sân sâu hun hút cũng có thể gửi gắm tâm tình nhả thú, say sưa quên lãng. Có thơ ngâm rằng: "Tháng Tư sương mù dậy, cây non lộc đầy cành. Gió đùng đưa cảnh đẹp, che rợp khoảng sân xanh... Ngẫu nhiên vào nhân cảnh, quên mất tấm lòng trần. Mới hay người ở ẩn, không cần ở sơn lâm."⁸

"Chưa vì khách quét lối hoa, cửa bỗng nay mới mở ra vì người."⁹ Đó là quãng thời gian bầu bạn với non nước, thủy triều, mang tâm trạng xa lánh cõi đời, một mình trông coi thảo đường Hoán Hoa. Ngày đó, nhà thơ Đỗ Phủ quét dọn con đường mòn trồng hoa, cánh cửa sài chưa từng mở ra đón khách nay đã mở ra. Ai từng có vinh hạnh làm hàng xóm của thảo đường, chống cây gậy trúc, đi qua sân giậu, cùng Đỗ Phủ uống vài chén rượu lâu năm đây?

Nếu như có thể, trong thời gian hữu hạn của kiếp này, có lẽ tôi sẽ xây một căn nhà có sân nho nhỏ. Trồng liễu trồng mai, trồng sen nuôi cá, đọc kinh kệ dưới ô cửa sổ chống, thỉnh thoảng đón khách tới chơi, cùng uống trà đêm. Mà chẳng buồn để tâm, ngày tháng đẹp để vội vã trôi đi bên ngoài sân, còn lại được bao nhiêu.

⁷ Trích bài *Đề Phá Sơn tự hậu thiền viện* (Đề thiền viện sau chùa Phá Sơn) của Thường Kiến.

⁸ Trích bài *Ngoạn tân đình thụ, nhân vịnh sở hoài* (Ngắm cây ở sân nhà mới, ngâm vịnh nỗi lòng) của Bạch Cư Dị.

⁹ Trích bài thơ *Khách chí* (Khách đến) của Đỗ Phủ. Bản dịch của Trần Trọng San.

Ngõ cổ

Hoàng hôn buông xuống tà dương chênh chếch, sắc chiều đã muộn, thực vật bên ngoài cửa sổ dịu dàng buông rủ trong làn gió nhẹ, chim nhạn bay tới bay đi như thoi đưa biến mất nơi chân trời xanh nhàn nhạt trong vầng vắt. Cổ thành dưới làn sương mù mỏng mảnh, giống như một thiếu nữ mang đầy tâm sự, buồn bã nhưng xinh đẹp. Những người đi đường thưa thớt đi xuyên qua ngõ phố cổ xưa, kiếm tìm một chốn trú ngụ cho tâm hồn. Dần dần, những người những việc đã đi xa đó bị lãng quên như thế, không còn được nhắc đến nữa.

Người ta đều nói hồng trần là quán trọ, mỗi cuộc gặp gỡ hoặc ly biệt hằng ngày của chúng ta, chỉ vì một chốn về. Nếu như không thể yên lành ở trong một tòa nhà cổ kính nào đó, không thể lặng lẽ chung sống với thời gian, thì chẳng thà chèo chiếc thuyền lan, một mình trôi dạt trên sóng nước, làm một người nhàn tản không chút trở ngại. Bỗng nhiên tôi hiểu ra, hóa ra so với an ổn cần phải dũng cảm hơn nữa để có được sự phóng khoáng.

"Tà dương cây cỏ, tầm thường ngõ ngách, nơi Ký Nô từng ở đó."¹ Đường ngõ cổ kính vẫn giống như xưa, quang âm dịch chuyển, chỉ có năm tháng là cố gắng chống đỡ. Không ai biết rằng, trong con ngõ sâu vắng đã từng có ai ở đó, đến nay lại có ai cư trú. Có những người đã sớm quay lưng bỏ đi, mất dấu nơi chân trời. Có những người vẫn còn si tình chờ đợi nơi chốn cũ, không biết vì ai mà đợi đến tận cùng trời đất.

Tôi có tình cảm sâu đậm với ngõ nhỏ, bắt nguồn từ ký ức thời thơ ấu. Ngõ nhỏ là một phong cảnh thường thấy của Giang Nam, phàm là những nơi có nhà ở, thì đều có ngõ nhỏ. Lưu Vũ Tích có thơ rằng: "Bên cầu Chu Tước cỏ hoa, Ô Y đầu ngõ, bóng tà tịch dương. Ớn xưa nhà Tạ nhà Vương, lạc loài đến chốn tầm thường dân gia."² Bài thơ viết về ngõ Ô Y của Kim Lăng, là một ngõ nhỏ bình thường của cổ đô thời Lục triều, cũng chứa đựng những phần hoa và tang thương của lịch sử. Dường như từng cảnh từng

¹ Trích bài từ *Vĩnh ngộ lạc - Kinh khẩu Bắc Cổ đình hoài cổ* (Vĩnh ngộ lạc - Tại đình Bắc Cổ cửa kinh đô, nhớ chuyện xưa) của Tân Khí Tật, bản dịch của Nguyễn Chí Viễn.

² Bài *Kim Lăng ngũ đề - Ô Y hạm* của Lưu Vũ Tích, bản dịch của Tản Đà.

vật, từng viên gạch phiến ngói của nơi này đều hàm chứa văn hóa sâu đậm, an hưởng những vinh hoa của đời người.

Kiến trúc của làng quê không quá giàu có xa hoa. Nhưng nhà của thôn xóm lại lưu giữ những di sản thời Minh Thanh, phần nhiều là tường cao sân sâu. Cho dù là nhà dân đơn giản, cũng có rường cột chạm trổ, chia tách rõ ràng thành chái Đông và chái Tây. Phần đá chạm trổ ngoài cổng, điêu khắc gỗ trước sảnh là những công trình của người thợ thủ công dân gian, kỹ thuật tinh xảo, phong cách thuần phác. Nhìn từ xa, căn nhà ngói xanh tường đen, đường đi rành rẽ được núi xanh nước biếc bao quanh, ẩn mình giữa khói sương nhàn nhạt, đẹp không sao tả xiết.

Những con ngõ dài tịch mịch, sâu thăm thẳm ấy lạc giữa ngói xanh tường đen, trải qua năm tháng vẫn mang một loại phong thái, một vẻ thần tình, nhìn ngắm người qua người lại, khách qua đường quen thuộc hoặc lạ lẫm. Cũng đã từng có dung mạo trẻ trung, trải qua sự mài mòn của thời gian, đến nay chúng đã già nua như nền tàn trước gió, yêu hận của quá khứ cũng nhạt nhòa, lãng quên cả những buồn vui của ngày hôm qua.

Ngõ nhỏ phần lớn là đường lát đá xanh, chịu nước mưa xói mòn, bị người đi đường vội vã giẫm lên, bị mài đến mức nhẵn nhụi mà bóng láng. Vách tường hai bên ngõ được ốp bằng gạch xanh, lâu ngày đã phủ đầy rêu biếc. Vào tiết trời mưa dầm, ngõ nhỏ ẩm ướt, giữa những kẽ gạch, mọc lên dăm mầm cỏ non, và cả vài cây hoa nhỏ không biết tên. Nước mưa chảy xuống men theo góc mái hiên, gõ nhịp trên mặt đá xanh, không biết đã làm ướt dầm tâm tình của biết bao khách bộ hành.

Sơn thôn trong buổi đêm muộn, tĩnh mịch và lạnh giá. Sâu tận cùng ngõ nhỏ, chỉ có một vầng trăng sáng để bầu bạn, thỉnh thoảng có người đi đường về trong đêm, để lại bóng dáng bồng bềnh, rồi biến mất trong sắc đêm mờ mịt. Ban ngày, có người nông dân khoác áo tơi đội nón lá, có người nông phụ giặt lụa quay về, có bấy trẻ thơ tan học về nhà, cũng có nghệ nhân giang hồ rong ruổi ngõ ngách. Đây là con đường tất phải đi qua trên hành trình nhân sinh của họ, đi xuyên qua ngõ nhỏ, tìm nơi khói bếp của riêng mình.

Năm xưa, tôi xách hành trang, rời khỏi căn nhà cổ của quê nhà, rời khỏi đường ngõ quen thuộc, mà chẳng hay một lần ly biệt đã thành mãi mãi. Sau này, tôi đã đi qua vô số thành phố thị trấn, ngang qua vô số ngõ nhỏ, cũng từng mơ hồ giữa hoài niệm và ký ức, nhưng lại không thể tìm thấy tư vị của thời xưa. Quang âm lướt qua như một cái búng tay, tháng ngày hối hả đổi thay, có những khoảnh khắc lại lưu giữ trọn đời.

Trong *Ngõ mưa* của *Đổi Vọng Thư*, từng có một cô gái lòng vương nỗi sầu. "Giương chiếc ô giấy dầu, một mình/Quần quanh trong ngõ mưa/Tịch tịch, hun hút, hun hút/Tôi hy vọng gặp được/Cô gái u sầu/như hoa đình hương/Cô ấy có nhan sắc/như hoa đình hương/thơm ngát như đình hương/buồn bã như đình hương/Ai oán trong mưa/Vừa ai oán vừa lưỡng lự/Cô ấy lưỡng lự trong ngõ mưa tịch tịch/cầm chiếc ô giấy dầu..."

Ở Giang Nam mưa bụi xinh đẹp, có một con ngõ mưa dài hun hút tĩnh tịch, ví như có duyên nhất định sẽ có thể gặp được một cô gái u sầu như hoa đình hương. Cô ấy cầm chiếc ô giấy dầu màu đỏ, vạt áo bay bay, tỏa ra hương thơm ngát như loài hoa đó. Sự tồn tại của cô ấy giống như một mộng cảnh, nhiều năm về trước, cô ấy dạo bước trong ngõ mưa; nhiều năm về sau, cô ấy vẫn qua lại nơi ngõ mưa. Chưa từng có ai thực sự nhìn rõ dung nhan của cô ấy, mỗi lần đi lướt qua, chỉ để lại ánh mắt thờ dài, một bóng lưng xinh đẹp mà đau buồn.

Ngõ nhỏ Giang Nam, vì có cô gái đình hương này mà trở thành một phong cảnh được tìm kiếm để thưởng ngoạn. Mỗi người đến ngõ mưa, đều mong được gặp cô ấy, cho dù chỉ là một giấc mộng mơ hồ, cũng nguyện ý say đắm không tỉnh lại. Kỳ thực tất cả đều chỉ là một hình tượng hư ảo mơ hồ dưới ngòi bút của thi nhân. Cô gái đình hương thân bí ấy lại sống trong trái tim của thế nhân, không dám lãng quên. Không ai có thể mong đợi có được sự bền lâu sánh ngang trời đất. Đi ra khỏi ngõ mưa, thế sự vẫn như cũ.

"Cô Tô anh đến mà trông, nhà sàn nhan nhản gối sông liền bờ. Cốc cung đất trống lơ thơ, bến sông cầu nhỏ nên thơ rất nhiều."³ Ngõ dài trong mưa bụi của Giang Nam, cho dù đã trải qua hết mọi tang thương thì vẫn luôn giống như một người con gái thanh tú, xinh đẹp, phong nhã đa tình, tinh tế yếu điệu. Trong ngõ nhỏ, tiếng Ngô thì thầm vang lên lãng đãng, mang theo một nét dịu dàng và phồn hoa bẩm sinh. Từ trong tiếng bước chân, ngõ nhỏ có thể phân biệt ra ai là khách nơi khác tới, ai là người về trong mộng.

"Năm mới vị đời như mảnh sa, ai xui khách đến chốn phồn hoa. Lầu nhỏ đêm xuân nghe mưa vắng, sáng sớm ngõ sâu ai rao hoa."⁴ Đây là ngõ sâu của kinh thành Lâm An, vọng tới từng hồi tiếng rao bán hoa. Cô gái của vùng sông nước dịu dàng đa tình ấy, bỗng nhiên đi đến trong mưa bụi, khiến cho người gặp nàng nhớ mãi chẳng quên.

³ Trích bài thơ *Tổng nhân du Ngô* (Tiễn người đi vào đất Ngô) của Đỗ Tuân Hạc.

⁴ Trích bài thơ *Lâm An xuân vũ sơ tế* (Mưa xuân Lâm An mới tạnh) của Lục Du.

Lòng khắc khoải mong một ngày kia có thể cùng nàng ngồi dưới ô cửa sổ rèm lụa xanh, thấp nền chuyện trò, nhàn nhã lắng nghe tiếng hoa rơi.

"Đi qua ngõ nhỏ trong bóng liễu, lâu cao ẩn bóng giữa tàng hoa."⁵ Tôi chắc chắn không thể làm nổi đóa đình hương tím nhạt đó, không có cách nào gặp được một mối tình đẹp dễ như hoa đình hương. Nhưng tôi nguyện làm một cây liễu xanh, tựa vào đường ngõ lát đá xanh, ngắm nhìn cuộc sống đậm bạc của dòng người; nguyện làm rêu xanh ngăn ngắt dưới chân khách qua đường, một mình trông mưa bụi gió xiên, mây mù khói bếp.

Biết bao tháng ngày nhàn nhã, câu chuyện điểm tĩnh đều bắt đầu từ một con ngõ. Mặc cho phù thế náo nhiệt rục rở, ngõ nhỏ có thể lọc đi hết thảm gió bụi, mỗi người đi đường ngang qua nơi này, đều phải buông bỏ bước chân vội vã, sợ rằng sự xuất hiện của mình sẽ kinh động đến con ngõ an tĩnh.

Khổng Tử viết: "Nhan Hôi thật là người hiền! Một giỏ cơm, một bầu nước, ở nơi ngõ hẹp, giá người khác vào cảnh ấy sẽ lo buồn không chịu nổi, còn Hôi thì chẳng đổi niềm vui. Nhan Hôi thật là một người hiền vậy!" Hãy làm một người giống Nhan Hôi, an ổn trong cái nghèo, vui vầy với đạo, xử thế một cách bình thản. Tấm lòng của cao nhân chẳng qua cũng là một giỏ cơm, một bầu nước, thông dong ở trong căn nhà đơn sơ giữa ngõ cổ, khi đi ngắm nước chảy, khi ngồi ngắm mây bay.

Ngõ nhỏ cửa khép, thưa thớt vài người đi đường qua lại, quay người một cái là đã đến nơi xa. Mưa bụi lướt qua ký ức năm xưa, vốn dĩ tưởng rằng đời này không còn quay về tòa nhà cổ sâu sâu nữa nhưng thực ra nó vẫn luôn ở đó, chưa bao giờ rời xa. Trong tim tôi có một con ngõ tịch mịch dài hun hút, cảnh vật trong ngõ, cố nhân trong ngõ vĩnh viễn là dáng vẻ trước kia. Câu chuyện xa xưa chính trong con ngõ nhỏ như thế này, từ từ trôi chảy ra ngoài, lan tỏa trong gió, rồi chẳng biết tìm thấy ở đâu nữa.

⁵ Trích bài thơ *Tích du* (Cuộc chơi xưa) của Trịnh Giải.

Cầu đá

Gần đây, tôi luôn nảy sinh một suy nghĩ, một người, một con thuyền, sóng gợn ngàn dặm, gửi thân ở sông biển. Cứ trôi đến chân trời như bóng mây xa xôi, khói sương nặng nề như thế, hòa tan giữa đất trời, không gì vương vấn, không sống không chết. Nhưng sự tiêu sái, thấu suốt thực sự là dù ở giữa biển người mệnh mang, trái tim cũng có thể bình tĩnh, mây nhạt gió nhẹ. Nếu như không bỏ gánh nặng trong tâm hồn xuống được, cho dù là ẩn cư ở núi rừng, thả thuyền giữa mây nước cũng chẳng thể nào thoát ra khỏi hồng trần vạn trượng.

Thiên "Tiêu dao du" trong sách *Trang Tử* có viết: "Trên núi Cô Tà xa xôi, có thần nhân ở, da trắng như băng tuyết, đẹp dễ mềm mại như xử nữ. Họ không ăn ngũ cốc, chỉ hít gió uống sương; họ cười mây cười rồng, bay đi chơi ngoài bốn biển. Họ định thần mà khiến vạn vật không bệnh tật, mùa màng bội thu." Tiên trên núi Cô Tà chẳng qua chỉ là nhân vật trong truyền thuyết, trên thế gian đâu có cô gái nào có thiên chất linh khí như thế, thật sự có thể không ăn ngũ cốc, ăn gió uống sương? Sinh linh vạn vật đều phải gánh sứ mệnh của nó, cho dù là đá núi cỏ cây, chim bay côn trùng, cũng không thể thoải mái theo ý mình, tự tại vô tâm.

Sinh ra làm người, không bị công danh lợi lộc trói buộc, thì cũng quyến luyến vì tình yêu. Phật Đà còn có rào cản không thể vượt qua, chấp niệm không thể buông bỏ, nỗi khổ sở không thể nói thành lời, huống hồ là phạm phu tục tử? Trong *Thạch kiều thiên* có một câu chuyện như thế này. Một ngày nọ, A Nan nói với Phật Tổ rằng: "Con đã yêu một người con gái." Phật Tổ hỏi: "Yêu nhường nào?" A Nan đáp: "Con nguyện hóa làm cây cầu đá, chịu năm trăm năm gió thốc, năm trăm năm nắng đổ, năm trăm năm mưa sa, chỉ cầu người con gái ấy đi qua cầu."

Phải có tình yêu như thế nào, mới khiến A Nan tình nguyện xả thân bỏ đạo, cam chịu nỗi khổ tình kiếp. Ngài hẳn biết rằng, trên cõi trần này không phải tất cả chân tình trao đi đều có thể nhận được đền đáp tương ứng. Có lẽ người con gái ngài yêu đang vì một người con trai khác mà chịu tình kiếp. Tình yêu chưa bao giờ có đúng và sai, yêu và không yêu đều không cần lý do. Dòng sông vận mệnh khiến bao nhiêu điều trao ra từ kiếp trước đều đổ xuống sông xuống biển. Duy chỉ có cây cầu đá từ ngàn xưa

ấy vẫn vắt ngang qua hai bờ non nước, không biết là vì ai mà chờ đợi đất trời hoang phế.

Cầu đá dương liễu, thuyền về khói sóng. Cảnh trí như thế này từ xưa tới nay, bên bờ hồ, bờ sông đều nhiều không đếm xuể. Những nơi có cầu, nhất định có nước, những nơi có nước, tất sẽ thấy thuyền bè qua lại. Giang Nam nhiều sông nước, mỗi cổ thành tiểu trấn, làng quê sơn dã đều có vô số cây cầu. Bất luận là cầu ngói nổi danh trên đời, hay là cầu độc mộc mỏng manh yếu ớt, chúng chỉ có một tư thái, đưa người đi đón người đến, an ổn với hiện trạng.

Người xưa xây cầu là để tiện cho việc đi lại. Hai bên bờ nước chảy, nếu như không có một cây cầu bắc qua thì chỉ có thể đi qua bằng thuyền. Cây cầu luôn trao đi mà không cần báo đáp. Bắc ngang trên sóng nước xanh biếc, được gió khói thanh tẩy, người đời giẫm đạp, năm tháng trôi đi cây cầu vẫn không hề hối hận. Người đi đường vượt cầu mà qua, chỉ để đến được bến đò nhân sinh luôn hướng tới trong lòng. Thi khách thường ngoạn gió trăng trên cầu, gửi gắm tình cảm vào phong cảnh. Ngư ông thanh thoi buông cần ngồi trên cầu, câu cả một dòng nước khói, hai bờ gió mát. Còn có những kẻ si tình, đi đi lại lại quần quanh trên cầu, vì muốn đợi chờ một mối nhân duyên còn chưa rõ.

Thường gặp nhất khi còn nhỏ chính là mấy cây cầu độc mộc, hoặc là cầu nhỏ lát bằng đá xanh. Nước chảy dưới cầu nhỏ, khói bếp trên mái nhà, gió Tây lướt đường cổ, nhà viết kịch thời Nguyên Mã Chí Viễn từng dùng ngòi bút của mình để miêu tả một khung cảnh đơn sơ của làng quê. "Ngoài trạm dịch bên cầu gãy, lặng lẽ nở không ai hay. Hoàng hôn một mình buồn bã, lại gặp khi trời mưa gió."¹ Vốn dĩ bài từ này của Lục Du viết về hoa mai, nhưng cây cầu gãy bên ngoài trạm dịch cũng là một phong cảnh giữa nơi sơn dã khiến người ta phải ngoái đầu ngắm nhìn.

Hãy thử nghĩ về một cây cầu nho nhỏ đứng riêng lẻ giữa vùng non xanh nước biếc, dưới bóng cây dương liễu, buộc một chiếc thuyền con con. Thỉnh thoảng có chú cò trắng bay vụt qua, mấy khóm hoa sen đung đưa, quả là phong vận vô biên. "Cầu bay cách khói mờ mờ, hỏi thăm thuyền cá đậu bờ đá kia. Suốt ngày nước chảy hoa đi, chẳng hay trong suối, động kẻ mé nao?"² Thi nhân Trương Húc dẫn chúng ta đến suối hoa đào tươi đẹp ấy, cầu nhỏ khói mây, hoa đào nước chảy, chốn hẻo lánh này giống như một mộng cảnh. Nếu có thể, tôi nguyện ở lại mãi trong tháng ngày dịu dàng, tĩnh mịch này không cần sợ nhân thế giầy vò nữa.

¹ Bài từ *Bốc toán tử* của Lục Du.

² Bài thơ *Đào hoa khê* (Suối hoa đào) của Trương Húc, bản dịch của Trần Trọng Kim.

Cầu của những danh lam thắng cảnh ở Giang Nam thơ mộng và giàu câu chuyện hơn rất nhiều so với cầu của thôn quê. Nổi tiếng nhất thiên hạ chính là Đoạn Kiều (cầu gãy) của Tây Hồ, Phong Kiều của Cô Tô, còn có cầu Nhị Thập Tứ của Dương Châu. Họa sĩ thời Minh Lý Lưu Phương khen ngợi trong bài *Đề từ tranh Ngắm cảnh Đoạn Kiều mùa xuân* rằng: "Trước đây đến Tây Hồ chơi, hể từ Đoạn Kiều nhìn ra hồ là cảnh đẹp khiến người ta ngây ngẩn như mất hồn phách. Và còn nói ra cảm nhận của mình: Sóng nước trên hồ dập dềnh, sắc trời hơi sáng, tựa như ánh mặt trời ban sớm rọi hắt lên cây, ánh trăng vàng vạc chiếu vào nhà. Hóa ra non nước chiếu sáng lẫn nhau, hồ lớn của những nơi khác cũng có sóng nước trong vắt, nhưng không thể nào đẹp bằng Tây Hồ."

Trăm ngàn năm qua, Đoạn Kiều chưa gãy, lại có thể thưởng ngoạn phong cảnh tươi đẹp tuyệt vời của Tây Hồ như xưa. Còn nhớ Bạch Nương Tử đã trúng tiếng sét ái tình với Hứa Tiên ở Đoạn Kiều Tây Hồ. Sau mấy lần chia ly, lại trùng phùng ở Đoạn Kiều. Nàng hát rằng: "Tây Hồ non nước vẫn như xưa... Nhìn thấy Đoạn Kiều còn chưa gãy, mà ta đứt ruột, một tấm tình sâu gửi dòng nước chảy về Đông!" Vốn cho rằng tình duyên kiếp này như nước, chẳng ngờ trải qua muôn ngàn kiếp nạn, cuối cùng vẫn được viên mãn.

"Trăng tà tiếng quạ kêu sương, lửa chài cây bến sâu vương giấc hồ. Thuyền ai đậu bến Cô Tô, nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn San."³ Bài thơ *Phong Kiều dạ bạc* (Nửa đêm đậu bến Phong Kiều) của Trương Kế thời Đường lại khiến cho Phong Kiều ở ngoại thành Cô Tô cùng với chùa Hàn San trở thành một phong cảnh mà người đời lũ lượt tìm kiếm. Từ thời Tùy Đường đến nay, dòng kênh đào cổ đã sản sinh ra cổ trấn Phong Kiều phồn vinh, từ đây mái chèo khua không ngừng, tiếng sóng vỗ liên hồi. Dưới Phong Kiều không biết đã có bao nhiêu thuyền khách qua lại cập bến, họ vì mối tình với Giang Nam trong lòng, cam nguyện trôi dạt trên sông trên biển.

Tiếng chuông nửa đêm của chùa Hàn San đã dẫn dắt bao nhiêu người khách âu sầu ra khỏi bến mê. Hết thấy ân oán trên thế gian, trước Phật Tổ, chẳng qua chỉ là cầm hoa mỉm cười. Những lũ khách tụ tập ở Phong Kiều, cũng chỉ cách Phật Tổ có một bức tường mà thôi. Người hữu duyên hiểu được hồ đồ mà biết cách quay về, trời đất đều rộng lớn. Người vô duyên nghe tiếng sóng nước xong, vẫn lênh đênh như bèo dạt giữa cõi phù thế.

³ Bản dịch của Tản Đà.

"Hăm bốn câu soi đêm nguyệt sáng, tiêu đầu người ngọc thối đưa sang?"⁴ Câu thơ của Đỗ Mục đã để lại tình thơ lãng mạn cho cầu Nhị Thập Tứ của Dương Châu. Rất nhiều đêm trăng sáng, đứng trên cầu tựa như nghe thấy tiếng sáo văng vẳng, nhưng cuối cùng lại chẳng thấy bóng dáng của người thổi sáo. Sau này, còn có một từ nhân tên là Khương Quỳnh đã viết những câu từ thật đẹp và dịu dàng: "Cầu Nhị Thập Tứ vẫn còn, sóng lan rộng, trăng lạnh lặng thinh. Nhớ thuở được bên kia cầu, hằng năm nở vì ai."⁵

Lúc còn trẻ, tôi từng rất thích bài thơ *Đoạn chương* (Bài thơ nhỏ) của Biện Chi Lâm: "Anh đứng trên cầu ngắm phong cảnh, người ngắm cảnh trên lầu ngắm anh. Trăng sáng tô điểm cho cửa sổ, anh tô điểm cho giấc mộng của người." Mấy chữ ngắn ngủi, nhưng cực kỳ tinh tế. Cây cầu, phong cảnh, trăng sáng, cửa sổ, giấc mộng, những sự vật nhìn tưởng chừng đơn giản này, đặt cạnh nhau lại sinh ra mỹ cảm vô hạn.

Người trên cầu có lẽ là kẻ lãng du từ xa quay về. Nhân lúc bầu trời sương trắng trắng như nước, anh ta đứng yên trên cầu, ngắm khói sóng liễu rủ, nước chảy dưới thuyền. Bỗng nhiên cảm thấy những được mất của quá khứ đều không còn quan trọng nữa, chỉ có non nước nhân gian mới có thể thực sự mang đến sự an tĩnh và vĩnh hằng. Anh ta không biết rằng, lúc này mình đã lạc vào phong cảnh của người khác. Trên lầu cao đang có một giai nhân, say sưa ngắm nhìn kẻ lãng du.

Trong cùng một thời gian, họ đã bỏ lỡ nhau. Người trên cầu trao tình cảm sâu đậm cho phong cảnh. Mà kẻ trên lầu lại trao tình ý cho người trên cầu. May mà có trăng sáng tô điểm cho khung cửa sổ của nàng, mặc dù nàng tô điểm cho giấc mộng của người khác. Thực ra trong vô số khoảnh khắc vô tình, mỗi người đều làm nền cho phong cảnh của người khác. Thế gian này có vô số tình cảm không đối lấy được một lần quay đầu, bởi vì người mà bạn chăm chú dõi theo hoàn toàn không biết tới sự tồn tại của bạn. Cho dù thật sự có duyên gặp gỡ, nhưng chưa chắc đã là ánh trăng sáng mà bạn cần.

Còn có một cây cầu gọi là cầu Hỷ Thước. Ngư Lang và Chúc Nữ bị ngăn cách bởi dòng sông Ngân Hà, Vương Mẫu cho phép họ mỗi năm được gặp nhau một lần vào ngày mừng bảy tháng Bảy Âm lịch. Mà ngày này sẽ có hàng ngàn hàng vạn con chim Hỷ Thước dùng thân thể bắc nhịp cầu cho họ, Ngư Lang và Chúc Nữ gặp nhau trên chiếc cầu Hỷ Thước ấy, giải bày tình cảm.

⁴ Trích bài *Ký Dương Châu Hàn Xước phán quan* (Gửi phán quan Hàn Xước Dương Châu) của Đỗ Mục, bản dịch của Lê Nguyễn Lưu.

⁵ Trích bài từ *Dương Châu mạn*.

Tần Quán từng viết một bài từ, tên điệu từ là *Thước kiều tiên*. "Mây màu đượm sắc, sao bay chuyển hân, sông Ngân vời vợ thắm vượt qua. Gió vàng mưa ngọc một lần gặp, hơn hẳn nhân gian ở bên nhau. Tình như nước chảy trôi, thời khắc đẹp như mơ, chẳng nỡ nhìn về lối cầu Thước. Tình cảm sâu đậm lâu dài mãi, đâu cần sớm sớm chiều chiều ở bên nhau." Bao nhiêu người chịu được nỗi chờ đợi dài đằng đẳng, nếu không có quá nhiều cách trở chẳng thể vượt qua, thì ai mà chẳng mong được sớm chiều nắm tay bên nhau.

Có người ngắm phong cảnh trên cầu đá, có người xây mộng ở cầu mái, có người trùng phùng trên cầu cũng có người tiễn biệt trên cầu. Thực ra chúng ta đều chỉ là khách qua đường đi qua cầu, nhờ nó để vượt sông, gặp gỡ phong cảnh mình còn chưa biết ở bờ bên kia. Phía xa có lẽ là trăng sáng nước trong, hoặc lại là khói lửa còn mịt mù hơn. Nhưng tôi luôn tin rằng, mỗi lần dịch chuyển, đều là tái sinh.

Bạn hãy nhìn xem, bờ nước trong mờ mịt khói mưa, có một cây cầu nhỏ. Người chèo con thuyền một mình đi về giữa hồ, rồi biến mất giữa mây nước xa xăm. Hãy kệ anh ta đi, đừng hỏi hành trình quay về, trên đời này chẳng có chốn về nào đẹp hơn trời đất cả. Cây cầu đã từng phân ly ấy, con người đã từng lạc mất ấy, có một ngày cũng sẽ tương phùng mà thôi.

Trường đình

"**N**goài trường đình bên đường cổ, cỏ thơm biếc tận chân trời. Gió muôn lướt rặng liễu tiếng sáo còn văng vẳng, chiều tà núi tiếp núi. Chân trời góc bể, tri giao đã lạc nhau. Một bầu rượu đục mặc sức vui, đêm nay đừng mộng giấc lạnh lẽo. Ngoài trường đình, bên đường cổ, cỏ thơm biếc tận chân trời. Hỏi anh chuyến này đi khi nào trở lại, đến rồi chớ quay về. Chân trời góc biển, tri giao đã lạc nhau. Đời người vui vậy hiếm có, chỉ có biệt ly là nhiều thôi."

Đây là một bài hát tôi yêu thích lúc còn thơ. Giữa sa mạc của thời gian, tôi đã hát nó cả trăm ngàn lần. Mỗi lần, đều xuất hiện một cảnh tượng như thế này. Con đường cổ bên trường đình, dương liễu buông rủ, tiếng sáo du dương trầm bổng, vang vọng giữa vùng non nước trải dài tít tắp, giống như tiết tấu cao trào của thơ ca, lại tựa như nỗi buồn ly biệt man mác, cứ luẩn quẩn mãi trong cõi lòng. Cho dù bạn là một người phóng khoáng tiêu sái, cũng khó tránh khỏi bị nỗi biệt ly này lây nhiễm mà bất giác trào dâng cảm giác lẻ loi, buồn bã trong lòng.

Sau này, trong bộ phim *Chuyện cũ thành nam* của Lâm Hải Âm tôi nghe được ca khúc này, ký ức thời thơ ấu được cơn gió muôn nhẹ nhàng thức tỉnh. Rồi tôi được biết đây là bài *Tống biệt* của Hoàng Nhất Pháp sư Lý Thúc Đồng. Mà tôi lại yêu thích cảnh tượng thắm đậm như thế này, gió Tây đường cổ, trường đình hoàng hôn, liễu gầy bên bờ bị người chia ly bẻ tan tác. Bên con đường cổ, họ giao bôi đối chén, kể lể tình cảm biệt ly, tương lai chưa biết, những nỗi bất trắc thâm trầm. Rồi quay người một cái như thế, một lần ngoái nhìn, vỗ ngựa cuốn tung bụi, biến mất giữa con đường núi xa xa như ẩn như hiện.

Người lẻ loi chân trời ấy, đã hẹn ngày về nhưng bao nhiêu người có thể thực hiện lời đã hứa. Lời hứa như gió bay, chẳng qua chỉ là một đoạn đối thoại đầy tình cảm lúc cao hứng, cuối cùng đều bị thời gian chôn vùi, không tìm thấy ở đâu nữa. Đời người tụ tan bất định, sớm nay nắm tay nhìn nhau, ngày mai có lẽ người chèo thuyền trên sông nước, kẻ đi xe trên đường cổ. Có những cuộc chia ly, có thể chờ ngày gặp lại; cũng có những chuyến cáo biệt, lại là vĩnh viễn. Mỗi người đều là khách qua đường vội vã của

người kia, có người ngắn ngủi như hoa xuân, dài lâu hơn một chút thì cũng chỉ là vài chạng đường non nước. Kết cục cuối cùng, cũng chỉ là nam bắc đông tây.

Tự ngàn xưa, mọi cuộc tổng biệt đều diễn ra ở trường đình. Trường đình bắt đầu xây vào thời Tần Hán, trạm dịch ở hương thôn cứ mười dặm dựng một trường đình, năm dặm dựng một đoàn đình, làm chỗ ngủ nghỉ, ăn uống cho sứ giả. Hán Cao Tổ Lưu Bang từng làm đình trưởng Tứ Thủy của huyện Bái, sau hưởng ứng cuộc khởi nghĩa của Trần Thắng, Ngô Quảng, tự xưng là Bái công. Ngài tiến vào đóng quân ở Bá Thượng, Tần vương Tử Anh đầu hàng, triều Tần diệt vong. Chiến tranh Hán Sở, Lưu Bang đánh bại Tây Sở Bá Vương Hạng Vũ rồi thống nhất thiên hạ, xây dựng nên triều Hán.

Trường đình dần dần trở thành nơi nghỉ ngơi ở ngoại ô của người xưa, cũng trở thành địa điểm đưa tiễn ly biệt. "Khách tình kim cổ đạo. Thu mộng đoàn trường đình."¹ Con đường cổ trồng đầy dương liễu, vì cảm xúc ly biệt mà càng trở nên quanh co khúc khuỷu. Tự tan vì duyên, mà ly hợp vì tình. Trường đình xem chừng là để cho con người nghỉ chân, con đường cổ vắng vẻ cỏ thơm xanh tận chân trời, không biết đã quấy rầy biết bao giấc mộng u sầu biệt ly. Vương Bột có thơ ngâm rằng: "Cùng với ai kia tình cách biệt, đều là đường hoạn kiếp du nhân. Khắp trăm biển, còn người tri kỷ, ở góc trời như xóm láng gần."² Nếu thật sự có thể tiêu sái như thế, thì sẽ không có nỗi đau khổ và bất lực nhìn xuyên qua làn nước thu, từ lầu cao dõi trông.

Làng quê nơi tôi ở cũng có trường đình, đoàn đình. Đình cực kỳ đơn giản, cổ kính, ghép gỗ mà dựng nên, có một số lợp ngói đen, có một số dùng cỏ gianh để phủ mái. Trường đình của làng quê không có sự phong nhã của văn nhân thi khách bẻ liễu tiễn biệt, cũng chẳng có tình cảm biệt ly uống rượu làm thơ. Trường đình chỉ là chốn che mưa chắn gió cho người tiểu phu kiếm củi, khách bộ hành qua đường. Cũng có người mẹ hiền tiễn đưa đứa con đi xa ở trường đình, không bẻ dương liễu mà nước mắt đầm vạt áo.

Bẻ liễu ở trường đình dường như đã trở thành một loại trào lưu thời thượng khi tiễn biệt. Trong *Tây sương ký* có một cảnh đưa tiễn ở trường đình. Trương Sinh vào kinh, đặt yến tiệc ở trường đình mười dặm. "Bầu trời thăm thẳm xanh lơ, điều hiu mặt đất lơ thơ hoa vàng. Gió Tây thổi buốt can tràng, về Nam nhận Bắc kêu thương lạc loài. Rừng phong ai nhuộm đỏ tươi, đều là nước mắt những người biệt ly". "Xa trông mười

¹ Trích bài *Lâm giang tiên* của Ân Kỳ Đạo.

² Trích bài thơ *Tống Đỗ thiếu phủ chi nhậm Thục Châu* (Tiễn Đỗ thiếu phủ đi nhậm chức ở Thục Châu) của Vương Bột, bản dịch của Trần Trọng San.

dặm trường đình, thờ ơ mặt ngọc da xanh mấy phần."³ Vài nét bút miêu tả nhẹ nhàng còn sinh động hơn cả một bức tranh thủy mặc. Ngày thu ly biệt ấy, từ đây đã đi vào trong văn chương, trong kịch, đọng lại trong trái tim của mỗi người biệt ly.

Lý Bạch có một bài *Bồ tát man* viết rằng: "Thêm hoa trơ đứng đợi, chim tối bay về vội. Nào chốn hẹn quy trình, trường đình lại đoán đình."⁴ Thực ra trường đình đoán đình, cũng chẳng qua chỉ là một trạm dịch để tạm thời trú chân trong hành trình nhân sinh. Vạn dặm quan sơn, không biết phải đi qua bao nhiêu ngôi trường đình, mới có thể tìm được chốn về cuối cùng. Mỗi lần dừng lại, đều sẽ gặp gỡ những phong cảnh khác nhau, lưu giữ những câu chuyện khác nhau. Những người khách qua đường đến đi ấy, nhiều như sao trên trời, nhưng luôn có một người như thế, là người bạn khắc cốt ghi tâm, cả đời này cũng chẳng thể quên được.

"Ve lạnh thảm thiết, trường đình xế tà, gió mưa vừa tạnh."⁵ Tống biệt ở trường đình của Liễu Vĩnh, trong thời tiết mùa thu se se lạnh, càng khiến người ta đau lòng buốt ruột. Tiệc rượu tiễn biệt, uống rượu mà chẳng hết sâu, đang lúc lưu luyến không rời, thì bên bờ nhà thuyền đã thúc giục. Chuyến này đi từ năm này sang năm khác, khói sóng ngàn dặm, dù cho gặp được thời tiết và phong cảnh đẹp, thì cũng vẫn thấy trống rỗng. Dẫu cho có ngàn loại phong tình, thì cũng biết giải bày cùng ai?

"Định bẻ cành, liễu xác xơ, không nỡ đem tặng người, ngày thu đưa tiễn. Bóng chiều ập đến, hương thâm loạn, cầu đá Bắc Nam. Lại trường đình tuyết chiều, từng chấm dấu lệ, nhớ nhung khôn nguôi."⁶ Câu từ của Ngô Văn Anh luôn có ý tứ biệt ly sâu nào không sao gạt đi nổi. Ông cả đời thi không đỗ, tha hương đất khách, ở lại nhiều nhất tại vùng Tô Châu, Hàng Châu, Chiết Giang. Những nơi đến ông đều làm thơ đề vịnh, chỉ vì rong ruổi chân trời, mà từ của ông phần nhiều là liễu rủ chèo thuyền, trường đình chiều xế, mộng khách trước rèm, mưa đêm trên lá chuối... "Nổi sầu ở đâu, chính là mùa thu trong tim người ly biệt"⁷, lại là sự phản ánh nỗi buồn chất chứa trong lòng ông vào những ngày thu tê tái.

"Liễu xanh cỏ mướt bên trường đình, thiếu niên dễ bỏ người đi mất."⁸ Dương liễu cỏ thơm, trường đình đường cổ, đều là cảnh tượng đưa tiễn biệt ly. Thiếu niên tráng chí, luôn khó tránh khỏi bỏ người thân mà đi tha hương, để lại nỗi tương tư vô tận cho

³ Trích *Tây sương ký* của Vương Thực Phủ, bản dịch của Nhượng Tống.

⁴ Bản dịch thơ của Nguyễn Chí Viễn.

⁵ Trích bài từ *Vũ lâm linh* của Liễu Vĩnh.

⁶ Trích bài *Giải liên hoàn* của Ngô Văn Anh.

⁷ Trích bài *Đường đa lệnh* của Ngô Văn Anh.

⁸ Trích bài từ *Ngọc lâu xuân - xuân hận* của Ân Thù.

khuê phụ trong nhà. Chuyến ra đi lần này, không hẹn ngày quay về, ngày sau khi gặp lại, có lẽ hồng nhan cũng đã già đi. Đa tình cũng không khác gì vô tình, lại biến tác lòng thơm thành muôn vàn nỗi tương tư, mùa lạnh đến mùa nóng đi, xuân tới thu qua, chẳng có hồi kết.

"Trường đình tiền khách chờ mưa, cảnh xuân bẻ hết tiền đưa tặng người."⁹ Đây là câu thơ tiền khách trường đình, bẻ liễu trao tặng của Âu Dương Tu. "Trẻ trung kinh hãi rảo đường khách, cố hương ngoái đầu mấy trường đình."¹⁰ Còn đây là thơ viết về con đường nhân sinh, quay đầu ngoái nhìn trường đình của Ngô Thừa Ân. "Nhớ xưa khi nhậm chức, bẻ hết liễu trường đình."¹¹ Liễu rủ bên đường cổ trường đình đã bị thi nhân từ khách bẻ trụi. Bọn họ gửi gắm hết thủy tình ý vào một cành liễu, mong người đi xa có thể mang nó theo đến chân trời. Diễn tả trăm ngàn lời nói cũng chẳng bằng phong thái của một cành liễu nhỏ.

Sau này có vô số những tòa nhà sâu sân lớn, vườn cảnh phủ đệ đều xây đình đài, nhà thủy tạ. Những ngôi thạch đình, mộc đình, trúc đình chính là nơi chủ nhân hóng mát thiết yến. Họ thường hẹn dăm ba người bạn thân, hoặc là thê thiếp ca kỹ, cùng uống rượu ngắm trăng, gảy đàn uống trà. *Vở Mẫu Đơn đình* trong *Lâm Xuyên tứ mộng* của Thang Hiến Tổ được đặt tên theo một ngôi đình hóng mát trong khu nhà của nữ chính Đỗ Lệ Nương. Khi nàng dạo chơi vườn thượng ngoạn cảnh xuân, gặp một chàng thư sinh cầm liễu, cùng kết tình duyên kiếp này trước hoa thược dược, bên đình Mẫu đơn.

"Du xuân chẳng màng xuân sắp cạn, trước đình hoa rụng giẫm tơ bời."¹² Hoa rụng phủ đầy mặt đất, tiết trời đã vào cuối xuân, lúc vắng mặt trời đỏ ối ngả về Tây, những người đi đường qua lại đó vẫn quần quanh trước đình, chẳng nỡ quay về. "Còn nhớ buổi chơi đình bên suối, say khướt quên cả lối về."¹³ Nữ từ nhân nổi tiếng Lý Thanh Chiếu lại thường nhớ tới lúc bên thủy đình ven suối buổi chiều hôm, say rượu quên cả lối về nhà. Nàng thường vui chơi đến khi hết hứng, tận chiều tối mới chịu chèo thuyền quay về, đồng hành cùng gió.

"Ngoài trường đình, bên cổ đạo, cỏ thơm biếc tận chân trời..." Không biết là ai, giữa buổi hoàng hôn chiều tà hát lên khúc ca tiền biệt. Há chẳng biết bữa tiệc biệt ly ấy, đã sớm lặng lẽ tan trong tháng năm như nước chảy. Cổ nhân quyền luyện không nỡ rời

⁹ Trích bài *Liễu* của Âu Dương Tu.

¹⁰ Trích bài *Dương liễu thanh* của Ngô Thừa Ân.

¹¹ Trích bài *Sinh tra tử* của Lục Du.

¹² Trích bài từ *Phong Lạc đình du xuân* của Âu Dương Tu.

¹³ Trích bài từ *Như Mộng lệnh* của Lý Thanh Chiếu.

năm xưa, cũng đã về với trời đất, không còn thấy bóng dáng. Đứng trên con đường cổ dài hun hút của cõi đời, bao nhiêu trường đình đã bị chôn vùi trong gió bụi lịch sử, chỉ có mấy cây dương liễu rủ và phồn hoa đã qua của thiên cổ, nhẹ nhàng tiễn biệt.

Quyển thứ sáu

Một cây bồ đề

một làn khói rắng



Non nước

Gió khuya mát rượi, mưa nhỏ gõ vào cửa sổ. Thái Hồ trong màn đêm là một vùng khói nước mông lung, hồng nhạn bay về tổ, thuyền chài neo bên bờ. Không biết có bao nhiêu người vì phong cảnh phương xa mà phiêu dạt trong mưa gió. Một đời người, giống như ngựa câu trắng vụt qua khe cửa, chớp mắt thôi đã biến mất. So với việc cả ngày cảm thán thời gian mau trôi, tụ tan vô thường, chẳng thà để bản thân rong ruổi non nước, buông lỏng tâm tình với thiên nhiên.

Đêm khuya đọc Trang Tử, mấy chữ ngăn ngủi, như là nước thu trời cao, khiến lòng ta khoan khoái. "Trời đất có vẻ đẹp hùng tráng không lời nào tả xiết, bốn mùa vận hành có quy tắc rõ ràng không thể bình luận thêm, sự biến hóa của vạn vật có đạo lý không cần bàn luận nhiều. Người thánh triết, sẽ nghiên cứu kỹ vẻ đẹp hùng tráng của trời đất mà thông hiểu đạo lý sinh trưởng của vạn vật." Chốn hồng trần mênh mông này, không thể đặt vào đó một trái tim tinh khiết, chỉ trời đất bao la mới có thể thu giữ được mối thâm tình. Chính là nhờ trời đất mênh mang, Trang Chu mới có thể biến hóa thành bướm bướm, xuyên qua ngàn vạn núi sông, tiêu dao giữa thế gian rộng lớn.

Người yêu non nước, tất có tấm lòng rộng mở trong sáng, lương thiện, biết thương yêu. Nếu không, làm thế nào có thể dung nạp được mọi thăng trầm chìm nổi của vạn vật trong trời đất, thịnh suy tươi héo của bốn mùa nhân gian? Người tri giao với non nước, phần nhiều là cao nhân ẩn sĩ, họ không muốn bị danh lợi trói buộc, nên lựa chọn trốn tránh biển người, lui về vui với ruộng vườn. Có những người lại vì không được cuộc đời dung nạp, nên tâm ý nguội lạnh, nguyện gửi thân ở nơi biển mây sóng khói, tìm kiếm chốn về. Có những người thì bản tính yêu thiên nhiên, không muốn bị cuộc đời xô đẩy, nên cam tâm tình nguyện mai danh ẩn tính, làm láng giềng của núi sông.

Chương "Minh quý hạ" sách *Mặc Tử* có viết: "Quý từ xưa tới nay, cũng chẳng xa lạ, có quý trời, cũng có quý thần sông núi, cũng có người chết mà biến thành quý vậy." Trời đất núi sông đều có hồn phách, được ban linh tính. Cỏ cây núi đá là những tinh hồn vĩnh hằng, vẻ đẹp của chúng phải cảm nhận bằng một tâm hồn tinh tế. Những phiền não và sầu muộn của con người, so với núi xanh chất ngất, nước sông cuộn cuộn thì thật là nhỏ bé như hạt bụi, không đáng kể gì.

Tôi đọc *Thi kinh* của ba ngàn năm trước, chỉ cảm thấy núi xanh nước biếc đều được đưa vào hết trong thơ. Bài *Kiểm gia* ngâm rằng: "Lau lác xanh tươi và rậm rạp, móc làm sương phủ khắp mọi nơi. Người mà đang nói hiện thời, ở vùng nước biếc cách vời một phương. Ví ngược dòng tìm đường theo mãi, đường càng thêm trở ngại xa xôi. Thuận dòng theo đến tận nơi, giữa vùng nước biếc, thấy người ở trong."¹ Cái người như nước thu thanh tú ấy, rốt cuộc phải đi qua mấy chặng đường núi quanh co, lội qua mấy dòng suối, mới có thể tìm được bóng dáng, ngắm được dung nhan. Người xưa mượn núi sông cỏ cây để gửi gắm tình cảm, biến nỗi tương tư thành vô hình. Tuy rằng thấp thoáng mơ hồ, nhưng lại linh hoạt, kỳ diệu, ý vị sâu xa.

Trúc lâm thất hiền thời Ngụy Tấn không chịu hợp tác với họ Tư Mã, không nơi dung thân, vì thế tụ tập ở trong rừng trúc huyện Sơn Dương đương thời, yến ẩm chơi nhạc, uống rượu chuyện trò. Đó là một quãng thời gian vui tươi sáng khoái, họ sống nhàn tản qua ngày trong gió trúc rào rạt, tiếng đàn ngân nga. Ban ngày nghe chim hót, ban đêm nghe thông reo, đánh xe đi chơi, uống say cả ngàn chén. Mặc dầu cuối cùng Trúc lâm thất hiền bị giải thể, nhưng những ngày tháng mặc sức vui say ấy đã khiến hậu thế phải ngưỡng mộ.

Lại có Tạ Linh Vận, là người đầu tiên của phái thơ sơn thủy. Tạ Linh Vận bản tính phóng khoáng, yêu thiên nhiên, bất đắc chí ở triều đình, sau quy ẩn ở Đông Thổ Cối Kê, gửi tình vào non nước. Chương "Tạ Linh Vận truyện" sách *Tổng thư* ghi rằng: "Ban đầu ông làm thái thú Vĩnh Gia. Quận có núi sông nổi tiếng, vốn là sở thích của Linh Vận. Sau làm quan bất đắc chí, bèn mặc ý ngao du, đi khắp các huyện quanh năm suốt tháng."

"Cung đình chót vót vượt núi cao, cung quế soi rọi suối thanh tao. Gió thoảng khẽ lay rèm lá lướt, hành lang nắng chiếu sáng đẹp sao. Mỹ nhân say ngủ bên bình phong, hương lan thơm ngát đẹp quỳnh phan. Tùng thu xanh ngắt khí sáng trong, mỹ đức cảnh xuân mện trong lòng."² Thơ sơn thủy của Tạ Linh Vận thanh tân tự nhiên, điểm tĩnh thú vị, đã thay đổi cả phong trào thơ ca "huyền ngôn"³ cứng nhắc của thời Ngụy Tấn. Non sông tự nhiên giúp ông quên đi những nỗi vất vả trần thế, quên đi những ưu phiền chính trị. Thơ văn, thư pháp, tác phẩm hội họa của ông đã thấm nhuần nét sáng trong, chất phác, thuần khiết và siêu nhiên của cỏ cây non nước.

¹ Bản dịch của Tạ Quang Phát.

² Bài thơ *Nhật xuất Đông Nam ngung hành* (Ngày đi chơi ở gò Đông Nam) của Tạ Linh Vận.

³ Phong trào thơ ca "huyền ngôn" là phong trào đưa những đạo lý uyên áo vào trong thơ.

Đào Uyên Minh là nhà thơ điển viên đầu tiên của Trung Quốc, được gọi là ông tổ ẩn dật thiên cổ. Ông từng ôm hoài bão kinh bang tế thế, nên đã ra làm quan. Nhưng cuối cùng không chịu khom lưng vì năm đấu gạo, mới giấc ngộ được muôn điều của quá khứ, là lầm lạc rơi vào lưới trần. Nên ông đã từ chức huyện lệnh Bành Trạch, quy ẩn núi Nam, sống cuộc sống tự cung tự cấp. Ông sáng tác *Quy khứ lai hể từ*, để bày tỏ quyết tâm không chịu lưu lạc tục thế của mình.

"Trẻ không hợp thói tục, bản tính thích núi đồi. Lầm lỡ vương lưới trần, trót ba mươi năm trời. Chim lồng nhớ rừng cũ, cá vũng tiếc biển khơi."⁴ Ông vốn dĩ yêu đời, cuộc sống nhàn tản điển viên khiến tâm hồn của ông tìm được chốn thuộc về. Tác phẩm thơ ca của Đào Uyên Minh tự nhiên mà an tĩnh, có một sự bình đạm đằng sau mọi hoa lệ, rực rỡ, đọc thì tưởng bình thường, nhưng để lại ý vị khôn cùng.

"Dựng nhà giữa chốn nhân gian, ngựa xe huyên náo chẳng màng làm chi. Hỏi anh sao được thế kia? Xin thưa tâm giữ xa lìa thói hư. Hái cúc trồng bên giậu thưa, núi Nam thăm thăm lòng ưa ngắm nhìn."⁵ Ở cội phù thế xa xôi đó, không có cảnh ngựa xe ồn ào, Đào Uyên Minh dựng căn nhà gianh để ở. Dưới giậu Đông, chỉ thấy bóng dáng ông nhàn nhã, hái một bó hoa cúc, thông thả quên bản thân. Hương cúc thoang thoảng, dưới cơn gió mát bóng chiều tà, làm say đắm cả tâm hồn. Đây là cuộc sống đào nguyên mà con người thường say mê tìm kiếm, nhưng bao nhiêu người có thể buông bỏ phần hoa, quay về với tự nhiên, an bản lạc đạo như thế?

Sau này còn có nhà thơ sơn thủy điển viên là Vương Duy và Mạnh Hạo Nhiên, cả đời say đắm núi sông, sống cuộc sống nửa ẩn dật nửa làm quan. Phong cách thơ ca của Vương Duy thanh đạm, nhẹ nhàng linh động. Còn phong cách của Mạnh Hạo Nhiên là mộc mạc, tự nhiên, trong sáng. Tô Thức từng nói rằng: "Ngắm thơ của Ma Cật, trong thơ có họa; ngắm tranh của Ma Cật, trong họa có thơ." Vương Duy hòa thơ vào trong họa cảnh, mượn núi sông để truyền đạt tình đời. Linh hồn của thơ họa giao thoa, ý tứ sâu xa, phong vận thoát tục.

"Trẻ từng yêu mùi đạo, già ở núi Nam này. Lúc hứng riêng mình dạo, khi vui chỉ tự hay. Đi theo nguồn nước đổ, ngồi ngắm mây núi bay. Chợt gặp ông già núi, quên về, nói chuyện say."⁶ Vương Duy tin Phật, trong thơ tuy không nhắc đến Thiên ngũ, nhưng lại bao hàm Thiền ý. Nhân sinh ảo diệt vô thường, chỉ có núi sông tịch mịch linh thiêng, không nói buồn vui, hững hờ nhìn suy thịnh.

⁴ Trích bài *Quy viên điển cư kỳ 1* (Về quê ở kỳ 1).

⁵ Trích bài *Ấm tửu kỳ 5* (Uống rượu kỳ 5).

⁶ Bài *Chung Nam biệt nghiệp* của Vương Duy, bản dịch của Lê Nguyễn Lưu.

"Vầng dương xuống núi rớt ánh tà, mái chèo khua nhẹ lướt suối Gia. Nước biếc trong veo bao nhiêu thú, bỗng bênh trên dòng thuyền nhẩn nha. Ông lão bạc đầu buông cần thả, thiếu nữ điểm trang giặt vải sa. Đôi bên nhìn nhau như từng biết, lặng lẽ ngó trông chẳng nói ra."⁷ Thơ của Mạnh Hạo Nhiên không chú trọng trau chuốt, mà hàm chứa sự thú vị thanh thuần. Tuy không lãng mạn thoát tục như họa cảnh trong thơ Vương Duy, nhưng lại đậm bạc, cao xa chẳng kém gì Đào Tiềm, Ma Cật.

Còn Lý Bạch một đời chống kiếm phiêu dạt, cũng ưa ngao du sơn thủy, đã viết rất nhiều vần thơ tráng lệ ca tụng vẻ đẹp của non sông. Lý Bạch tài hoa tuyệt đỉnh, chí khí ngút trời, non sông gồ bãi dưới ngòi bút của ông cũng tiêu sái hào hùng, linh khí bay bổng. "Mùa xuân đem cảnh mây khói mà mời mọc ta, trời đất mênh mông gợi vẻ đẹp vào văn chương của ta."⁸ Ngòi bút của ông đưa một nét, mực nhòe như gió, núi xanh nguy nga, sông nước mênh mông liền có một phong thái sinh động. "Anh chẳng thấy nước Hoàng Hà trên trời đổ xuống, chảy về Đông có trở lại đâu."⁹ Lý Bạch đã đem đến mỹ cảm tự nhiên, cao thượng cho non nước bằng chính hào khí của bản thân.

Còn có một từ nhân khoáng đạt, hào sảng khác, sùng bái tự nhiên, đưa tất cả vạn vật trong đất trời vào ngòi bút. Văn của ông dào dạt phóng túng, tựa như nước chảy mây trôi. Một thi phẩm miêu tả Tây Hồ *Ấm hồ thượng sơ tình hậu vũ* (Uống rượu ở Tây Hồ lúc đầu sau khi trời tạnh mưa), từ xưa tới nay, chưa từng có ai vượt qua nổi. "Dưới nắng long lanh màu nước biếc, trong mưa huyền ảo vẻ non tươi. Tây Hồ khá sánh cùng Tây Tử, nhặt phấn nồng son thấy tuyệt vời."¹⁰

Từ xưa tới nay, bao nhiêu du nhân thi khách say đắm hồn phách của núi sông Tây Hồ. Ông Kha Ngọc thời Minh từng có đoạn văn tuyệt diệu bàn về Tây Hồ trong bài *Tây Tử hồ thập thúy dư đàm*: "Cảnh đẹp Tây Hồ, hồ ngày nắng không đẹp bằng hồ ngày mưa, hồ ngày mưa không đẹp bằng hồ đêm trăng, hồ đêm trăng không đẹp bằng hồ dưới trời tuyết đổ... Có thể thực sự lĩnh hội cái tuyệt diệu của non nước, trên đời liệu được mấy người đây?" Non nước Tây Hồ, đã trở thành Giang Nam được người đời kiếm tìm trong mộng. Mấy ngọn núi, một hồ tịnh thủy ấy, đã cất giữ bao nhiêu câu chuyện cảm động, lời hứa đẹp đẽ.

"Sinh ở Tây Lân, chết ở Tây Lân, vui xương ở Tây Lân, ngô hầu chẳng phụ tính mê non nước của Tô Tiểu Tiểu ta." Tài nữ một thời Tô Tiểu Tiểu đã nhắm mắt ở đây, non nước của Tây Hồ đã an ủi tâm tình và nỗi quyến luyến một đời của nàng. Mà Lâm

⁷ Bài *Gia khê phiếm chu* (Chèo thuyền trên suối Gia) của Mạnh Hạo Nhiên.

⁸ Trích bài *Xuân dạ yến đào lý viên tự* (Bài tự đêm xuân uống rượu trong vườn đào muộn).

⁹ Trích bài *Thương tiến tửu*.

¹⁰ Bản dịch của Nam Trân.

Hòa Tĩnh ẩn cư ở Cô Sơn, cũng làm tri kỷ với núi sông cả một đời, lấy mai làm vợ, nhận hạc làm con.

Dương Châu bát quái tụ hội bên hồ Sấu Tây ở Dương Châu, cũng mượn nước hồ Sấu, nửa ngọn núi xanh, nuôi dưỡng linh tính, vẽ tranh ngâm thơ, thể hiện phong cốt. Phạm Lãi thời Xuân Thu, thoái ẩn sau khi công thành danh toại, đem theo Tây Thi ẩn cư ở sơn dã, chèo thuyền ở Ngũ Hồ. Đỗ Mục thời Đường cũng đi tới Hàn San, hỏi thăm nhà người giữa vùng mây trắng bao phủ, dừng xe ở rừng phong, say ngã trong đồng lá đỏ.

"Ngành non mất bóng chim bay, muôn con đường tắt dấu giày tuyết không. Kìa ai câu tuyết bên sông, áo tươi, nón lá, một ông thuyền chài."¹¹ Đến nay đọc lại bài thơ *Giang tuyết* này của Liễu Tông Nguyên, dường như có một sự bình thản và trầm tĩnh khi đã đi qua hết tuyết chiều trên ngàn đỉnh núi, ngắm hết mọi phong cảnh. Chúng ta đều chỉ là một hạt bụi đậu xuống giữa đất trời, muốn dừng lại giữa một vùng non nước nào đấy, nhưng lại không thể dừng bước.

Hãy coi đó là một cuộc tu hành, kiếp sau tiếp tục men theo những dấu tích núi sông, tìm thấy chính mình của kiếp này. Có lẽ những người mà ta gặp gỡ kiếp này, những chuyện ta đã trải qua, đều biến thành mây khói, không còn tồn tại nữa. Nhưng ngọn núi ấy, dòng sông ấy, nhìn mãi mà không chán, tình cảm vẫn sâu đậm như xưa.

¹¹ Bản dịch của Tản Đà.

Hoa chim

Cơn mưa rơi suốt một đêm, sáng sớm hoa cỏ trên ban công đều sạch sẽ như được tẩy rửa, tựa như mới được tái sinh. Mấy chú chim ngũ sắc đậu trên tường, dừng lại trong giây lát, rồi không biết lại đậu xuống mái hiên nhà ai. Trong làn gió nhẹ, mùi hoa nhài thấm vào tận cõi lòng. Chỉ thấy hai chậu hoa nhài mà tôi yêu thích năm xưa đã lặng lẽ bung cánh nở. Lá xanh mướt, hoa trắng tinh khôi, cánh hoa ngậm sương, vạn loại phong tình, yêu không nổi rời tay.

Mùi hương lành lạnh của hoa nhài, có vài phần tương tự với hoa lạc mai, nhưng bớt đi một chút lạnh lùng cao ngạo, thêm vào một phần nhu tình dịu dàng. Nó hàm súc, thanh nhã, an tĩnh, không biết đua tranh với muôn hoa, chỉ cùng khiêu vũ với hoa sen. Hái mấy đóa, ngâm trong chén trà, thanh nhã thật vừa lòng người, không uống mà cũng say. Ngắt một đóa trắng muốt, gài trên tóc mai, dung nhan xinh đẹp lại càng thêm ưu nhã.

Làng quê từng có một phong tục, phàm là những loại hoa trắng, đều không nên cài trên vạt áo hoặc gài trên tóc mai. Chỉ có hoa nhài, điểm xuyết trên mái tóc như những vì sao, xâu lại đeo trên cổ tay, tùy ý đeo bên người, có một vẻ đẹp mảnh mai, thanh nhã. Còn nhớ trong ngõ nhỏ ở Thượng Hải năm đó, tôi mua được mấy xâu hoa nhài từ một bà cụ rất sạch sẽ, mùi hương dịu dịu bao trùm cả ngõ phố ấy, lan đến cả bến Thượng Hải.

Sau cơn mưa tiết trời mát mẻ, lúc này thật hợp ở trong nhả thất, thưởng hoa uống trà, nghe chim hót, ngắm cá bơi. Nơi tôi ở, chiếc bình đặt trên bàn không bao giờ thiếu hoa, phong vận của trà chậm chậm thông dong. Nhớ đến chương "Nhân tình ký thú" trong *Phù sinh lục ký* tôi đã đọc trước kia, tác giả Thẩm Tam Bạch cũng có tâm hồn yêu hoa như thế. "Mùa hạ khi hoa sen chớm nở, buổi tối hoa cụp vào, ban sáng lại xòe cánh ra. Vên dùng túi nhỏ may bằng vải lụa đựng một chút lá trà, đặt vào nhụy hoa, sáng hôm sau lấy ra, pha bằng nước mưa, hương thơm vô cùng tuyệt diệu."

Còn tôi, tích trữ sương trong trên cánh hoa sen đầu hạ, khó khăn lắm mới có được một vò sứ hoa xanh nho nhỏ. Chỉ sợ đun nước trà quá lửa, nên tôi phải lấy lá thông phơi khô để đun. Muốn thật trân trọng bản thân, nên mang chiếc ấm nhỏ thời Tống

bình thường không nỡ dùng ra để pha một ấm trà Phổ Nhĩ cổ thụ lâu năm. Một chén trà thơm, đôi làn gió trúc, tĩnh lặng như thế. Hãy quên đi những thế sự nắng mưa ấm lạnh, hãy quên đi quãng thời gian đang dần dần đi xa.

Trên đời này, những người chung tình với hoa cỏ, chim chóc côn trùng, đâu chỉ mỗi mình tôi. Khuất Nguyên yêu lan, thích hương thơm u nhã và sự thanh tao, mấy cánh trắng ngần của nó. Đào Tiềm yêu cúc, vì cúc mà ẩn cư giậu Đông, cày cấy ruộng vườn, trồng cây ở sân nhà. Chu Đôn Di yêu sen, mến dáng vẻ thẳng đứng, khí chất bay bổng nhàn nhã của nó, mỗi mùa hạ tới, đều dạo bước bên hồ sen ngắm nghía. Lâm Bô yêu mai, vì mai mà một mình ẩn cư ở Cô Sơn, trồng cả vạt cây hoa mai, bầu bạn với hạc, ở bên bờ suối đến tận lúc già.

Sau này lại có cách nói như sau: Người thời Tiên Tần yêu hoa lan, người thời Tấn yêu hoa cúc, người thời Đường yêu hoa mẫu đơn, người thời Tống thì yêu hoa mai. Hoa cỏ có liên quan đến vận mệnh của một vương triều, cũng liên quan đến phong khí của một thời đại, lại càng liên quan đến tính tình của một người. Hoa cỏ vốn dĩ không phân chia sang hèn tục nhã, tâm tình và tâm cảnh của người đời đã mang đến cho chúng những khí độ và phong cốt khác nhau. Có người yêu mẫu đơn đứng đầu muốn hoa, sinh trưởng vào thời thịnh thế, cũng có người yêu loài hoa dại mọc nơi góc tường, tự thưởng thức hương thơm của mình.

Sách *U mộng ảnh* của Trương Trào thời Thanh cũng từng viết rằng: "Trong thiên hạ có một người hiểu mình, thì không gì đáng hận nữa. Con người chẳng đơn độc, sự vật cũng như thế. Ví như hoa cúc có Đào Uyên Minh là tri kỷ, hoa mai có Lâm Hòa Tĩnh làm tri kỷ, trúc có Tử Do (Vương Huy Chi) làm tri kỷ, sen có Liêm Khê (Chu Đôn Di) làm tri kỷ, hoa đào có những người trốn tránh nhà Tần làm tri kỷ, hoa hạnh có Đồng Phụng làm tri kỷ, đá có Mễ Diên (Mễ Phát) làm tri kỷ, quả vải có Thái Chân (Dương Ngọc Hoàn) làm tri kỷ, trà có Lô Đồng, Lục Vũ làm tri kỷ, hoa lan có Linh Quân (Khuất Nguyên) làm tri kỷ... một khi đã lập lời thề ước với chúng, ngàn thu cũng không thay đổi."

Người xưa có nói rằng: Hoa nở trên cây, rời cành sẽ khô héo; chim ở trong rừng vui hót, xa bầy sẽ đau buồn. Phàm những người yêu cây cỏ, đều coi chim thú côn trùng là bạn. Đào Tiềm có thơ rằng: "Hạ về cây cỏ tốt tươi, quanh nhà cây lớn cũng thời xanh um. Bầy chim ríu rít ở bên, cõi lòng phấn khởi càng thêm yêu nhà."¹ Vì muốn đàn chim có chốn về, ông đã cố ý trồng cây thật nhiều thành rừng. Nơi ở của Đào Tiềm cách chốn ngựa xe ồn ã, hàng ngày chẳng xa rời bóng hoa, tiếng chim ríu rít không ngớt. Lúc

¹ Trích bài *Độc Sơn hải kinh* kỳ 1.

nhàn rồi, hoặc là trồng hoa gọi chim trong sân, hoặc là vào rừng đi tìm Huệ Viễn đại sư, bàn luận kinh thiên với ngài.

Bạch Cư Dị cả một đời phong lưu phóng khoáng, thích thơ văn mỹ tửu, ưa ca kỹ giai nhân, cũng yêu cây hoa chim thú. Ông đã viết vô số bài thơ bày tỏ sở thích yêu chim muông, có một bài cực kỳ giàu tình cảm: "Dẫu rằng tính mạng nhỏ nhoi, thịt xương một nắm bên ngoài da lông. Xin đừng đánh chim trên cành, chim non trong tổ còn trông mẹ về."² Với loài chim tấm lòng của ông còn từ bi như thế, huống hồ là với con người, lại càng sâu sắc, tình cảm hơn nữa.

Lúc cuối đời Bạch Cư Dị già cả bệnh tật, sợ làm liên lụy đến giai nhân, ông quyết ý bán ngựa, đuổi ca kỹ. Trước kia ông thích nhất là yến tiệc tụ hội, mà phút này khách đi hết rồi, nhà vắng quanh quẽ, một mình đóng chặt cổng. "Lầu nhỏ thấp thoáng giữa liễu xanh, say sưa trong khói suốt năm quanh. Ngày mai hãy đi đừng trở lại, thế gian đâu cần gió xuân xanh."³ Cuối cùng nàng Phàn Tố và nàng Tiểu Man ca hay múa đẹp vẫn rời Bạch Cư Dị mà đi. Bạch Lạc Thiên tự xưng là Túy Ngâm tiên sinh, ngao du khắp đồi núi, suối rừng, chùa cổ, kết bạn tới già với hoa cỏ và chim chóc.

Nhà thơ sơn thủy Vương Duy, yêu thơ cũng yêu họa. Ông vẽ tranh núi sông rừng suối, ngâm vịnh thơ tuyệt cú về hoa, chim. "Xuân đi hoa còn đó, người đến chim lặng thinh"⁴, "Trăng lên chim hoảng hốt, lạnh lớt giữa suối xuân"⁵. Thơ của Vương Duy luôn tinh khiết, thanh tân. Lâm Đại Ngạc chỉ yêu thơ của Vương Duy, bảo Hương Lăng đọc hết một cuốn *Vương Ma Cật toàn tập* rồi lại đọc một, hai trăm bài thơ của Đỗ Phủ và Lý Bạch là có nội hàm để làm thơ. Thơ của Vương Duy giống như ngọn núi trống vắng sau cơn mưa, thanh tân và tự nhiên, mang tính tình như hoa cỏ, chứa đựng tâm tư của cơn trùng chim muông, ý cảnh của nó vượt xa những tác phẩm thi ca cùng thời.

Ngắm hoa nở nghe chim hót, là nhàn tình, cũng là nhã thú. Một người rơi xuống hồng trần quá sâu, đi sai đường, có lúc chỉ cần một cây cỏ, một chú chim xanh, là đủ để thanh tẩy linh hồn, thoát khỏi cõi đời. Trong thơ Đường, tôi vô cùng thích hai bài tuyệt cú liên quan đến chim. "Bầy chim một loạt cao bay, lưng trời thơ thần đám mây một mình. Trông nhau có vẻ hữu tình, họa chẳng có núi Kính Đình với ta."⁶ Đây là bài thơ *Độc tọa Kính Đình sơn* (Ngồi một mình trên núi Kính Đình) của Lý Bạch. "Nghìn non mất bóng chim bay, muôn con đường tắt dấu giày tuyệt không. Kìa ai câu tuyệt

² Bài thơ *Điểu* (Chim).

³ Bài thơ *Biệt liễu chi* (Cành liễu chia ly) của Bạch Cư Dị.

⁴ Bài thơ *Họa* (Vẽ tranh) của Vương Duy.

⁵ Bài thơ *Điểu minh giản* (Chim kêu giữa suối) của Vương Duy.

⁶ Bản dịch của Trần Trọng Kim.

bên sông, áo tươi, nón lá, một ông thuyền chài." Đây là bài thơ *Giang tuyết* của Liễu Tông Nguyên.

Ý cảnh thanh khiết trong thơ, tuyệt diệu không thể nói, nổi cô độc trầm lặng của vạn vật đã mang đến một vẻ đẹp và sự thanh tĩnh cho nội tâm hỗn tạp. Thú thật sự có thể lọc tẩy tâm hồn, ký gửi tâm sự nuôi dưỡng tính tình ấy, chính là cỏ cây của thiên nhiên. Một đóa hoa nhài trong cơn mưa ban sớm, một tiếng chim hót trong rừng trúc bên ngoài cửa sổ, một luồng khói bếp uốn lượn, một chén trà thơm ngan ngát, có thể giúp bạn bước ra khỏi lưới trần, bỗng nhiên tỉnh ngộ. Chu Tác Nhân nói: "Có được nửa buổi nhàn nhã, là có thể chống đỡ được giấc mộng trần suốt mười năm." Tức là giữa nước trà, cỏ cây, tìm được sự thú vị, xóa tan mọi buồn phiền.

Từ thời Đường tới nay, chơi chim đã trở thành thời thượng. Mà vào thời Càn Long triều Thanh, đã phát triển đến mức cực thịnh. Con em của Bát Kỳ từ lúc nào đã đánh mất hào tình cao ngạo, phóng khoáng, vứt bỏ chiến mã, quên mất kiếm đao, chìm đắm trong sự dục dăng giàu sang. Xách lồng chơi chim, chơi đồ cổ đồ ngọc, uống trà nghe kịch, cứ làm nhụt hùng tâm như thế, hủy hoại giang sơn. Tử Cấm Thành trong màn đêm đã là một tòa thành trống rỗng, tịch mịch đến mức chỉ nhìn thấy chiếc bóng của thời gian. Có thể thấy vạn việc vạn vật trên thế gian, không được chìm đắm quá sâu, chỉ có thể đối đãi một cách thanh đạm. Hoa cỏ và chim chóc vốn là những vật phong nhã, không tránh được khói lửa hủy hoại, nếu không sẽ có kết quả ngược lại.

"Tin xa chẳng thấy chim truyền, đình hương kết nỗi buồn phiền trong mưa."⁷ Người xưa cho rằng chim xanh có thể truyền tin tức, những thiếu phụ tương tư một mình trong buồng trống, không thấy chim xanh, luôn cảm thấy hoa rơi vô chủ, nhàn tình chẳng biết ký thác vào đâu. Còn có một loài chim, gọi là Đỗ Quyên. Tương truyền Vọng đế Đỗ Vũ sau khi chết hóa thân thành chim Đỗ Quyên, ngày đêm kêu ra rả, giục mùa xuân và chúc phúc. Cuối xuân đầu hạ, chim Đỗ Quyên sẽ không ngừng kêu cả đêm, âm thanh ai oán lạnh lẽo, khiến người ta khắc khoải. Vì họng lưới của chim Đỗ Quyên đều có màu đỏ, cho nên mới có truyền thuyết chim Đỗ Quyên khóc ra máu. Người đời dùng các sự tích chim xanh, Đỗ Quyên kể về tình cảm để giải bày nỗi lòng, gửi gắm nỗi tương tư.

Một giấc mộng hồng trần, bay đi tựa như mây sóng. Làm thế nào để có thể sống một cách tỉnh táo giữa khói lửa hồng trần, ung dung tự tại giữa dòng ngựa xe nườm nượp, thuần khiết như nước giữa ngũ vị hỗn tạp, hết thấy đều bắt nguồn từ tâm tính

⁷ Trích bài *Hoán kê sa kỳ 2* của Lý Cảnh.

và tu vi của con người. Có những tình yêu, không nên quá nồng cháy, mà chỉ nên thanh đạm.

"Ngàn đóa chênh chếch trông ngang, chỉ dăm cành lẻ là đang vừa lòng."⁸ Muôn tía ngàn hồng trên thế gian, thật sự có thể đẹp mắt vừa lòng cũng chỉ có dăm ba cành. Trong thời loạn thế, cũng có thể sống an ổn một cách thơ mộng, mang linh tính của cỏ hoa, giữ lòng từ tâm của chim thú, giữ sự dịu dàng này bằng một lòng kiên định. Mặc cho gió cuốn mây tan, cũng có thể bình hòa, yên tĩnh, đẹp đẽ, tự tại an lành.

⁸ Trích bài thơ *Mai hoa* của Lý Phương Ung.

Hố khúc

"Phấn vàng chưa tiêu tan, dư hương lục triều vẫn còn thoảng, khắp chân trời khói cỏ khiến lòng đau như cắt. Chỉ sợ thời gian trôi qua mau, gió gió mưa mưa, đã bỏ lỡ cảnh xuân tươi đẹp nhất." Nghe xong ca từ trong vở *Quạt hoa đào* của Côn khúc, cảm nhận sự phồn hoa và nỗi hoang lạnh của vương triều cuối cùng ấy, lại thấy như đứt từng khúc ruột, nước mắt đầm gương mặt. Ngọn gió của lịch sử đã thổi tan tác lớp phấn vàng của sáu vương triều, chút bá khí cuối cùng của tòa hoàng thành ấy đã bị sự dục dăng chiếm cứ, thua cuộc trước một đóa hoa đào diễm lệ mỏng manh.

Nàng tên Lý Hương Quân, sinh ra vào cuối thời Minh, là cô gái bên sông Tần Hoài. Ngày hôm đó trên thuyền hoa lầu Tần, nàng cúi mày mỉm cười, quyến rũ xinh đẹp. Nàng khẽ hát: "Kể từ khi Hầu lang đi chưa có tin tức, con đường hoa tàn tạ dưới gió sương. Ta vì chàng tẩy sạch phấn son, ta vì chàng vứt bỏ xiêm y lộng lẫy, đàn chẳng màng gảy, rượu chẳng nhấp môi, cả ngày cửa đóng then cài. Khi nào quay lại bờ Giang Nam, ôn lại giấc mộng đẹp của đôi ta." Rốt cuộc vẫn lượng thứ cho thời gian dễ trôi, mặc dầu nó đã khiến một cô gái đợi chờ đến tàn tạ vô vọng, nhưng vì sự si tình của nàng mà lòng người rung động.

Vốn chỉ là một chiếc quạt bình thường, nhuộm máu của giai nhân, được vẽ thành từng chấm hoa đào, là đã có phong cốt, trở thành huyền thoại. Lý Tự Thành công phá thành Bắc Kinh, hoàng đế Minh Sùng Trinh không kịp thưởng thức xong khúc ca mùa cuối cùng, đã treo cổ tự vẫn trên một cái cây. Hầu Phương Vực là một chàng trai yếu đuối, vì trốn tránh bức hại, mà đã vứt lại người phụ nữ thể non hẹn biển với mình ở nơi binh mã hoảng loạn, một mình bỏ trốn. Máu của mỹ nữ dần dần nhạt đi theo thời gian, tình yêu sâu đậm của nàng, giống như đóa hoa đào, đã nở đến mức khó từ bỏ, khó thu lại.

Nhân sinh là một sân khấu lớn, mỗi người đều là một đoạn trích kịch, diễn những vai sinh, đán, tịnh, sửu khác nhau. Trong câu chuyện của chính mình, diễn những nỗi tan hợp buồn vui của người khác. Quen làm một kép hát, thời gian lâu dần, thường ngỡ giả thành thật, ngỡ thật thành giả. Cảnh tượng thêu hoa dệt gấm ấy, khí thế chiêng trống rợp trời ấy, đã không che giấu nổi nỗi bi thương trong nội tâm của kép hát. Bởi

vì gương mặt đã điểm trang, trong lời ca lại chứa đựng quá nhiều nỗi bất lực, chẳng như ý mình.

Thời đại *Thi kinh* hai ngàn năm trước, đã có những âm điệu phong nhã đoan trang, hoa lệ mê hoặc. Thời Xuân Thu Chiến Quốc đến thời Hán, phong trào ca múa dần dần thịnh hành. Mà thời Đường thái bình thịnh thế, thơ ca âm luật lại càng tinh diệu hơn, vô số giáo phường đoàn kịch phát triển, nghệ thuật hí kịch đã thể hiện một sự dịu dàng mà cao quý.

Thời Tống Nguyên, hí khúc dần dần từ bỏ mảnh đất phương Bắc lạnh lẽo, vùng đất miền Nam sáng đẹp đã nuôi dưỡng phong cách hí kịch thanh thuần mộng lung. Kịch miền Nam thời Tống Nguyên, tạp kịch thời Nguyên đã trở thành kinh điển của một thời đại. "Tay áo vung lên xanh lại hồng, hương đàn khê thoảng chim hồng vút."¹ Đó là một quãng tháng năm ca múa nhẹ nhàng, ngày ngày nhịp phách hương đàn.

Thời Minh Thanh là thời kỳ phồn vinh của hí khúc, những tác giả và kịch bản hí khúc huyền thoại nở rộ như sao trời. "Nhưng nhớ nhau chớ đừng phụ nhau, con đường Tam sinh² trên Mẫu Đơn đình"³, "Thương thay một khúc Trường Sinh điện, đoạn tuyệt công danh đến bạc đầu." Những câu thơ này nhắc đến thời đại đó, là thời kỳ đỉnh cao tuyệt vời của hí khúc.

Côn khúc và sự phong nhã bẩm sinh của nó, uyển chuyển như một đóa hoa lan, sinh ra ở miền Nam sông nước dịu dàng, nổi tiếng bởi nhã nhạc dân tộc và âm điệu thời thịnh thế. Lịch sử sáu trăm năm chìm nổi không thay đổi phong thái uyển chuyển của nó. Huy kịch, Kinh kịch, Dị kịch, Việt kịch, kịch Hoàng mai, Bình kịch sau đó đã trở thành những phong cảnh đẹp thong thả khoe mình trong hành lang dài của lịch sử. Chúng từ vùng đất này chuyển đến sân khấu kia, các đời kép hát diễn những vở kịch tương đồng thành trăm ngàn dáng điệu, ý vị vô song.

Hồng trần xa xôi, ngàn năm dằng dặc, từ phong thái hí kịch của hoàng tộc quan lại, văn nhân nhã khách, trải dài cho đến dân gian phố thị, hí khúc đã trở thành thời thượng. Từ xưa những người say mê hí khúc nhiều không đếm xuể. Trăm ngàn thế thái đều được các hí khúc gia viết vào trong kịch, rồi lại nhờ kỹ thuật diễn xuất và diễn xướng của kép hát, đưa lên sân khấu, khiến vô số linh hồn cô đơn, buồn tủi tìm được

¹ Trích bài *Phụng kê ngô* (Chim phụng đậu cây ngô đồng) của Trương Tiên.

² Con đường Tam sinh: Các vở hí khúc đều trải qua ba bước phát triển tất yếu: trước khi nhân vật chính chết, sau khi chết và tái sinh.

³ Trích vở *Mẫu Đơn đình*.

sự ấm áp và cảm động trong lời kịch. Họ thường hiểu lầm rằng mình là nhân vật chính, có một cuộc tương phùng và chia ly đẹp đẽ trong vở kịch ấy.

Làng quê thuở ấu thơ, hằng năm đều có đoàn kịch tới. Mỗi dịp Tết về, hoặc là hội chùa, hoặc là giao mùa, hoặc là cúng tế, hoặc là tang ma cưới gả, đều mời đoàn kịch về làng biểu diễn. Mỗi làng quê đều dựng một cái sân khấu, trên hai cánh cửa có viết "xuất tướng nhập tướng"⁴. Sân khấu không hoa lệ lắm, bóng đèn mờ tối, song có thể tạo ra những cảnh tượng giả rất đẹp đẽ. Những nghệ nhân dân gian, diễn viên hý khúc đó, bằng tài nghệ tinh tế, chất giọng mượt dày, đã thúc ngựa chèo thuyền trên sân khấu, diễn từng cảnh sinh ly tử biệt.

Không cỏ hoa mà thấy sắc xuân, không hoa rơi mà thấy thu lạnh, không rừng cây mà thấy núi xanh, không sóng gợn mà thấy sông xuôi. Đây chính là sức mê hoặc của hý khúc, cũng là sức mê hoặc của diễn viên hý khúc, trong tiếng chiêng trống, họ tạo nhã ung dung múa tay áo như nước chảy, diễn nỗi buồn vui bằng hết thảy tình cảm. Loại khí chất mênh mông bao trùm ấy, tính tình hoàn toàn tự nhiên ấy, tỏa ra một không khí đầy màu sắc, bỗng bênh trong gió, chuốc say những khán giả dưới sân khấu.

Sau này đi vào kịch viện, dưới ánh đèn sáng rực, chỉ cảm thấy mỗi tư thế của diễn viên hý khúc đều giống như chiếc bóng chiếu rọi, hồng nhan kinh hoàng lướt qua. Mấy đoạn trích kịch kinh điển, khiến nội tâm dậy sóng, không cách nào bình tĩnh lại được. Có mỹ nhân tên Ngu thường đi theo chàng, có con tuấn mã tên Chuy mà chàng thường cưỡi. Một vở *Bá vương biệt Cơ*, xem xong mà tan nát cõi lòng. Chàng hát rằng: "Sức nhỏ núi khí trùm đời chừ, thời chẳng thuận lợi, ngựa Chuy chẳng chịu đi. Ngựa Chuy chẳng chịu đi chừ, biết làm sao đây, nàng Ngu ơi nàng Ngu, biết làm thế nào!" Nàng hát rằng: "Quân Hán đã xông vào đất ta, bốn phương vang tiếng nước Sở. Nếu đại vương khi đã tận rồi, tiện thiếp xin quyên sinh theo chàng!"

Tây Sở Bá vương anh hùng gặp lúc đường cùng, mỹ nhân Ngu Cơ tự vẫn tuấn tình, là vận mệnh đã sắp đặt, đã khắc họa nỗi bi tình không thể thay đổi. Mỗi tình cảm động thấu đất trời của Ngu Cơ và Hạng Vũ đã trở thành kinh điển nhất trong những mối tình cổ điển của Trung Quốc, cũng là truyền kỳ rung động lòng người nhất. Một cuộc gió mây lịch sử kinh thiên động địa, so với một mối tình bi tráng, lại trở nên nhỏ nhoi nhường ấy. Nếu như không có sự tuấn tình của Ngu Cơ, cái chết của Sở Bá vương sao có thể diễn thành một câu chuyện lãng mạn, bi thảm và đẹp đẽ đến vậy?

⁴ Xuất tướng nhập tướng: Ra trận có thể làm tướng võ, vào triều có thể làm tướng văn, chỉ những người quan cao chức trọng thời xưa.

"Nhớ lúc ban đầu, trên Nga Mi, một mình vò võ. Một ngọn đèn xanh, gõ khánh cổ, ngàn năm khổ tu. Từ lâu đã ngưỡng mộ phồn thịnh gấm hoa chốn nhân gian. Từ bỏ vương miện, dắt theo em Thanh, đeo kiếm vân du. Cưỡi mây, tới Trường Đê, hoa đào trong khói liễu giữa mưa bay. Tiết Thanh Minh, hai người chúng ta tới Hàng Châu. Ngắm chẳng hết cảnh sắc Tây Hồ đẹp đẽ, tình xuân xao xuyến trong lòng." Đây là trích đoạn *Đoạn Kiều* trong lối hát Tần xoang. Mã Hữu Tiên⁵ đã hát đoạn này hết sức uyển chuyển tha thiết, như khóc như than, khán giả lau nước mắt dưới sân khấu, e là đã sớm lãng quên nỗi tang thương và thê lương trong truyền thuyết đó.

"Chim chóc trên cây từng cặp ríu rít, non xanh nước biếc lẫn hồng nhan. Từ nay chẳng còn chịu nỗi khổ nô dịch, vợ chồng đôi lứa cùng về quê. Hốc lạnh tuy võ nhưng vẫn có thể che mưa gió, vợ chồng ân ái khổ tận rồi lại cam lai. Tiện tay hái một đóa hoa, cài lên mái tóc nương tử. Chàng cày ruộng còn ta dệt vải, ta gánh nước cho chàng tưới rau, chúng ta giống như đôi uyên ương, như chim liền cánh giữa nhân gian." Đoạn trích *Thiên tiên phối* trong kịch Hoàng mai, Đồng Vĩnh và Thất tiên nữ nhiều lần nhìn nhau, tình sâu ân ái, khiến bao nhiêu người khao khát có được một tình yêu đẹp giữa chốn sơn cùng thủy tận.

Người ta đều nói con hát hý khúc vô tình, tô phấn dặm son, giả vờ dùng những dòng nước mắt của mình, diễn những nỗi chua xót đắng cay của người khác. Nhưng không biết rằng, mặc dầu họ cố gắng như thế nào trên sân khấu, đến cuối cùng, vẫn là mua vui cho người khác. Thế gian muôn hình vạn trạng, từ xưa tới nay, đến đến đi đi, ai nói rõ được rốt cuộc đâu là kịch, đâu là đời thật.

Có thể chúng ta đều là những kếp hát trong đoàn kịch, bạn đóng vai tôi, tôi đóng vai bạn, từ lúc mở màn đến khi hạ màn, từ kiếp trước đến kiếp này. Nếu như tôi thực sự là kếp hát, tuyệt đối không để bản thân mình thành con cờ cho người khác chơi đùa. Chỉ mong tìm được một sân khấu tang thương đến thấu xương, bằng phong thái rạng ngời như hoa nở, tâm tình như trong mộng ước, hát lên một vở kịch ưu nhã mà cũ kỹ.

⁵ Nghệ sĩ người Trung Quốc, chuyên diễn vai đàn Tần xoang.

Phật quyền

Tiết trời đầu mùa hạ, mát mẻ và nhiều mưa. Gần đây tôi nhàn rỗi thường ở trong nhà thất, uống trà xuân, viết kinh Phật, trong lòng thông suốt, phiền não cũng tiêu tan bớt. Tôi mới tin vào câu nói đó, tu hành chưa chắc đã phải ở trong chùa cổ giữa núi rừng, nghe thiền cũng chưa chắc phải tầm sư để học đạo. Ngựa xe hồng trần, chốn sâu khổi lửa, cũng là đạo tràng bồ đề, cũng có thể chứng ngộ siêu thoát. Phật Đà giảng kinh thuyết pháp, phổ độ chúng sinh ngay tại chốn ở của hết thảy thế nhân.

Ba ngàn thế giới, hết thảy chúng sinh đều như hạt bụi, không đến từ đâu, cũng không đi về đâu. Hết thảy hư vọng, oán niệm của thế gian đều khởi nguồn từ ngã chấp¹, buông bỏ ngã chấp, thì có thể làm sáng cái tâm, nhìn thấy cái chân tính của bản thân. Con đường thông tới núi Linh Sơn đó, không phải đâu xa, không cần kiên trì lâu dài, có lúc chỉ một sát na, chỉ một cái quay người, là có thể thấy Như Lai.

Trồng hoa sen, là để trong tháng năm dễ dàng trôi đi, có thêm một phần bình hòa. Tôi luôn tin rằng, những sự vật có liên quan đến Phật, Thiền đều có linh tính, đều có thể dẫn dắt tôi. Mà tôi của kiếp trước, chắc chắn là một đóa sen xanh nở trong đầm phóng sinh. Tuy rằng nhìn trời qua đáy giếng, không thể đến đi tự do tự tại như một hạt bụi trong thế giới bao la, nhưng trong tâm có thiện niệm, không có sở cầu. Tôi hiểu rất rõ rằng phàm trần đông đúc, ảo ảnh mơ hồ, phần nhiều là hư ảo, chẳng qua là để che mắt, quấy nhiễu tâm tính con người.

Đi khắp núi sông, chỉ cảm thấy đời người như mộng, tìm một nơi an ổn, sống bình đạm qua ngày, mới là phúc báo. Nếm trải hết năm vị, cảm thấy trà thô cơm nhạt, áo vải giản đơn mới là thuần khiết. Phong cảnh bên ngoài khung cửa sổ chống, nhìn tưởng như phẳng lặng không gợn sóng, nhưng kỳ thực ẩn giấu sóng ngầm. Tôi thích những chuyện giản đơn, những người chất phác, những chuyện quá vụn vặt luôn khiến tôi không thể nào chịu được, lòng sinh hoảng sợ. Thời gian vốn dĩ không có kinh hoàng, những người chẳng thể hòa hợp với bản thân ấy, có thể không còn qua lại nữa, an ổn đến già.

¹ Ngã chấp: Thuật ngữ Phật giáo.

Lật cuốn *Kim Cương kinh* đã lưu giữ nhiều năm để đọc, quyển kinh cũ kỹ ố vàng, mùi đàn hương chưa hề nhạt đi dù đã trải nhiều năm tháng. Trải giấy mài mực, dùng thể chữ khải nhỏ như đầu ruồi, chép lại mấy trang kinh Phật, cảm thấy thật là thanh tịnh, an lành. "Như Lai nói các tâm đều không phải là tâm, nên được gọi là tâm. Cho nên làm thế nào? Tu Bồ đề! Không được có tâm quá khứ, không được có tâm hiện tại, không được có tâm tương lai."

Phật nói, vạn vật đều đang tu hành. Viết chữ cũng là một loại tu hành, tôi vốn là một người tùy tính, không thích câu nệ, đời người vội vã ba chục năm, nhưng vẫn chưa làm được gì cả. Thể tiểu khải mà tôi chọn, không thấy ngòi bút sắc bén, cũng không có cốt cách rắn rỏi, không đủ tú mỹ tròn đầy và mượt mà, chỉ coi như là giản dị, mộc mạc. Sao chép kinh Phật, và cũng không nghiên cứu sâu là mấy, chỉ cần trong lòng có sự từ bi, tự tại. Từng chữ, từng hàng văn, đều có Phật tính. Hoặc là đem tặng người khác, để kết thiện duyên; hoặc là cất đi, để cầu quả báo.

Phật pháp vô biên, chỉ một quyển kinh, một câu kệ, là có thể dẫn dắt cho hết thấy những người mê lầm chốn thế gian. Thế nào là Phật? "Biết hết thấy các pháp quá khứ, tương lai, hiện tại, chúng sinh, không phải chúng sinh, hữu thường, vô thường... giác ngộ dưới gốc cây bồ đề, vì thế có tên là Phật Đà." Thế nào là đất Phật? Kinh viết rằng: "Có hết thấy trí tuệ, hết thấy các loại trí tuệ, rời bỏ phiền não chướng và sở tri chướng, với hết thấy pháp, hết thấy tướng, đều có thể tự khai giác, cũng có thể khai giác hết thấy hữu tình, cảm giác như ngủ mơ, như hoa sen nở, vì thế gọi là đất Phật."

Phật chỉ tĩnh tọa dưới gốc bồ đề, là đột nhiên giác ngộ, hiểu được quá khứ tương lai. Ngài cầm hoa mỉm cười, vạn vật hóa thành bụi trần. Người có tuệ căn, kiếp sau sẽ hóa thành hoa sen, nở trong đầm Thất Bảo. Kẻ tư chất ngu độn, thì luân hồi đến biển đời, tiếp tục lịch trần kiếp, cảm nhận tự nhiên, mới có thể được chứng ngộ. Phật vốn chẳng có lòng phân biệt, chỉ là con người có quá nhiều ham muốn, tu vi của bản thân lại còn nông cạn, không tin vào nhân quả, cố giữ danh lợi, cho dù có thường xuyên quỳ trên nệm cỏ, ngày đêm thắp nhang cúng vái, thì những chuyện mà y cầu khẩn, rốt cuộc cũng khó được như ý nguyện.

Thực ra, Phật cũng từng trải qua hết trăm ngàn kiếp nạn, mấy lần dạo qua hồng trần, đi qua biển tình cuộn sóng, mới tránh xa gió mây mê mang, nghiêm trang thoát tục. *Hoa Nghiêm kinh* nói: "Hết thấy pháp không sinh, hết thấy pháp không diệt. Nếu hiểu như thế, chư Phật thường hiển linh." Đây là cảnh giới của Phật, nhìn có vẻ Thiên tâm mộc mạc, nhưng lại hàm chứa huyền cơ sâu sắc. Nếu như đời người chưa

từng trải qua mấy câu chuyện, diễn mấy cuộc hợp tan, ngấm mấy lần hoa nở, mấy độ trăng tròn, thì sao có thể hiểu được sống chết tức là Niết Bàn, tùy duyên tức là an lành.

Lục Tổ đàn kinh viết: "Hết thầy chúng sinh đều có hai thân, gọi là Sắc thân và Pháp thân. Sắc thân vô thường, có sinh có diệt. Pháp thân hữu thường, không hiểu biết không giác ngộ." Những người bình thường như chúng ta, đến đi trong cõi trần, làm thế nào mới có thể giống như hoa sen, tẩy sạch điểm trang, không nhiễm bụi trần? Thực ra những chuyện sinh diệt của nhân gian thuộc về lẽ thường tình, hữu tình vô tình, ảo diệt thăng trầm, đều đã có số mệnh. Chưa từng qua bãi bể, thì sao thấy được nương dâu? Không tu kiếp này, thì sao có được kiếp sau?

Có người không đi ra khỏi được chốn quan trường danh lợi, có người không vượt qua nổi cửa ái ái tình. Hồng trần vạn tượng, tuy chỉ là mộng ảo bọt bóng, như sương như sét, chúng sinh chìm đắm bên trong đó vẫn lưu luyến khó từ bỏ. Chúng ta đều biết Thiền là diệu dược linh đan, có thể trị lành vết thương của phù thế, nhưng tham Thiền cũng cần có cơ duyên. Thiền ở trong phong cảnh của đời người, giữa năm tháng bình đạm. Cái tâm bình thường người nào cũng có, nhưng làm được đến mức không sinh không diệt, không bẩn không sạch, không tăng không giảm, thì đâu có dễ dàng?

Tô Thúc có viết từ rằng: "Giận nổi thân này đâu của lão, bao giờ rửa sạch vinh hoa?"² Đây chính là kiếp nạn danh lợi. Tô Thúc khoáng đạt, sáng suốt, cả một đời đi khắp non sông, bầu bạn cùng mỹ nhân, ngao du đạo quán, kết bạn với cao tăng, cuối cùng vẫn khó lòng quên được phù hoa của thế gian. Mặc dầu thơ văn của ông đã đạt tới cảnh giới nước chảy mây trôi, nhưng con đường tu Phật vẫn còn cách một bước, không thể siêu thoát. Kiếp sau chuyển thế, ắt ông sẽ là một đóa đẹp nhất, phong thái nhất trong đầm sen, không còn buồn bã quần quanh chen chúc nơi trần thế.

"Hỏi thế gian tình ái là gì? Mà khiến đôi lứa thề nguyên sống chết."³ Thứ khiến con người đau buồn nhất chính là ái tình. Trên đá Tam Sinh, khắc tình duyên ba kiếp của mỗi con người. Món nợ mà bạn đã thiếu, cho dù vật đổi sao dời, cuối cùng thì bạn vẫn phải trả. Người đã định sẵn có duyên với bạn, cho dù sơn cùng thủy tận, cuối cùng cũng sẽ tương phùng. Dẫu có là cao tăng đắc đạo, tu hành La Hán, cắt đứt mọi vô minh phiền não, tham thấu được huyền cơ sinh tử, thì cũng vẫn phải trả món nợ tình này.

"Dành cả một đời tan nát, đổi lấy mấy cái ngoái nhìn"⁴. Phật nói, kiếp trước ngoái nhìn năm trăm lần, mới đổi được một cái lướt qua nhau của kiếp này. Chúng ta đành

² Tích bài từ *Lâm giang tiên* của Tô Thúc, bản dịch của Nguyễn Xuân Tào.

³ Trích bài *Mô ngư nhi - Nhạn khâu* (Mô ngư nhi - Mồ chim nhận) của Nguyên Hiếu Vấn.

⁴ Trích bài *Thanh bình lạc* của Vương Quốc Dục.

phải luẩn quẩn lục đạo luân hồi, đến đến đi đi, kết thúc rồi lại bắt đầu. Cùng tu hành với vạn vật, không biết ngày nào mới có thể nhảy ra khỏi tam giới, có được linh tính. Khi đó, tự tan được mất, duyên sinh duyên diệt, cũng chỉ coi là bình thường.

Phật vô tình, ngồi trên đài sen, tâm như nước lặng. Phật hữu tình, tùy duyên mà hóa độ cho chúng sinh. Tuy nói rằng sông núi trên thế gian đều bình đẳng, nhưng những người được Phật dẫn dắt, cũng là người có duyên, là người có thể dẫn dắt. Trong ngưỡng cửa của Phật, không chia ra sang hèn, trên dưới, người tu Phật cần có một trái tim Thiên trong vắt vô trần. Giữa những kinh kệ như biển mây vô biên, chúng ta là những người chèo đò không biết mỗi mội, không cần cập bờ, cứ tự tại là đã thành Phật.

Phật nói, sống trên đời giống như thân ở giữa bụi gai, tâm không động, người không vọng động, không động thì sẽ không bị thương; nếu tâm động, thì người vọng động, làm cơ thể bị thương, đau đến thấu xương cốt, thế là thể nghiệm được mọi nỗi đau khổ của nhân thế. Câu Thiền ngữ này, tôi đã chép lại cả trăm ngàn lần, mỗi lần đều có một cảm nhận khác nhau. Cố chấp như thế, không phải là bản ý của tu Phật. Cảnh giới của Phật là mây trên trời xanh, nước chảy từ phía Đông.

Nếu như biến tất cả mọi sống chết, thiện ác, sướng khổ thành ảo tưởng, dùng cái bóng của bản thân để thể nghiệm, chân thân sẽ không bị thương một chút nào. Cái tâm Thiền định, nên là như thế, không bị nghi ngờ, không hỏi nòng sâu. Hãy để cái bóng đối thoại với linh hồn trong vắt, lãng quên mọi khổ nạn đã trải qua trên trần thế, cho dù luân hồi, vừa không sợ hãi, vừa đẹp đẽ.

Đúng thế, hãy trấn tĩnh cõi lòng, tọa Thiền tu tâm. Khi duyên Phật tới, tự có thể bước ra khỏi hồng trần. Con đường ấy có lẽ rất xa xôi, phải đợi đến tận cuối cuộc đời; có lẽ rất gần, chỉ cần trong khoảnh khắc mà thôi. Nếu như mãi mãi kiếp này không thể đạt được, thì hãy ở lại cõi Ta Bà này, làm một người nhàn nhã, ngắm quang âm như sương, hóa thành tro bụi cùng với vạn vật. Nếu có kiếp sau, hẹn ước lên đài hoa sen, nối tiếp Phật duyên.

Đạo kinh

Ban đêm đọc *Nam Hoa kinh*, điệu nhạc cổ cầm chậm rãi, lặp đi lặp lại, tôi chỉ cảm thấy ý cảnh lãng đãng, không gian sâu xa. Tiếng đàn nỉ non, từng dây đàn như đang vạch qua đáy lòng, trong trẻo hàm súc, lạnh lẽo đa tình. Còn tôi lại không biết mình lạc vào kinh sách, thuận theo cảnh giới, hay là chìm đắm trong tiếng đàn, quên đi hết cả. Giống như Trang Chu năm xưa, không biết là trong mộng hóa thành bướm, hay là bướm hóa thành Trang Chu. Mỗi người đều là một pho sách, chỉ đợi người có duyên đến đọc.

Ngày hôm đó nghe kịch, Sử Tương Vân nói rằng kịch cũng giống như Đại Ngọc, vốn là vô tâm, nhưng lại làm Đại Ngọc buồn phiền. Bảo Ngọc đứng giữa dàn hòa, liên bị các nàng mắng cho một trận, tự cảm thấy chán chường. Chàng về đến Di Hồng viện, nhớ ra mấy ngày trước đọc *Nam Hoa kinh*, trên đó có viết "Người khéo léo thì vất vả, người thông tuệ thì nhiều lo âu, người không có bản lĩnh thì chẳng cầu mong gì, ăn no mà ngao du bốn phương, chẳng khác gì một con thuyền không buộc vào đâu cả", lại viết mấy câu như: "Cỏ cây trên núi cho gỗ mà bị chặt, nước suối ngọt ngào mới bị trộm đi"...

Lại nhân vì lúc ban ngày Bảo Thoa chọn một vở kịch, trong kịch bản có một bài *Ký sinh thảo*: "Trần trụi đến đi chẳng vương bận. Tìm đâu nón mưa áo khói một mình đi? Mặc kệ ta giày rơm, bát vỡ theo duyên đến." Bảo Ngọc vốn giữ lòng tránh đời, lúc này bỗng nhiên lĩnh ngộ, lập tức đứng dậy đọc một câu kệ: "Người chứng, ta chứng, lòng chứng, ý chứng. Đã không có chứng, mới gọi là chứng. Không có gì chứng, mới là chỗ đứng."

Viết xong, lại sợ người khác đọc mà không hiểu, cũng điền thêm một bài *Ký sinh thảo*: "Không phải ta không phải người, theo ai nhưng chẳng biết là ai? Tha hồ đi lại không vương mắc, vui vẻ hão huyền thôi cũng mặc. Thân sơ ai có kể làm chi! Trước đây lận đận bởi duyên gì? Bây giờ nghĩ lại thật là vô vị!" Sau đó Lâm Đại Ngọc đọc được, viết thêm hai câu vào trong bài kệ: "Không có chỗ đứng, mới thực can tịnh." Trong sâu thẳm nội tâm của Bảo Ngọc có nỗi vương mắc tình cảm tùy ý tự nhiên của Đạo gia và

vạn vật giai không của Phật gia, quần quanh do dự giữa tục thế suy tàn, cuối cùng chàng đã lựa chọn cắt đứt duyên nợ.

Đạo giáo là tôn giáo bản địa duy nhất của Trung Quốc, bắt nguồn vào thời kỳ Xuân Thu, sáng lập vào triều Hán. Đạo giáo trăm sông đổ về biển, bao la vạn tượng, dung hòa các tri thức về y học, thuật phù thủy, lý số, văn học, thiên văn, địa lý, âm dương ngũ hành... Đạo giáo chú trọng giúp đời cứu người, sống thọ thành tiên, thờ Lão Tử là thần tiên cấp cao nhất và là ông tổ của đạo.

Thời kỳ Xuân Thu, trăm nhà đua tiếng, là một thời đại văn hóa phát triển thịnh vượng. Thời kỳ này, trăm hoa đua nở, ai nấy ngát hương, bất luận là Nho gia hay Đạo gia, đều để lại cho đời sau vô số thành tựu văn hóa sâu sắc. Cho đến khi Đạt Ma sư tổ vượt sông Trường Giang trên một cành lau, trải qua các triều đại, Phật giáo dung hợp với tư tưởng Nho Đạo được lưu truyền rộng rãi nhất, nương tựa lẫn nhau mà tồn tại. Vô số người bị năm tháng tiêm nhiễm, lịch sử lắng đọng, trở thành người vừa Nho, vừa Đạo cũng vừa Phật.

Phong thái tự nhiên vượt lên khỏi nghệ thuật văn hóa, lại hàm chứa sự linh tính và tinh túy của nó. Một cái cây ngọn cỏ, có thể hiểu được sự đổi thay của nhân thế. Một ánh tà dương, có thể đọc hiểu được tâm tình của tuổi xế chiều. Núi sông vẫn ở đó, cổ nhân đã đi xa, luồng hào quang màu tím hỗn độn giữa đất trời cũng đã tự biến mất, không để lại dấu vết.

Lão Tử viết *Đạo Đức kinh*, đề xuất chủ trương "vô vi nhi trị" (không làm gì mà có thể trị). "Sở dĩ trời đất có thể dài lâu, là vì nó không sống cho chính mình, vì thế mới trường sinh", "Nước khéo làm ích cho vạn vật mà không tranh giành, ở chỗ mọi người đều ghét, cho nên gần với Đạo." Nghe nói, khi Lão Tử viết xong *Đạo Đức kinh*, ông đã cuỗi một con trâu xanh, qua cửa Hàm Cốc, đi vào làn sương sớm, rồi từ đó không biết về đâu nữa.

Đạo gia khởi xướng phép tắc "Trời có đạo trời, đất có lẽ đất, người có nhân luân, vật có tính vật". Nghe nói Lão Tử từng nói rằng: "Con người sống giữa trời đất, và cũng là một thể với trời đất. Trời đất, là vật của tự nhiên; nhân sinh, cũng là vật của tự nhiên; người có sự thay đổi ấu thơ, thiếu niên, tráng niên và tuổi già, giống như trời đất có bốn mùa xuân, hạ, thu, đông thay phiên nhau, có gì đáng buồn đâu? Sinh ra giữa tự nhiên, chết đi giữa tự nhiên, thuận theo tự nhiên, thì bản tính không rối loạn; không thuận theo tự nhiên, quay cuồng giữa nhân nghĩa, thì bản tính bị trói buộc. Luôn để tâm tới công danh, thì sẽ nảy sinh âu lo; luôn giữ lòng tư lợi, thì sẽ gia tăng phiền não."

"Văn Cảnh chi trị" là chỉ thời kỳ thống trị của Hán Văn đế, Hán Cảnh đế triều Tây Hán Trung Quốc. Đầu thời Hán, kinh tế xã hội suy thoái, triều đình tôn sùng thuật Hoàng Lão¹, áp dụng chính sách "giảm nhẹ sưu thuế, nô dịch" và "cùng dân nghỉ ngơi". Những tư tưởng Đạo gia này đã tỏa sáng huy hoàng trong việc cai trị dân chúng. Thời kỳ Hán Vũ đế, "phế truất bách gia, độc tôn Nho gia", Đạo gia đã bị áp chế. Cho đến thời Ngụy Tấn, phái Huyền học nổi lên, tư tưởng Lão Trang trở thành chính thống của Đạo gia.

Trang Chu thuận theo trời đất vạn vật, tuân theo nội tâm chân thực, giữa thời loạn thế vẫn giữ được nhân cách độc lập, theo đuổi sự tự do tinh thần tiêu dao không bị trói buộc. Trang Tử không tranh với đời, ông thoái ẩn trần thế, thanh tu giữ tĩnh, lãnh đạm nhìn sinh tử, bình thản trước vinh nhục. Tác phẩm của ông lãng mạn thơ mộng, văn phong như gió, phóng khoáng trôi chảy, biến ảo đa dạng. Trang Tử thuận theo thiên đạo, từ bỏ những việc do con người tạo nên, ảo tưởng đến một cảnh giới tinh thần "trời đất cùng sinh ra với ta, vạn vật hợp nhất với ta".

Cát Hồng đã dung hòa phương thuật thần tiên của Đạo giáo và cương thường danh giáo của Nho gia, tìm ra một vài lý luận tu luyện sống thọ thành tiên cho tầng lớp quý tộc sĩ đại phu, cũng đặt nền móng cho Đạo giáo. Thời Đường tôn Lão Tử làm tổ tiên, thờ phụng Đạo giáo làm quốc giáo. Đường Cao Tổ, Đường Thái Tông, Đường Cao Tông đều cực kỳ sùng bái Đạo giáo, quy định "Đạo lớn Phật nhỏ". Thời kỳ Đường Huyền Tông, Đạo giáo hưng thịnh nhất, và còn biên soạn được một bộ Đạo tạng đầu tiên trong lịch sử - *Khai Nguyên Đạo tạng*.

Thời Đường Đạo giáo thịnh hành, đạo sĩ và đạo cô có địa vị rất cao. Thân ở miếu đường, nhưng lại có cuộc sống cực kỳ sung túc, tự do kết giao bạn bè khắp thiên hạ. Tài nữ nổi tiếng Ngưu Huyền Cơ từng xuất gia làm đạo cô, tu hành trong Hàm Nghi quán thanh vắng. Trong đạo quán, nàng thường trà ngộ đạo, hâm rượu luận thơ, đương thời trong thành Trường An có vô số văn nhân nhà sĩ, tài tử phong lưu đều đến đạo quán bái phỏng, mặc sức tìm vui.

Ôn Đình Quân có một bài từ là *Nữ quán tử*, miêu tả một nữ đạo sĩ dung mạo xinh đẹp. "E lệ mỉm cười, mi xanh phấn hồng đã nhạt. Tóc mai như cánh ve, trâm lạnh như nước thu, rèm sa cuộn tựa khói biếc. Da trắng như tuyết trong gương, cây ngọc đứng trước lầu phượng. Mong người đồng tu xinh đẹp, sớm thành tiên."

¹ Chỉ học phát Hoàng Thạch Công và học phái Lão Tử.

Triều Bắc Tống kế thừa phong khí sùng đạo của triều Đường, Tống Chân Tông và Tống Huy Tông đã từng làm rộ lên hai trào lưu sùng đạo, chỉnh sửa Đạo tạng, xây dựng cung quán, sắc phong thần tiên. Vương Trùng Dương sáng lập ra Toàn Chân giáo, chủ trương Nho, Phật, Đạo tam giáo hợp nhất. Ông cho rằng tu đạo tức là tu tâm, trừ bỏ tình cảm, ham muốn, giữ sự thanh tĩnh, kiên định, tâm thanh tĩnh tức là tu hành thực sự.

Triều Minh hoàng đế cũng tôn sùng Đạo giáo, Minh Thành Tổ tự khoe rằng mình là hóa thân của Chân Vũ đại đế, rất tôn sùng Trương Tam Phong và phái Võ Đang của ông. Minh Thế Tông coi Đạo giáo là tín ngưỡng, ông nhiệt tình với phương thuật, yêu thích thanh từ², tin chuộng đạo sĩ, mà sự hưng thịnh của Đạo giáo cũng theo sự yêu thích của đế vương, đạt tới cảnh giới đỉnh cao.

Thời Thanh đế vương tin thờ Phật giáo, Càn Long cho rằng Đạo giáo là tôn giáo của người Hán, nên tôn thờ Phật giáo hệ Tây Tạng làm quốc giáo. Sau đó Đạo giáo càng ngày càng đi xuống, đánh mất truyền thuyết trường sinh bất lão của quá khứ.

Cho đến hiện tại, Phật giáo vẫn thịnh hành, cảnh giới của Thiên luôn là điều mà người trong hồng trần ngưỡng mộ theo đuổi. Nhưng văn hóa Đạo giáo dù trăm ngàn trắc trở cũng không bị hủy diệt. Thực ra thứ mà chúng sinh mong cầu trên tục thế luôn là tìm được sự yên tĩnh giữa huyên náo. Không bị phù hoa trói buộc, nguyện tu hành cùng tự nhiên, được như gió thổi mây bay, đến đi tự do tự tại, đi ở đều vô tâm vô ý. Núi Võ Đang, núi Tam Thanh, núi Thái Sơn trở thành nơi chúng sinh nườm nượp cúng bái, hương khói không dứt.

Tâm tình tự nhiên, tư tưởng huyền bí, cảnh giới thần tiên của Đạo giáo, từ xưa tới nay đều là thứ người đời theo đuổi. Các tiểu thuyết chí quái *Sưu thần ký*, *Liêu Trai chí dị* có liên quan với Đạo giáo, truyền kỳ thời Đường Tống *Chấm trung ký*, *Thái Bình quảng ký*, Đường thi, Tống từ, Nguyên khúc, tiểu thuyết Minh Thanh... đều hàm chứa rất nhiều nội dung Đạo giáo thần học.

Lão Tử nói: "Hãy đạt sự hư không đến cực độ, và giữ sự yên tĩnh một cách kiên định", "Thấy cái nguyên sơ giữ sự mộc mạc, giản bớt dục vọng". Chúng sinh không thực sự đặc đạo, là sẽ có vọng tâm. Tâm tĩnh thì sẽ trong vắt, tâm trong vắt thì tinh thần sẽ tự thanh khiết. Trên đời này duy chỉ có linh hồn là không thể chết, tự nhiên là được vĩnh hằng. Hồng trần bận rộn, ai là người duy nhất tĩnh táo đây? Đạo và Thiên vốn dĩ tương thông, chẳng qua là để giúp chúng sinh tìm một chốn về an nhàn tự do.

² Thanh từ là loại văn chương chúc tụng dùng trong lúc cúng tế.

Thả thuyền vượt bến vắng, một mình buông cần câu cá trên sông tuyết, hoặc là say nằm giữa hồng trần, tọa thiền nơi phù thế, đều là tu hành. Ngộ đạo không phải ở Bồng Lai tiên đảo, cũng không cần ăn chay giữ giới. Tôn sùng tự nhiên, quay về với chân thực, mây trắng suốt trong, đi liền như hình với bóng.

Nho phong

Phong cảnh vạn vật trên thế gian, lưu chuyển ngàn năm, đi qua mưa gió không ngừng nghỉ của năm tháng, rơi xuống từng ngõ ngách của phía Nam, phía Bắc sông Trường Giang. Bất luận là ngõ cổ lát đá xanh, hay là tường thành bên bờ sông còn sót lại, hoặc là giáp cốt bị vùi trong bùn đất đã lâu, thánh nhân tản mát như khói mây, đều ẩn chứa những hình ảnh cổ kính và mộc mạc. Ánh nước sắc núi, hương hoa bóng trắng, thời lệnh bốn mùa, vạn vật sinh diệt, đều không thể gọi tên, không thể nói ra, không thể chấp trước.

Hoa mai khiến con người cao ngạo, hoa lan khiến con người u tĩnh, thi thư khiến người ta thanh tịnh, tử khúc khiến người là phong nhã. Vạn vật trên thế gian đều có sắp đặt sẵn và quy luật của nó, cho dù từ một cái cây cỏ thụ, một tảng đá núi, cũng có thể rút ra được thịnh suy chìm nổi của các triều đại. Hết thấy phong cảnh sự vật đều có cảnh trí có thể gặp, có suy nghĩ có thể tìm, tuy rằng lưu giữ lại trong nền văn minh mấy ngàn năm, nhưng chưa chắc đã đọc văn mà tìm được lời hay. Thứ có thể lĩnh hội chính là tư tưởng Nho gia liên tiếp không ngừng, có thể gọi là chủ đề của văn hóa truyền thống Trung Hoa.

Nho giáo là dòng chảy chính của văn hóa Trung Quốc. Sách *Thuyết văn giải tự* viết rằng: "Nho, tức là nhu vậy, là cách gọi của thuật sĩ. Dùng chỉ người, âm là nhu." Khởi nguồn của Nho học như thế nào lịch sử cũng không thể nói rõ được. Trong sách *Hán thư*, thiên "Nghệ văn chí" của Ban Cố thời Hán ghi rằng: "Phái Nho gia, có lẽ bắt nguồn từ chức quan Tư đồ thời xưa. Họ khuyên vua thuận theo lẽ tự nhiên, giáo hóa dân chúng. Nho giáo dùng lục kinh làm kinh điển, đặc biệt coi trọng nhân nghĩa, xa thì tuân theo đạo trị nước của Nghiêu, Thuấn, gần thì học theo lễ pháp của Chu Văn Vương, Chu Võ Vương, tôn sùng Khổng Tử làm tổ sư, tăng thêm tầm quan trọng cho ngôn luận của họ, có địa vị cao nhất trong các trường phái."

Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn Vương, Võ Vương, Chu Công... là những thánh nhân các đời được nhà Nho tôn sùng, trong các sách sấm ký thường được coi là những vị thần xuất chúng. Cho đến khi Khổng Tử tập hợp ba trăm thiên, đặt ra *Lễ*, *Nhạc*, viết

lời tựa cho *Chu dịch*, làm ra sách *Xuân Thu*. Những lời nói của ông với môn đệ cũng được ghi chép trong sách *Luận ngữ*, khi đó Nho học mới coi như có khởi đầu thực sự.

"Điều mình muốn làm thì làm cho người, điều mình muốn đạt được thì làm cho người đạt được", "Điều bản thân không muốn, thì chớ làm với người khác". Lật giở trang sách còn thơm mùi mực, cảm ngộ những câu nói đầy ắp triết lý, giúp ta có thể tu thân tề gia, khiến người nảy sinh lòng cung kính, lặng lẽ như hoa sen. Chính vì sự cao thâm, tuyệt diệu của nó mới có câu chuyện "Nửa bộ *Luận ngữ* trị thiên hạ". Cỏ mọc tràn lan trên đường cổ, bụi trần cuốn lên mù mịt, Khổng Tử vội vã mà buồn bã, đi lại suốt một đời, đến nay vẫn chu du giữa các nước, vì đức tin của mình mà vất vả bôn tẩu.

Sau Khổng Tử còn một nhà tư tưởng lớn khác là Mạnh Tử. Mạnh Tử kế thừa tinh túy của Nho học, đề xuất thuyết "tính thiện". Mạnh Tử dùng tâm để giải nghĩa cho đức nhân, quả quyết rằng tâm mà nhân thì tính tất sẽ thiện. Tâm trắc ẩn thì ai ai cũng có, tức là nhân. Tâm ghét cái ác, ai ai cũng có, tức là nghĩa. Tâm biết cung kính, ai ai cũng có, tức là lễ. Tâm biết đúng sai, ai ai cũng có, tức là trí.

Nếu không phải bị giàu sang mê hoặc, hoặc danh lợi dẫn dụ, thì người đời cũng không có quá nhiều nông nổi và chấp trước. Trong thời đại đầy rẫy ham muốn vật chất, ngựa xe lũ lượt, làm thế nào để có thể giữ vững sự thuần khiết giữa phù hoa, tâm giữ suy nghĩ thiện, chắc chắn phải cần có tu vi¹ nhập thế. Bản tâm của con người vốn là thiện, chỉ vì bị khói lửa của tục thế xâm nhiễm, nên mơ hồ xao lãng, loanh quanh giữa thiện và ác. Nếu có hoa cỏ chim muông làm bạn, được non nước nuôi dưỡng, có phong thái như nước thu, mang tâm tình thơ từ, tâm như đá quý, thì sao bị vẩn đục được?

Bản tính là ác là cốt lõi trong lý luận của Tuân Tử. Tuân Tử cho rằng, bản tính của con người vốn dĩ không đủ tốt đẹp, nếu như phát triển thuận theo tự nhiên, thì tất nhiên sẽ tạo thành hỗn loạn phân tranh. Tuân Tử coi trọng tu dưỡng tự thân, lễ nghĩa đạo đức, cũng nhấn mạnh vào sự trừng phạt của chế độ chính pháp. Chỉ có tuân theo quy củ, ai làm trọn chức trách của người đầy thì mới có thể có những người tài năng.

Trong thời kỳ phát triển rực rỡ, Nho học đã vấp phải trắc trở. Tần Thủy Hoàng đốt sách chôn nho sĩ, nên Nho học vốn đã hưng thịnh, trong chớp mắt trở thành tàn tro. Một ngọn đuốc đã đốt cháy tư tưởng của thánh nhân. Những chí sĩ, nhân sĩ đương thời tâm hoảng ý loạn. Cho đến khi Đông Trạng Thư đề xuất "phế bỏ bách gia, độc tôn nho thuật", thì Nho học mới hưng thịnh trở lại. Từ đây, những khái niệm mà Nho gia đề

¹ Tu vi: Dùng để chỉ khí chất, tu dưỡng, đạo đức, nhân phẩm, học vấn... của một cá nhân.

xướng như trí tín nhân dũng, trung thứ hiếu để, cung kiệm mẫn tuệ, lễ nghĩa tòng thiện, không ai là không làm theo, được coi là tiêu chuẩn (của xã hội).

Ngoài tu thân ra, tư tưởng Nho gia có rất nhiều quy phạm lễ giáo, sự suy tàn của nó đã trở thành tất yếu. "Tôn trọng bề trên của mình, từ đó mà biết tôn trọng bề trên của người khác; yêu thương kẻ dưới của mình, từ đó mà biết yêu thương kẻ dưới của người khác. Đây vốn là những lời vàng đá, nhưng lại trở thành đá quý khảm trên bức tường lịch sử, cùng với vương triều đã mất, bị người đời bỏ quên.

Cuối thời Hán, Huyền học thịnh hành, mặc dù trên chế độ chính trị Nho học vẫn giữ được địa vị như cũ, nhưng cảnh giới của tư tưởng tu dưỡng đã bị Huyền học thay thế. Danh sĩ thời Ngụy Tấn có một nhóm thoát tục, có ngôn luận hành vi khác với bất cứ thời đại nào. Uống rượu, bàn về những điều huyền bí, làm văn, viết sách, nổi danh vì sự điên cuồng phóng túng, thẳng thắn phóng khoáng, hình thành nên phong độ Ngụy Tấn có một không hai trong lịch sử Trung Quốc. Họ chủ trương thể hiện tình cảm tự nhiên, nhân nhĩ tiêu sái, nhưng cũng mơ hồ, chán chường.

Thời kỳ Đông Tấn, Nam Bắc triều đến Tùy Đường, tư tưởng Phật giáo lại vượt qua Huyền học. Về phương diện tu dưỡng tính tình thì Phật Đạo lại vượt qua Nho học. Người đời thường nói: "Dùng Phật để trị tâm, dùng Đạo để trị thân, dùng Nho để trị thế." Nho học đã trở thành một hình thức lễ giáo truyền thống, giống như mang một hành trang chính trị, không có cách nào thể hội được ý vị tự nhiên, linh hoạt diệu kỳ nữa, càng không thể bay bổng thoát tục, không tranh đua với đời.

Đến thời Tống Minh, Nho học phục hưng, sử gọi là Tân Nho học. Ông tổ của Lý học Tống Minh là Chu Đôn Di, đã tôi luyện thuyết vô cực của Lão Tử, thái cực của Dịch truyện, thành ý của Trung dung, tương sinh tương khắc của ngũ hành, điều hòa của âm dương vào chung một lò, sáng chế ra bản thể luận "vô cực mà thái cực". Còn Trình Hạo, Trình Di theo học Chu Đôn Di, phạm trù triết học cao nhất của họ là "Lý". Sách *Nhị Trình di thư* viết rằng: "Vạn vật đều chỉ là một thiên lý", "Vật trong thiên hạ đều có thể dùng Lý để soi chiếu, có vật tất có phép tắc, một vật cần có một Lý", "Lý của một vật tức là Lý của vạn vật".

Chu Hy là người tập hợp đầy đủ lý luận của Lý học thời Tống, kế thừa Lý học của Nhị Trình, dung hòa cả thuyết Khí học của nhà tư tưởng thời Bắc Tống Trương Tải, đã xây dựng nên một học thuyết Chu Tử hoàn chỉnh và độc đáo. Sở dĩ Lý học thời Tống Minh tìm lại được vinh quang trước kia, là nhờ ông đã dung hòa những tinh túy của Huyền học, Phật giáo và Đạo giáo. Lý học nhấn mạnh "Thiên lý đương nhiên", "Tự nhiên hợp lý", có điểm tương đồng với cảnh giới mà Huyền học và Phật giáo theo đuổi.

Nho học đã tháo gỡ những điều luật quy phạm trước đây, khiến người đời có cảm nhận mới mẻ và sự thừa nhận đối với Nho học.

Tôi còn nhớ trong *Tam Quốc diễn nghĩa* có một hồi, Gia Cát Lượng khẩu chiến với các nho sĩ. Gia Cát Lượng nói: "Nho cũng chia ra làm quân tử và tiểu nhân. Nho quân tử thì trung quân ái quốc, giữ lòng chính trực ghét sự tà vạy, lo việc ngày nay mà để tiếng thơm đời sau. Còn nho tiểu nhân, thì chỉ lo tô vẽ bản thân, chuyên tâm bút mực; tuổi trẻ làm thơ phú, khi già vùi đầu nghiên cứu kinh sách; bút viết ra ngàn lời, nhưng trong lòng lại không có phương sách nào. Như Dương Hùng nổi danh với đời bằng văn chương, nhưng lại cúi mình trước Vương Mãng, không tránh khỏi đâm đầu từ lầu cao xuống mà chết, ấy gọi là nho tiểu nhân; tuy rằng ngày làm được vạn bài phú, thì cũng chẳng ích gì!"

Nho có quân tử, có tiểu nhân; có người khoáng đạt, có kẻ hẹp hòi; có người phong nhã, cũng có kẻ thô lỗ. Trong tâm là một đài thiên nhỏ, có thể chuyên chở cổ kim, là nơi tụ hội của muôn vật. Không cần đến núi xanh cũng có thể biết được suy tư của núi sáng; không đến bờ nước cũng có thể biết được ý tưởng của nước đẹp. Tâm chứa gò khe, thì hồng trần cũng như chốn núi rừng, hứng thú gửi nơi khói ráng, phù thế cũng chẳng khác gì Bồng Lai.

Hết thấy chúng sinh hữu tình, đều có nguyên lý sinh diệt tươi héo, vạn vật chỉ có thuận theo tự nhiên mới có thể gìn giữ vĩnh hằng. Con người sống trên đời, xóa bỏ phức tạp giữ lấy giản đơn, bỏ giả giữ thật, cuối cùng sẽ không phụ sự che chở của trời đất, ơn nghĩa của núi sông.

Mục Lục

Lời tựa chung: Viết văn gửi tâm sự, pha trà đãi khách tối	7
Lời nói đầu: Có một loại phong nhã đi qua suốt tuổi hoa	11
Lời tựa: Cổ vật, là thú đáng nghiền ngẫm nhất	14
 QUYỂN THỨ NHẤT: MỘT TẮC QUANG ÂM MỘT BÌNH RƯỢU	16
Huyền cầm	17
Cờ vây	21
Thư vận	25
Cổ họa	30
Rượu nhạt	35
Trà trong	40
 QUYỂN THỨ HAI: MỘT TRANG THI THƯ CẢ TUỔI HOA	44
Thi kinh	45
Sở từ	50
Hán phú	55
Đường thi	60
Tống từ	64
Nguyên khúc	68
 QUYỂN THỨ BA: MỘT CẢNH HOA MAI MỘT SUỐI TRĂNG	73
Mai thừa	74

U lan	79
Trúc biếc	83
Tổ cúc.....	87
Tịnh liên	92
Vân tùng.....	97
 QUYỂN THỨ BỐN: MỘT MÓN CỔ VẬT MỘT THÚ PHONG NHÃ	101
Trang sức vàng	102
Đồ bạc	106
Đồng thau.....	110
Đá ngọc	114
Gốm cổ	118
Đồ sứ.....	122
 QUYỂN THỨ NĂM: MỘT KHÚC VÂN THỦY MỘT CHÉN NHÀN TRÀ	127
Lầu gác	128
Song khóa.....	133
Sân nhà.....	138
Ngõ cổ.....	143
Cầu đá.....	147
Trường đình	152
 QUYỂN THỨ SÁU: MỘT CÂY BỒ ĐỀ MỘT LÀN KHÓI RÁNG	157
Non nước	158
Hoa chim	163
Hý khúc.....	168

Phật quyển.....172

Đạo kinh..... 176

Nho phong.....181